



VĂN HỌC MỚI

TẠP CHÍ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT



TRONG SỐ NÀY

Nguyễn Vy Khanh - Phan Tấn Hải - Nguyễn Minh Triết - Đức Phổ - Du Từ Lễ - Chu Vương Miện - Lâm Chương - Hoàng Xuân Sơn - Trần Văn Tích - Phạm Quốc Bảo - Sa Chi Lệ - Hà Nguyên Du - Ngô Nguyễn Nghiễm - Nguyễn Lương Ba - Nam Sơn Trần Văn Chí - Khê Kinh Kha - Phan Nỗ Tấn - Vĩnh An - NP phan - Nguyễn Văn Sâm - Thái Tú Hạp - Trần Cà Mau - Viên Dung - Trần Việt Hải - Nguyễn Thị Khánh Minh - Hạ Du - Đào Đức Nhuận - Trần Vạn Giã - Nguyễn Đức Tùng - Đỗ Quyên - Đỗ Kh - Hư Vô - Hoàng Chính - Khaly Châm - Nguyễn Thị Hồng Hải - Miêng - Mai Ninh - Mạch Nha - Cổ Ngự - Quỳnh Thi - Trần Yên Hòa - Hồ Xoa - Phạm Hồng Ân - Nguyễn Hàn Chung - Monghoa Vothi - Nguyễn Thị Ngọc Lan - Trần Hoàng Vy - Nguyễn Khôi Việt - Doãn Khánh - Nguyễn Nguyễn Phương - Trần Đức Tình - Dương Tử - Ngã Phương Huyền ...

Tháng 9 năm 2019

4



**TẠP CHÍ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT
PHÁT HÀNH MỖI NĂM 4 SỐ**

**Điều hành: Hà Nguyễn Du
Phụ tá: Vương Thư Sinh (VHT)
Kỹ thuật nhà xuất bản VHM:
Phạm Hồng Thái**

**Thư từ, bài vở, ngân phiếu xin gửi về:
(Văn Học Mới - Literature Magazine)**

**To: Ha Nguyen (Ha Nguyen Du)
10291 Arundel Ave.
Westminster, CA 92683 - 5821**

**vanhocmoi68@gmail.com
hanguyendu@gmail.com
<https://vanhocmoi.com>**

ĐẠI DIỆN PHÁT HÀNH

**Toronto: Nguyễn Vy Khanh <nguyenvykhánh@yahoo.com>
Vancouver BC: Nguyễn Đức Tùng <bachnguyen@shaw.ca>
Phan Ni Tấn <phannitan@yahoo.ca>
USA: Georgia: Đức Phổ <dducpho@gmail.com>
Nguyễn Thị Thảo An <thaoan2009@gmail.com>
Massachusetts: Lâm Chương <lamchuong495@gmail.com>
Louisiana: NgT Hồng Hải <nhattannguyen575@yahoo.com>
Dallas: Nguyễn Lương Ba <bal@nguyen.us>
Houston: Nguyễn Minh Triết <lnnt_2000@yahoo.com>
San Jose: Phạm Hồng Thái <thaihpam@gmail.com>
Paris: Cổ Ngự <nguyenlinhquang@gmail.com>**



Quý tác giả và quý bạn đọc thân mến...

Văn Học Mới số 4, từ tháng 6 /2019 đến tháng 9 /2019...
Là sự giao mùa của hạ sang thu..

Mùa của nức nội khó chịu, vì sự nóng bức, hay mùa của ray rứt ưu sầu nhiều phiền muộn vì hình ảnh lá vàng rơi và sương mờ...
Gây thêm trong tâm cảnh chúng ta lăm lăm như quay ngược về quá khứ với nỗi xót xa và thương tâm.!!

Nhất là liên tiếp trong những năm qua đến hiện nay, xã hội loài người trên khắp thế giới như một người bệnh trầm kha vì nạn nhân mãn; tưởng chừng như cơn bệnh động kinh co giật, bởi quá mức biến động và rối rắm về mọi mặt trong sinh hoạt căn bản của nhân loại...(Từ Kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội).
Khiến con người trên hành tinh này, chỉ như những cú đấm đá, trả đũa nhau qua lại với cực kỳ nóng sốt, bằng toàn những thứ bản năng ghê tởm.!! (Có còn chẳng sức mạnh của lý trí để đánh bật bản năng ra khỏi bộ não con người mà người ta gọi là nhân tính??)

Nhưng dù biển đời có bão bùng hay sóng gió đến mức nào, thì người VNS hay giới sáng tác vẫn tựa vào bức tường thành vững chắc nhất là NGHỆ THUẬT (nói chung về các loại hình). Tựa vào mà sống qua lý tưởng đam mê sống chết với đời mình, như một thứ đức tin của tâm linh.!!

Qua bao sự kiện nêu trên ảnh hưởng gì với quê hương chúng ta và gia đình.??

Những ảnh hưởng mạnh nhất với riêng bốn báo VHM, ngay thời khắc này, là phải ráo riết để hoàn thành tờ Văn Học Mới số 4... Nếu không, Mẹ tôi mất bất ngờ ... thì tờ báo sẽ không kịp đến tay quý tác giả và quý bạn đọc...

Mẹ tôi đang ở Việt Nam... Nơi một vùng quê nghèo khó. Bà cụ năm nay 96 tuổi già, như chiếc lá vàng sắp lìa khỏi cây cành trần gian, hay như ngọn đèn dầu sắp cạn đang leo lét trước ngọn gió lửa tự nhiên của vũ trụ, đất trời.!!

Thưa quý bạn đọc...

Giới sáng tác cũng chính là người đọc... Người đọc luôn quý trọng người đọc... Bởi, chúng ta làm ra sản phẩm nghệ thuật nào, cũng trân quý người thưởng ngoạn...

Chính vì vậy mà tạp chí Văn Học Mới, khi đã chào đời, chẳng khác chi một sinh mệnh của con người được sinh ra, trách nhiệm người tạo ra đứa con là một trách nhiệm thiêng liêng của người Cha... Người Cha phải nuôi nấng và dạy dỗ con cho đến nên người... Khi so sánh như trên, hẳn quý bạn đọc cũng hiểu rằng, sự sống của tờ báo dính liền với sự sống của người tạo ra nó!! **Văn Học Mới rất mong quý tác giả cũng như quý bạn đọc an lòng mà tiếp tục ủng hộ...** Nói đến đây tôi xin trích lời của một độc giả mua báo dài hạn, luôn nói với tôi rằng: “Không có tờ báo VHNT nào xưa nay mà tôi không ủng hộ dài hạn... Nay đến tạp chí Văn Học Mới ra đời, tôi ủng hộ mua dài hạn cho đến khi tôi mất, thì con tôi tiếp tục... Bởi tôi rất quý chữ nghĩa của Văn Học Việt Nam mình...” (trích lời nói của ông L V Tấn ở ATLANTA, GA 30315).

Văn Học Mới xin kính chúc tác giả và quý bạn đọc luôn an lành cùng sức khỏe bốn mùa và hạnh phúc quanh năm ...

Trân trọng

Văn Học Mới...



VĂN HỌC MỚI SỐ 4 / THÁNG 9 / 2019

MỤC LỤC :

THƯ TÒA SOẠN 4

MỤC LỤC 6

NGUYỄN VY KHANH 8 biên khảo : nhà phê bình văn chương và nghiên cứu văn học nguyên văn trung.

_____ 19 nhận định : ngôi viết lang thang của phan ni tấn
PHAN TẤN HẢI 24 thơ - bài thơ viết từ đảo galang.

NGUYỄN MINH TRIẾT 26 biên khảo : hình tượng rồng trong văn hóa việt / tìm lại cội nguồn - thơ

ĐỨC PHỔ 38 thơ - chuyện hai bố con.

DU TỬ LÊ 40 nhận định : quê hương dã quỳ và thơ kim tuần.

CHU VƯƠNG MIỆN 46 thơ - nghiệp / 48 năm.

LÂM CHUÔNG 48 truyện - chuyện của ngẫu.

HOÀNG XUÂN SƠN 54 thơ - đi tìm / con dấu.

TRẦN VĂN TÍCH 56 hồi ký - còn đâu trên chiến khu

PHẠM QUỐC BẢO 62 nhận định : thông tay vào xuân.

SA CHI LỆ 73 thơ - gửi người bên kia chân trời.

HÀ NGUYỄN DU 74 thơ - chuỗi 6/8 - V / bào thai cảm xúc / chân dung bước dự phóng.

NGÔ NGUYỄN NGHIỄM 80 nhận định - lâm hảo dũng - người đi thương sội khói quê nhà.

NGUYỄN LƯƠNG BA 90 thơ - giây phút không ngờ.

NAM SƠN TRẦN VĂN CHI 92 biên khảo - đất gia đình với dấu ấn các quan tổng trấn.

KHÊ KINH KHA 97 thơ - đáy mắt băng lạnh / hết yêu.

PHAN NI TẤN 100 truyện - nhà sư và linh mục.

VĨNH AN 105 thơ - đêm nhớ núi.

NP phan 106 thơ - một ngày.../ còn tiếng phong.. / bấy sẽ trở về.

NGUYỄN VĂN SÂM 110 truyện - giọt nước nghiêng mình.

THÁI TÚ HẠP 116 thơ - trái tim người viễn xứ.

TRÀM CÀ MAU **118** truyện - những ông chồng tội lỗi.
 VIÊN DUNG **128** thơ - về đâu những người / biết nhà em đâu.
 TRẦN VIỆT HẢI **130** nhận định - đào mộng nam và kỷ niệm khắc sâu
 _____ **148** nhận định - đôi dòng về nhà thơ huy trâm.
 NGUYỄN THỊ KHÁNH MINH **158** tản thơ - vọng âm xanh /
 tháng bảy và hoa larkspur
 HẠ DU **162** thơ - nắng langbiang / cùng đi lễ chùa.
 ĐÀO ĐỨC NHUẬN **164** biên khảo - những người tình trong thơ
 nguyên bính.
 TRẦN VẠN GIÃ **178** thơ - nhà thơ không nuôi nổi nhà nghèo.
 NGUYỄN ĐỨC TÙNG **180** truyện - tân liêu trai.
 ĐỖ QUYÊN **184** thơ - tình lục bát / ba ngày đêm / hẹn / thời gian...
 ĐỖ KH **186** truyện - con bé bờ sông.
 HƯ VÔ **192** thơ - chỗ có bụi mặt gai / lệ đá xanh.
 HOÀNG CHÍNH **194** truyện - con chuột nhắt tật nguyên.
 KHALLY CHÀM **203** thơ - hãy chết trong niềm xa vắng / chiều
 uống rượu nhìn mưa / chúng là sự sáng tối.../ hãy ngủ vùi...
 NGUYỄN THỊ HỒNG HẢI **206** truyện & thơ - cảm ơn. david /
 mưa .cổ tích. và chỉ tôi đại khờ.
 MIÈNG - MAI NINH - MẠCH NHA - CỔ NGƯ **214** - từ khóa.
 QUỲNH THI **235** thơ & nhận định - gửi người .../ ngọn gió sinh
 diệt / tô thù yện một thi sĩ tài hoa một nhân cách lớn.
 TRẦN YÊN HÒA **247** truyện - ngày về.
 HỒ XOA **256** thơ - rồi sẽ quên / lơ đãng.
 PHẠM HỒNG ÂN **258** thơ & truyện - cời trần thơ ../ có lẽ .. / my
 NGUYỄN HÀN CHUNG **265** thơ - chiều mưa viễn xứ.
 MONGHOA VOTHİ **266** thơ - dội mưa lên mặt trời / biết trả lời...
 NGUYỄN THỊ NGỌC LAN **268** truyện - tự tình khúc.
 TRẦN HOÀNG VY **273** thơ - mùa thu xanh / tây ninh thuở người...
 NGUYỄN KHÔI VIỆT **276** hồi ký - nhật ký hành quân của ...
 DOÃN KHÁNH **280** tùy bút song ngữ / lá.
 NGUYỄN NGUYỄN PHƯỢNG **286** truyện - người bạn cùng thời.
 TRẦN ĐỨC TÍN **290** thơ - vọng cổ.
 DƯƠNG TỬ **292** sưu tầm - điệu văn vũ hoàng chương khóc ...
 NGÃ PHƯƠNG HUYỀN **296** giới thiệu sách.
 TRẢ LỜI THƯ / THỂ LỆ ../ GIÁ BIỂU : trang **304, 305, 306, 307...**



Nguyễn Văn Trung sinh ngày 26-9-1930 tại tỉnh Hà Nam, giáo sư triết và văn-học, và là một nhà phê-bình văn-học hiện-đại thế hệ mới sau 1954, với các bút hiệu khác: Hoàng Thái Linh, Phan Mai. Năm 1951 được nhà dòng tu gửi đi du học ở Âu Châu, ở Toulouse rồi sang Bỉ học đại học Louvain, đậu cử nhân triết học, theo ban tiến sĩ triết học (luận án Tiến sĩ triết học trình năm 1961). Cuối năm 1955 về Sài gòn, dạy triết ở trường Chu văn An. Từ 1957, dạy triết tại Đại học Huế và từ 1961 dạy Triết và Văn ở Đại học Văn Khoa Sài-gòn, trưởng ban Triết và Khoa trưởng Đại học Văn Khoa Sài-Gòn, ủy viên Ủy ban Dịch thuật thuộc Phủ Quốc Vụ Khanh đặc trách Văn Hóa. Sau 1975, ông chuyển sang nghiên cứu văn-hóa miền Nam lục-tỉnh (Lục Châu Học) và năm 1994, định cư ở Montréal (Canada). Ông từng cộng tác, đăng bài trên các nhật báo *Sống Đạo, Tin Sáng, Dân Chủ Mới, Sống Đạo, Hoà Bình, ... các tạp chí Sáng Tạo, Thế Kỷ Hai Mươi, Văn, Văn Học, Bách Khoa, Nghiên Cứu Văn Học, Thái Độ, v.v...* và là chủ biên các tạp-chí *Đại Học, Hành Trình và Đất Nước*

Giáo-sư Nguyễn Văn Trung có các công trình biên-khảo, nghị luận về văn học và liên hệ đến triết học, xã hội và tôn giáo, phần lớn đều do nhà xuất-bản Nam Sơn ở Sài-Gòn ấn hành. Bộ *Lược Khảo Văn Học* (1963-) là công trình quan trọng nhất về phê-bình và lý luận văn-học ở miền Nam, xuất-bản sau tập *Xây Dựng Tác Phẩm Tiểu Thuyết* (1962). Trước 1975, giáo-sư đã có các tác-phẩm xuất bản:

Về triết học: *Triết Học Tổng Quát* (Vĩnh Bảo, 1957), *Danh Từ Triết Học* (chung với LM Cao Văn Luận, Đào Văn Tập, Trần Văn Tuyên, LM Xuân Corpet; Huế: Đại Học, 1958), *Biện Chứng Giải Thoát trong Phật Giáo* (Đại Học, 1958), *La conception bouddhique du Devenir: essai sur la notion de devenir selon le Sthaviravâda* (Thèse, 1959. 164 tr; Xã Hội, 1962), *Ngôn Ngữ và Thân Xác* (Trình Bày, 1968), *Ca Tụng Thân Xác* (Nam Sơn, 1967), *Hành Trình Trí Thức của Karl Marx* (1-“con người và cuộc đời”; Nam Sơn 1969), *Đưa Vào Triết Học* (Nam Sơn, 1970), các tập *Nhận Định I* (“văn-chương, giáo-dục, triết-ly, tôn-giáo“, Nguyễn Du, 1958), *II* (Đại Học, 1959), *III* (Nam Sơn, 1963), *IV* (Nam Sơn, 1966), *V* (Nam Sơn, 1969) và *VI* (Nam Sơn, 1972), và các sách giáo khoa: *Luận Lý Học* (Á Châu, 1957; Nam Sơn, 1960), *Đạo Đức Học* (Á Châu, 1957), *Luận Triết Học* (tập I, Nam Sơn, 1960), *Phương Pháp Làm Luận Triết Học* (Nam Sơn, 196?),

Về văn học: *Xây Dựng Tác Phẩm Tiểu Thuyết* (Cơ sở xuất bản Tự Do, 1962; Nam Sơn, 1965), *Lược Khảo Văn Học, tập I* (Những vấn-đề tổng-quát, Nam Sơn 1963), *II* (Ngôn ngữ văn chương và kịch, 1965), *III* (Nghiên cứu và phê bình văn học, 1968) [ngoài ra còn có thêm tập *Lược Khảo Văn Học: tài liệu đọc* "Dành riêng cho sinh viên Đại học Văn khoa niên khóa 1965-1966"], *Chủ Nghĩa Thực Dân Pháp ở Việt Nam: thực chất và huyền thoại* (Nam Sơn, 1963) (16), *Nhà Văn Người Là Ai Với Ai?* (“Văn-chương và chính-trị”, Nam Sơn 1965), *Chữ và Văn Quốc Ngữ Thời Kỳ Đầu Pháp Thuộc* (Nam Sơn, 1974), *Trường Hợp Phạm Quỳnh* (phỏng vấn những người viết sách báo đương thời với Phạm Quỳnh; Nam Sơn 1974), *Chủ Địch Nam Phong* (Tủ sách Tìm về Dân-tộc, Trí Đăng, 1972), *Vụ Án Truyện Kiều* (tập hợp những bài viết trong vụ tranh luận về truyện Kiều giữa Ngô Đức Kế và Phạm Quỳnh năm

1924, xuất-bản năm 1972) (17).

Ngoài ra, ông còn viết *Góp Phần Phê Phán Giáo Dục và Đại Học* (Trình Bày, 1967), *Đại-Học và Phát Triển Quốc Gia* (“Phụ-lục: Phác họa dự án cải tổ Đại-Học Văn Khoa”, Tổng Hội Sinh viên Sài-Gòn, 1967. 71 tr.), “Xã hội chủ nghĩa trước vấn đề độc lập quốc gia và giải phóng dân tộc” (ronéo, 1967) và là đồng tác-giả các tuyển tập văn-học *Chân Dung Nguyễn Du* (Nam Sơn, 1960) và về chính-trị xã-hội: *Người Công Giáo Trước Thời Đại* (nhiều tác giả; Đạo và Đời, 1961), *Lương Tâm Công Giáo và Công Bằng Xã Hội* (Nam Sơn, 1963), v.v.

Hành trình trí thức của giáo-sư Nguyễn Văn Trung trải qua **nhiều giai đoạn**: từ cuối thập niên 1950 đến biến cố 1-11-1963, ông viết và giới thiệu các lý thuyết và triết học Hiện sinh thuần lý hoặc áp dụng cho văn-chương, đã chọn “Sartre làm mẫu mực cho mình”; từ sau 1964, ông “từ bỏ tất cả những gì đã viết trước đây về hiện sinh theo chiều hướng triết lý thuần túy” (“Sartre trong đời tôi”. *Bách Khoa*, 265 & 266, 15-1-1968), nhìn nhận “thật là chướng nếu cứ tiếp tục trình bày một thứ biên-khảo sáng-tác thoát ly viễn mơ (...) tôi thấy không thể giữ thái độ trên được nữa” (Lời Nói Đầu. *Nhận Định* 5), ông dẫn thân xã-hội chính-trị, đã phê phán Phạm Quỳnh, Trương Vĩnh Ký. Trong chiều hướng thời thượng đó, trong *Chữ Văn Quốc Ngữ Thời Kỳ Đầu Pháp Thuộc* (1974), giáo sư Trung đã đưa ra luận điểm bôi đen thành quả đóng góp với dân-tộc, cho rằng việc “sáng lập và sử-dụng chữ quốc-ngữ nhằm mục đích cô lập người công giáo Việt-Nam với cộng đồng dân-tộc bằng cách xóa bỏ chữ Nho, chữ Nôm, ...” (18). Phạm Long Điền và Nguyễn Sinh Duy cũng xuất hành từ những luận điểm của giáo-sư Trung trong các tác-phẩm này để làm luận án đại học và biên-khảo về Trương Vĩnh Ký và văn-học miền Nam!

Xây Dựng Tác Phẩm Tiểu Thuyết trình bày Tổng quát về văn-chương, Xây dựng tác-phẩm tiểu-thuyết bàn về nhân-vật và con người trong tiểu-thuyết và không-gian của tiểu-thuyết. Phụ lục nói về quan niệm tiểu-thuyết mới phủ nhận con người của Nathalie Sarraute và quan niệm truyện là thơ của Michel Butor. *Mục-đích* để “giới thiệu một phác họa những nét lớn của một quan niệm phê-bình văn-học” và “nhấn mạnh vào sự kiện đa nguyên về thẩm mỹ của

tiểu-thuyết”, với một cái nhìn văn-học tiến bộ, hiện-đại với viễn tượng, kết quả không nhất thiết tính toán trước được, theo ông, “một tác-phẩm nghệ-thuật cũng có một công dụng hữu ích, nhưng công dụng ở đây là cái kết quả đến sau, không phải là bản chất, yếu tính của nghệ phẩm. (...) Đó là sự khác biệt giữa ý hướng nghệ-thuật và ý hướng cần lao; cần lao giống nghệ-thuật ở điểm cả hai đều nhằm biến đổi, sáng-tạo, nhưng khác nhau về mục-đích sáng tạo. Một đằng nhằm công dụng ích lợi, một đằng nhằm thưởng ngoạn. Nghệ-thuật là một thứ chơi, chữ chơi hiểu theo nghĩa tổng quát của nó chỉ thị một hoạt động tự nó có một mục-đích tự tại: chơi để chơi. Vì nếu chơi mà kiếm lợi sinh nhai thì không còn phải là chơi nữa ...” (tr. 18).

Theo giáo-sư, tiểu-thuyết phải là sản phẩm của tưởng tượng: “Có một sự khác biệt về ý hướng viết giữa một nhà văn và một nhà sử học hay một nhà suy tưởng, vì vũ trụ của văn-chương không phải là vũ trụ của sự-kiện, chân-lý và hành-động, mà là vũ trụ của tưởng tượng” (tr. 48). Sau đó ông đi xa hơn khi bàn đến ngụ ý tin trong văn-chương: “khi viết, tôi chỉ như bơi trong vũ trụ của tưởng tượng mà vẫn tưởng nó là thật. Do đó không thể viết, nếu ý hướng viết không thiết yếu bao hàm cái mà J.P. Sartre gọi là “Ngụ ý tin” (*La mauvaise foi*), nghĩa là tự dối mình mà không biết, một nhầm lẫn mà không biết là mình nhầm lẫn; vì ngụ ý tin chính là một niềm tin (*La mauvaise foi est foi*) ... Có thể nói: viết là một cách phản bội thực tại, vì đằng sau những chữ có vẻ linh động, quyến rũ, người ta chỉ tìm thấy một trống rỗng càng ngày càng sâu khi càng đi vào mô tả. (...) Cho nên mọi sự xảy ra đối với người viết cũng như người đọc, nếu không có thái độ giả vờ là niềm tin đó, không thể có tiểu-thuyết. Và do đó, có thể nói: viết, đọc tiểu-thuyết là một quên lãng, một dăng trí hiểu theo nghĩa rất mạnh của nó” (tr. 50-51). Khi viết về Michel Butor, giáo-sư Nguyễn Văn Trung đã có nhận định gây chú ý: “Thơ vừa có thể là thực, vừa là không thực. Thực vì bắt đầu từ cuộc đời hằng ngày, không thực vì bao giờ cũng vượt xa nó. Thơ đưa chúng ta vào một thế-giới huyền ảo, sâu xa của tưởng tượng, tôn giáo, thần thoại. Thế-giới đó không phủ nhận cuộc đời hằng ngày nhưng chỉ khác biệt thôi...” (19).

Những tư tưởng, lý luận phân tích văn-học của giáo-sư rất

mới vào thời đó, và đã bị một số phê-bình của các nhà văn căn cứ trên cứu-cánh của tiểu-thuyết và văn-chương phải có đóng góp cho xã-hội, văn-học, và nhà văn có vai trò tích cực và quan hệ xã-hội!

Bộ Lược Khảo Văn Học (1963-) gồm 3 tập: 1- Những vấn-đề tổng quát, 2-Ngôn-ngữ văn-chương và kịch và 3-Nghiên cứu và phê-bình văn-học. Khi mới xuất-bản đã chinh phục giới nghiên cứu và phê-bình văn-học ở miền Nam. Ngay Lời nói đầu, ông cho biết *“muốn tìm hiểu văn-chương, thiết tưởng có thể lấy ngôn-ngữ làm khởi điểm suy tưởng nhằm giải đáp những vấn-đề văn-chương đặt ra. Sáng tác văn-chương, làm văn-học là đặng chân tới tiếng nói, chữ viết. Do đó vấn-đề nền tảng sẽ là xác định ngôn-ngữ của văn-chương khác với ngôn-ngữ hằng ngày hoặc ngôn-ngữ của biên-khảo như thế nào”* và *“ngôn-ngữ văn-chương, nghệ-thuật luôn luôn là một ngôn-ngữ gián tiếp: nói bằng cách không nói ra, hoặc cái nói, viết ra chỉ là dấu hiệu của cái không nói ra. Ngôn-ngữ gián tiếp là ngôn-ngữ ám chỉ, là tiếng nói câm lặng (Viết là gì). Từ sự phân biệt nền tảng ấy chúng ta có thể tìm thấy một hướng đi để nhìn những vấn-đề nội-dung, hình-thức, tương quan giữa văn-học và xã-hội, giữa luân lý và văn-học (chương Viết cái gì), hoặc vấn-đề liên đới ‘dấn thân’ của nhà văn trong xã-hội (chương Tại sao viết), vấn-đề qui định những điều kiện sáng-tác xây dựng tác-phẩm (Viết thế nào) và sau cùng vấn-đề mục-đích của văn-học (Viết cho ai)”* (tr. 13-14).

Theo giáo-sư, nội-dung và hình-thức tuy hai mà một không thể tách biệt nhau, cũng như văn-chương và xã-hội có mối tương quan mật thiết, do đó nhà văn có nhiệm vụ vượt lên hoàn cảnh của riêng mình để hướng về một sứ-mạng văn-hóa cao hơn: *“Nhà văn viết là để thực hiện một sứ mệnh cao cả. Do đó, văn-chương bao hàm tính chất nhân-bản, hay chứa đựng một chủ nghĩa nhân đạo. Nhân bản vì văn-chương biểu lộ một niềm tin ở con người, tôn trọng con người chống lại mọi hình-thức chà đạp, bóc lột, bóp nghẹt, khinh miệt con người.*

Văn-chương là một sự đối kháng và nhà văn là một người phản kháng. Dĩ nhiên nhà văn chỉ thực hiện được sứ mệnh trên ở một mức độ cao nếu nhà văn tha thiết với con người gần bó nhiều với cuộc đời, đồng thời có thể cảm trước được những điều người

khác chỉ mơ hồ cảm thấy, biết trước được hướng phải tiến lên mà người khác chỉ lơ mờ nhìn thấy” (tr. 152), sau khi đã khẳng định: “không thể đòi hỏi ở nhà văn một thái độ dẫn thân vào đời giống như thái độ mà nhà chiến-tranh hay trí thức... mà là vấn-đề thực hiện ý thức đó thế nào” (tr. 113).

Ngoài ra trong tập 1 của bộ biên-khảo này, giáo-sư Trung đã đề cao phép “phê bình bút pháp” mà theo ông, “Hình thức văn chương là cách tổ chức, xây dựng ngôn ngữ để biểu hiện nội dung văn chương. Nó bao gồm một sự chú ý sáng tạo, xếp đặt hình ảnh những chữ, những câu, những đoạn theo một cơ cấu nào đó” (tr. 71); “Hình thức trong văn chương là kiến trúc của tác phẩm. Nó qui định những tương quan giữa các phần, bộ phận đó với nhau...” (tr. 72), ... Trong phần cuối tập 3, sau khi đã giới thiệu các phương pháp phê-bình văn-học thường dùng hoặc chưa được sử-dụng ở Việt-Nam, giáo-sư Trung mở ra, xem “phê-bình là một sáng-tạo” với 2 kết luận: 1- “Tác-phẩm, khi đã hoàn thành đối với tác-giả, tách rời tác-giả, trở thành một sự vật độc lập, và tuy bên trong nó vẫn chuyên chở một ý nghĩa, lời gửi nào đó của tác-giả, đối với độc giả, bây giờ, nó cũng chỉ còn là một hệ thống những tín hiệu mà bản chất là hàm hồ, nghĩa là có thể chuyên chở nhiều ý nghĩa khác mà người đọc, nhà phê-bình có thể gán cho nó”, và 2- “Người đọc, nhà phê-bình khi đi tới tác-phẩm, chỉ còn là một hệ thống tín hiệu có thể mặc nhiều ý nghĩa, không thể tránh được một sự cần thiết đứng ở một vị trí quan điểm nào đó để lãnh hội tác-phẩm (...) tác-phẩm không những chỉ là tín hiệu, mà còn là vết tích” (...) nhà phê-bình không phải chỉ là nhắc lại tác-giả nhưng còn là một sáng-tạo (...) Một tác-phẩm chỉ sống mãi nếu có khả năng đón nhận những sức sống mới mà nhữ g thời đại tiếp sau bồi bổ cho. Nhưng chỉ có khả năng đón nhận cái mới nếu nó không khép kín, hoàn tất. Cho nên tác-phẩm sống là một công trình luôn luôn còn đang hình thành đối với người đọc và nhà phê-bình ...” (tr. 350-357).

Tập 3 về Nghiên cứu và phê-bình văn-học, giáo-sư trình bày và hệ thống hóa các phương-pháp phê-bình hiện-đại nhất vào thời đó, như phê bình văn bản của J-P Sartre và Bachelard (Trước đó, đã đăng tải tiểu luận với tựa “Những quan niệm phê bình mới”, *Nghiên Cứu Văn Học*, số 7-1968). Với Sartre, phê bình văn học

theo hiện tượng luận làm công việc phân tách, trình bày kiến trúc xây dựng tác phẩm, bút pháp: một lối chấm câu, xuống hàng, một cách tạo hình ảnh, một quan niệm sử dụng những yếu tố ngôn ngữ, ngữ pháp (dùng động từ, tính từ hay trạng từ v.v...), một cách lựa chọn ẩn dụ, hoán dụ, so sánh, v.v...; sau đó sẽ khai triển ý nghĩa hiện sinh của bút pháp hiểu như một lối viết riêng biệt, là chủ ý chọn lựa của nhà văn, đồng nghĩa với những ý hướng căn bản về thái độ cảm nghĩ, ứng xử trước cuộc đời. Như vậy, với hiện tượng luận hiện sinh mỗi tác phẩm văn học đã là một cấu trúc ý hướng hiện sinh trọn vẹn và đủ đầy. Phân tích văn học vì thế là hành vi phân tích ý hướng hiện sinh được phóng chiếu vào trong văn bản, hoặc ngược lại, từ văn bản ra.

Các bài khác ông viết về **cơ cấu luận**: “Tìm hiểu cơ cấu luận như một phương pháp, một triết thuyết và đặt vấn-đề tiếp thu” (*Bách Khoa*, số 293-294, 15-3 & 1-4-1969; *Nhận Định V*); “Phê bình mới, phê bình cũ” (*Bách khoa*, số 381, 15-11-1972); “Phác họa hiện tượng luận về thẩm mỹ học của tiểu thuyết” của Nguyễn Văn Trung (*Đại Học*, số 2, 1961), ...

Các tập **Nhận Định** theo hình-thức của các tập *Situations* của Jean-Paul Sartre, *Actuelles* và *Carnets* của Albert Camus, v.v. Tập I (1957-8) đến tập VI (1972) là những tập-văn triết lý về những vấn-đề triết học, xã-hội và văn-học, mỗi tập chủ đề riêng, với phương-pháp nhận thức và tra hỏi, đặt vấn-đề, “... một nỗ lực giải quyết những thắc mắc của một người trong hoàn cảnh riêng biệt của mình (...) như tiếng chuông thức tỉnh tôi tự đi tìm cho mình một giải đáp phù hợp với những thắc mắc riêng tư của tôi (... và) để mỗi người sẽ nhận định và tìm cho cuộc đời mình một ý nghĩa, vì không ai có thể làm hộ ai, mỗi người trách nhiệm đời mình” (NĐ I, tr. 2,3). Các chủ đề trùng hợp ở nhiều tập như văn-hóa, trí thức nhưng có thể ghi nhận các đề tài chính của tập I là văn-hóa và chính-trị, tập II là văn-hóa, sứ-mạng-người trí thức, liên hệ nam-nữ, tập III là trí thức, thân xác, tập IV như phụ đề ghi là “chiến-tranh, cách-mạng, hòa-bình”, và tập V là trí thức, phản kháng, văn-hóa dân-tộc, v.v. Vì là nhận định cho hôm nay, trước mặt, cho nên sau vài năm, cái nhìn đã có thể khác, như giáo-sư đã viết ngay trong tập II “Nhìn lại một chặng đường ‘nhận định’ rất nhiều ý kiến nêu lên trong tập bây giờ tác-giả đã phủ nhận

hoặc thấy phải nhận định lại, bổ sung thêm...” (II, tr. 8).

Nhiều bài viết của giáo-sư trên các tạp-chí *Sáng Tạo*, *Hiện Đại*, *Bách Khoa*, v.v. , một số về sau được tuyển lại xuất-bản, ở đây xin ghi nhận một số bài đã góp phần phổ biến các phương-pháp nhận định, phê-bình văn-chương hiện-đại:

- Tìm hiểu tác-phẩm văn-nghệ; Văn-chương Hiện sinh; “Tiểu-thuyết mới” trong văn-chương Pháp ngày nay; v.v. Và phổ biến *triết học hiện sinh*, nhất là của J.P. Sartre: Vấn-đề giải thoát con người trong Phật giáo và tư tưởng của J.P Sartre; Những tình bạn dang dở; Văn chương và siêu hình học; Thi ca và triết học; Văn chương hiện sinh; Luân lý và văn học; Sartre trong đời tôi; Cái nhìn hay đám cưới với cuộc đời; Tưởng niệm Camus; Vài cảm nghĩ về tình cảm phi lý của kẻ lưu đày; Cuộc đời như một tra hỏi; Đọc vũ trụ chữ nghĩa của J.P Sartre; Quê hương và lưu đày, giới thiệu Camus. Người phản kháng; Những tình bạn dang dở; Triết học hiện sinh, giờ thứ 25 của của triết học Tây phương; Dịch và giới thiệu: Người đàn bà ngoại tình của Camus (*Sáng Tạo*, b.m., số 6, 12-1960 & 1-1961), v.v.

Trong *Ca Tụng Thân Xác*, để thể chất hóa con người, giáo-sư sử-dụng hiện-tượng luận để phân tích thân phận con người như là thân xác, ngũ giác, hơn là siêu hình, trí thức, Dùng khái niệm “thân xác” (*Ca Tụng Thân Xác*, 1966; “Thân xác và nghệ-thuật nhân cái chết của M. Monroe” NĐ III, “Ảo ảnh Thanh Thúy” NĐ IV, ...), “ngụy tín” (*Trường Hợp Phạm Quỳnh*, 1974) để phê phán những kẻ tự cho là duy tâm nhưng theo giáo-sư thật ra cũng theo duy vật.

oOo

Giáo sư Nguyễn Văn Trung là người đã sớm nêu lên và đặt vấn-đề triết học trong tương quan với văn-chương. Trong bài “Văn chương và siêu hình học”, dưới bút hiệu Hoàng Thái Linh, ông viết: “... Để giới thiệu văn chương Âu châu hiện đại nói chung và văn chương Pháp nói riêng, chúng tôi chọn đầu đề “Văn chương và siêu hình học” vì nét đặc biệt của văn chương đó là tính cách triết lý của nó. Dĩ nhiên, những A. Camus, J.P. Sartre, André Malraux... mỗi người có sắc thái riêng, không ai giống ai, nhưng tất cả đều gặp nhau trên một vài nét chính. Lời nói, giọng nói của họ

khác nhau, nhưng hình như họ đều bắt đầu từ khởi điểm, cùng bàn đến một vấn đề... Tháng chạp năm 1946, trong buổi diễn thuyết do Ủy Ban Văn Hóa Liên Hiệp Quốc (UNESCO) tổ chức ở giảng đường đại học Sorbonne, Malraux đã nói: “Cuối thế kỷ XIX, Nietzsche lớn tiếng tuyên bố Thượng đế đã chết với một giọng bi đát. Và ai cũng hiểu câu đó muốn nói gì; câu đó có nghĩa là từ đây người sẽ làm chủ cuộc đời mình vì Thượng đế đã chết. Nhưng ngày nay, vấn đề đặt ra cho chúng ta là ở trên mảnh đất Âu châu cũ kỹ này, con người đã chết hay chưa?”. Câu hỏi trên của A. Malraux đưa chúng ta vào bầu không khí chung của văn chương Âu châu. Đó là một bầu không khí thắc mắc, hoài nghi, băn khoăn, muốn đặt vấn đề lại những giải pháp đã biến thành tin tưởng của những thế hệ trước... Đời sống có ý nghĩa gì không, đời đáng sống hay không đáng sống “trước những cái vô lý cuộc đời? Cái gì làm cơ sở cho hành động. Một nhân bản xây trên những nhận xét đó phải như thế nào? Đọc chuyện, chúng ta chỉ thấy hiện lên trong trí những câu hỏi về ý nghĩa cuộc đời, cái chết, mối tương quan giữa người với người, với vũ trụ. Tiểu thuyết vì thế không còn tính chất lãng mạn, xa thực tế, thoát ly. Văn chương hiện đại Pháp nhập thế (engagée) không phải để xoa dịu, giải trí nhưng là gây thắc mắc, suy nghĩ để nhận định một thái độ sống... Thái độ đó bao hàm một nhân bản mới. Văn chương không còn là mô tả, tri thức, nhưng là một giải phóng, muốn bênh vực con người trước mọi hình thức chà đạp, giản lược con người vào phương tiện, đồ dùng. Chính trong hoàn cảnh bi đát đó, con người mới khám phá thấy người đồng loại cùng chung một thân phận, một kiếp người. Văn chương không còn phải là tiếng nói của cảm xúc cá nhân, nhưng là tình yêu bao trùm cả loài người, lo lắng số phận cả nhân loại và bảo vệ những giá trị phổ biến trong con người...” (20).

Giáo-sư cũng đã hơn một lần đề cập đến thái độ nguy tín (trong Đưa Vào Triết Học, ...). Trong bài “Nhà văn nhìn vào mình hay từ hiện tượng bề phái đến văn chương vô danh” (Nghiên Cứu Văn Học, số 3, 1968, tr. 129), ông tả thái độ nguy tín là: “không dám nhìn vào mình để tra hỏi về chính việc viết văn, bình văn của mình là vì muốn được an tâm, yên ổn để sáng tác, phê bình trong những quan niệm niềm tin đã trở thành thiên kiến, giáo điều. Chính ước muốn được an tâm là yếu tố “phản kháng”, nói theo ngôn ngữ của phân tâm

học, ngăn chặn nhà văn, nhà phê bình tự kiểm thảo để biết mình là ai, đối với ai để có cái nhìn đích thực về việc làm của mình, không còn tự lừa dối bằng những niềm tin cuối cùng chỉ là ảo tưởng. Thái độ viết văn của mình, thái độ không chấp nhận người khác của mình vì người khác cũng không chấp nhận mình. Nên thay vì chỉ biết nhìn nhau để rồi không chấp nhận nhau, hãy trở về nhìn vào mình hay cùng nhau nhìn về giới mình để có thể thấy biết đâu là **hiện tượng bè phái, những cuộc bút chiến**. Sự tự lừa dối mình của nhà văn bằng những ảo tưởng có thể hoàn toàn vô thức hoặc ở khởi điểm, có biết nhưng về sau, quên đi và cũng trở thành vô thức, và khi người ta phê bình thì lại nổi giận vì đã coi là quan trọng điều mình viết. Đó là thái độ nguy tín”.

Nguyễn Trọng Văn dù chống đối thái độ chính-trị của giáo-sư Nguyễn Văn Trung nhưng trên Bách Khoa số 264 (1-1-1968) trong bài “Những người con hoang của Nguyễn Văn Trung” đã nhận định rằng: “Ông Trung là người có công trong việc giới thiệu những trào lưu tư tưởng mới của Tây Phương... Ông trình bày một cách gọn gàng, mạch lạc. Những triết học hiện sinh, những danh từ có tính cách văn nghệ, triết lý dần được du nhập và phổ biến. Những Hiện tượng luận, đối thoại, tha nhân, phản kháng, vong thân, nguy tín, huyền thoại, thông cảm, những Alain Robbe Grillet, Nathalie Sarraute, Michel Butor, Sartre, Camus.. đã được Nguyễn Văn Trung trình bày hàng chục năm trước trong Sáng Tạo, Bách Khoa, Thông Cảm, Thế Kỷ 20, ...”.

Sinh hoạt học thuật và văn-nghệ ở miền Nam thời 20 năm này, Nguyễn Văn Trung đã là một thành-tố căn bản, vừa có tính cách chuyên chở ý tưởng trào lưu mới vừa nguồn tư tưởng vừa là một thành phần xúc-tác quan-trọng cho một số sinh hoạt báo-chí, biên-khảo, phê-bình và sáng-tác văn-nghệ – như về hiện sinh, dẫn thân, chính-trị xã-hội, ... Với một văn phong rành mạch, cụ thể, trực diện, v.v., với một thái độ trí thức, thao thức, nhìn xa, chấp nhận trao đổi, ..., những gì ông viết và thuyết giảng đã thuyết phục, kêu gọi lên đường và hơn một thế hệ trẻ đã nhận chịu ảnh-hưởng từ ông. Chúng tôi sẽ trở lại với các công trình nghiên cứu và lý luận văn học của ông trong phần Văn học hải ngoại.

Chú-thích:

16- Giáo-sư Nguyễn Văn Trung soạn *Chủ Nghĩa Thực Dân Pháp ở Việt Nam* sau bài diễn thuyết năm 1962 về Vụ án truyện Kiều tố Phạm Quỳnh tay sai Pháp ru ngủ thanh niên, trí thức, gây nhiều chỉ trích, phê phán trong Nam cũng như ngoài Bắc.

17- Năm 1972-73, Trung Tâm Alpha ở Sài-Gòn in 2 tập với tựa đề *Phạm Quỳnh* của tác-giả Nguyễn Văn Trung: tập 1 tổng quát về PQ, tập 2 về “PQ, văn-học và chính-trị”.

18- Sau 1975, giáo sư Nguyễn Văn Trung nghiên cứu về văn-hóa Nam-kỳ lục-tỉnh và nhìn lại những chặng đường đã qua. Trong tập tài liệu *Vấn-Đề Công Giáo Đặt Cho Dân Tộc* (1988), ông đã hết lòng chứng minh chống lại cái “*thiên kiến hầu như đã trở thành chân lý là người công giáo Việt-Nam liên hệ với thực dân đế quốc và lai căng về văn-hóa*”, thành kiến mà chính một số người công giáo (trong đó có giáo sư thời trước 1975) đã nhìn nhận và từ đó tìm trở về dân-tộc (như nhóm Đối Diện, Lý Chánh Trung, Nguyễn Ngọc Lan, v.v.). Ông tiếc việc có những người ngoài Công giáo đã và vẫn trích dẫn những lập luận của ông thời đó. Ông lập lại và chứng minh thêm qua hai biên khảo khác là *Đạo Chúa Ở Việt-Nam* (1999?) và *Dịch Thuật Và Lý Luận Dịch Thuật* (2002).

19- Nguyễn Văn Trung. “Truyện là thơ trong tiểu-thuyết của Michel Butor”. *Bách Khoa*, số 113, 15-9-1961, tr. 70.

20- Hoàng Thái Linh. “Văn chương và siêu hình học”. *Sáng Tạo*, số 10, 7-1957, tr. 19-24.

NGUYỄN VY KHANH

[Văn-Học Miền Nam 1954-1975. Quyển thượng: Tổng-quan (Toronto: Nguyễn Publishings, t.b. 2018; Chương 5- Phê bình văn-chương và Nghiên cứu văn-học, tr. 461-469]



NGÒI VIẾT LANG THANG
của Phan Ni Tấn



Tác-Gia Phan Ni Tấn

Tác-Phẩm:
Hát Cho Mẹ và Quê-Hương (Tập Nhạc), 1969
Vắc Tìn Em Chay Biệt Mả (Thơ), 1972
Hát Đẻ Xống Đít Mối Cho Quê-Hương
(Tuyển tập nhạc nhiều Tác-gia), 1973
Lạc-Bất Phan Ni Tấn (Thơ), 1973
Dây Lửa Trường-Sun (Nhạc), 1983
Em Hát Em Vui /Với NHEN, (Nhạc Thiếu-Nhì), 1987
Hải-Kỳ Thơ (Thơ), 1988
Câu Thơ Về Người (Thơ), 1996
Tình Khúc Phan Ni Tấn (Nhạc), 2004
Sinh-Nhật Của Cây Dâu (Tập Nhạc và CD), 2005
Đèn Kẹo-Quân (Tập Nhạc và CD), 2006
Ao Trôi (Tập Nhạc và CD), 2007
Saigon Xanh (Tập Nhạc và CD), 2015
Có Một Thôn Ở Quê-Hương Tôi (Tập Truyện), 2018
Ngôi Viết Lang Thang (Tùy Bút), 2019

Sẽ In:
Nỗi Buồn Tổ-Thị (Tập Truyện)
Nỗi Của Thơ Đi (Thơ)

US \$20.00

phan ni tấn • ngôi viết lang thang •

phan ni tấn
ngôi viết lang thang
tùy bút

2019

NXB VĂN-HỌC-MƠI
2019

Chúng tôi như có cái duyên kỳ ngộ với vùng cao Ban-Mê-Thuật, qua các thành viên của “Phong trào Du ca” (và “Cơ sở Văn-nghệ Con người”), từ những năm đầu thập niên 1970 ở quê nhà cho đến gần đây khi Nguyễn Minh Nữ viết *Thương Quá Sài Gòn Ngày Trở Lại* (2017), Đoàn Văn Khánh với *Ám Ảnh Đơn Thân* (2019) và nay là nhà thơ/nhạc sĩ Phan Ni Tấn xuất bản tập tùy bút *Ngòi Viết Lang Thang*.

Đến với *Ngòi Viết Lang Thang* là chúng tôi đã khởi đi với tâm trạng “buôn”, “vùng cao” và tinh thần “nhập cuộc” của ngày nào; không ngờ tác phẩm đã là một bất ngờ thích thú thực sự và nội dung đặc biệt khiến chúng tôi không thể không ghi lại đây vài cảm tưởng.

Ngay từ trang đầu, Phan Ni Tấn đã cho biết: *“Tôi sinh ra ở Banmêthuật cho nên núi rừng là bạn của tôi. Đi đâu, làm gì, thức hay ngủ, rừng núi lúc nào cũng kề một bên. Lớn lên tôi có đọc chút ít lịch sử trước 1975 của quê tôi, ở đó miên man trải dài ngút mắt, là núi và rừng, nơi xanh um một màu xanh lá, nơi chói chang một trời nắng lụi, và cũng là nơi lầy lội, ẩm ướt những trận mưa vào mùa. Từ thị xã đến thôn quê, nhà cửa theo thời gian lần lượt mọc lên suốt dải cao nguyên đất đỏ; con người sống trong màu đất đỏ, tử sinh cùng đất đỏ...”* (Quê Tôi).

Trong phần đầu, Phan Ni Tấn đã ghi lại những nét tổng quát và chi tiết về vùng đất cao nguyên này, như một “địa chí văn hóa” trong đó lịch sử, phong tục tập quán, tín ngưỡng, văn hóa, giáo dục, nghệ thuật dân gian, v.v. được ngòi bút đa dạng, tài hoa có thừa của tác giả, giới thiệu cũng như kể chuyện, xen kẽ với những kỷ niệm, nhớ nhung, cảm xúc,... của chính tác giả hoặc người thân, bạn hữu. Mà bạn ông Tấn từ tấm bé đến nay thì khá nhiều để nhớ và kể lại, nhất là những khi được “ngộ cổ tri” mặt đối mặt hoặc qua thư từ, báo chí, kỷ yếu: thời thì cảnh cũ người xưa từng chi tiết, biến cố, được tác giả “lang thang” lúi trở về, ký ức sống lại - thành công thì bài dài, nhưng ít thì ... tùy bút trong vài đoạn văn. Trai thời loạn, nhập ngũ, “đoạn đường chiến binh” của người lính trẻ cũng được Phan Ni Tấn hồi tưởng với những con chữ trân trọng và sống động nhất: *“Tuổi trẻ là tuổi dẫn thân đi tìm lại chính mình. Và chiến trường là nơi đầy thách thức bản thân, là nỗi ám ảnh, là sự ngã xuống hay vươn lên trong cuộc sống còn. Tuổi trẻ chúng tôi đi vào cuộc chiến*

tranh tuy là một sự chọn lựa của số kiếp nhưng lại là bốn phận của một công dân yêu nước, là niềm tự hào của đời trai trong thời lửa đạn. Chết thì thành chiến sĩ vô danh, làm phân bón cho đất thêm màu mỡ. Sống thì thể xác lẫn tinh thần mang đầy thương tích và hoài niệm. Bài học làm người sau chiến tranh như ứa ra từ những trang lịch sử gây nên một cảm giác buồn thê thiết, có cái gì đó khiến cõi lòng vẫn âm ỉ, ray rứt một niềm cay đắng, xót xa, nó tích tụ ở đó lâu ngày chầy tháng thành một thứ kỷ niệm buồn". Dĩ nhiên sau tháng Tư 1975 là kỷ ức không phai của những ngày tháng bị đày đọa trong trại tù cải tạo trên cao nguyên và cuộc vượt ngục tìm về Sài Gòn.

Rời *Banmêthuột* “thăm sâu” và quá khứ còn đó, và quê ngoại Huế vì có bà cố tổ Hồ Thị Chỉ, Ân Phi của vua Khải Định, cũng như Sài-Gòn và tạt ngang văn Hồ Biểu Chánh, Amai B’Lan,..., “ngòi viết” theo Phan Ni Tấn “lang thang” sang miền đất lạnh tình nồng Gia-nã-đại của Bắc Mỹ. Nơi đây, Phan Ni Tấn đưa người đọc đến các thiên tự, những lễ hội, Tết, 30-4, nơi xứ người, với những tình tế nhìn ra “cái hắt hiu, cô tịch của mắt trắng xuyên qua cửa sổ” của con trăng 16 (Mắt Trăng), hoặc những nhận xét về đồng quê, thiên nhiên của xứ người,...

Ngòi Viết Lang Thang còn đưa người đọc đến với một số văn nghệ sĩ Việt Nam trước và sau biến cố năm 1975 cũng như sự nghiệp, tác phẩm của các vị này, như Bùi Giáng, Doãn Quốc Sỹ, Võ Đình, Nguyễn Mộng Giác, Trương Đình Quế, Phạm Văn Hạng, Lê Văn Ngân, Chu Trầm Nguyên Minh, Lam Phương, Anh Bằng, Việt Dzũng, Huỳnh Công Ánh, Chí Tâm, Nhã Ca, Song Thao, Luân Hoán, Hoàng Xuân Sơn, Ngô Vương Toại, Cung Trầm Tưởng, Lữ Quỳnh, Đỗ Quyên, Hà Nguyên Du, Lê Hân, Phương Tấn, Nguyễn Thị Thanh Dương, Đỗ Xuân Tê, Hoàng Quốc Bảo,... qua những hạnh ngộ và tình cờ của cuộc đời hoặc sinh hoạt văn nghệ, những ngày vinh quang, cũng như cái thời “chợ sách bán sách và thuốc lá ké một góc sạp sách của người bạn cùng đơn vị trước 75 để kiếm sống qua ngày” trước khi chuyển sang bán quán kiếm sống qua ngày ... Phan Ni Tấn thuộc hạng văn nghệ đa tài đa dạng, nên ông sinh hoạt, quen biết nhiều nhà văn, thơ, nghệ sĩ và nhạc sĩ – ông cũng đã phổ nhạc khá nhiều thơ của nhiều nhà thơ từ nhiều thập niên qua và thơ ông cũng được các tri âm nhạc sĩ phổ nhạc!

Chủ yếu là cảm xúc, hoài niệm về quá khứ và quê hương đất nước, nhưng “ngòi viết” Phan Ni Tấn như “thần” khi viết về những “bánh buýt”, “trường xưa, bạn cũ”, “con Dế”, ..., và nhất là về người bạn đời mà ông âu yếm gọi là “Con Bạn”: “... con bạn về với tôi gần 40 năm, tóc đã muối tiêu mà cái nét thuần lương vốn có của người phụ nữ phương đông nó thấm vào huyết quản sao mà dễ thương quá chừng chừng. Có được con bạn chí tình chí nghĩa này ai mà không sướng sướng trời xanh. Nhất là những ngày cuối năm sắp Tết.

Nói “sướng” là sướng làm sao? Thì đây, nói nghe chơi: Hồi còn sung sức, cứ tới 23 tháng Chạp là tôi lẳng xăng phụ con bạn vàng quét dọn trong nhà ngoài ngõ, lau chùi bếp núc, lễ mễ cúng kiếng tiễn ông Táo về trời. Con bạn của tôi mau mắn lắm. Tay liền tay, miệng liền miệng, năm nào cũng nhờ hai Táo nhà ta lên trên nhớ tâu với Ngọc Hoàng Thượng Đế làm ơn ban phúc cho thế giới hòa bình, muôn dân no ấm, gia đình hai họ tụi tôi thân tâm an lạc. Rồi nường lòn lén xì xầm thêm cái gì thì tôi không nghe nên không biết.

Nghĩ mà thắc cười. Xưa nay Táo quân ở yên trong bếp thì không sao, mà hễ sanh tật làm biếng, ham vui chạy ra đường thả dê, không bị lính bắt cũng bị mang tiếng “công xúc tu sĩ”. Bị tại từ ngày ra đời Táo nhà ta có được mặc quần bao giờ đâu nà, cứ... ở truồng miết hà. Phong tục gì kỳ cục. Từ ngày Táo ta theo đồng bào mình di tản qua xứ người, đặc biệt ở xứ tuyết, mỗi năm cứ tới 23 tháng Chạp trời buốt giá, tuyết bay tá lả, nhà nhà đều thành tâm cúng kiếng tiễn ông Táo về trời. Thấy hàng hàng lớp lớp nhà Táo thăng thiên mà tội nghiệp cho mấy ông. Là vì có “me-xù” Táo nào được mặc quần đâu, nên “xù” nào cũng... lạnh teo. Riêng hai Táo nhà tôi được con bạn vàng trang bị đầy đủ nào mũ cánh chuồn, nào quần là áo lụa, ủng cao cỡi cá chép về trời mà mặt mày vênh váo hí ha hí hửng thấy... bắt ghét. Sống ở chốn phồn hoa đô hội, văn minh dàn trời mà con bạn quê quít của tôi vẫn ôm riết ba cái phong tục tập quán của ngày ta ngày tết tuy mệt nhưng tôi thấy cũng dễ thương quá xá ể...”.

Ngòi Viết Lang Thang cho thấy ở Phan Ni Tấn một tình yêu quê hương và tình người chân thành mà con chữ dù văn hoa đến mấy cũng không che giấu được. Gốc rễ địa lý dù đã bị bứng gốc, chặt ngang, còn lại là những vết thương, những u hoài của ngày tháng, nhà văn vẫn ân cần “lang thang” đi tìm lý lịch và chân dung của

chính mình và người thân, bạn bè còn mất như một cái cớ và đã đụng chạm với mọi đa đoan, góc cạnh của đời sống. “Ngòi viết” của tác-giả như tung hoành trong một thế giới có thật hay đã từng như vậy nhưng đã được sáng tạo, hình dung ra theo một cách thế riêng. Tùy-bút hay tạp-ghi là một thể loại “ký” tự do ở đề tài, có thể thu gọn trong một đoạn văn (kiểu “chớp”) và cũng có thể dài cả tập.

Quan trọng là tác giả viết về sự, chuyện gì và viết như thế nào, từ vị thế nào. Vả lại, tác giả và người đồng thời cũng như từng sinh sống chung, cùng nơi, cùng hoàn cảnh, đã là những chất liệu sống động, tạo hồn cho “ngòi viết”. Từ những bước chân “du ca” của ngày nào, Phan Ni Tấn đã tiếp tục lang thang qua các sáng tác vận dụng bút pháp tùy bút, nhiều khi cũng có thể là những cái cớ để ông thả hồn về một thời quá vãng hoặc chỉ để đơn thuần rung cảm!

Khi đến với *Ngòi Viết Lang Thang* là chúng tôi đã đến với tâm trạng “buôn”, “vùng cao”, “nhập cuộc”, nhưng khi đọc đến những trang cuối, tâm trạng này vẫn như không rời bỏ; chúng tôi nghĩ đó là do “ngòi viết” của tác giả Phan Ni Tấn đã thành công để lại nơi tâm hồn người đọc vậy!

NGUYỄN VY KHANH

Toronto 27-5-2019



PHAN TÂN HẢI

BÀI THƠ VIẾT TỪ ĐẢO GALANG

Tôi ngồi nơi góc
biển, học lại Anh văn từng chữ, từng
tiếng, một thời đã học những ngày mới
lớn, một thời thơ dại chữ nhớ, chữ
quên, tập đọc những câu
hỏi đường, hỏi phố, hỏi
tên, tập nói tiếng người về chiếc ghế, chiếc
bàn -- em có nghe giọng tôi như khóc
với từng lời tan vào bờ sóng Galang
phải chi tóc râu tôi ngưng
mọc, để nhâm mãi chữ U, chữ
S là chữ Việt, chữ
Nam.
Bên ni là
biển, bên kia là
nhà -- em có bao giờ nhận ra
giữa những âm vang bạt ngàn mưa gió
có lời tôi gọi em thương nhớ

gửi theo mưa từ đảo rất xa
 về rơi trên Sài Gòn một thời tuổi nhỏ
 lời tôi đọc chữ ai, chữ ti vẫn
 nhầm với chữ i, chữ tờ
 thương ơi dù chỉ mới nắm tay, vẫn chưa
 có một nụ hôn để nhớ
 thương ơi không dám nói bao giờ
 tôi sẽ về lại để rồi
 sẽ quên một thời
 bỏ chạy.

Bên ni là
 biển, bờ xa kia là
 nhà cùng với nỗi nhớ, mỗi ngày tôi thức
 dậy vẫn như thời ôm sách vẫn ê
 a vẫn trong tôi không ngừng trôi
 chảy những âm vang sông Hương, sông Đà
 vẫn trong tôi sừng sững núi Cẩm, núi Bà
 rừng mãi xanh như tóc thời thơ dại
 vẫn nhớ ơi là nhớ về một thời
 nghe bạn kể chuyện xưa Từ Hải
 cùng giấc mơ, mỗi ngày tôi thức dậy
 thấy hồn mình tan theo biển sóng quê người
 thấy thơ mình rất
 lạ, chữ không
 lời.

PHAN TẤN HẢI

(Galang, 1984 - California, 2019)



NGUYỄN MINH TRIẾT

HÌNH TƯỢNG RỒNG TRONG VĂN HÓA VIỆT

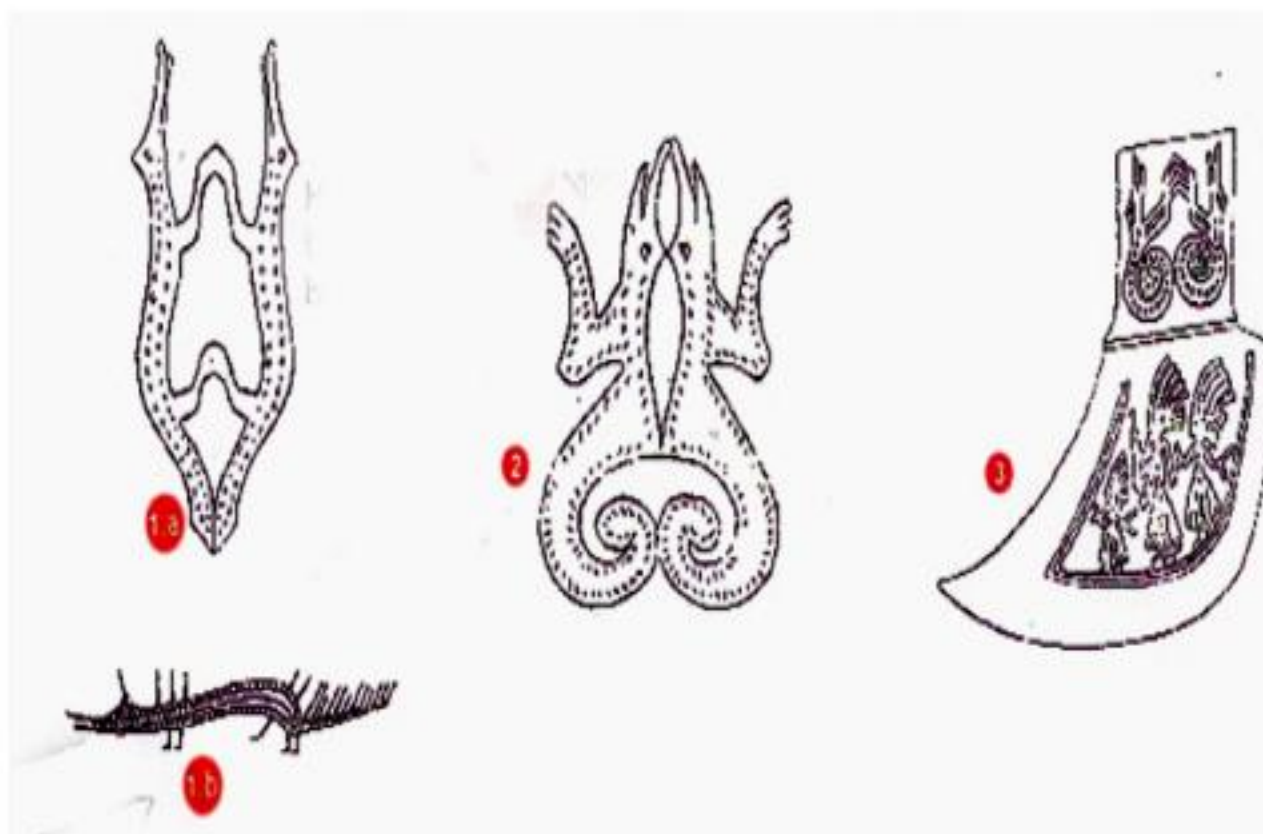
Rồng là một loài vật xuất hiện trong thần thoại phương Đông và phương Tây. Trong cả phương Đông lẫn phương Tây, hình ảnh loài rồng đều được biểu thị cho loài linh vật huyền thoại có sức mạnh phi thường vì rồng là một linh vật kết hợp tất cả năng lực của các con vật thượng đẳng trong vũ trụ. Rồng ở các nước phương Đông có nhiều khác biệt với rồng ở các nước phương Tây. Tại các nước châu Á rồng là con vật linh thiêng biểu hiện của cái Thiện trong khi các nước châu Âu lại coi rồng là biểu tượng của cái Ác.

Rồng Việt cũng là một loài vật linh và được xuất phát từ truyện thần thoại Lạc Long Quân và Âu Cơ. Theo truyền thuyết, vua Kinh Dương Vương cưới con gái vua Động Đình là Long nữ sinh ra Sùng Lãm. Khi Sùng Lãm nối ngôi cha vì là giống rồng nên xưng là Lạc Long Quân. Sau đó, Lạc Long Quân giống rồng đã kết duyên cùng Âu Cơ giống Tiên và sinh được 100 trứng, mỗi trứng nở ra thành một người con trai. Những người con này khi lớn lên đều

là những người trí dũng song toàn. Người con đầu khi lên ngôi vua lấy hiệu là Hùng Vương thứ nhứt lập ra nước Lạc Việt. Có tất cả 18 đời Hùng Vương thay nhau trị vì một nước Lạc Việt an bình thịnh vượng.

Rồng Việt theo huyền thoại là một linh vật mình rắn có chân, vảy cá chép gồm 81 vảy dương và 36 vảy âm, có bờm, mũi sư tử, sừng hươu và móng chim ưng., tuy không có cánh nhưng có thể bay trên không, đồng thời lại có khả năng tung hoành dưới nước, có khả năng góp mây, hút nước phun mưa cũng như có thể gây sóng to gió lớn ở biển khơi. Khi rồng nằm yên thì trời quang biển lặng, nhưng khi rồng cử động thì "đại hải dậy ba đào", biển Đông nổi sóng....Đặc biệt là thân rồng nếu chẳng may bị chặt đứt, rồng vẫn không chết và những đoạn đứt sẽ được liền lại. Do đó rồng đối với người Việt Nam là rắn thẳng hoa cao quý rất linh thiêng, có sức mạnh vô địch, hùng dũng oai phong, biến hóa vô cùng. Rồng cũng tượng trưng cho yếu tố dương trong quan niệm âm dương.

Theo các sử sách về khảo cổ thì hình tượng rồng Việt xuất hiện đầu tiên tại các bộ tộc ở vùng lưu vực sông Dương tử, rồi sau trở thành vật tổ của giống dân Lạc Việt (hình 1a). Lưu vực sông Dương tử, nơi phát nguyên của các bộ tộc Bách Việt trong đó có bộ tộc Lạc Việt là vùng sông nước đầm lầy rất nhiều cá sấu mà người Tàu gọi là giao long. Do đó từ thời xa xưa các bộ tộc Bách Việt đã tôn sùng cá sấu như một con vật linh thiêng, vì chúng đại diện cho sự trù phú và sức mạnh. Vì người dân chủ yếu sống bằng nghề đánh cá nên họ có tục xăm mình cho giống giao long để tránh nguy hiểm khi mưu sinh trên sông hồ. Họ đã thần thánh hóa loài cá sấu tức “Giao Long” bằng cách tô điểm cho hình hài con cá sấu nhiều chi



tiết tưởng tượng và cũng nhiều ý nghĩa hơn. Từ đó hình tượng Rồng được hình thành rồi cùng với hình tượng chim Lạc thuộc giống Tiên biến thành cặp đôi vật tổ Tiên Rồng của giống giòng Lạc Việt.

Khởi đi từ con rồng - cá sấu tìm thấy khắc trên thạp đồng Đào Thịnh có niên kỷ khoảng 2000 năm trước Công nguyên, con rồng Việt trong lịch sử đã biến đổi nhiều do sự tích hợp các yếu tố du nhập từ bên ngoài. Hình tượng tiếp theo là rồng đầu cá sấu, đuôi là hình rắn cuộn (hình 2) đào thấy ở Ninh Bình. Đến thời Đông sơn khoảng thế kỷ thứ 5 đến thứ 3 trước CN, rồng Việt tìm thấy in trên mảnh sành được phát hiện ở Bắc Ninh: có đầu ngắn hơn và cổ dài, thân mèo, vây lưng là những đường vạch dài, râu và lông ở khuỷu chân đã có hình dạng đặc trưng của con rồng Đại Việt.(hình 4).

Đến thời phong kiến Việt Nam, hình tượng rồng được thay đổi tùy theo mỗi triều đại. Thời đại nhà Ngô hình tượng rồng thể hiện trên một viên gạch tìm thấy ở Cổ Loa, cũng thân mèo nhưng chiều dài chung ngắn hơn thời trước và lưng có vây cá.(hình 5)

Thời nhà Lý hình tượng rồng có hình rắn và uốn nhiều khúc hình sin nhẹ nhàng thanh thoát và thon nhỏ dần về phía đuôi ngoắt lên. Đầu ngẩng cao, có bờm và râu dài, mắt lồi, trên mũi có mào dài đưa về phía trước nhưng không có sừng, chân có 3 móng, miệng rồng há rộng và có ngậm viên châu biểu tượng sự sang trọng, quý phái của triều đại Lý. (hình 6). Rồng Lý mang biểu trưng văn hóa nông nghiệp lúa nước: cầu mùa màng, lúc này chưa ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa. Do đó nói đến biểu tượng rồng Việt Nam là nói đến rồng thời Lý.

6- Rồng nhà Lý

Đến thời nhà Trần rồng vẫn giữ dáng dấp như thời Lý nhưng có nhiều biến đổi với thân tròn lẳn, mập mạp, lưng uốn khúc nhẹ nhàng có hình yên ngựa, đuôi có nhiều dạng, khi thì đuôi thẳng và nhọn, khi thì xoắn ốc. Miệng Rồng há to nhưng không đớp quả cầu. Rồng thời Trần lượn khá thoải mái với động tác dứt khoát, mạnh mẽ. Cách thể hiện Rồng không chịu những quy định khắt khe như thời Lý. Rồng nhà Trần khỏe và dũng mãnh vì thời Trần 3 lần chống quân Nguyên-Mông. Có thể do cuộc sống chinh chiến nhiều nên cũng ảnh hưởng đến phong cách rồng trong nghệ thuật. Rồng nhà Trần có thể cho là rồng-võ trong khi rồng nhà Lý là rồng-văn.

Rồng thời nhà Hồ, thân hình mập mạp, sung sức, táo bạo.



Rồng mang phong cách của những người có nhiều cải cách.

Rồng thời Lê thay đổi hẳn vì đã du nhập nhiều nét dạng của rồng phương Bắc vì Khổng giáo lúc đó đang thịnh hành tại Việt Nam. Hình tượng rồng không còn uốn lượn đều đặn nữa mà ở trong nhiều tư thế khác nhau. Đầu rồng to có hình đầu sư tử với chiếc mũi to và bờm ngược ra sau. Mép trên của miệng rồng kéo dài nhưng được vuốt gần như thẳng ra, bao quanh có một hàng vảy răng cửa kết lại như hình chiếc lá. Lông mày và chiếc sừng hai chạc, đầu sừng cuộn tròn lại. Rồng có râu ngắn và một chân trước thường đưa lên đỡ râu, tư thế thường thấy ở các rồng đời sau. Thân chỉ uốn khúc có 2 nơi, chân có 5 móng nhọn quắp lại trông rất dữ dằn. Rồng thời Lê tượng trưng cho quyền uy phong kiến và bắt đầu từ thời đại này xuất hiện quan niệm về Tứ Linh.

Thời Tây Sơn phục hồi hình dạng của rồng đời Trần và Lê Sơ: thân rồng đẹp, mềm mại và cái đầu dũng mãnh. Hình rồng này được tìm thấy trên đồng tiền Cảnh Thịnh (1792-1802).

Rồng thời Nguyễn trở lại nét vẻ uy nghi tượng trưng cho sức mạnh thiêng liêng; được thể hiện ở nhiều tư thế, ẩn mình trong đám mây, hoặc ngậm chữ thọ, hai rồng chầu mặt trời, chầu hoa cúc... Phần lớn thân mình không dài ngoằn mà uốn lượn vài lần với độ cong lớn với đuôi dài có hình xoắn ốc và toả nhiều vây dạng đao lửa. Đầu to, sừng giống sừng hươu chĩa ngược ra phía sau. Mắt thì lộ lớn, mũi sư tử, miệng há lộ răng nanh. Chân cá sấu có 5 móng như móng chim ưng. Hình tượng rồng dùng cho vua có năm móng, còn lại là bốn móng. Trong kiến trúc và trang trí người ta thường dùng hình tượng hai con rồng chầu mặt trời hoặc chầu chữ Thọ... Rồng nhà Nguyễn cũng biểu tượng cho vua, uy lực vương quyền nhưng so với rồng Lê sơ thì rồng Nguyễn chỉ còn vẻ dọa nạt bên ngoài - cái hung hãn của Nho giáo đi vào giai đoạn suy thoái.

Đến thời đệ nhị Việt Nam Cộng hòa, rồng Việt cũng xuất hiện lại trên quốc huy và quốc ấn của Việt Nam Cộng Hòa nhưng hình tượng rồng Việt không nhẹ nhàng uyển chuyển như thời Lý, không có khí thế dũng mãnh như thời Trần hoặc thời Nguyễn mà là một hình tượng rồng thô cứng, đơn sơ và nhỏ bé hơn nhiều.

Như vậy trong 1000 năm bị Tàu đô hộ và trong hoàn cảnh chung của chánh sách Hán hóa, hình tượng con rồng Việt đã bị biến

đổi theo các xu hướng giống với con rồng của người Hán. Đến khi dành được độc lập, thời kỳ nhà Lý lên nắm quyền cai trị, đặt tên nước là Đại Việt, Việt Nam mới có được hình tượng con rồng cho riêng mình và khác với con rồng Trung Hoa. Văn hóa Đại Việt nói chung, trong đó có mỹ thuật đã khẳng định được đẳng cấp và sự độc lập trong nghệ thuật biểu hiện của mình. Hình tượng rồng Đại Việt đã xuất hiện trong việc trang trí kinh thành lộng lẫy, chùa chiền đồ sộ...đánh dấu một giai đoạn hoàng kim của văn hóa Việt tộc

Nói chung hình tượng rồng Việt đã được tạo nặn từ chất liệu văn hóa dân tộc, kết hợp với yếu tố văn hóa Chăm Đông Nam Á và văn hóa Trung Hoa. Rồng Việt tuy có bị ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa nhưng Rồng Việt trong trang trí, kiến trúc, điêu khắc và hội họa là hình rồng mang bản sắc riêng, theo trí tưởng tượng của người Việt. Đặc biệt rồng Việt tượng trưng cho sự cao sang và sự cường thịnh nên rồng ở Việt Nam cũng là biểu tượng của vua. Tất cả những gì liên quan đến vua đều có hình tượng rồng. Triều đình nơi các quan hội họp gọi là sân rồng, thân thể vua gọi là mình rồng, giấc ngủ của vua gọi là giấc rồng, áo của vua dùng khi vua thiết đại triều hay tham dự đại lễ có thêu hình rồng gọi là long bào, giường chạm rồng nơi Vua ngủ là long sàng... Hình tượng rồng còn được trang trí xoắn quanh các trụ cột trong cung vua, bàn ghế, chén đĩa vua dùng cũng có hình rồng... Tất cả hình rồng trang trí của vua đặc biệt là trên long bào đều có hình rồng 5 móng. Lễ phục của hoàng tử và các đại quan trong triều chỉ được trang trí với hình rồng 4 móng. Dân gian cũng có thể dùng hình rồng trong trang trí, nhưng hình rồng của dân chỉ được có 3 móng mà thôi. Hình rồng cũng thường được tạc vào đá tại các nơi thờ tự như biểu tượng linh thiêng canh giữ chùa chiền. Ở các đình, chùa, đền, miếu hình ảnh rồng mang đến một vẻ đẹp tôn nghiêm và trang trọng. Rồng gắn liền với hình ảnh thần, Phật trong tín ngưỡng tâm linh của người Việt qua bao đời. Trong gia đình, hình rồng thể hiện tính trang trọng và uy nghiêm của bàn thờ gia tiên, rồng được chạm trổ trên ngai thờ hay bài vị, vẽ trên lư hương, chạm lộng trên cơi thờ.

Ngày nay, hình tượng Rồng Việt tuy không còn mang tính chất thiêng liêng, tối thượng nhưng vẫn được đưa vào trang trí cho các công trình kiến trúc, hội họa, chạm, khắc nghệ thuật... Dù ở

bất cứ thời điểm nào, rồng vẫn là một phần trong cuộc sống văn hóa của người Việt, đã đi in đậm dấu ấn trong văn hóa đời sống, tín ngưỡng cũng như tâm linh của người Việt và luôn có những đặc trưng như sau:

* Thân rồng uốn hình sin 12 khúc, đại diện 12 tháng trong năm, biểu trưng cho sự thay đổi thời tiết năm tháng, sự trù phú và phồn vinh của nền văn hóa nông nghiệp lúa nước. Thân mềm mại trên lưng có vây nhỏ liên mạch và đều đặn uốn lượn thể hiện sự biến hóa và khả năng thay đổi, dịch chuyển thiên nhiên. Rồng cai quản thời tiết, mùa màng..

* Đầu rồng là phần rất đặc biệt, hoàn toàn khác rồng Trung Hoa. Nó có bờm dài, râu cằm, không sừng trong khi rồng Trung Hoa thường có sừng. Rồng Việt mắt lồi to, hàm mở rộng có răng nanh, đây là điểm hoàn toàn khác với các con rồng của các nước khác. Đặc biệt là cái mào ở mũi đều đặn không phải là cái mũi thú như rồng Trung Hoa. .

* Miệng rồng luôn ngậm viên châu, ở Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc rồng hay cầm viên châu bằng chân trước. Viên châu tượng trưng cho tính nhân văn, tri thức và lòng cao thượng. Đầu rồng luôn hướng lên đón lấy viên châu thể hiện tinh thần tôn trọng các giá trị nhân văn cao quý, theo đuổi sự uyên bác và tinh thần cao thượng.

Những đặc trưng ấy được đặt lên trên tất cả các giá trị khác kể cả sức mạnh và sự thống trị thường thấy của một con rồng phương Đông. Toàn thân rồng Việt toát lên sự uyển chuyển và một sức căng rất lớn từ cái vươn chân dài, đầu ngẩng cao, dáng đầu rực lửa thể hiện cho khí thế hùng hực muốn chinh phục các giá trị văn minh nhất của phương Đông cổ đại.

Căn cứ trên các nét chung ấy rồng Việt là một hình tượng rồng hoàn hảo về mỹ thuật, có cá tính rõ ràng và đặc trưng cho dân tộc Việt, tiếc rằng nó đã bị biến thể phần nào khi nhà Minh xâm lược Việt Nam đã cố ý hủy diệt hình tượng rồng Việt và cũng bởi sự sùng bái văn hóa Hán của một vài triều đại phong kiến.

Họa tiết đầu rồng ở chùa Hương Hình rồng trên mái nhà Việt

Cũng do ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa, từ thời nhà Lê văn hóa Việt Nam đã du nhập bốn linh thần của văn hóa Trung Hoa gồm Thanh Long, Bạch Hổ, Huyền Vũ và Chu Tước vào văn hóa Việt nhưng biến đổi thành 4 linh vật là Tứ linh gồm Long, Lân, Quy, Phụng. Giống như bốn linh thần của Trung Hoa, bốn linh vật này chỉ bốn chòm sao ở bốn phương trời mang bốn nguyên tố tạo thành trời đất theo quan niệm của phương Đông là lửa, nước, đất và gió. Tứ linh cũng tượng trưng cho âm dương hài hòa vì Lân và Phụng là giống mái nên thuộc Âm, còn lại Long và Quy là giống đực nên thuộc Dương. Trong bốn con vật linh thiêng này chỉ có con rùa là có thật.

1. Long: là rồng đứng đầu trong Tứ linh và là con vật thần thoại. Nguồn gốc của rồng bắt nguồn từ văn hóa Việt sau đó mới du nhập vào văn hóa Trung Hoa. Trong các triều đại cổ của nước Tàu vua có biểu tượng là kỳ lân, trong khi tại Việt Nam tục xăm mình có hình rồng lại có từ thời Hùng Vương và hình tượng rồng cũng đã hiện diện trong Sử Ký nước ta khi vua Lý Thái Tổ, dời đô từ Hoa Lư về La Thành thấy có một con rồng vàng xuất hiện bay thẳng lên trời nên nhà vua đã đặt tên cho kinh đô mới là Thăng Long. Tuy cùng dùng hình tượng rồng nhưng như đã trình bày ở phần trên hình dạng rồng Tàu và rồng Việt không giống nhau.

2. Lân: là con vật có đầu nửa rồng nửa thú, chỉ có một sừng, do không húc ai bao giờ nên sừng này là hiện thân của từ tâm. Phần nhiều lân có hình giống như con hươu nhưng lớn hơn, mình có vẩy, đuôi giống như đuôi trâu, chân giống chân ngựa, không ăn sinh vật, tánh rất hiền lành, độ lượng nên còn được gọi là nhân thú tức con thú có lòng nhân. Lân có thể sống được 1000 năm. Lân là con thú cái, còn con đực thì gọi là Kỳ, nên gọi chung là Kỳ Lân. Theo tín ngưỡng dân gian Việt Nam, Lân tượng trưng cho sự thái bình và minh chúa cũng như tượng trưng cho phúc lộc và thịnh vượng. Trong lãnh vực gia đình một đôi Kỳ Lân bằng gốm là vật khí mang lại sự bình an thuận hoà và là lời chúc con cái thông minh hiếu thảo, học hành giỏi giang.

3. Quy: là con vật cao quý có hình dạng như rùa, chuyên ăn rau cỏ, nhiều khi không ăn, chỉ hấp sương mà sống. Quy sống rất

lâu năm, nếu Quy sống được 5 ngàn năm thì gọi là Thần Quy, nếu Quy sống được 10 ngàn năm thì gọi là Linh Quy. Quy đã xuất hiện trong các truyện cổ tích Việt như trong thời An Dương Vương với móng rùa làm nỏ thần, thời Lê Lợi với rùa dâng bảo kiếm cho vua đánh ngoại xâm rồi sau đó đòi lại. Hình tượng rùa đội bia bắt đầu xuất hiện từ năm 1126 ở chùa Linh Ứng, Thanh Hóa và đến tận thế kỷ 15 mới thấy thêm hình tượng rùa đội hạc Theo quan niệm dân gian hình tượng rùa đội bia, đội hạc tượng trưng cho hạnh phúc, phát triển và sự chịu đựng.

4. Phụng: là con chim phụng hay phượng là loài chim có bộ lông ngũ sắc rất đẹp, được xem là vua loài chim và có thể sống từ 500 đến 1.000 năm. Con chim trống gọi là Phụng, con chim mái gọi là Hoàng, nên nói “Phụng Hoàng vu phi” nghĩa là: chim Phụng và chim Hoàng bay với nhau, để chỉ đôi vợ chồng hoà hợp. Nhưng cũng có sách nói là: Phụng là con chim trống, Loan là con chim mái, nên nói “Loan Phụng hoà minh” nghĩa là: chim Loan và chim Phụng hòa nhau tiếng hót, để chỉ đôi vợ chồng hòa hợp Vì thế phụng là hình tượng của thánh nhân, của hạnh phúc. Nếu rồng có yếu tố dương, tượng trưng cho vua chúa thì phụng lại có yếu tố âm nên tượng trưng cho hoàng hậu và người đàn bà.

Bốn loài Long, Lân, Qui, Phụng đều có tánh linh nên được gọi là **Tứ Linh**, mỗi khi xuất hiện ở đâu là đem lại điềm lành nơi đó, báo hiệu có Thánh nhân ra đời, tạo lập cuộc sống thái bình thịnh vượng. Vì tánh cách linh thiêng và may lành đó nên trong những ngày Tết, người Việt cũng như Tàu thường rước Lân và Rồng đến múa vì người ta tin tưởng rằng, con Lân, con Rồng sẽ đem lại điềm lành và điều may mắn cho gia đình. Mặt khác, hình tượng Tứ linh cũng từ điển tích văn học đi vào cuộc sống của người dân qua nghệ thuật trang trí tủ thờ, tranh khảm sa cừ, thậm chí ngay cả nghệ thuật múa cung đình.. Thêm vào đó, các đồ vật trong các đền, chùa ở Việt Nam cũng thường được trang trí chạm khắc hay vẽ hình Tứ Linh.

Ngoài ra, trên khía cạnh văn học, vì rồng tượng trưng cho điều cao quý nên biểu tượng rồng mang một giá trị vô cùng lớn lao và thiêng liêng nhưng lại rất gần gũi, rất thân thiết với con người Việt. Do đó biểu tượng rồng ngoài việc được dùng trang-trí cho các

công-trình kiến-trúc, hội-họa, chạm, khắc nghệ-thuật...và có mặt trong 12 con giáp hình tượng rồng còn thấy hiện diện trong ngôn ngữ của người dân Việt mà sau đây chỉ là vài thí dụ:

“Rồng gặp mây”: để chỉ một tình trạng thuận lợi,

“Đầu rồng đuôi tôm”: để nói một tình trạng khởi đầu tốt nhưng kết cuộc xấu,

“Rồng bay, phượng múa”: để chỉ một người tài giỏi về thu pháp,

“Rồng đen lấy nước thì nắng, Rồng trắng lấy nước thì mưa: chỉ kinh nghiệm của con người khi quan sát trời, biết được chuyện mưa nắng

“Rồng đến nhà tôm”: để chỉ người chủ nhà tiếp khách đã khiêm tốn ví mình như tôm thấp hèn và khách như rồng cao sang,

“Ăn như rồng cuốn, nói như rồng leo, làm như mèo mửa”: để ví một người ăn to, nói lớn nhưng làm chẳng ra gì.....

Mặt khác, ý niệm rồng cũng đã thấm sâu vào tâm thức người dân Việt nên biểu tượng rồng cũng rất phổ biến trong ca dao mà sau đây chỉ là một phần nhỏ của kho tàng văn học bình dân đó:

*Rồng chầu ngoài Huế, ngựa tể Đồng Nai
Nước sông trong chảy lộn sông ngoài
Thương người quân tử lạc loài tới đây
Bây giờ rồng mới gặp mây
Sao rồng chẳng thở với mây vài lời.*

*Lấy chồng theo thói nhà chồng
Chồng đi hang rắn, hang rồng cũng đi*

*Thế gian được vợ hồng chồng,
Đâu có như Rồng mà được cả đôi?*

*Bồng bồng bồng bông
Trai ớn vua châu chực sân rồng,*

*Gái ớn chồng ngồi vồng ru con
 Ớn vua xem nặng bằng non,
 Ớn chồng đội đức tổ tông đôi truyền
 Làm trai lấy được vợ hiền,
 Như cầm đồng tiền vớ được của ngon,
 Phận gái lấy được chồng khôn,
 Xem bằng cá vượt vũ môn hóa rồng.*

*Hồ ơ... (chớ) Miễn bậu đành ừ
 Qua chẳng từ lao khổ
 Dẫu lên rừng tìm hổ
 Hay xuống biển kiếm rồng
 Trước sau vẫn giữ vẹn một lòng
 Vào lòn ra cúi... (ờ)
 Hồ ơ... (chớ) Vào lòn ra cúi anh cũng một lòng thương em.....*

Một cách tổng quát, từ thuở xa xưa con người nhỏ bé đã cảm thấy bị đe dọa trước sức mạnh của thiên nhiên và mãnh thú nên luôn mơ ước có được một sức mạnh phi thường để đương đầu và chế ngự những đe dọa ở chung quanh. Để thỏa mãn ước mơ đó con người khắp nơi đã vẽ ra hình tượng rồng. Vậy rồng có thể xuất phát từ một loài sinh vật có thật rồi trí tưởng tượng của loài người tô vẽ thêm nhưng cũng có thể chỉ là sản phẩm thuần túy của trí tưởng tượng khi người ta trực tiếp đối diện với sức mạnh siêu nhiên như bão tố, núi lửa, động đất, lũ lụt.... Trong tưởng tượng con người mới có thể hoàn toàn tự do, không bị ràng buộc vào bất cứ quy luật thực tế nào. Được thúc đẩy bởi khát vọng ấy, con người từ thế hệ nọ sang thế hệ kia cứ mặc sức đem trí tưởng tượng mà tô vẽ, mà điểm xuyết vào cơ thể một con vật tưởng tượng, từ đó mà thành Con Rồng với những mẫu mã thiên biến vạn hóa. Cho nên con Rồng do con người tưởng tượng ra vừa biết trườn như rắn, lại thêm chân, thêm móng, vừa có thể bay trên trời, vừa bơi trong nước, lại vừa chạy phom phom trên bộ như khủng long...Rồng có thể hút nước, phun mưa, lại khạc ra lửa, làm chủ trên mọi môi trường, mọi địa hình, địa vật. Nói theo kiểu ngày nay Rồng một mình gồm tất cả binh chủng từ Hải Lục Không quân đến Thủy quân Lục chiến, Thiết giáp. Con Rồng Việt cũng có sức mạnh tổng hợp vô song đó.

Huyền thoại về nguồn gốc một dân tộc thường tùy thuộc vào hoàn cảnh sinh hoạt thực tiễn rồi thăng hoa theo trí tưởng tượng sáng tạo của những phần tử ưu tú trong tập thể dân tộc đó. Sự thăng hoa, tô vẽ đều nhằm đề cao nòi giống và dân tộc của mình. Dân tộc Việt Nam cũng ở trong định luật ấy. Nhưng có một điều khác biệt độc đáo, đó là huyền thoại về nguồn gốc dân tộc Việt mang những biểu tượng hàm ý đối kháng với một dân tộc to lớn ở phương Bắc là Trung Hoa. Bên cạnh một nước lớn gấp hàng chục lần về diện tích và dân số, Trung Hoa lại là nước luôn có tham vọng gồm thâu và Hán hóa các nước lân cận nên nước Việt Nam nhỏ bé phải có phương cách hữu hiệu để đương đầu và sinh tồn.

Theo huyền thoại người Hán tự cho nước mình là Trung Quốc tức là quốc gia ở trung tâm của vũ trụ, đôi khi còn xưng là Thiên quốc mang đầy ý thức tự cao tự đại vì Trời là hình tượng lớn nhất và ở trên tất cả mọi dân tộc, bao trùm vạn vật. Để đối kháng lại sự tự tôn tự đại đó, tổ tiên của dân Việt đã sáng tạo nên huyền thoại Tiên-Rồng một cách tuyệt vời để nói về nguồn gốc của dân Việt hầu tạo cho con cháu lòng tự tin vào sức mạnh của dân tộc. Hình ảnh Rồng là một linh vật kết hợp tất cả năng lực của các con vật thượng đẳng trong vũ trụ, có sức mạnh thiên biến vạn hóa nên không có một mãnh lực nào có thể đối kháng với sức mạnh của Rồng. Hơn nữa Rồng còn có phẩm tánh "Uy vũ bất năng khuất", không chịu nhượng bộ trước sức mạnh và oai quyền của người khác nên đã tạo cho dân Việt tinh thần quật cường, bất khuất. Vì vậy lịch sử Việt Nam là một lịch sử trường kỳ đối kháng với bất kỳ một thế lực ngoại bang hay kẻ thù nào. Nhờ đó mà dù với khả năng đồng hóa siêu đẳng cộng thêm sức mạnh của bạo lực và những thủ đoạn chánh trị thâm độc được áp dụng trong suốt hơn 1000 đô hộ Việt Nam người Tàu vẫn (và sẽ) không thể đồng hóa được dân Việt. Tương tự, thực dân Pháp với sức mạnh của kỹ thuật chiến tranh tân tiến cũng phải vỡ mộng đế quốc và tụt nhục ra đi sau hơn 100 năm điều đứng vì sự đối kháng kiên trì của dân Việt. Và đó là tất cả ý nghĩa và sức mạnh tiềm tàng của hình tượng Rồng cũng như của câu chuyện con Rồng cháu Tiên mà tổ tiên Việt muốn truyền đạt lại cho con cháu.

NGUYỄN MINH TRIẾT

Tài liệu tham khảo:

1. *Vĩnh Nhu etc...: Tinh Hoa Tư Tưởng Việt, Tủ sách Việt Thường*

2. *Tài liệu Internet.*

TÌM LẠI CỘI NGUỒN

Thuở nước non đắm chìm bão lửa
 Năm mươi con theo cha ra khơi
 Cha Lạc Long lòng đau quặn thắt
 Nhìn đàn con thất tán muôn nơi.

Sóng ngàn khơi chân trời rộng mở
 Đàn con thơ lạc đến vô bờ
 Vũ trụ bao la – lòng trống vắng
 Tinh tú càn khôn một chữ vô.

Năm mươi con theo mẹ lên non
 Hẹn cùng cha hai chữ vuông tròn
 Thông trời đất tình sâu nghĩa nặng
 Động Đình Hồ một lòng sắt son.

Biển sâu thăm thẳm áng mây trôi
 Nước xanh trong non cao vời vợi
 Đàn con nhớ mẹ đau lòng đất
 Tình mẹ thương con chất ngất trời.

Mẹ Âu Cơ ngóng đợi đàn con
 Đàn con yêu tìm lại cội nguồn
 Chắp cánh bay tìm về tổ Lạc
 Đem trí nhân dập lửa bạo tàn.

Năm mươi con từ nơi biển ngoài
 Về quê mẹ góp sức dựng xây
 Sách ước xưa đưa đường dẫn lối
 Lời kinh vô tự vắng đầu đây.

Năm mươi, năm mươi cùng hợp nhứt
 Bọc trăm con rạng giống Tiên Rồng
 Bốn biển năm châu vùng Thái cực
 Muôn năm nước Việt rục trời Đông.

LƯU NGUYỄN TỪ THỨC

(Bút hiệu làm thơ của Nhà BKVH/ TS Nguyễn Minh Triết)



Cô con gái bốn mươi tuổi không
Chịu lấy chồng ông bố tám mươi
Tuổi đòi cưới vợ sau thời gian
Ba mươi năm ông sống độc thân

Người vợ ông đã chết khi cô
Con gái ông vừa tròn mười tuổi.
Ba mươi năm ông sống độc thân
Con gái ông lớn lên con gái

Ông trưởng thành trong vòng tay của
Một người đàn ông độc thân là
Cha ruột của mình vừa là tình
Cha con vừa là tình mẹ con

Vừa là tình anh em ruột thịt...
 Cho đến khi ông bố muốn kết
 Hôn với một người phụ nữ xấp
 Xỉ tuổi con gái mình không ai

Bảo ai cả ông bố và cô
 Con gái đều chủ động trở về
 Ốc đảo của mình ông bố bỗng
 Nhiên trẻ trung trở lại so với

Mớ tuổi chẳng còn trẻ trung gì
 Trong khi cô con gái hốt nhiên
 Già cỗi hơn bởi cô con gái
 Mãi mê tìm một chàng trai so

Le tuổi tác giống ông bố của
 Mình nên cô con gái ngày đêm
 Tìm kiếm những chàng trai kém mình
 Bốn mươi tuổi biết tìm nơi nao

Nên cô đành chấp nhận sống trong
 Ốc đảo độc thân và đành vậy...

ĐỨC PHỔ



Quý độc giả thân mến...

Có bài viết này, tôi vui như người tìm lại được một hạnh phúc bị đánh mất gần 50 năm qua. Với sự đồng ý của Thi sĩ Du Tử Lê cho đăng bài này... Tôi coi như là thắp một nén hương muôn màng, tưởng niệm một “Vị Ân Nhân” của tôi là Thi sĩ Kim Tuấn. (Nguyên Phóng Viên Đặc Trách Báo Chí BTL / QĐ II / QK II, rất có uy tín với các sĩ quan cao cấp (thời trước 1975) qua tài năng chuyên môn của ông. Chỉ một cú phone của Thi sĩ Kim Tuấn đã đưa tôi từ chiến trường... về trình thẻ ký giả và được trọng dụng ngay cho ngành chuyên môn..) Tiếp đến, trong thời gian làm việc, điều mà tôi khắc ghi và nhớ mãi, đó là lần tôi về công tác báo chí ở TC/CTCT. Cuộc hội ngộ giữa hai Thi sĩ: Kim Tuấn, Du Tử Lê và tôi... Ba anh em vui cùng một tiệc nho nhỏ tại Cục Tâm Lý Chiến...* (Điều tiếc nuối và xót xa nhất là: Sau khi tôi ra tù cải tạo năm 1982, cho đến ngày tôi đi Mỹ (15/11/1990), tôi không gặp lại anh. Trước ngày đi tôi sang quận 4 tìm anh nhưng không gặp!!)



DU TỬ LÊ

**QUÊ HƯƠNG DÃ QUỲ VÀ,
THƠ KIM TUẤN**

Tôi không biết điều gì, khiến nhiều ngày qua, màu vàng rực rỡ của dã quỳ đã dắt tay tôi trở lại Pleiku? Thành phố tôi không được sinh ra và, cũng không phải là nơi, tôi trải qua phần lớn tuổi trưởng thành của mình. Nhưng đó lại là thành phố gìn giữ cho tôi nhiều kỷ niệm nhất, thời thanh-niên-chiến-tranh. Và, hiện là nơi người bạn trẻ Huỳnh Quang Vũ của tôi cư ngụ. Pleiku trong tôi, thời gian đó, giống như một thứ quê hương của dã quỳ.

Những sườn đồi dã quỳ, đã xâm chiếm, chế ngự, làm tê liệt tâm hồn tôi, ngay từ gặp gỡ thứ nhất. Tôi nhớ, mùa thu, cuối thập niên 1960, tôi tình nguyện chọn Pleiku cho một công tác kéo dài 10 ngày. Mục đích chính của tôi là muốn được gặp bạn: Kim Tuấn, tác giả của những bài thơ sớm trở thành niềm thân thiết của biết bao nhiêu ngàn thính giả ở miền Nam thời đó. Như *Những bước chân âm thầm* hay, *Anh cho em mùa xuân*. Cả hai bài thơ sớm trở thành ca khúc này, đều thấp thoáng chân dung quê-hương-dã-quỳ. Với: “Anh cho em mùa xuân / nụ hoa vàng mới nở / chiều đông nào nhưng nhớ...” (Nguyễn Hiền phổ nhạc).

Tôi biết, có người đã đổi chữ thứ ba “nụ hoa vàng” thành “nụ hoa quỳ”, khi được hỏi, bạn tôi chẳng những không phật lòng mà còn xác nhận: “Đúng! Dùng hai chữ “hoa quỳ” mới đúng ý. Nhưng khi viết bài thơ đó tôi chỉ chọn màu vàng tiêu biểu mà không dùng chữ “hoa quỳ”, vì sợ nhiều người không biết “hoa quỳ”, một thứ hoa dại là hoa gì nên, có thể họ càng không biết tới màu vàng vương giả của nó”.

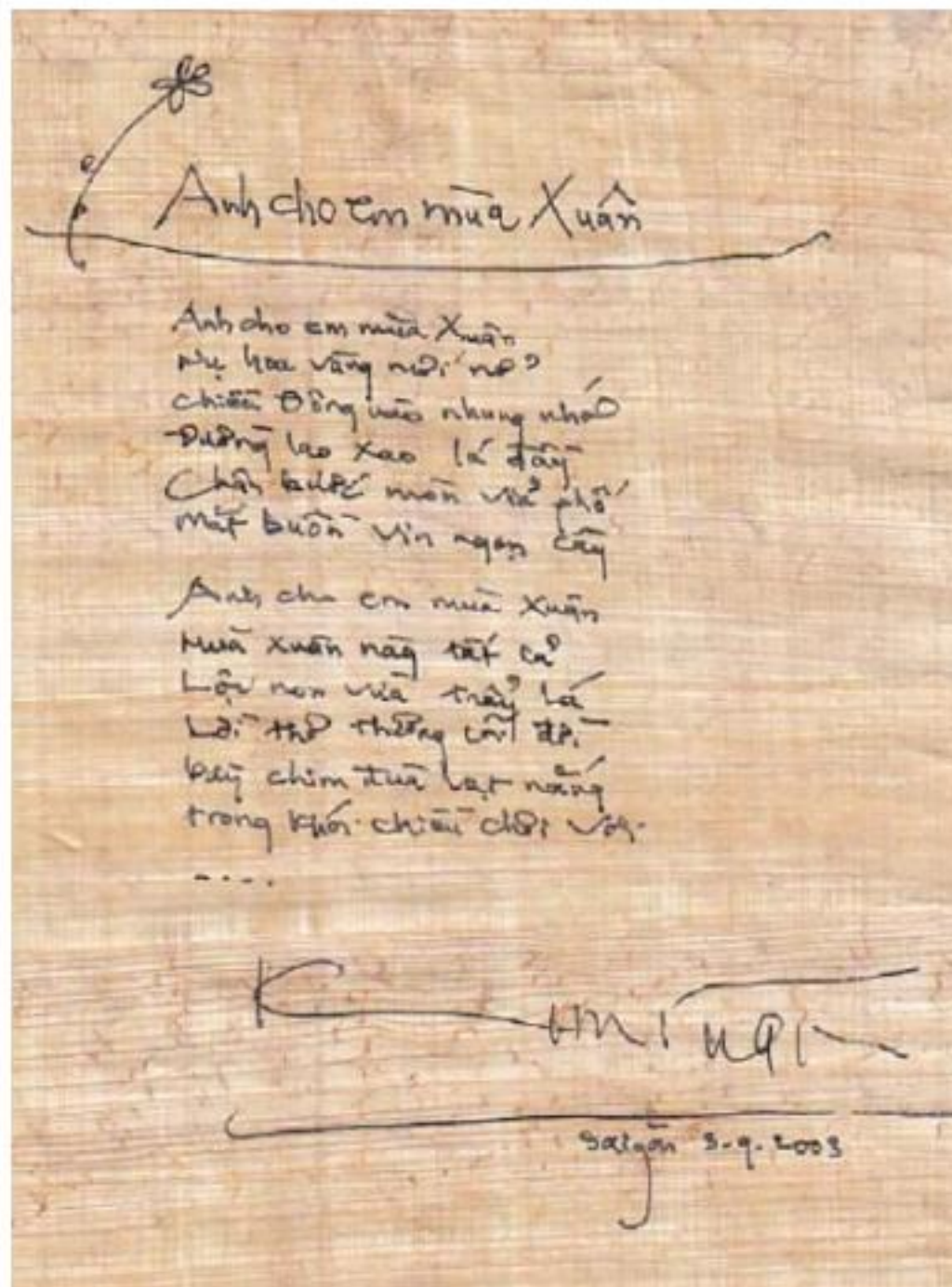


Nhà thơ Kim Tuấn (trái) và nhà thơ Du Tử Lê. Ảnh: TP

Cũng vậy, khi viết bài thơ sau này trở thành ca khúc *Những bước chân âm thầm*, nhạc của Y Vân, nhà thơ Kim Tuấn đã ghi lại nét tiêu biểu của Pleiku thời ông theo gia đình về Pleiku lập nghiệp. Thuở ấy, Pleiku được bao bọc bởi những rừng thông bạt ngàn. Ngay trong thành phố, thông rừng cũng chen chân, kề vai, chia sẻ cái hoang sơ của Pleiku mà, sớm mai là sương mù; nắng lên là cả một bầu trời mây trắng, như tuyết rải trên ngọn, đỉnh những rặng thông không ai biết tuổi... Vì thế, ngay ở khổ thơ mở đầu bài thơ, ông đã viết: “*Từng bước từng bước thăm / Hoa vòng rừng tuyết trắng /*

Rặng thông già lặng câm / Em yêu vì xa vắng? / Cho trời mây ướp buồn...

Và mưa cùng với cái rét gần như quanh năm của núi, rừng, nên, thi sĩ họ Vĩnh gốc hoàng tộc (1), mới lập lại những bước chân không âm vang (thi-nhân của bài thơ) và thời tiết “căm căm cô đơn, lạnh tanh kỷ niệm” như một thứ “đặc sản” của quê hương dã quỳ này: *“Từng bước từng bước thăm / Mưa giữa mùa tháng năm / Tay đan sầu kỷ niệm / Gió rét về lạnh căm / Từng bước chân âm thầm...”* (2)



Thủ bút của Kim Tuấn, ông viết trước khi mất 7 ngày. Ảnh tư liệu tác giả

Đã hơn bốn mươi năm kể từ ngày nhà thơ của chúng ta rời xa dã quỳ, xa rừng thông về định cư Saigon. Cũng đã mười lăm năm kể từ ngày vĩnh viễn chia tay nhân thế, chưa một lần trở lại Pleiku, tôi không biết, ông có hay rằng những “nụ hoa vàng mới nở” và, những “rặng thông già lặng câm” linh hồn của thơ ông trở thành thân thiết biết bao với người yêu thơ (trong đó, có tôi), bây giờ đã phải nhường chỗ cho những tòa building lộng lẫy; những con đường thênh thang, rộng như những đoạn xa lộ ngắn...

Cũng là thơ Kim Tuấn bài *Những điều ghi được trong giấc ngủ* (Thơ xuôi) được nhạc sĩ Phạm Duy soạn thành ca khúc với

nhân đề mới là *Khi tôi về*, bối cảnh vẫn là “*quê hương hoa quỳ*” – đã được ông đích thân nhờ nghệ sĩ Sơn Nguyễn trình bày lần đầu tiên ở Pleiku, đến bây giờ vẫn còn được nhiều người nhớ...

Phần HT may mắn hơn ông. Tôi đã có dịp đưa HT trở lại nơi những bước chân đầu tiên in đậm đời cô giáo khi T rời mái trường Đại học Sư phạm Huế.

May mắn (bất hạnh?) cho tôi, mỗi lần có dịp trở về nơi tôi gọi là “*quê hương dã quỳ*”, là một lần tôi thấy rất rõ, những “*rặng thông già*” chẳng những không còn cơ hội “*lặng câm*” mà đã biến mất. Chúng chỉ còn hiện diện như một thứ cây cảnh, điểm xuyết cho cái không gian Pleiku mở rộng không giới hạn. Và, những vai đôi dành riêng cho “*nụ hoa vàng mới nở*” của bạn tôi, cũng chỉ còn có mặt một cách khiêm tốn, nếu không muốn nói là ngơ ngác giữa một đất trời đã hoàn toàn đổi khác.

Tôi không nhớ bao lần, nhất là những đêm gần đây, tôi hay nằm mơ thấy đưa HT trở lại với những người học trò ngày nào của T.

Cũng như T., những người học trò năm xưa, đã bắt đầu bước xuống sườn đồi bên kia của tuổi tác. Nhưng khi chứng kiến cảnh cô trò ríu rít bên nhau, trong-sáng-tinh-khôi, tình-cảm-vàng-ròng, như những ngày mới lớn, tôi lại cảm động như mỗi lần đọc truyền thuyết dã quỳ, chuyện tình H’ Linh và K’Lang vậy. Với tôi, những hình ảnh ấy, đẹp tới nỗi, tôi đã ao ước đến nao lòng rằng: mỗi năm, đưa T. về Pleiku ít nhất một lần, với những cựu học sinh tình nghĩa, thủy chung của T., như sự tích dã quỳ...

Tôi không nhớ gặp Huỳnh Quang Vũ trong trường hợp nào. Chỉ biết tình cảm chúng tôi dành cho nhau, chí ít cũng đã trên năm năm, khi Đoàn Thạch Hãn còn sống.



Nhà thơ Du Tử Lê (phải) hội ngộ Huỳnh Quang Vũ tại Pleiku, tháng 9.2018.

Ảnh: Sơn Nguyễn

Với tôi, đó là một người trẻ tuổi đặc biệt. Với dáng dấp của một con cò ma, nhưng khả năng làm việc thì lại thuộc loại ngoại lệ. Và, nhất là tinh thần trân trọng, biết ơn tài năng, trí tuệ của những người hiến thân cho văn học nghệ thuật. Trong số này có Kim Tuấn, thi sĩ. Ở mặt khác, những lúc tìm được cơ hội để sống cho riêng mình, thì, khi ấy, Vũ lại là một thứ thiên-sinh lạc lõng giữa chập chùng cay nghiệt đời thường.

Với tâm nguyện chia sẻ tận cùng mọi có được cho những người kém may mắn hơn mình, Huỳnh Quang Vũ đã dựng được một “cơ nghiệp”, là quán cà phê mang tên KupPlei, ở địa chỉ 38 Hùng Vương, Pleiku, đã khai trương đúng Mother’s Day, 13.5.2018.

Tôi nghĩ, không phải vô tình Vũ chọn Ngày Của Mẹ để cùng bạn hữu như Đặng Thế Hiển, Võ Anh Tần... khai trương “trú sở” của những tình thân, những trái tim Đạo, Đời; nhất là sự tìm đến của các văn nghệ sĩ, cũng ở rất xa như các thầy, đệ tử của Thiên Sư Nhất Hạnh, nhà văn tên tuổi Phạm Xuân Nguyên, Trương Duy Nhất, Lê Hải...

Tôi càng không tin khi Vũ cùng các bạn chọn cho “trú sở” tình thân của họ, hai chữ “Kup” và “Plei”, ghép lại thành KupPlei là tình cờ. Theo tôi, đó là cách nói khác, rất sáng tạo, rất thơ của Huỳnh Quang Vũ. Nó là dạng cải biên của hai chữ “Cup / Cốc (Ly) và, “Plei” là “Pleiku” (nguyên chữ). Như cách tìm kiếm, sáng tạo chữ mới của Kim Tuấn trước đây vậy.



Với sự có mặt hôm nay của KupPlei, hiểu theo một nghĩa nào thì chúng ta vẫn còn “nụ hoa vàng”, vẫn còn “rặng thông già” của Kim Tuấn. Ảnh: Foody



Hơn thế, nếu chúng ta có thể hình dung: mỗi khi nâng một ly cà phê hay thức uống nào khác, ở KupPlei thì, cũng đồng nghĩa, với việc, cùng lúc, chúng ta đã uống một ly-nước-đất-trời Pleiku từ hàng trăm năm trước.

Thêm nữa, với sự có mặt hôm nay của KupPlei của Huỳnh Quang Vũ, tôi nghĩ, hiểu theo một nghĩa nào thì, chúng ta cũng vẫn còn “nụ hoa vàng”, vẫn còn “rặng thông già” của Kim Tuấn, luôn cả tình yêu, lòng thủy chung vằng vặc, sáng của truyền thuyết mối tình nàng H’Linh và chàng K’Lang, khởi nguồn của dã quỳ...

Tôi tin, một ngày không xa, tôi sẽ lại đưa HT trở về nơi những bước chân đầu tiên của T, khi rời khỏi ngôi trường thân yêu ở Huế, để đến với những người học trò một thời của T. Và, tôi thì lại được gặp người bạn trẻ Huỳnh Quang Vũ thân thiết của mình, như ngày nào tôi được gặp nhà thơ Kim Tuấn vậy.

DU TỬ LÊ

<https://nguoidothi.net.vn/du-tu-le-que-huong-da-quy-va-tho-kim-tuan-15630.html>



CHU VƯƠNG MIỆN

NGHIỆP

Con tắc kè rớt tự ngọn me
nghe cái đập nằm trên ngọn cỏ
ta vẫn trụ đây chờ hơi hướm gió
mấy mươi năm mấy mươi mấy mươi mấy lần chờ
thật tội tình cho nghiệp làm thơ
vui cũng giả ? thân thương cũng giả ?
bao dòng nước chần chừ trôi đi cả
bỏ lại bến bờ nhớ quá lở thêm
con tắc kè vẫn gọi đêm đêm
bi thảm quá lẫn ra chết ngắc
mấy mươi năm im hơi vắng bật
ta cùng trăng quỳnh nở ngó nhau

bây giờ trời tháng 6 hoa ngâu
vàng hoa nhãn vàng rơi lổ đổ
kiếp thơ nào ? người thơ chả khổ
cậu như cô ông cũng như bà
ngồi đầu cầu nhật nhận những oan gia
kết thuyền giấy thả lêu bêu lổm ngổm
bậu ở không theo thuyền dư tị nạn
chả phải bèo trôi dạt lung tung
qua nhìn theo nước mắt chảy vòng
cứ thoải mái tràn trên mũi má
mùa này qua giêng đồng xanh ngọn mạ
bậu nơi nào ? nơi nào ? nơi nao?

48 NĂM

thơ Haiku chuvươngmiện

-
48 năm gặp lại
người nhìn lạ hoắc
kẻ rằng giả người rằng bạc

-
vườn cũ mọc hoài cỏ dại
tàng mạn đậu toàn dơi
em à em mô rồi ?

-
1 giòng thơ buồn
1 bài thơ buồn
khóc tàn đêm sáng đông luôn

-
kẻ nằm bên đồng rác
thằng nằm trong nhà tù
nhủ thầm nghĩa tự do

-
nô lệ rồi cũng chết
tự do cũng chả còn
vẫn đất cùng núi non

-
trên bờ kiến ăn cá
dưới sông cá ăn kiến
chuyện có gì là lạ

anh mạnh hiếp anh yếu
anh lớn hiếp anh nhỏ
mấy ngàn năm vậy vậy đó

-
giọt máu nào chả đỏ
nhưng da trắng vàng đen
có kẻ sang kẻ hèn

-
thiên hạ vẫn còn quay
trái đất vẫn còn quay
quay từ xưa tới nay

-
con suối chảy ngược
nước mắt chảy xuôi
c'est cuộc đời

-
hồi chuông Trấn Quốc
canh gà Thọ Xương
ổ hay chuông

-
em ngồi chải tóc
chưa kịp soi gương
đã khóc

CHU VƯƠNG MIỆN



Mười chín tuổi, Huỳnh Thị Ngâu có tình. Ông Huỳnh Hùng, cha cô, biết chuyện nhưng im lặng đến lạnh lùng. Trong bữa cơm chiều, Ngâu e dè ăn từng miếng nhỏ. Cha cô ngó chăm vào con gái, vài lần nhấp cốc rượu, hắng giọng như muốn nói điều gì, nhưng cuối cùng chẳng nói.

Buổi tối. Ngâu vào buồng, nằm nghĩ đến người tình. Mẹ cô theo vào ngồi kế bên, hỏi: “Thằng ấy thế nào?” Cô vờ hỏi lại: “Thằng nào?”

“Thằng vẫn theo con vào đồn điền cao su.”

“Làm gì có.”

“Mày láo. Tao biết cả rồi.”

“Mẹ biết, sao còn hỏi con?”

“Đồ chết bầm! Ba mày đang theo dõi đấy.”

Ngâu nằm lặng.

Mẹ dỗ: “Nói đi. Nó thế nào?”

Ngâu thủ thỉ: “Anh nói thương con.”

“Không. Gia thế kia?”

“Đi lính, cấp bậc trung sĩ.”

Mẹ gắt: “Biết rồi. Cha mẹ nó?”

“Bắc di cư, năm năm tư.”

“Tên nó là gì?”

“Koan Trâu Phiên.”

“Hả?”

Ngâu lặp lại: “Koan Trâu Phiên.”

“Tên nghe lạ.”

“Ảnh kể, bố mẹ thuộc sắc tộc Nùng, Lai Châu. Khi mới vào Nam, bố dắt đi làm thế vì khai sinh, khai tên Quang Châu Phiên. Ông hộ tịch người Nam, viết thành Koan Trâu Phiên.”

“Nó nói gì nữa không?”

“Chỉ nói thương con.”

Mẹ dặn: “Không thương được đâu. Coi chừng ba mày cắt gân đấy.”

Mẹ bỏ ra ngoài. Ngâu nghĩ, tình yêu thật tuyệt vời, nhưng chung quanh lắm điều rắc rối.

Ngâu đứng nép vào vùng cây lá rậm, bên ngoài đồn điền.

Phiên hỏi: “Sợ anh đến thế à?”

Ngâu đáp ứng: “Chỉ sợ có người trông thấy.”

“Chả có ai đâu.”

“Phu đồn điền vẫn thường ngang qua đây.”

“Họ không phải bố em. Sợ gì?”

“Họ sẽ mách lại. Em sợ tất cả mọi người.”

Phiên nhích gần hơn, cầm tay Ngâu. Cô rút tay về.

Phiên tha thiết: “Anh thương em.”

Ngâu lí nhí: “Biết rồi.”

“Có thương anh không?”

“Hỏi câu ấy hoài.”

“Anh muốn nghe em nói.”

“Không thương, sao đứng đây với anh?”

“Vậy là thương hả?”

“Ừ... ừ...”

Phiên đặt tay lên vai Ngâu, kéo vào mình. Ngâu vùng nhẹ, cầm tay Phiên bỏ ra.

“Hãy nói thương anh.”

Ngâu quay mặt, cười khúc khích: “Nói thế, ngượng chết đi.”

Bất ngờ, Phiên ôm chầm lấy Ngâu. Hôn tới tấp lên mặt, lên cổ.

Ngâu ú ớ: “Anh..., buông em ra.”

“Anh thương em.”

“Lại nói câu ấy nữa.”

Ngâu yếu đuối trong tay Phiên. Cô ngửa mặt nhìn lên vòm cây. Có những bông hoa dại màu trắng điểm lấm tấm giữa màu lá xanh, và những con chim nhỏ chiu chít trên cành. Thiên nhiên bao giờ cũng thế. Nhưng Ngâu bỗng thấy như tất cả đều rộn lên, hoà cùng xúc cảm mới lạ ủa chụp xuống làm cô choáng ngợp, đồng thời với nỗi lo sợ vu vơ.

Ngâu nói như van: “Buông em ra.”

Phiên âu yếm vùi mặt vào tóc Ngâu, nói trong hơi thở: “Mình sẽ là vợ chồng.”

“Anh ơi, đừng ôm nữa. Em sợ...”

“Bằng lòng làm vợ anh không?”

Ngâu gật đầu: “Bằng lòng, nhưng... hãy buông em ra.”

Phiên tháo vòng tay, tiếc nuối.

Ngâu vuốt lại mái tóc, mặt đỏ bừng: “Anh kỳ quá à.”

Phiên cười: “Anh thích kỳ như thế.”

Ngâu dí ngón tay vào trán Phiên: “Cái mặt không biết mắc cỡ.” Phiên cầm tay Ngâu. Lần này, cô không rút tay về. Cả hai im lặng, nhìn về những hàng cao su thẳng tắp. Ngâu vẫn còn nguyên cái cảm giác trong giây phút Phiên ôm ghì lấy thân thể nóng bỏng của cô. Cái cảm giác đầu đời chạm với tình yêu.

Lúc lâu sau, Phiên nói: “Anh sẽ nhờ mai mối đến nhà em.”

“Chỉ ngại ba em...” Ngâu phân vân.

“Chê anh không xứng hả?”

“Không. Có điều khó nói.”

“Điều gì?”

Ngâu cúi đầu: “Ba em không ưa lính.”

“Ngâu ơi, thanh niên thời buổi này, ai mà chả phải đi lính?”

“Biết thế. Nhưng ba em thì khác.”

“Phải làm sao cho ba em thương anh?”

“Em không biết.”

“Điều gì em cũng không biết. Anh dạy cho em.”

Phiên ôm Ngâu, vùi mặt vào ngực cô.

Ngâu đẩy ra: “Khiếp quá.”

Phiên nói: “Thương nhau là phải thế.”

“Không thể, không phải là thương sao?”

“Không. Chỉ là thương mây khóc gió của mấy ông thi sĩ thất tình. Em mười chín tuổi, phải thực tập bài học yêu thương để chuẩn bị làm vợ.”

Một lúc băng khuâng, Ngâu nói: “Cho em về. Ba em biết hẹn hò với anh thì chết.”

“Mới gặp đã đòi về?”

“Em sợ.”

Phiên nài nỉ: “Không ai thấy đâu. Nán lại chút nữa, em?”

“Thôi mà, cho em về.”

Phiên tiếc: “Ừ, thì về. Mai gặp lại chỗ này, nhớ nhé?”

“Nhớ rồi. Anh đứng đây, chờ em đi khuất. Em sợ có người trông thấy mình đi chung.”

“Trước khi về, anh hôn em lần nữa.”

Ngâu chưa kịp trả lời. Phiên đã nâng mặt cô, và đặt lên đôi mắt những nụ hôn nồng nàn thắm thiết.

Ngâu trách yêu: “Râu cà gần rách mặt người ta. Mai cạo râu đi nhé.”

Ngâu đi dưới bóng mát những hàng cao su. Phiên đứng nhìn theo tấm lưng thon nhỏ của người yêu đến khi khuất sau một khúc quanh trên con đường đất đỏ.

Buổi sáng. Ngâu mang gùi vào vào đồn điền cao su cạo mủ. Cổ cô choàng chiếc khăn rằn của Phiên. Chiếc khăn của cô, Phiên xin, và thay thế bằng chiếc khăn này. Phiên nói, để giữ lấy hơi hướm người tình. Ngâu cảm động. Không ngờ trong tình yêu có những chi tiết vụn vặt, lại làm cho người ta xúc động đến chảy nước mắt. Cô ngó ra con đường đất đỏ về phía bìa rừng, nơi Phiên vẫn thường từ đó đi tới. Cô hình dung ra dáng đi lừng lững, đầu đội chiếc mũ lưỡi trai màu xanh cứt ngựa, vành mũ sụp xuống che ngang vầng trán. Đôi mắt xếch dưới cặp chân mày rậm, hiện cái nét dữ dội của kẻ gan lì. Biết nhau lâu, nhìn hoài đôi mắt ấy, cô lại thấy dễ thương chi lạ. Và những câu ân tình của Phiên, còn đọng lại trong cô thành nỗi nhớ nhung.

Quá ngọ, vẫn chưa thấy Phiên. Ngâu bức rức mong chờ. Tiếng con chim gáy từ rừng xa khắc khoải vọng về, cô nghe như

tiếng gọi buồn xa vắng. Trước kia, có bao giờ cô để ý tiếng chim, và cảnh sắc chung quanh mình đâu. Tất cả những thứ đó, cô đã nghe thấy từ ngày còn bé, quen thuộc như một phần đời dính liền với cô, chìm trong tâm khảm. Từ khi có Phiên, cô cảm thấy mọi thứ đều đổi khác, mới lạ và đáng yêu. Mọi thứ vui buồn theo tâm cảm của cô, chứa chan đầy ắp kỷ niệm. Cô đang mong nhớ đợi chờ. Bỗng có vài ba tiếng súng nổ tặc cù bên ngoài đồn điền, phía giáp ranh với bìa rừng. Cái âm thanh khô khốc lẻ loi, làm cô khó chịu. Thời chiến tranh, thỉnh thoảng vẫn nghe tiếng súng như thế. Cô tự hỏi, cuộc đời tươi đẹp biết bao, sao người ta gây chi những đau buồn chết chóc?

Chiều sắp tàn. Phiên không đến. Ngâu buồn bã trở về, thầm trách người yêu lỗi hẹn. Từ đó trở đi, ngày nào mang gùi vào đồn điền cao su, cô cũng đợi. Chờ đợi lâu ngày thành tuyệt vọng. Phiên không bao giờ đến nữa. Nỗi buồn cô giấu trong tim mà nước mắt cứ ứa ra từng đêm trên gối. Chẳng ai nói cho Ngâu biết, tại sao mình bị bỏ rơi?

Sau ngày Miền Nam sụp đổ. Ngâu lập gia đình với viên huyện đội trưởng, tên Dư, sinh được hai con. Chồng cô rất mực chiều vợ, thương con. Ai cũng cho rằng Ngâu may mắn được người chồng tốt, một gia đình ấm êm hạnh phúc. Biết bao cô gái đến tuổi trưởng thành cũng chỉ mơ ước có một mái ấm như thế mà thôi. Bốn năm lấy chồng, Ngâu giữ tròn bốn phận làm vợ, làm mẹ. Dù thế, cô vẫn thường xa vắng mộng lung, nhớ người tình cũ. Nhớ cái dáng đi lừng lững, và đôi mắt xé. Nhớ những lần Phiên ôm siết lấy cô, hôn tới tấp. Những nụ hôn cháy bỏng làm cô bùng bùng nóng ran da thịt. Từ ngày lấy chồng, chưa bao giờ cô có được cảm giác ấy. Không phải chồng cô thiếu nhiệt tình. Chính cô thờ ơ với những ái ân trong tình chồng vợ. Nhiều khi đầu ấp tay gối với Dư, cô tự đánh lừa mình bằng cách tưởng tượng đang nằm trong vòng tay âu yếm của Phiên để tìm lại những rung động mãnh liệt ngày nào. Nhưng cô thất vọng. Tự đánh lừa mình là điều không dễ. Trên đường đời, một lần cô bước hụt chân. Tình yêu vượt mất, để lại trong cô một khoảng trời trống lốc. Khoảng trống ấy cứ lớn dần lên mãi. Cái khoảng trống mênh mông không thể lấp đầy bởi người người đàn ông cô gọi là chồng.

Những buổi trưa, nhìn về phía đồn điền cao su, nghe tiếng con chim gáy từ rừng xa, cô buồn lắm. Dù bây giờ, đồn điền không

còn nữa. Cao su già cối bị đốn bỏ lâu rồi. Người ta thay vào đấy là nông trường trồng mía. Con đường đất đỏ cũng biến mất để nói rộng thêm cho diện tích trồng trọt. Nhưng với cô, tất cả vẫn bồng bềnh trong trí nhớ. Và tiếng chim gáy cũng gọi lại cho cô một mùa hè năm cũ, với vài ba tiếng súng nổ. Trong thời điểm ấy, cô vĩnh viễn mất người yêu. Từ đó trở đi, cây lá vẫn trở màu xanh, nhưng cô buồn rầu héo hắt.

Khi cách mạng thành công trong việc giành quyền kiểm soát Miền Nam. Ông Huỳnh Hùng tự bộc lộ thân phận là một cán bộ nằm vùng. Với quá trình hai mươi tuổi đảng, đương nhiên ông là nhân vật có thế lực của chế độ mới. Chồng của Ngâu, trước kia là du kích, hoạt động dưới sự bí mật điều khiển của ông Huỳnh Hùng. Sau này, Dư được ông nâng đỡ đưa lên làm huyện đội trưởng, và gã con gái. Trong một lần chè chén, các đồng chí của chồng vui say nhắc lại những thành tích chống Mỹ cứu nước. Thành tích của Dư là đã phục kích bắn chết một trung sĩ ngụy tên Phiên. Công lao đó, có ông Huỳnh Hùng dự phần. Ông theo dõi nhiều ngày để biết chắc thời gian, và lối đi về của Phiên thường hẹn đến với tình nhân, rồi đề ra kế hoạch cho Dư thi hành. Bây giờ, Ngâu mới hiểu rõ câu nói mập mờ của mẹ. Ba mày đang thoe dôi. Coi chừng ba mày cắt gân.

Ngâu biết được điều đó thì mọi chuyện không còn có thể thay đổi. Cô đã có con với Dư rồi. Cô mặc cảm như mình là nguyên nhân gây ra cái chết của Phiên. Trách ai? Thời thế đã du cha cô và Dư về phía đối lập với Phiên. Không từng quen biết, mà thù hằn rình rập sát hại lẫn nhau. Phiên sa vào cái bẫy của cha cô. Trong đó, cô được dùng như một miếng mồi nhử. Dư chỉ là tên thừa hành, nhưng lại là người trực tiếp nhúng tay vào máu. Làm sao cô tìm được hạnh phúc với kẻ đã giết chết đối tượng tình yêu của mình? Cô không đủ cái liều dứt khoát ra đi. Còn con của cô nữa, nó cũng là nguyên nhân buộc cô ở lại. Cô thấy mình bất lực, và buông xuôi theo ngày tháng mệnh mông.

Cái khoảng trống trong lòng cô, chỉ mình cô biết. Con chim rừng thay đổi mấy đời chim rồi, nhưng tiếng gáy nghe không khác năm nào. Còn cô thì đã đi quá xa. Ngoái nhìn về dĩ vãng, tất cả đều trôi ngược chiều thời gian làm thành kỷ niệm. Kỷ niệm nào, khi nhớ lại cũng làm cô rơi nước mắt.

LÂM CHƯƠNG



ĐI TÌM

Những cái chóa đèn giống như chum đựng rượu
cánh đồng ngựa cổ
anh đi lên núi tìm mây bay
mưa về trắng thấp
thung lũng cong theo đường cong chiếc phễu chiết hồn
chất lọc cơn mơ
bây giờ chẳng biết nơi nao gom lửa cái bóng
về một xó tường an vị thu phương

đường vòng xe cộ phản chiếu luân hồi
khi xưa mình đi tìm bộ lạc
bây giờ lạc lối tìm nhau
gia đình náu kéo khẩn cấp sợi dây chẳng thân ái
còn một miếng nhau bỏ sót
từ thảng cắt da

CON DẤU

tôi lén phéng với giấc mơ
không hề có được một hậu cảnh đi đùng
đành làm tờ báo cũ
lăn lóc ở một góc xó nhà cầu
lâu lâu có người giở đọc
chữ nghĩa làm một cuộc thanh trừng
khi những chất thải ăn nằm khí hậu
đẩy lùi cơn chướng khí
mùa rậm rịt kinh niên

nội dung phiên bản chào mừng 300 năm trước
người thi sĩ gục đầu lên cỏ thơm
ánh đèn lữ lượt rọi soi bệ trán thờ
phá tan cơn buồn ngủ
em nằm trong bó nôi
bên ngoài tập đoàn phô trương thơ lại
bộ cánh. bút lông
và những con dấu cồm cộm nổi
hãy cho tôi chiếu khán
bỏ đi thật xa
miền nước lợ

HOÀNG XUÂN SƠN

Lễ Mẹ 12 tháng 5/ 2019



TRẦN VĂN TÍCH

CÒN ĐÂU TRÊN CHIẾN KHU...

Trần Văn Tích

(Hồi ký ghi lại theo yêu cầu của một người bạn gốc Huế)

Những địa danh Ba Lòng, Trám, Tân Sở, Cửa đều thuộc tỉnh Quảng Trị nhưng nằm trên vùng thượng du, quanh quẩn nơi đầu nguồn sông Thạch Hãn.

Từ đồng bằng lên các vùng đó phải vượt quốc lộ 1. Trong chiến tranh chống Pháp, các đồn bót do Pháp đóng rải rác dọc theo đoạn quốc lộ 1 này và Pháp thường dẫn quân rời đồn đi phục kích ban đêm. Dầu vậy, thường xuyên hàng đêm vẫn có người từ đồng bằng lên hay từ chiến khu về rồi tìm cách vượt qua những đoạn đường nguy hiểm. Tất nhiên có một số người lọt ổ phục kích và bị bắn tử thương. Khi tôi ở Hội Liên Việt Quảng Trị thì có một chị bên phía phụ nữ đi công tác bị bắn chết vào dịp vượt đường số 1 ban đêm.

Nguyên năm 1945, tôi tản cư theo dân chúng về làng. Niên học 1948-1949, gia đình cố tìm cách cho hai anh em tôi vào học lại ở Huế, thuộc vùng quốc gia trong khi làng tôi thuộc vùng xói đậu. Hè năm đó chúng tôi về nghỉ hè ở làng thì Việt Minh bắt ba tôi đưa lên giam tại lao xá Ba Lòng và nhắn cho má tôi hay là nếu muốn ba tôi được về thì 1) phải chấm dứt không cho hai anh em tôi vào Huế học nữa; 2) phải để cho tôi tham gia kháng chiến. Đó vẫn còn là niềm may rất lớn của gia đình tôi vì cùng cảnh ngộ nhưng Bác Bát Tương thì bị du kích bắt đem đi thủ tiêu ban đêm. Con trai cả Bác Bát là Trần Văn Cẩm, sau này trở thành Tư lệnh phó Quân khu II, cấp bậc chuẩn tướng. Anh Cẩm bị giặc bắt ở Tuy Hoà ngày 01.04.1975 và ngồi tù cộng sản cho đến ngày 13.02.1988. Anh Cẩm hiện định cư tại Texas.

Vượt qua quốc lộ, đi một đoạn đường chừng vài cây số là vào vùng kháng chiến thuộc Phong An. Đây thuộc vùng trung du, được xem là vùng tiền chiến khu. Trên đường đi có những trạm bán hàng rong nho nhỏ, khách bộ hành có thể ghé vào uống bát nước chè tươi, ăn miếng kẹo đậu phụng cả vỏ, trước khi đi tiếp trong đêm. Kẹo đậu phụng là một miếng bánh trắng trình bày theo hình tam giác và các hạt đậu phụng dính vào bánh trắng do đường đen cô đặc. Nhai vừa giòn vừa dẻo, ăn vừa có vị ngọt vừa có vị béo

Đi bộ đến lối nửa đêm thì tới Trầm. Trầm là một bến đò lớn trên sông Thạch Hãn. Khách đến đây phải xuất trình giấy tờ mới được lên đò dọc đi tiếp để vào chiến khu. Cán bộ thì có giấy công tác, dân chúng thì có giấy phép công an. Trầm sinh hoạt rất nhộn nhịp ban đêm. Nhiều quán hàng mở ra trên bờ sông. Các món ăn phổ biến là chè đậu xanh đánh, kẹo đậu phụng, thỉnh thoảng ăn sang và gặp may thì có thịt bò xào hành tây. Sinh hoạt thường trực không bao giờ gián đoạn, phe ta tụ tập đông đúc mà Tây ở Quảng Trị hay Đông Hà đành chịu, không làm gì được hết. Ước tính khoảng cách theo đường chim bay thì từ Đông Hà hay Quảng Trị lên đến Trầm chỉ chừng mười kilômét; như vậy đủ thấy lúc đó “Tây thực dân” nhà quê như thế nào, nếu so với lực lượng quân sự của Mỹ sau này.

Phương tiện giao thông duy nhất từ Trầm lên Phong Nguyên tức là địa bàn Ba Lòng là đò dọc. Cán bộ, dân chúng tuần tự theo nhau xuống những chiếc đò dọc và nằm ngồi ngổn ngang trong lòng đò. Phụ trách chèo đò là du kích địa phương. Gặp mùa nước chảy dốc, phải xuống đò đẩy phụ. Chuyển đò dọc kéo dài lối ba bốn tiếng. Đò hoàn toàn di chuyển giữa lòng sông Thạch Hãn, đoạn đầu nguồn sông. Khi đặt chân lên bờ là đến địa phận chiến khu Ba Lòng. Bến đò vào chiến khu mang tên Đá Nổi. Nơi đây là khu “thị tứ” của chiến khu vì có một số quán ăn và quán trọ, cả quán bán hàng nữa. Hàng hoá tạp nhạp, phần nhiều là hàng buôn lậu từ “vùng tạm chiếm” như hộp phấn đánh răng hiệu Gip, bàn chải đánh răng, vải vóc may sơ-mi quần tây bên cạnh dép lốp xe hơi, xác-cốt.

Các cơ quan cấp tỉnh đóng trụ sở cách Đá Nổi lối hai kilômét, trong những căn nhà lá lợp tranh xây cất khá mỹ thuật, ẩn mình dưới các tàn cây rừng xã Phong Nguyên. Khí hậu ẩm thấp nhưng không quá lạnh. Có Ủy ban Hành Kháng Tỉnh, có Hội Liên Việt, có Ty Công an, có Tỉnh bộ Dân quân, có nhà thương tỉnh do một y tá phụ trách, có trạm xá hành quân Trung đoàn (Trung đoàn 95, đơn vị chủ lực của Quảng Trị); trạm xá có một bác sĩ; có lao xá. Xung quanh cơ sở các cơ quan có những quán hàng sống nhờ vào đồng lương cán bộ viên chức. Tất cả các cuộc biểu tình, mít-tinh, tụ họp đông người đều được triệu tập sau khi mặt trời lặn. Có một lần Ủy ban Hành Kháng xã Phong Nguyên tổ chức mít-tinh vào buổi chiều nhưng vì là mùa hè nên trời còn rất sáng. Buổi sinh hoạt chính trị mới bắt đầu thì hai chiếc Spitfire xuất hiện trên bầu trời trong xanh không một áng mây. Đám đông tán loạn chạy trốn vào các lùm cây hay ẩn núp dưới các hầm hố. Hai chiếc Spitfire lượn một vòng rồi bắt đầu ném bom. Tôi nằm sát đất, ngược nhìn lên trời, thấy rõ một quả bom lừng lững phóng xuống đất. Nó mà rơi gần chỗ tôi nằm thì chắc mình tiêu tùng, nhưng nó rơi khá xa. Kết quả tổn thương nhân mạng không đáng kể nhưng nhóm tổ chức bị kiểm thảo nặng nề vì chủ quan khinh địch. Chỉ có một lần duy nhất Tây mở cuộc hành quân bằng bộ binh có bà già yểm trợ nhưng các cơ quan đều được báo trước nên không bị thiệt hại gì về nhân mạng và tài sản. Chúng tôi cùi, đeo hồ sơ, máy móc (máy đánh chữ, máy rô-nê) lùi vào rừng

sâu, trốn dưới gốc cây nhìn bà già bay lù đừ trên không, thỉnh thoảng nghe súng lớn của Tây bắn vu vơ vào rừng. Máy in thạch bản, tiền giấy (in ở Tiệp Khắc) đựng trong những thùng tôn thì chôn kín trong lòng rừng sâu. Tây lùng sục mấy ngày, anh chị nuôi hết gạo, từ Chủ tịch Tỉnh đến liên lạc viên đều phải ăn cháo mè cầm lòng.

Sau khi Tây rút, cán bộ viên chức trẻ được bố trí thành một đoàn đi bộ băng rừng vượt núi sang Cửa kiểm lương thực. Tôi cũng ở trong đoàn. Cửa vốn mang tên Tân Sở, là địa điểm vua Hàm Nghi tổ chức sơn phòng Quảng Trị chống Pháp. Đó là một vùng rừng núi và sản phẩm địa phương chính là mít. Chúng tôi được ăn mít non luộc chấm nước ruốc, hột mít nướng ăn thêm. Gạo để dành cùi trở về trụ sở Ủy ban. Không có lương thực khác như bắp, đậu mà gạo thì cũng chỉ là loại gạo tẻ; chẳng làm gì có nếp. Phong An, Phong Nguyên là những xã thuộc huyện Triệu Phong, còn Cửa (hay Tân Sở) lại thuộc huyện Cam Lộ, theo cách gọi các huyện, xã thời Việt Minh.

Tại chiến khu Ba Lòng, tôi quen biết Trần Trọng Hoãn, lúc đó là Tỉnh Ủy viên, thuộc Tỉnh ủy Đảng bộ Cộng sản Quảng Trị. Là cán bộ cao cấp nên tuy bà con ngày ngày ăn uống kham khổ nhưng khi tổ chức đám cưới giữa Trần Trọng Hoãn và Chị Chúc thì nghe nói có sảmbanh và bánh bítquy LU. Khi tôi bị Tây bắt và thả ra, tôi đi làm tại một cửa tiệm buôn bán thực phẩm cho quân lính Pháp ở Đông Hà. Một hôm, bà chủ hiệu buôn sai tôi tới nhà một người khách quen và tôi sững sốt thấy Chị Chúc đang ở đó. Té ra Chị mang thai gần ngày sanh nên đồng chí Tỉnh Ủy viên cho vợ về với gia đình trong “vùng tạm chiếm” để sinh nở được an toàn hơn. Tôi làm mặt tỉnh queo, coi như không hề biết Chị Chúc là ai cả. Sau 75, Trần Trọng Hoãn đổi tên thành Trần Trọng Tân và phụ trách Tuyên huấn toàn thành phố mang tên Hồ Giã. Tôi không hề tìm cách liên lạc với đương sự và vợ con.

De Lattre de Tassigny chết ngày 11.01.1952 vì ung thư. Chừng mười ngày trước thời điểm đó Tây hành quân từ Mỹ Chánh lên La vang tóm cổ tôi khi Ủy ban Hành Kháng Tỉnh cử tôi về miền xuôi phổ biến chính sách thuế nông nghiệp. Viên đại úy Pháp chở

tôi bằng xe Jeep từ Mỹ Chánh ra Quảng Trị hỏi tôi dọc đường : “Qu'est-ce qu'ils disent, les Viet Minh, à propos de la mort du général?”. Tôi trả lời : “rien de particulier“. Đúng vậy, Việt Minh chỉ cho biết De Lattre chết mà không kèm lời bình luận gì đặc biệt cả. Nhưng cũng vì nhờ (và nhớ) hai câu hỏi-đáp này mà tôi “định vị“ được thời kỳ tôi rời bỏ chiến khu Ba Lòng.

Giai đoạn tôi ở trên đó là giai đoạn Việt Minh tổ chức học tập “tổng phản công“. Sau này mới biết là 1949 họ Tưởng chạy sang Đài Loan và Mao Trạch Đông thành lập Tàu cộng, bỗng dưng tạo được cho Việt Minh một hậu phương vô cùng vững chắc nên Việt Minh dự định sẽ dựa thế Tàu đánh văng Tây khỏi Việt Nam. Nhưng rồi sau đó, chiến lược tổng tấn công thất bại, Việt Minh phải sửa đổi lại khẩu hiệu, chuyển thành “tích cực chuẩn bị tổng phản công“. Tôi giữ nhiệm vụ thư ký văn phòng cho Ủy ban Hành Kháng. Tôi đã nhận được văn thư từ ngoài Bắc đưa vào, yêu cầu tuyển mộ các hạng người có chuyên môn như lái xe lớn, lái xe ca, chuyên viên truyền tin, chuyên viên xây dựng v.v..để chuẩn bị tổng phản công.

Cũng ở chiến khu Ba Lòng, tôi đã gặp gỡ ca sĩ Hoàng Nguyên Cao Cự Phúc cùng đôi danh ca Ngọc Cẩm-Nguyễn Hữu Thiết vào dịp họ ghé trụ sở Ủy ban Tỉnh trên đường về thành. Vẫn nơi đây, lần đầu tiên tôi được nghe phổ biến học thuyết Mitchourin-Lyssenko, một học thuyết được mệnh danh là “cách mạng“ trong sinh học xã hội chủ nghĩa liên quan đến gen và hệ thống gen. Học thuyết này rồi sẽ theo tôi trọn đời. Người phụ trách phổ biến học thuyết được giới thiệu là từ trung ương vào và có văn bằng cử nhân khoa học. Tác phẩm trình bày học thuyết Mitchourin-Lyssenko ấn loát rất mỹ thuật, tất nhiên là so sánh với kỹ thuật phát hành tài liệu thời chống Pháp và tại chiến khu.

Thời cộng hoà, tôi nhiều lần muốn tìm cách lên thăm lại Trám, Ba Lòng nhưng đều không có cơ hội thuận tiện. Ngay cả khi anh Hoàng Thúc Dinh (đã mất) làm quận trưởng Ba Lòng và tôi ra thăm gia đình ở thị xã Quảng Trị, tôi cũng không lên Ba Lòng được. Anh Hoàng Thúc Dinh cũng bị Tây bắt giam ở quân lao Quảng Trị

cùng với tôi vì Anh cũng từng theo Việt Minh một thời gian. Nghĩ lại tôi rất tiếc vì chẳng thể nào tìm sống lại những kỷ niệm cũ thời mới trưởng thành.

Tôi không có cơ may tái hồi Ông Chủ tịch Ủy ban Hành Kháng Tỉnh Quảng Trị sau tháng tư 75. Ông tên Trương Quang Phiên, là thân phụ của người vợ thứ nhất của nhạc sĩ Hoàng Thi Thơ và có họ xa với tôi. Thời gian tôi đi tù cộng sản, ông Phiên có ghé thăm ba má tôi tại Sài Gòn. Ông tỏ vẻ ngạc nhiên thấy rằng một thuộc cấp của Ông ngày nào nay đã trở thành một nhà khoa học, theo như cách Ông gọi tôi. Sau khi tôi sang Đức thì Ông mắc bệnh ung thư. Qua ba má tôi, Ông nhờ tôi phối hợp cùng người bà con trong họ của Ông để thử tìm cách cho Ông sang Tây Đức chữa trị. Người bà con đồng tộc này ở Essen, không xa Bonn. Chúng tôi chưa kịp làm được gì thì Ông Trương Quang Phiên mất.

Giam giữ tôi một năm thì Tây thả. Tuy nhiên Tây không hề theo dõi gì hết nên nếu tôi muốn trở lại Ba Lòng thì thực quả chẳng có chút khó khăn gì.

Nhưng tôi thôi, không lên chiến khu nữa.

TRẦN VĂN TÍCH

03.10.2018



THÔNG TAY VÀO XUÂN

Trong vòng bốn năm nay, mỗi lúc càng nhiều websites tổng hợp tin tức Việt ngữ trên mạng lưới điện toán toàn cầu. Theo hiểu biết của cá nhân, tôi thấy rằng mặc dù càng nhiều tin tức thì càng dễ bị lầm lạc nhưng mặt khác, sự kiện này cũng thể hiện lên một bước nỗ lực phát triển đáng kể trong tiến trình thông tin đa chiều của các cộng đồng gốc Việt. Hằng ngày tôi đã thường xuyên bỏ ra độ từ một đến hai tiếng đồng hồ để theo dõi mấy băng tần truyền hình Việt ngữ ở địa phương Nam Cali; trong đó họ thường tổng hợp tin và cho chiếu lại vài đoạn chương trình Việt ngữ của hai đài VOA và RFA .

Chúng ta đều hiểu rằng truyền thông càng đa dạng thì lại càng phức tạp, đòi hỏi người tiếp nhận cần có căn bản suy luận và khả năng phán đoán vững và sáng suốt để kiểm chứng. Và từ đây, tôi nghiệm thấy có mấy chi tiết cụ thể cần nêu ra đây: Chẳng hạn như từ đầu tháng 9 năm nay, 2018, VOA Express đã phong phú hẳn lên khi loan những sự kiện cập nhật đang xảy ra trên thế giới. Đương nhiên là qua cách đọc tin hay qua các phóng sự - phỏng vấn, những

gì hiển hiện một cách nóng hổi và đáng chú trọng của Hoa Kỳ thì nhiều nhất vẫn là tin về TT Trump, Tòa Bạch Ốc, và những chuẩn bị chính trị gấp rút cho cuộc bầu cử bán kỳ Quốc Hội vào đầu tháng 11 này, cũng như bắt đầu xúc tiến kế hoạch quân sự hóa không gian... Hay về cuộc chiến tranh kinh tế Hoa Kỳ- Trung Cộng(*)).

Cạnh đấy, tin Việt Nam là các sự kiện nổi bật của phong trào tranh đấu đòi những quyền căn bản của con người, như hủy bỏ Luật An Ninh Mạng và Dự Luật Đặc Khu kinh tế...; trong ấy cụ thể là sự kiện tuyệt thực 34 ngày của ông Trần Huỳnh Duy Thúc để phản đối cách đối xử trái ngược với nhân quyền của nhà cầm quyền Cộng Sản Việt Nam ... ‘Mặn chát’ nhất vẫn là các cuộc vận động mỗi lúc một thêm dầy đặc và gay gắt nhằm đòi xóa án cho những nhà đấu tranh dân chủ - dân quyền ở trong nước...(**)

Tổng hợp tin của VOA & RFA cụ thể những gì mới?

Nhưng đặc biệt có mấy tin tức đánh động vào sự chú tâm của riêng tôi. Chẳng hạn, một chef- cooker người gốc Việt ở Florida chế biến gia vị vốn của thổ dân địa phương phối hợp với hầu hết gia vị Việt đã khiến ông ta trở nên nổi tiếng nhờ cung cấp món xào crawfish để nhậu bia vô cùng hấp dẫn đối với dân bản xứ. Hay: “Một trong những hoạt động văn hóa thường niên của người Việt thu hút nhiều người tham gia nhất tại khu vực thủ đô Washington, Hoa Kỳ, (đó là) chương trình Viet fest 2018 vừa diễn ra cuối tuần qua (giữa tháng 8/18). Trong những năm gần đây, Việt Film Fest ngày càng nổi bật, lôi cuốn được đông đảo giới trẻ gốc Việt thuộc thế hệ thứ 2 hoặc thậm chí là cả thế hệ thứ 3, đem lại một không khí vui tươi và hấp dẫn.”(tháng 10/2018)

Chẳng hạn: Các nhà nghiên cứu trên toàn cầu đang nỗ lực tìm kiếm những phương cách bảo vệ môi sinh, như khuyến khích giảm ăn thịt các loài thú hoang dã, như giúp giảm thiểu lượng khí thải trong chăn nuôi gia súc bằng cách thêm các chất phụ gia thực phẩm khác nhau như tỏi, oregano, quế .. thậm chí cà ri – . Hệ thống các trại nuôi bò sữa và các hoạt động chăn nuôi khác là xuất xứ chính của nguồn khí mê-tan – một loại khí giữ nhiệt mạnh hơn nhiều so với khí carbon dioxide. Tuy nhiên, cả hai loại khí này đều góp phần gây ra hiệu ứng khí thải nhà kính, dẫn đến hiện tượng trái đất ấm dần lên. Hiện nay,

*các nhà nghiên cứu tại Đại học California đang thử nghiệm nuôi bò sữa bằng rong biển trong nỗ lực giúp ích hữu hiệu cho khí hậu và môi trường sống trong lành hơn ở trái đất: Nhờ đó mà mức đo mới nhất cho thấy có thể giảm ô nhiễm tới 30% .Các thử nghiệm này đã và đang thu thập được những kết quả khả quan khác nhau.(mùng 10 /09/18) (***)*. Tin này đáp ứng tức thời với kết quả nghiên cứu mới nhất của giới chuyên gia quốc tế vừa công bố là hiện nay nhân loại đang ở trong giai đoạn Đại Tuyệt Chủng thứ 6 [The 6th Great Extinction] về môi sinh do con người tạo nên [khác với kỳ Đại Tuyệt Chủng thứ 5 do loài khủng long tạo nên trước đây]

Rồi: Nông trại của người H'mong(với độ 60 ngàn dân, đông thứ nhì sau cộng đồng người gốc H'mong Fresno, miền Trung Cali) đã và đang trở thành nơi cung cấp nông sản và thực phẩm chính cho dân cư ngụ ở tiểu bang Minnesota. (11/09/18)

Hay: Mai Khôi, cô ca sĩ từng được mệnh danh “Lady Gaga của Việt Nam” đang khiến khán giả Mỹ trải nghiệm nỗi đau của cảnh sống thiếu tự do.(12/09/18)

Và: Lớp thái cực quyền đã được cô Hằng Tâm, một phụ nữ gốc Việt, duy trì trong nhiều năm nay để phục vụ hoàn toàn miễn phí những người cao niên ở khu vực phía bắc Virginia, giáp ranh với thủ đô Washington (13/09/18)...

*Gần hai năm nay, mỗi lúc xảy ra một nhiều những vụ bạo hành súng đạn trên khắp nước Mỹ (“307 vụ nổ súng giết người hàng loạt tại Mỹ trong 311 ngày” ****)... Và mới nhất, cuối tháng 10/ 2018, “Ít nhất 13 trí thức bỏ Đảng(CSVN) sau ‘hiệu ứng Chu Hảo’”(*****)*

Hàng tuần chiếu những Tin Tổng Hợp này, VOA Express đã được các chương trình truyền hình Việt ở Little Sài Gòn đề rõ rằng đây là phần phối hợp tin của cả VOA lẫn RFA, một đặc điểm mới nhất mà tôi để ý thấy. Mặc dù đang trong thời gian thử nghiệm, chẳng biết phần phối hợp tin này sẽ tiếp tục được bao lâu nữa, nhưng rõ rệt đây là một sáng kiến mới mẻ và phong phú nhất của lịch sử hai cơ quan thông tin Hoa Kỳ trong quá trình thực hiện công tác truyền thông, họ đã nỗ lực luôn phát triển để phục vụ, theo nhu cầu đại chúng với khả năng rộng mở quá trình áp dụng khoa học-kỹ thuật ngày một tân tiến hiện nay...

Vừa yên lặng theo dõi những tin ấy trên màn ảnh, tôi vừa lần lượt

nhớ lại rằng ông Phạm Phú Thiện Giao hiện đang phụ trách trưởng ban Việt ngữ đài VOA nhưng trước đây độ trên 10 năm, Thiện Giao đã là trưởng văn phòng RFA ở Bangkok, Thái Lan...; và ông Nguyễn Ngọc Bích vốn đã là trưởng ban Việt ngữ đầu tiên thời RFA mới được thành lập cách đây gần ba mươi năm trước...

Nguyễn Ngọc Bích, một đời sống xuất sắc trong đa dạng:

Wikipedia tiếng Việt [https://vi.wikipedia.org/wiki/Nguyễn-NgọcBích](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nguyễn_Ngọc_Bích) đã viết: Nguyễn Ngọc Bích sinh năm 1937 tại Hà Nội, lúc còn nhỏ, ông học tiểu học ở Vĩnh Yên, sau đó vào trung học ở Chasseloup Laubat, Sài Gòn. Năm 1954 ông Nguyễn Ngọc Bích sang Mỹ du học theo chương trình học bổng Fulbright, tốt nghiệp ngành chính trị học tại Đại học Princeton University năm 1958. Sau đó, ông tiếp tục theo học môn Á Đông học, Văn học cổ điển Nhật tại Columbia University, New York và có thời gian sang Nhật bằng học bổng President's Fellowship để thu thập tài liệu cho luận án cao học. Ngoài ra, ông theo đuổi một số khóa học ngắn ở Đại học Vienna và Munich (tiếng Đức), Madrid (tiếng Tây Ban Nha), USDA Graduate School (tiếng Trung và tiếng Nga).

Sau nhiều năm sống, học và làm việc ở ngoại quốc, giáo sư Nguyễn Ngọc Bích về nước năm 1972, cùng với vợ là Tiến sĩ Đào Thị Hợi thành lập Viện Đại Học Cửu Long ở Sài Gòn, đồng thời giữ chức Cục trưởng Cục Thông tin Quốc Ngoại của Bộ Dân Vận Chiêu Hồi. Giáo sư Nguyễn Ngọc Bích cũng là Tổng Giám đốc sau cùng của Việt Tấn Xã.

Sau biến cố 30/4/1975, ông cùng gia đình rời Việt Nam sang Mỹ, định cư tại tiểu bang Virginia. Giáo sư Nguyễn Ngọc Bích từng có thời gian giảng dạy tại các đại học George Mason (1979-89), Trinity College (1979-81) và Georgetown University (1980-86). Ông được Tổng thống Hoa Kỳ George H.W. Bush (Bush cha) chỉ định vào chức Quyền Tổng giám đốc Giáo dục Song ngữ trên toàn quốc (1991-93). Ông là Giám đốc đầu tiên của Ban Việt Ngữ Đài Á Châu Tự Do RFA từ ngày thành lập cho đến lúc về hưu năm 2003. Nguyễn Ngọc Bích cũng là hội viên Hội Nhà báo Độc lập Việt Nam, đã trợ giúp Hội ngay từ những ngày đầu hoạt động...

Ngoài dạy học và làm truyền thông, ông Bích cũng còn là một nhà biên khảo và dịch giả có uy tín về văn thơ VN. Như

“A Thousand Years of Vietnamese Poetry” (“Một nghìn năm thi ca VN,” Knopf, 1975); A Mother’s Lullaby (dịch Trường Ca Lời Mẹ Ru của Trương Anh Thụy, Cánh Nam, 1989); War & Exile: A Vietnamese Anthology (“Chiến-tranh và Lưu Đày: Tuyển-tập văn-học hiện-đại của Việt Nam” Văn-bút Miền Đông, 1989); Ông cũng dịch thơ Nguyễn Chí Thiện (Ngục Ca / Prison Songs, VICANA, 1982; Hoa Địa Ngục / The Flowers of Hell và Hạt Máu Thơ / Blood Seeds Become Poetry, cả hai do Tổ Hợp XBMĐ Hoa Kỳ xb, 1996); Cung Oán Ngâm Khúc / Complaints of an Odalisque; Thơ Ôn Như hầu Nguyễn Gia Thiều (Tổ hợp Xuất bản miền Đông Hoa Kỳ, 2006)...

Nét văn chương trong Nguyễn Ngọc Bích

Đọc đến đây, trong trí tôi tự nhiên nảy ra thắc mắc, tại sao họ lại không kê khai đầy đủ một số tác phẩm khác nữa của ông: Chẳng hạn như cuốn KUBAIYÁT, THƠ & ĐỜI của Omar Khannam, do Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ ấn hành năm 2002 ? Nguyên Omar Khannam (1048-1131) là một nhà toán học, thiên văn học, triết gia của xứ Ba Tư; nhưng đặc biệt KUBAIYÁT lại là cuốn thơ của tác giả này. Với khả năng ngoại ngữ và chuyên môn biên khảo sẵn có, tại sao Nguyễn Ngọc Bích lại chọn môn thơ để giới thiệu tác giả cổ điển của dân Ba Tư này với độc giả Việt chúng ta? Và theo như chú thích của Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ thì đây là tác phẩm thơ dịch đầu tiên được Nguyễn Ngọc Bích chính thức cho công bố, hẳn ông phải có gì đặc ý với tác phẩm này đây? Những thắc mắc đại loại như trên đã khiến tôi lục ra cuốn thơ Kubaiyat vốn đã có trong tủ sách tại nhà.

Đầu tiên, chắc cũng xin quý vị đọc qua mấy đoạn thơ dưới đây, gồm 3 ngôn ngữ: bản anh ngữ của Edward FitzGerald dịch ra từ nguyên tác cuốn Kubaiyat, bản kế tiếp do Nguyễn Ngọc Bích dịch, và cuối cùng là bản do tôi đã ‘tí toáy’ phóng ra thơ Việt vào năm 2003 (ở đây xin được in chữ nghiêng):

1.

The Worldly Hope men set their Hearts upon
Turns Ashes- or it prospers; and anon,
Like Snow upon the Desert’s dusty Face,
Lighting a little hour or two- was gone.

Mộng công hầu trần gian ai chẳng ngóng
 Để ra tro- hay có lúc thành công
 Rồi như tuyết rơi trên sa mạc nóng
 Đâu một giờ rồi bỗng chốc hư không.(đoạn 16, trang 148)

*Là người ai chả vọng tham
 được thua thành bại cũng hoàn ra tro
 tuyết rơi sa mạc đỏ rừ
 sáng lên chốc lát vài giờ cũng xong.*

2.

Ah, my Belovéd, fill the Cup that clears
 TO-DAY of past Regret and future Fears:
 To-morrow!- Why, To-morrow I may be
 Myseft with Yesterday's Sev'n thousand Years.

Em yêu dấu, hãy đổ đầy ắp chén
 Chén rượu này xóa bỏ tiếc, buồn, căm
 Còn mai hử? Ngày mai ta sẽ biến
 Trở thành ta kiếp trước bảy trăm năm.(đoạn 21, tr. 152)

*Hãy cùng nhau uống em yêu
 rượu xưa tiếc sau sợ nhiều chén đây.
 Ừ, mai rồi sẽ ra sao?
 Bảy ngàn năm trước, kiếp nào của ta?*

3.

Myseft when young did eagerly frequent
 Doctor and Saint, and heard great argument
 About it and about: but evermore
 Came out by the same door where in I went.

Thuở còn nhỏ, ta thường hay đi lại
 Hết thánh này lại đến cổng nghề kia
 Nghe bàn cãi nát tai rồi vẫn dại:
 Vào cửa nào ngã ấy vẫn rồi ra.(đoạn 27, tr. 156 và 157)

*Thời trai trẻ, ta trải qua
thánh nhân này triết gia kia đã nhiều
luận bàn toàn chuyện cao siêu
nhưng cùng một cửa tiêu điều đó thôi.*

4.

Into this Universe, and Why not knowing
Nor Whence, like water willy-nilly flowing;
And out of it, as Wind along the Waster,
I know not Whither, willy-nilly flowing

Nhập trần thế vì sao ai có biết?
Rồi từ đâu chẳng rõ, nước trôi mau
Rồi từ đó, gió đưa sa mạc riết
Đến nơi nào.. giờ có biết nơi đâu? (đoạn 29, tr. 158 và 159)

*Vào đời chẳng biết vì sao
nước dòng trôi chảy thế nào cũng xong
gió kia cứ thổi thong dong
Ta đi rồi đến, đều trong bất ngờ.*

5.

Would you that spangle of Existence spend
About THE SECRET-quick about it, Friend!
A Hair perhaps divides the False and True-
And upon what, prithee, does life depend?

Đời ngắn thế mà bạn còn muốn mất
Giờ tìm ra bí mật của cuộc đời!
Một sợi lông chia cái Sai, cái Thật-
Còn như Đời rồi bám víu vào ai?(đoạn 49, tr. 170 và 171)

a/.

*Tiêu pha cho hiện hữu này
tồn công tìm bí mật đời làm chi.
Hai miền giả-thực chi li
sống đời lệ thuộc ích gì cho ai!*

b/.

*Đời ngắn thế, sống đi, đừng phí
thời giờ tìm bí mật làm chi
Sợi tóc đủ phân đôi giả thực
lệ thuộc ai? tìm hiểu ích gì?*

* Thông dong trong cuộc ra đi:

Sở dĩ ở đây xin được đăng thêm phần phóng dịch của tôi xen kẽ vào là chủ ý tôi muốn được góp mặt chung vui với Nguyễn Ngọc Bích: Trong tâm tình của cá nhân, tôi cảm nhận được rằng khi cất công giới thiệu thơ của tác giả Ba Tư này với độc giả Việt, hẳn là ông đã phần nào bị cuốn hút bởi niềm thích thú văn chương triết lý dàn trải trong ấy.

Hơn nữa, trong tình cảm riêng tư, đặc biệt hai chúng tôi quen biết trên ba chục năm nay nhưng thỉnh thoảng mới có cơ hội gặp gỡ bù khú với nhau, tôi đã khá mạn mòi ở cái tư chất văn nghệ trong con người của ông: Cái tư chất ấy nó luôn luôn bàng bạc, đôi khi còn lãng đãng phảng phất ẩn náu trong nụ cười của ông... Diễn tả một cách rõ hơn, tôi thấy ra cái tư chất ấy nó bao trùm triết lý sống, và còn phảng phất chi phối tất cả những hoạt động sôi nổi có tính cách tranh đấu xã hội - chính trị trong cả cuộc đời của Nguyễn Ngọc Bích.

Chẳng thế mà đoạn chót trong <https://vi.wikipedia.org/wiki/NguyễnNgọcBích> có câu ghi nhận: “Ông mất ngày 3/3/2016 trên đường bay từ Washington DC đến thủ đô Manila của Philippines để tham dự một hội thảo về tranh chấp Biển Đông.”

Chi tiết này đã khiến tôi mừng tượng ra rằng: Tháng ba dương lịch, tiết trời vào xuân đang ở thời khắc tươi mới nhất trong mỗi năm. Thế thì ai là nhân vật có quyền năng có thể khiến cho ông có được cơ hội ra đi khỏi cuộc đời này đúng vào thời điểm ấy?... Phải chăng phần số của ông đã định như vậy? Hay là chính ông đã chủ động chọn, bằng cả một cuộc sống sôi nổi suốt đời của chính ông?... Ai có thể khẳng định cho tôi biết thực sự nguyên do là như thế nào chăng?

Trong khi chờ đợi để có được câu trả lời dứt khoát, riêng tôi vẫn nghĩ rằng, quả là Nguyễn Ngọc Bích đã thông dong thanh thản buông thả thân xác mình rời khỏi thế sự này, bước vào xuân./.

Nov. / 2018.

Chú thích:

(*) “...Nền kinh tế Trung Quốc đang phát triển nhanh hơn gấp hai lần Hoa Kỳ, và Bắc Kinh đã đổ tiền vào kỹ nghệ tiên tiến như trí tuệ nhân tạo, máy tính lượng tử và kỹ nghệ sinh học. Thời gian đang đứng về phía Trung Quốc, như tạp chí *The Economist* nhận định. Cho nên nếu không tạo được áp lực với Trung Quốc hôm nay về những chuyện như đánh cắp tài sản trí tuệ, hay thách thức yêu sách phi lý của Trung Quốc trên Biển Đông, thì những gì khó thực hiện hôm nay sẽ càng trở thành điều bất khả trong tương lai.”(Trích đoạn chót của bài “Căng Thẳng Mỹ - Trung: Tại Sao Lúc Này? của Phạm Phú Khải:

<http://nghienquoccte.org/2018/10/25/cang-thang-my-trung-tai-sao-luc-nay/#more-27447;>)

(**) Hôm thứ Bảy, 22 tháng Chín 2018, Tổ chức Bảo Vệ Nhân Quyền (*Defense the Defenders*) dẫn thuật lời tố cáo của Liên Minh 14 tổ chức bảo vệ nhân quyền trên thế giới trong *Now! Campaign.org* rằng “ Ít nhất hiện nay nhà cầm quyền Việt Nam đã bắt giữ 228 nhân vật vận động cho nhân quyền.” Và “.. ở đất nước này, chính quyền đã mắc cái bệnh vô cảm quá lâu....”trích bài *Cảm Nhận Từ Đường Phố Việt Nam* của TS Nguyễn Văn Tuấn....Blogger Mẹ Năm Nguyễn Ngọc Như Quỳnh, trước áp lực quốc tế, đã được thả khỏi tù và phải rời nước ngay với mẹ và hai con nhỏ vào Thứ Tư 17/ 10/ 2018...Và thông cáo báo chí vào ngày 01/10/2018 của Chiến Dịch NOW!Campaign, một chương trình có sự tham gia của 14 tổ chức xã hội dân sự Việt Nam và quốc tế, chính phủ Việt Nam hiện đang giam giữ ít nhất 246 tù nhân lương tâm trong tù hoặc trong điều kiện tương tự, so với 165 vào tháng 11 năm 2017, khi chiến dịch được khởi xướng. Với con số tù nhân lương tâm hiện nay, Việt Nam là nước đứng thứ hai trong khu vực Đông Nam Á về số lượng người hoạt động bị giam cầm, sau Myanmar. Con số 246 bao gồm 219 người đã bị kết án, thường với cáo buộc hình sự như là "tuyên truyền chống nhà nước" hay "hoạt động nhằm lật đổ chính quyền" hoặc "gây mất đoàn kết", và 26 người đang bị tạm giam trước ngày xét xử, có cả là Đại Lão Hoà Thượng Thích Quảng Độ, Đức Tăng Thống của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, đang bị quản thúc vô hạn định; và hàng trăm bloggers, luật gia, người hoạt động về quyền công nhân hay quyền đất đai, người bất đồng chính kiến, các tín đồ của những nhóm tôn giáo không đăng ký đã bị bắt và

giam giữ vì họ đã thể hiện chính kiến về quyền tự do biểu đạt, tự do hội họp, hoặc tự do tôn giáo hay niềm tin. Không một người nào trong họ cổ súy bạo động, nên họ được liệt kê vào danh sách tù nhân lương tâm của NOW! Campaign (Trích website:bpsos@bpsos.org;)...

(***) Trong khi đó thì ở Việt Nam: “ ...Môi trường sống xuống cấp thê thảm. Sự gia tăng dân số gây áp lực vô cùng lớn đến môi sinh... Những con sông VN đang chết vì chúng đã (bị) biến thành những bãi rác di động khổng lồ.., sự xâm nhập của nước mặn vào các con sông vùng đồng bằng sông Cửu Long ,... mấy cái đập lớn Tàu xây trên thượng nguồn sông..., sự suy thoái về môi trường là mối đe dọa lớn nhất đến sự tồn vong của đất nước” Trích bài nêu trên của TS N.V. Tuấn.(Nguồn:PhungSuXaHoi@googlegroups.com;:)

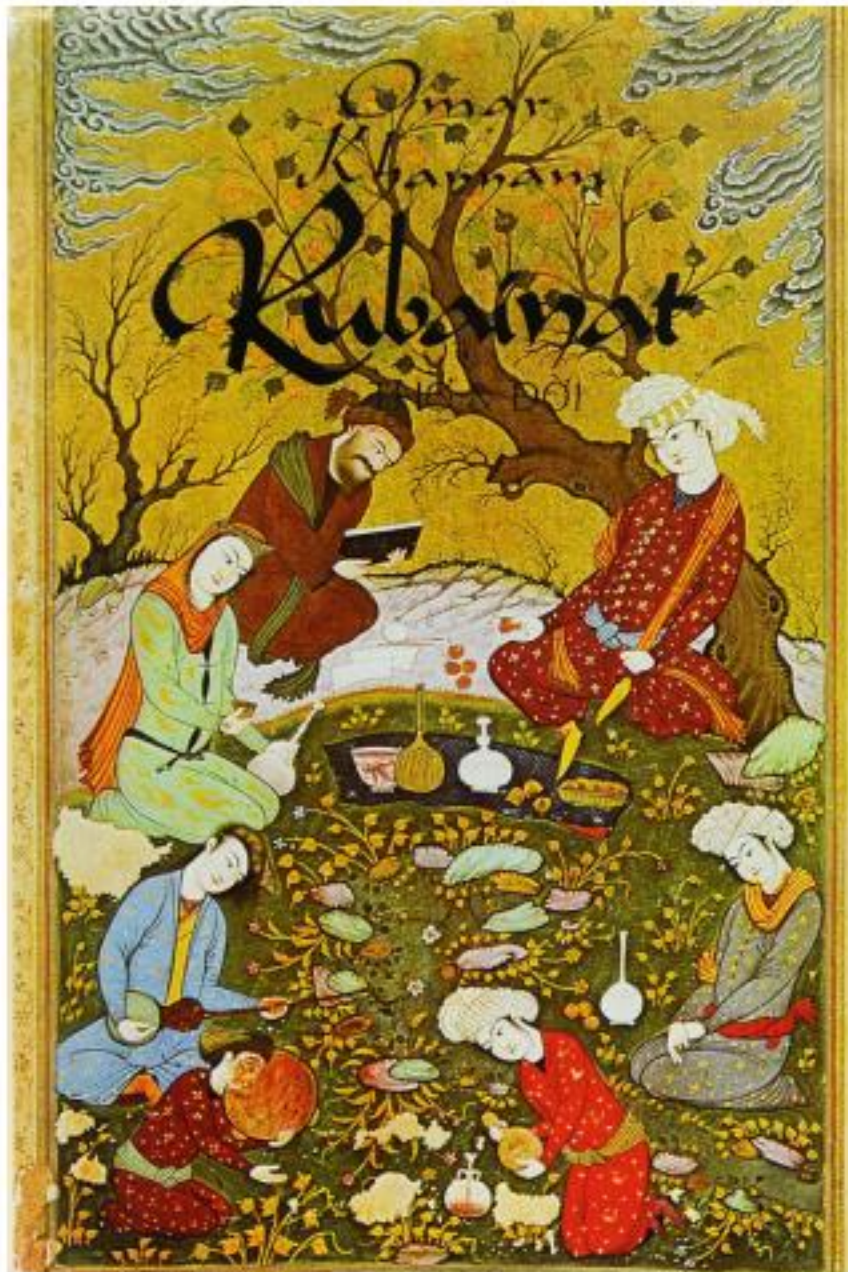
Trong lĩnh vực môi trường, thiên nhiên, hai nhật báo Les Echos và Le Figaro cùng đề cập đến báo động về việc «số lượng động vật hoang dã bị giảm sút».Theo báo cáo « Hành tinh sống » 2018 do Quỹ Bảo vệ Thiên nhiên (WWF) công bố ngày 30/10, sự đa dạng sinh học đang bị đe dọa. Từ năm 1970 đến 2014, số lượng động vật có xương sống (cá, động vật có vú, lưỡng cư và bò sát) đã giảm 60%. Nguyên nhân chính là do con người và các hoạt động phá hủy hoặc làm hư hại nơi ở của chúng : gia tăng khai thác nông nghiệp, đánh bắt quá khối lượng, phá rừng, tiêu thụ quá nhiều nước ngọt, du lịch đại trà...Sự khai thác bừa bãi của loài người hiện nay nói chung đang tàn hại môi trường sống của trái đất, khiến từ nay đến năm 2050, nếu con người không tích cực thay đổi gấp thì số lượng động vật hoang dã sẽ chỉ còn khoảng 1/10. Quỹ Bảo vệ Thiên Nhiên đang vận động cho một thỏa thuận đầy tham vọng về bảo vệ thiên nhiên nhân hội nghị thế giới về đa dạng sinh học sẽ diễn ra tại Bắc Kinh năm 2020, theo đó « cần ấn định mục tiêu không có tổn thất về đa dạng sinh học vào năm 2030” (Nguồn: <https://mail.google.com/mail/u/0/?shva=1#inbox/FMfcgxvzLNfNfBcHpsHMKZDsFFzpzlSB;>)

(****)Tin trên Người-Việt Online vào November 8, 2018“307 vụ nổ súng giết người hàng loạt tại Mỹ trong 311 ngày”:
https://www.nguoi-viet.com/tv-tin-trong-ngay/307-vu-no-sung-giet-nguoi-hang-loat-tai-my-trong-311-ngay/?utm_source=Ng%C6%B0%E1%BB%9Di+Vi%E1%BB%87t+Newsletter&utm_campaign=455a5944ac-amp;utm_medium=email&utm_term=0_cf5f0a479c-455a5944ac-157043941

(*****)*Bản tin* <https://www.voatiengviet.com/a/it-nhat-13-tri-thuc-bo-dang-sau-hieu-ung-chu-hao/4633487.html?nocache=1&fbclid=IwAR2R-ZLDAgS4giq-H5q07XJZH8EEezVQxIzSEBBiYadO-am1f9OD3GCDBwpg/> mở đầu bằng câu: “Các trí thức trong số gần 13 người vừa tuyên bố bỏ Đảng Cộng sản Việt Nam nói với VOA rằng họ “quá bức xúc” vì Đảng “không còn phục vụ lợi ích của nhân dân, dân tộc”, Đảng “đã chọn sai đường”, và họ dự báo rằng con số thoái đảng “sẽ gia tăng sau hiệu ứng Chu Hảo”. Và bài bình luận của Nguyễn Trang Nhung”*Từ sự kiện Giáo sư Chu Hảo nghĩ về sức mạnh của tư tưởng*” đăng trên RFA vào 2018-10-27 <https://www.rfa.org/vietnamese/news/blog/from-chu-hao-incidence-think-about-ideology-might-10272018180727.html>;

Đầu tháng 11/ 2018

* **PHẠM QUỐC BẢO**



Bìa cuốn KUBAIYÁT



GỬI NGƯỜI BÊN KIA CHÂN TRỜI...

Bất chợt thu về xõa tóc bên bờ môi
 em ngát ngát đóa quỳnh lan thơm ngát...
 Nắng chiều len lén khép then thùng
 Sương hé nụ đôi môi
 chờ đợi phố lên đèn
 thấp thoáng nhớ mênh mong...
 Ta bật hỏi điều gì đang dậy sóng?
 Gọi tên ai chan chứa điệu phù sa?
 Trăng sao hãy xua tan mưa phủ ngập lối nàng
 khát vọng bến tương tư...

Ta mời em hóa thành miền vĩnh cửu...
 hòa nhịp cùng ta làm rung động hàng mi...
 Lắng nghe trong tiềm ẩn nghìn trùng
 thôi thúc bước chân ta phiêu du bay về miền sinh lộ
 tươi mát làn da tình cuồng nhiệt...
 Bao ước vọng ghi em chết đuối giữa đam mê...
 Cuộc vô thường trang điểm gió sương bạc trắng tuổi đời...
 Đa tạ em
 đưa ta vào vùng trời quên lãng nghề thường...
 thềm căn em cho mặt trời chảy máu!...

SA CHI LÊ

Toronto Ngày tháng ngủ quên 18-6-2019



CHUỖI 6/8 - V

*Kính tặng BS Trần Quý Trung (San Diego)
và Lê Văn Tấn (Atlanta, GA 30315)*

1.

T huyền nan

Sao ra biển xanh??

Hỏi người! Hiểu biển “trong tranh” không người??

Ô..! Người là một hoa khô...

Người có phép lạ thì thôi đã đành!!

Người làm ma thuật biển xanh...

Thuyền nan người đã tung hoành, ai so??

Thế nhân ví những con đò...

Luôn ngại biển sóng, luôn lo bão bùng!!

Ta sờ thân bại kiếm cung

Nghe gai góc nổi, khốn cùng văn chương!!

2.

Vọng hoài trăng rụng, sao rơi...

Động âm thịnh suốt, tàn hơi cõi này!!

Ta, đời thơ khóc lắt lay!!

Em cho hương nhụy, cứu ngày suy vong!!

Một chân nhập thế quay mòng...
 Một chân mặt lộ xoáy vòng tử sinh.
 Tình Yêu Sáng Rực Trang Kinh...
 Là đây thái cực, trụ hình là đây!!

3.

Làm thơ là lúc tọa thiền...
 Quán theo hơi thở, thấy tiền kiếp tôi...
 Biết thêm giềng mối luân hồi!
 Từ bỏ nghiệp thế, là tôi trở về
 Một lần thuyền ghé bến mê...
 Thuyền rã hết ván, ê chề oan khiên
 Ai còn khóc chuyện tơ duyên??
 Xuôi tay nhắm mắt chưa yên phận phận chồi...!!

4.

Tình nhân lên lũy thừa tình
 Mắt em như rục bình minh đại ngàn
 Tim ta là cửa thiên đàng...
 Phải Em khóa mở kho tàng trăm năm???

5.

Biết gì tiếng ru đôi thông??
 Hiểu chi nhạc suối, nổi lòng núi non??
 Động lòng không đôi môi son??
 Tỉnh chưa giọng khẻ em, còn như ru??

6.

Chốn nào không thấy bon chen??
 Nơi đâu không có vinh hèn, lô nhô??
 Ta về sửa nốt bài thơ...
 Cho Thơ Sạch Hết Tôn Thờ, Nhiều Nhường!!!
 Bùn, Sen rồi rắm vô thường!!
 Giở kinh, lật sử vạch đường ta đi...

7.

Lối xưa trăng dẫn xuân thì...
Đường nay ma dất, lưu ly mịt mờ!!
Chỉ còn tim đập mạch thơ...
Cũng trang sử xéo, với tờ lịch xiên!!
Cũng ta khách lũ đôi miến
Thi ca, hợp tiếng vành khuyên em, hòa...

8.

Đêm nằm nghe trận mưa tuôn
Cái tôi trở chứng, nặng buồn giọt mưa!
Giọt mưa âm hưởng chuông chùa...
Trời ta ngũ uẩn, te tua đời phàm
Thơ nào hóa giải cho cam
Sân si xiết cổ, tơ tầm đẩy đưa!!

9.

Côn vân, cước điệu, kiếm thơ...
Tung liên hoàn cước, nguyệt mờ, mây trôi!!
Em, Ta, tiền kiếp, luân hồi...
Nghe chẳng thức điệu, ru hời ba quân??
Gọi em, yếm thắm hồng quần...
Như trong hoang dã, thú rừng gọi nhau!!

10.

Cõi người lỏng lẻo âm binh
Biến tôi, thu gọn cái mình ốc nghêu!!
Còn gì tôi, ời Nương Kiều??
Im lìm kinh sách, rộn nhiều danh xưng!!
Tội tôi & cả người thân...
Lạc giữa rừng rú, sinh phần oan khiên!!!

11.

Triệu lần kể chuyện Ngô, Khoai...
Em, Anh đi cấy đi cày nuôi con...

Muôn lần ngựa nản chân bon!!
 Vẫn chưa quy xuống trên con đường cùn!!
 Ngã nghiêng trăm trận bão bùng
 Em tránh tròn suốt, thơ bung mạch nguồn!!

12.

Đã từ mẹ đất sinh ra...
 Một đường biểu diễn ta bà, tung bay...
 Dấy lên ơi hạt bụi này...
 Phút dấy hư ảo, biện bày lung linh...
 Bụi đất, bụi rác đa tình!!
 Mai về với đất có mình, có ta...

13.

Đêm mơ, nhồi máu cơ tim!!
 Gót son, thân hạc là em lại về...
 Nhập thần vào ta, đắm mê!!
 Cho dòng thơ chảy tràn trề suối khe!!

14.

Vốn biển là sóng hung thần!!
 Vốn đời không khác, nên cần nương thôi!!
 Vốn tình khuôn rập vốn đời...
 Yêu em, là cả một trời nhiều khô!!

15.

Chữ Ta vẫn với chữ Tà...
 Lại vẫn thêm với chữ Ma, hỡi người!!!
 Ngàn năm tiếng khóc gọi Trời!!
 Chỉ nghe ma quỷ đáp lời quỷ ma!!

HÀ NGUYỄN DU

BÀO THAI CẢM XÚC

Nỗi buồn hắt hơi khi nghiệt oan gây ra cảm, cúm
chờ đợi đến nôn với thương nhớ xót dạ dày
nghe rồn rảng khua rền trong ngăn ký ức
em luôn kích mạnh bào thai cảm xúc ta
đến nỗi bắn vọt con thơ ra nhanh
sự chào đời không cần định kỳ
vẫn tiếng khóc tu oa, tu oa
tu oa có thừa sức khỏe
con thơ ơi ! con thơ
trong bào thai
con nằm
chờ
sự
chào đời
dưới mặt trời
con luôn đương đầu
với những tự do xứng hô
với những thứ không ngôi, ngại
trò lảm cẩm quần quanh cùng chữ nghĩa
sao vẫn bình thường như cỏ mọc giữa trăm hoa
cỏ luôn cứ tưởng như hoa nhô đầu theo muôn lối rẽ
con thơ ơi! hy sống chân thành trong bầu trời khiêm cung
con sẽ sung sướng vô cùng với bao lời ca chở theo nhiều sáng tạo

CHÂN DUNG BƯỚC DỰ PHÓNG

Không để bọng thời khắc vô bổ đánh
mất tính lịch lãm bước dự phóng
sẽ không lá úa với thu củ gieo
rắc sẽ không cành khô với hạ mãi

rát bóng rừng thiên bầm cổ bám chắc
rễ sinh khí cho tiếng hót loài thiên
di thêm chút lạnh lạnh qua cái mở
vàng xông pha tinh ngoan tha từng rác

rơm năng kết tổ xây uyên trên cành
ngàn xa hoài trở trăn nơi mình chôn
nhau hằng quen cơn mộng du ời sáng
danh cá hồi xuôi dòng thênh thênh góm

thay bấy bản năng dây dưa thống thiết
ngàn sau nhân sinh em nhân sinh ta
rực ngời chân dung lương tri tự do
tin yêu trở hoa trên muôn cành trơ ...

HÀ NGUYỄN DU



NGÔ NGUYỄN NGHIÊM

LÂM HẢO DŨNG

NGÀY ĐI THƯƠNG SỢI KHÓI BÊN NHÀ

Chư Pao ai oán hờn trong gió/ Mỗi chiếc khăn tang một tắc đường. Không hiểu sao, mỗi lần liên tưởng về **Lâm Hảo Dũng**, nỗi buồn rười rượi phủ trùm lên trái tim tôi, là mỗi lần hiện về hai câu thơ oan nghiệt đó. Không phải ở đây chỉ là một sự rung động chân phương, nghiệt ngã thấm thấu trong một không gian vàng bay ngơ ngác, phủ trùm tang tóc suốt ấn tượng chiều hồn, đang mọc nấm hoang dại trên con đường sử của quê hương . Mà còn đậm nét nhân bản, tàn bạo phủ chụp xuống kiếp người, kéo dài dằng dặc định kiếp của hơn mấy ngàn năm qua. Bản chất tôi, thường vô tình quá đối với cuộc sống đời thường, suốt đời lặng lẽ đi vào ngõ vắng văn nghệ. Tôi chưa hề thuộc bất cứ một bài thơ nào, dù thơ tôi hay của thể nhân. Có lẽ ngoài điểm yếu đó, phải chăng cũng có cái hay không trùng lặp ngoại lai khi sáng tác? Nhưng với thơ **Lâm Hảo Dũng**, không hiểu sao vẫn thường nhỏ giọt quanh trí não tôi, từng câu thơ loáng thoáng bay nhảy khảm chặt vào từng tế bào. Nhiều lúc, bật tung lên như có một sự đồng cảm phù thủy, khiến tôi khổ sở có lúc gắng sức đè nén những câu thơ anh không trôi nổi quanh nổi nhớ.

Tôi vẫn thường xuyên du hành trong cái tâm không, quây quả chấp tay sau lưng, tĩnh du cho đầy ngũ trống. **Thơ Lâm Hảo Dũng** như một bức tường pha lê dựng lên trước mặt, mặc khí hậu ra sao, vẫn hóa thân vào nhân giới tôi và lặng lẽ bước đến...

Từ sơ giao đến ngày này, có lẽ cũng hơn ½ thế kỷ, bắt đầu từ thời gian 1966 dưới tàng cây phượng vĩ sum suê lung linh sắc hè của trường Nông Lâm Súc Cần Thơ. Đó là ngày đầu tiên tôi diện kiến nhà thơ. Lâm Hảo Dũng đã chính thức từ bỏ bút hiệu Mây Viễn Xứ trở lại nguyên hình bản lai. Tên thì có thể thay đổi, nhưng thơ Lâm Hảo Dũng vẫn trung trinh một hướng thơ chuyên biệt. Những năm Mây Viễn Xứ và tôi thường đăng chung ở nhiều tờ báo đương thời, mà bút hiệu Mây Viễn Xứ lãng bạt không định hướng của chòm mây lang thang, dù sao khắc ghi nhiều đồng cảm tin yêu của những kẻ làm thơ cô quạnh chung quanh.

Hướng đi cho thơ, một phần được thể hiện trong bút hiệu ban đầu, sự điệu vơi lãng du như cánh mây trời lang thang trôi dạt nửa trong hồn người làm thơ, nửa ký gởi quanh cuộc đời đầy sương gió. Có thể nói, sự tin yêu Mây Viễn Xứ, ngoài tài hoa từ những vần thơ man mác, riêng lẻ của riêng nhà thơ, thì bút hiệu cũng gây nhiều thiện cảm cho những người đa cảm đồng điệu đương thời. Với một nhân dáng thư sinh thanh tú, Lâm Hảo Dũng bước vào đời bằng hồn thơ lưu xứ, lang bạt phiêu bồng như đám phù vân. Thanh thoát và mang nặng một hoài niệm vơi vơi giữa bản thể và cuộc sống trôi dạt đời thường. Có lẽ chính vậy, sự đột khởi của tâm và ý giữa sự phù ảo hư không phiêu bạt, nên bút hiệu Mây Viễn Xứ là bước đầu định vị tâm thức của người làm thơ.

Thơ Lâm Hảo Dũng phiêu bạt nhiều trong thi ca, trên các vườn thơ các nhật báo, tạp chí đương thời thập niên 60-70 thế kỷ trước. Định vị thật sang trọng và bát ngát, nhất là khuôn mẫu của dòng thơ lục bát. Nên cái hay của Lâm Hảo Dũng là áp dụng tinh hoa văn hóa sáu tám đặc thù quê hương, sự trầm bổng điêu linh hóa hiện lung linh trong một hồn thơ dân tộc, đưa khí lực thơ đạt đến cảnh giới tinh túy phiêu bồng với quan điểm thi ca riêng cõi. Sự rung động trong dòng thơ trong thời khắc ban đầu đã bước được vào định nghiệp riêng, chẳng phải là một lối đi xuyên sơn, tâm huyết và độc đạo? Lâm Hảo Dũng phiêu bạt trên hồn thơ mình,

luân chuyển kỳ khu ngày càng tinh tế và siêu tuyệt. Chính vậy, trong giai đoạn chín mùi hỏa hầu được trui luyện thật can trường, bi thống nhất của những năm đầu thập niên 70. Sự trôi dạt tận cùng đất nước trong giai đoạn khốc liệt cuộc chiến trên quê hương. Nỗi nhà canh cánh mẹ già và đàn em dại, sự ngăn cách giữa tư thân trong bối cảnh tiêu điều trên bước đường nhà thơ đi qua, khiến dòng thơ Lâm Hảo Dũng chìm ngấm trong sự rung động tận cùng của trái tim. Ngôn ngữ chỉ là cầu nối của tâm thức và nhân gian, nên dù sao cũng có một sự hạn hẹp, nhưng dòng thơ bi thống của Lâm Hảo Dũng lại như tiếng chim chiều vội vã thu không tìm đường xuôi ngược về tổ ấm, rơi rớt trên những chiếc ráng chiều, những tâm khúc u hoài, mà nhà thơ công trên lưng đi khắp đoạn đường thống thiết băng ngang

Năm 1972, khi tuần báo Khởi Hành mở chuyên mục trao đổi với độc giả, chọn 100 nhà thơ đương thời được công chúng tin yêu, thì Lâm Hảo Dũng cũng thường xuyên được chọn trong nhiều bản nhận định đăng tải hàng tuần. Chỉ có điều sự nhận xét thơ Lâm Hảo Dũng trong dòng thơ hiện hữu, tương đồng với thơ Quang Dũng. Đó là điều góp củi thành bó, vô cùng dễ dãi trong thưởng ngoạn. Đi vào một chiều hướng văn hóa và định vị một khuynh hướng, ngoài sự thông thấu công tâm của người nhận định, còn phải thận trọng và thông thái trên quan điểm phán xét. Thơ Quang Dũng mang hình thức *trưởng giả* trong sự khuynh khoái, kiêu hùng, câu thơ sang trọng cách tân trong giai đoạn tiền chiến, dung hòa giữa trào lưu mới và cũ. Nên sự làm mới ngôn ngữ và tư tưởng, là điều cần thiết của trí tuệ, chính vậy thơ Quang Dũng đậm nét trao chuốt bi hùng và trưởng giả. Thơ Lâm Hảo Dũng hoàn toàn không giống như vậy, không có một sự dung nạp đồ đồng, vì dòng thơ Lâm Hảo Dũng chuyển biến từ thái cực của một sự trôi dạt đa cảm, phiêu bạt của vầng mây lưu phương trong tâm thức, thai nghén từ bọc điều được xé toang ngay từ buổi thiên khai bắt đầu bước vào ngưỡng cửa thi ca, không có một xấp đặt hậu thiên. Dĩ nhiên, bước đầu của một tài hoa *chân đất* khác biệt cực kỳ với những tâm hồn làm thơ trong tâm sinh lý trưởng giả, hoạch định hướng tới cho dòng thơ. Thơ Lâm Hảo Dũng quả thật định hình không từ rung động của trí tuệ mà từ rung động của *trái tim*, quây quả lưu lạc từ

đến sự trưởng thành vững chãi của một thi nhân. Một quá trình hóa đá thành vàng, luyện kim trong một hỏa hầu tiệm tiến và đạt ngộ sau nhiều cuộc hóa thân. Thơ Lâm Hảo Dũng sở dĩ lưu lại lòng người một cách chân tình, bởi sự chân thật và ngôn ngữ thơ anh, không còn những sáo ngữ sang trọng, mà là những dòng nước mắt, là máu trái tim, mộc mạc giản dị đầy nhân bản. Tiếng thống thiết gọi đò của Trần Tế Xương, giữa thương hải biến vi tang điền, cũng ngơ ngác bi thống như vậy.

Sự bộc phát thơ Lâm Hảo Dũng từ thập niên 70, trước biến động của đất nước, đất nước của một dân tộc đã chịu nhiều nỗi thống khổ ba lần hơn ngàn năm Bắc thuộc, hơn trăm năm thuộc địa thực dân Tây, mỗi người dân đều triều dâng tâm thức quyết liệt với ngoại xâm trên mọi hình thức. Văn nghệ sĩ có một hồn người nhạy cảm, sống nhiều nội tâm, nên thấu rõ bằng trái tim tâm huyết... *Từ bởi chiến tranh hoài sao biết được/ nên đời trai gởi gió sương nuôi hoặc em khóc dòng sông ta khóc ta/ ngay đi thương sợi khói bên nhà/ ngày đi như thể không về nữa/ nghe gió rừng xa vọng tiếng ca...* Thơ Lâm Hảo Dũng đầy bi thống, như ký gởi tất cả những hoài niệm của ngày tháng vô định, *khi đi cố nhớ hàng cau nhỏ/ một liếp dừa xanh ngọn táo vàng/ ta cũng hát bài chinh chiến tận...* Hình như trong sương gió, ta thấy trùng trùng hình bóng chinh nhân khoát vôi phong sương trên nếp áo, mang theo hồn đất, gió trăng, vườn xanh ổi chín, làn khói sau hè, tiếng ru buồn của mẹ với hình bóng còm cõi của *mẹ già như khói bên thêm cũ ...* đã được nhà thơ nhốt vội vào hồn, cùng với gió trăng làm tàn cuộc tiễn đưa:

*Mẹ có mắt sầu riêng cao chắt ngất
Nên hồn con lạnh lẽo đến bao giờ
Nhà chắc đột bởi từ khi vắng mặt
Những thằng con đủ cánh để bay xa*

*Và dòng sông thương những hàng rơm mục
Những hàng cau buồn chết được lòng con
Thuở mẹ già biết cau còn kết trái
Biết con còn thấy mẹ lúc hoàng hôn*

*Như lũ sáo vu vơ ngoài dậu cũ
Mắt đăm chiêu ngày nắng mới chang chang
Mẹ vẫn cứ mỗ hôi trên áo vá
Đắp vồng khoai liếp cải nghĩ mênh mang*

*Bom đạn chắc không còn ru mẹ ngủ
Và đàn em dăm đứa nhớn nhớ cười
Mắt có xa cho một lần thương nhớ
Hình bóng con vời vợi cuối chân trời
(Còn không ngày về)*

Nhiều khi, sự vận dụng chân phương những rung động của con tim hóa thân vào hình từ bóng chữ, chính sự chân thật như vậy bật tận đáy lòng, nên chất chứa đầy tâm huyết sâu lắng. Trong vầng thơ Lâm Hào Dũng, người đọc bỗng chợt được đánh động rung chuyển cả tâm can. Từ ngàn xưa, những giọt nước mắt đầy cảm thông thường được trích lệ giữa quan hoài bi thiết của cuộc sống. Thơ Lâm Hào Dũng tuyệt diệu như bắt chộp được hỏa hầu của chân tâm, khiến thơ thấm nhập được cảnh giới đầy phong vị của cái chân, trên đoạn đường tử sinh dần trải lối đi. Phải chăng đó cũng là chuyện thường tình, bởi hạnh phúc và khổ đau vẫn là cặp bài trùng thường xuyên va chạm vào nhau, để ngọn lửa nội sinh bùng cháy:

*Mai đi nghe khóc trong hồn đất
Bởi vì:
Đời ta chinh chiến lãng du rồi*

*Ngoảnh lại:
Thuở mẹ già biết cau còn kết trái
Biết con còn thấy mẹ lúc hoàng hôn*

Đạo nghĩa Đông phương gói trọn trong tiếng kêu bi thiết, chất ngất nhân bản khảm vào tâm huyết sâu lắng giữa cuộc đời này.

NGÔ NGUYỄN NGHIÊM
*Viết tại Thư trang Quang Hạnh
Nhuận sắc lần 2 - tháng 7/2019*

TIỂU SỬ VĂN HỌC LÂM HẢO DŨNG



Nhà thơ Lâm Hảo Dũng sinh ngày 15 tháng 11 năm 1945 tại Bồ Thảo, Thuận Hóa, Sóc Trăng.

Cựu học sinh trường Trung học Hoàng Diệu, Sóc Trăng. Ông là cột trụ của nhóm thơ Cung Thương Miền Nam, gồm những nhà thơ nổi tiếng trước năm 1975 như Lâm Hảo Dũng, Trần Phù Thế, Lưu Vân, Trần Biên Thùy, Triệu Ngọc, Nguyễn Lệ Tuấn...

Giữa thập niên (19)60' Lâm Hảo Dũng theo học trường Nông Lâm Súc, Cần Thơ. Tốt nghiệp năm 1966, ông được bổ nhiệm về công tác tại Ty Canh Nông, Châu Đốc.

Lâm Hảo Dũng nhập ngũ khóa 27 Thủ Đức, ra trường phục vụ trong ngành Pháo binh, tại Kontum.

Nhà thơ là Hội viên Hội Văn Nghệ Sĩ Quân Đội.

Trước năm 1975, ông có thơ trên các tạp chí và tuần báo: Văn, Khởi Hành, Quân Đội, Khai Phá, Tiền Phong ... Sau năm 1975, cộng tác với Làng Văn, Văn, Năng Mới... và các báo mạng hải ngoại, nhất là Gió O.

Lâm Hảo Dũng học tập cải tạo sau năm 1975, và năm 1980 ông sang định cư tại Canada. Tại Canada, ông tiếp tục làm báo và xuất bản nhiều thi phẩm giá trị.

Nhà thơ Lâm Hảo Dũng được giới thiệu trên nhiều tác phẩm nghiên cứu văn học trong và ngoài nước.

TÁC PHẨM TIÊU BIỂU ĐÃ XUẤT BẢN:

- 1/ Nhớ Hoa Lại Thăm Bên Đường (thi phẩm, 1970)
- 2/ Ngày Đi Thương Sợi Khói Bên Nhà (thi phẩm, Khai Phá tháng 4.1975)
- 3/ Ngày Đi Thương Sợi Khói Bên Nhà (thi phẩm, tái bản Nhân Văn USA 1980)
- 4/ Tóc Em Dài Em Cài Bông Thiên Lý (thi phẩm, Làng Văn Canada 1989)
- 5/ Đi Giữa Thời Tan Nát (thi phẩm, Làng Văn Canada 1989)
- 6/ Ngàn Dặm Quê Nhà (thi phẩm ...)
- 7/ Năm Xưa Dưới Gốc Bồ Đề (thi phẩm...)
- 8/ Những Bài Thơ Của Tôi (thi phẩm, 2013)
- 9/ Tôi Vẫn Còn Đi (thi phẩm, Canada 2017)
- 10/ Thơ Tình Trung Niên (bản thảo)

HIỆN DIỆN TRÊN CÁC TÁC PHẨM NGHIÊN CỨU VĂN HỌC:

- 1/ Thơ Văn 90 Tác Giả Văn Nghệ Hải Ngoại 1975 – 1981 (Văn Hữu, 1982)
- 2/ Thơ Văn Việt Nam Hải Ngoại (Thái Tú Hạp, 1985)
- 3/ Ngọn Cỏ Khô Trên Thung Lũng Mùa Xuân (Làng Văn Canada, 1986)
- 4/ Hội Tuyển Thi Ca (Thanh Niên, Pháp 1986)
- 5/ Việt Nam Quê Hương Tôi (Tuyển tập Nhiếp ảnh Lê Quang Xuân, 1994)
- 6/ 20 Người Viết Tại Canada (Năng Mới, 1995)
- 7/ Thơ Tình Việt Nam Và Thế Giới (Nguyễn Hùng Trương, NXB Thanh Niên 1998)
- 8/ Thơ Văn Hải Ngoại Năm 2000 (Văn Mới Montréal, 2000)
- 9/ Thơ Miền Nam Thời Chiến 1 (Trần Hoài Thư, Thư Ấn Quán USA)

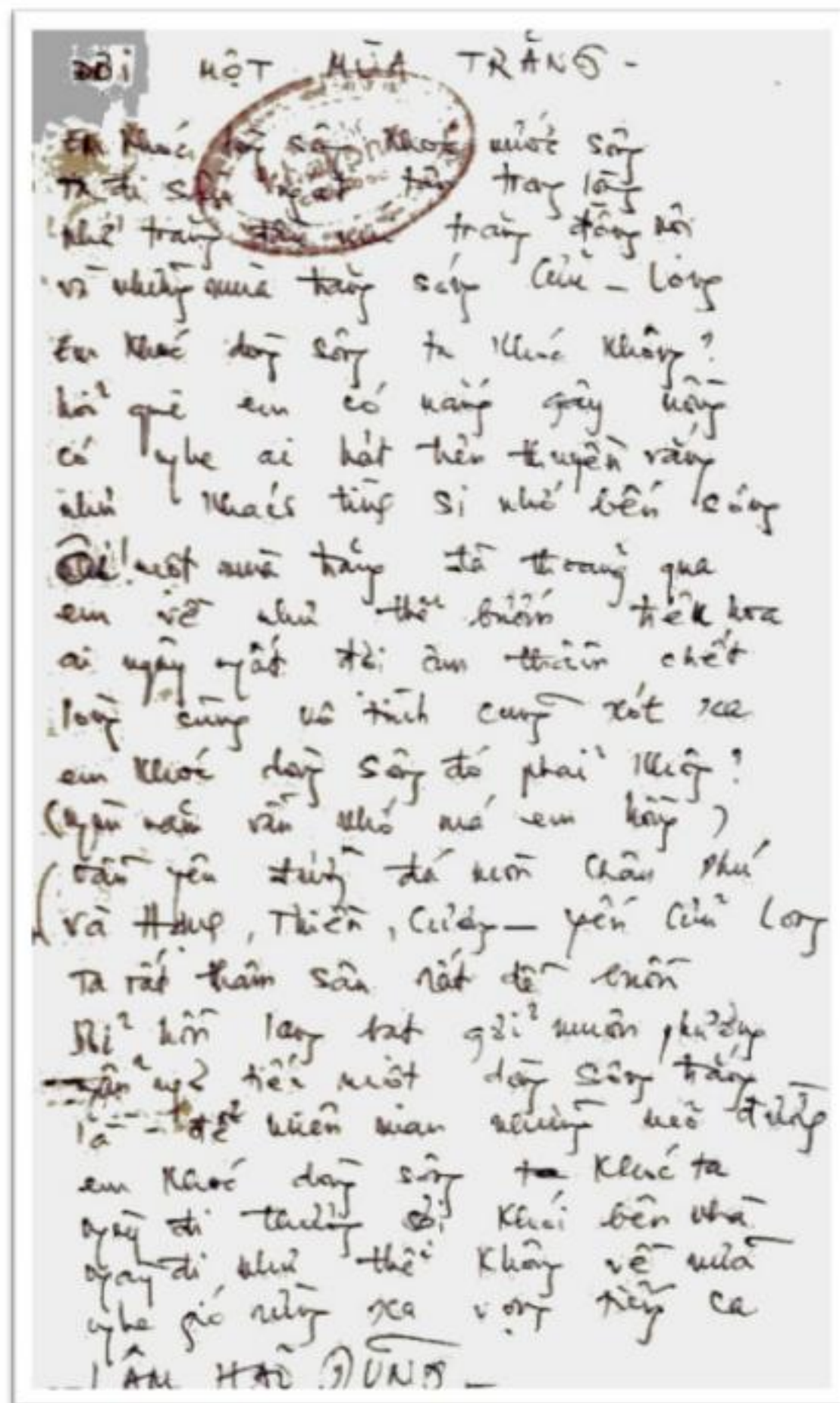
10/Tác Giả Tác Phẩm Người Đồng Hành Quanh Tôi, quyển IV (Ngô Nguyên Nghiễm, NXB Thanh Niên, 2012)

11/ Chân Dung Văn Nghệ Sĩ Qua Góc Nhìn Ngô Nguyên Nghiễm (quyển thượng, NXB Hội Nhà Văn 2016)

12/ Tác Giả Việt Nam (Lê Bảo Hoàng, Nhân Ảnh USA 2017)

13/ Văn Học Miền Nam 1954- 1975 tập II (Nguyễn Vy Khanh, Nhân Ảnh USA 2017).

THỦ BÚT NHÀ THƠ LÂM HẢO DŨNG



T
HỒ LÂM HẢO DŨNG

Ngày Trở Lại Bồng Sơn

*Bụi cũng làm ta cay ánh mắt
Bồng Sơn xa quá-cuối trời xa
Những núi chơ vơ đường quanh quẽ
Chân đèo Phú Củ nhận không ra?*

*Ta thương những bóng dừa cô độc
Những tiếng hồn vang bên liếp rau
Sông Lai còn có sấu đưa nước
Để thấy ta buồn muôn kiếp sau*

*Ta đứng bên cầu xe lửa cũ
Quê em còn cách một dòng sông
Nhớ đêm máu chảy người quên khóc
Em có u buồn trong mắt trong*

*Ngày ta trở lại đất Bồng Sơn
Em chắc còn in kỷ niệm buồn
Ta đã xa mờ như tiếng hát
Quê em ngày nắng mới bên sông*

Nỗi Buồn Cô Gái Tam Quan

*Gió rét nghĩ thương đời lính trận
Chiều qua núi thăm dốc cheo leo
Em ở quê nhà manh áo rách
Vui buồn gởi trọn mấy hàng cau*

*Khi đến Tài Lương ngày cuối tháng
Chuyện đời quanh quẩn những đao binh
Thương những mộ sâu ai kín lối
Trải dài theo những mẩu dừa xanh*

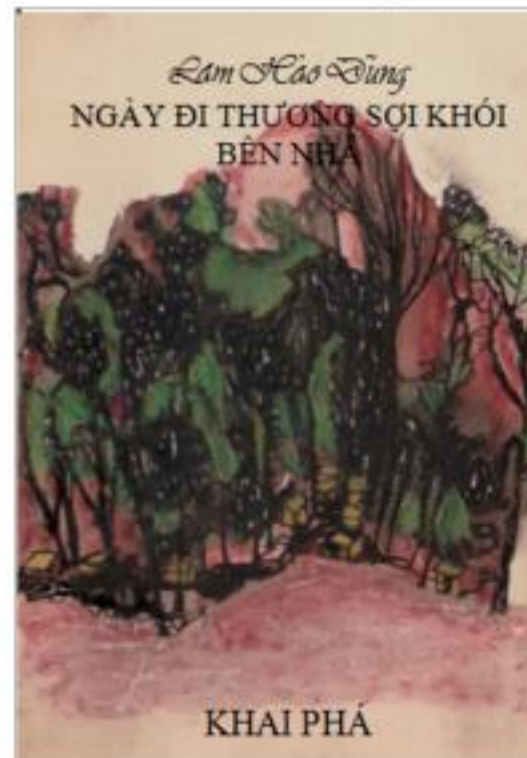
Em giá buồn chi thời lửa đạn
 Nước non là để lũ trai sầu
 Bụi có đôi lần cay ánh mắt
 Mồ hôi vút mặt cũng không sao!

Muốn thấy em cười trong nắng ấm
 Bên hàng khoai nổi những đồng tươi
 Em sẽ dịu dàng như luống mạ
 Để quên mùa máu chảy muôn nơi

Ai qua suối nước không buồn hát
 Những sớm mai hồng của Việt Nam
 Ai nhỏ còn kinh ngày chạy giặc
 Lòng nghe rúng động cả tâm can

Ta đến mang hồn đi lẫn khuất
 Ngùi thương em khóc ở bên đồi
 Áo bụi chơ vơ đùa nắng cháy
 Còn ta như thể bóng ma trôi

Lúc có là không buồn vạ đại
 Về ngang sông nước lũy tre xưa
 Ta đến bao giờ mơ trở lại
 Thấy em mùa áo mới đôn sơ
 Già biệt Tam Quan sầu Tấn Thạnh
 Mai nghe chim hót dọc đường xa
 Những chiến binh thường quê hẹn ước
 Dáng ai bên núi nhớ không ra.



Tập thơ LÂM HẢO DŨNG, Tranh bìa TRƯƠNG THÀNH VÂN
 (NXB Khai Phá – tháng 04/1975)



GIÂY PHÚT KHÔNG NGỜ

Trong giây phút không ngờ tôi bỗng
ngẩn ngơ những cánh đồng xanh nói
bằng tâm tư bằng tâm sự tôi
xuống sân ga à tôi nói ra

Em là gió bão em là tiếng
kêu tôi rũ tôi dừng bưng bát
những vết thương vổ về rừng rưng
ứa lệ những cánh đồng xanh cỏ

Trở bước hững hờ tâm cảnh mình
cho là đổi khác một ngày kia
tôi nói trời giữa biển chìm trong
tôi nói cho tôi rành có trở

Bước hững hờ có phơi hết tâm
sự mắt thấy tai nghe còn là
đôi mắt trơ ngó tôi chạy tôi
rượt mãi rượt mãi ai đốt ngọn

Lửa châm bao nhiêu điều thuốc tôi
nói cho tôi rành những điều hơn
lẽ thiệt tôi chạy tới rượt mãi
vẫn còn nguyên những điều u uẩn.

NGUYỄN LƯƠNG BA



NAM SƠN TRẦN VĂN CHI

ĐẤT GIA ĐỊNH VỚI DẤU ẤN CÁC QUAN TỔNG TRẤN

Sông Nhà Bè là chỗ hợp lưu của hai con sông Đồng Nai và sông Sài Gòn. Sông Nhà Bè chảy chia hai ngã: một ngã Soài Rạp dài 59 km, về Đồng Nai; một ngã Lòng Tàu dài 56 km chảy vào cảng Sài Gòn, về Gia Định.

Thế mới nói:

*“Nhà Bè nước chảy chia hai,
Ai về Gia Định Đồng Nai thì về.”*
(Ca dao)

Địa danh Gia Định từ lúc thành lập đến khi trở thành Gia Định Thành trải qua bao nhiêu lần đổi thay theo vận nước! Đến nay địa danh Gia Định bị xóa đi rồi, bởi không còn bất cứ đơn vị hành chính nào đủ lớn hay nhỏ mang tên Gia Định cả!

Nhưng hình ảnh của những con người làm nên Gia Định không sao phai được trong lòng người dân Sài Gòn - Gia Định và cả miền Nam tới nay!

Gia Định trấn với hai đời Lưu Thủ

Lúc đầu Gia Định còn là dinh trấn được cai trị bởi quan lưu thủ.

1 - Lưu thủ đầu tiên là Nguyễn Văn Nhơn (1753-1822) người quê tỉnh An Giang, con của Trấn Quốc Tướng Quân Minh Đức Hầu Nguyễn Quang công thần thời sơ Nguyễn. Khởi đầu Nguyễn Văn Nhơn theo Tống Phước Hiệp và Nguyễn Khoa Thuyền giữ chức Đội Trưởng. Sau theo hồ tướng Dương Công phục vụ trực tiếp Nguyễn Ánh lúc Chúa còn ẩn náu tại Long Xuyên từ năm 1777.

Năm 1782 Nguyễn Văn Nhơn bị Tây Sơn bắt tại Thủ Thiêm, 3 năm sau mới trốn thoát, Nhơn định vượt biển sang Xiêm tìm Chúa. Dọc đường gặp được người của Chúa sai về bèn quay lại khởi binh tái chiếm giữ Long Xuyên.

Khi Gia Long khôi phục lại đất Gia Định, Nhơn được giao chức Lưu Thủ dinh Trấn Biên (Biên Hòa), đến năm 1797 được giao về Lưu Thủ Gia Định Kinh lo việc vận lương và kiêm Bộ Hộ cho đến năm 1804 được gọi về Kinh.

2 - Lưu Thủ thứ hai là Nguyễn Văn Trương (1740-1810) người quê Quảng Nam, là võ tướng có tài thủy chiến, công thần thời sơ Nguyễn.

Khởi đầu theo giúp Tây Sơn được cho giữ chức Chương Cơ coi binh thuyền thủy chiến. Sau đó Nguyễn Văn Trương đem binh thuyền chạy vào Long Xuyên giúp Nguyễn Ánh được phong làm Khâm Sai Chương Đạo Tiền Phong Trung Quân Thủy Dinh.

Trương lập công đầu khi cùng tướng Nguyễn Văn Thành đưa binh thuyền từ Cần Giờ ra phá quân Tây Sơn ở cửa Thị Nại (Qui Nhơn) năm 1792, rồi quay về an toàn.

Nguyễn Văn Trương ba lần đem binh thuyền hộ giá Nguyễn Ánh ra đánh Qui Nhơn vào những năm 1793, 1799, 1801. Năm 1802 Nguyễn Văn Trương nhờ phá được thủy quân Tây Sơn ở cửa Nhật Lệ nên liền sau đó Nguyễn Ánh lên ngôi hoàng đế.

Sau khi Gia Long lên ngôi, sai Nguyễn Văn Trương đem thủy binh cùng Lê Chất ra đánh lấy Bắc Hà vào năm 1804. Vừa xong Nguyễn Văn Trương được cử vào Nam giữ chức Lưu Trấn Gia Định thay thế Lưu Trấn Nguyễn Văn Nhơn được lệnh gọi về kinh.

Năm 1808 trấn Gia Định nâng lên Gia Định Thành, Nguyễn Văn Trương được gọi về kinh. Tại đây ông mất năm 1810, thọ 70

tuổi, được tặng Thái Bảo Quận Công, đến Minh Mạng truy phong Doan Hùng Quận Công.

Nguyễn Văn Nhơn còn là người được Gia Long cử làm Tổng Trấn Gia Định đầu tiên khi Gia Định cải danh là Gia Định Thành.

Gia Định Thành với các đời Tổng Trấn

1 - Tổng Trấn đầu tiên: (thời gian 1808-1810) là Kinh Môn Quận Công Nguyễn Văn Nhơn có Trịnh Hoài Đức là Hiệp Tổng Trấn. Chức Tổng Trấn thay mặt nhà Vua ở phương Nam như chức vụ Đại Biểu Chánh Phủ sau này.

Tổng Trấn Gia Định lúc ấy coi ngũ trấn Phiên An, Biên Hòa, Định Tường, Vĩnh Long, Hà Tiên, kiêm nhiệm trấn Bình Thuận. (Tiền quân Nguyễn Văn Thành được cử sung chức Tổng Trấn đầu tiên Bắc Thành vào năm 1802).

Nguyễn Văn Nhơn mất năm 1822, thọ 69 tuổi, được truy tặng Tráng Võ Tướng Quân, Đô Thống Phủ Chưởng Phủ Sự, Tước Kinh Môn Quận Công.

Hiệp Tổng Trấn với Nguyễn Văn Nhơn là Trịnh Hoài Đức (1705-1825). Trịnh Hoài Đức là học trò của Võ Trường Toản, đậu khoa thi đầu tiên năm 1788 khi Nguyễn Ánh khắc phục Gia Định và được cử giảng dạy Hoàng Tử Cảnh. Trịnh Hoài Đức từng giữ Thượng Thư Bộ Hộ, Bộ Binh, Phó Tổng Tài Quốc Sử Quán. Công trình của ông để lại có Gia Định Thông Chí là bộ địa chí về Gia Định xưa rất có giá trị được biên soạn năm 1820. Trịnh Hoài Đức có lúc làm Quyền Tổng Trấn Gia Định.

Trịnh Hoài Đức mất năm 1825, thọ 61 tuổi, mộ phần chôn tại làng Bình Phước Biên Hòa. Ông được truy tặng hàm Thiếu Phó Cần Chánh Điện Đại Học Sĩ, được thờ tại Miếu Trung Hưng Công Thần.

2 - Tổng Trấn thứ nhì: (thời gian 1810-1812), là Long Vân Hầu Trương Tấn Bửu. Năm 1810, khi Nguyễn Văn Nhơn được triệu về kinh, Trương Tấn Bửu lúc đó đang giữ chức Tổng Trấn Bắc Thành được quyền lãnh chức Tổng Trấn Gia Định Thành thay Nguyễn Văn Nhơn cho đến năm 1812, khi Lê Văn Duyệt được cử làm Tổng Trấn thì Nguyễn Văn Nhơn là phó cho Lê Văn Duyệt.

Trương Tấn Bửu (1752-1827) người quê Kiến Hòa, công thần hai triều Gia Long và Minh Mạng. Ông theo Nguyễn Ánh từ 1787, từng giữ chức Tiền Quân Phó Tướng, Trung Quân Phó Tướng, hai lần cùng Chúa ra đánh thắng Tây Sơn ở Qui Nhơn rồi Phú Yên, lãnh cai quản đạo binh thú tại Bắc Thành.

Trương Tấn Bửu từng là Tổng Trấn Bắc Thành (thay Nguyễn Văn Thành về kinh), lãnh Trung Quân thay Nguyễn Văn Thành bị giải chức, làm Đốc Xuất lo đào kinh Vĩnh Tế thay Lê Văn Duyệt nghỉ bệnh, làm quyền Tổng Trấn Gia Định khi Lê Văn Duyệt bị triệu về kinh.

Ông mất năm 1827, thọ 76 tuổi, được thờ ở Miếu Trung Hưng Công Thần, mộ chôn ở xã Phú Nhuận Gia Định.

3 - Tổng Trấn thứ ba: (hai lần, thời gian 1813-1816 và 1819-1823) là Duyệt Quận Công Lê Văn Duyệt, có Phó Trấn là Huỳnh Công Lý (sau Huỳnh Công Lý bị Lê Văn Duyệt xử trảm, Trương Tấn Bửu làm Phó Tổng Trấn (1819-1823).

Lê Văn Duyệt là người hai lần làm Tổng Trấn, cũng là người giữ chức Tổng Trấn lâu nhất. Cuộc đời và sự đóng góp của ông là điều gây nhiều tranh cãi (Xin xem kỳ tới: Lê Văn Duyệt, hai lần Tổng Trấn Gia Định).

4 - Tổng Trấn thứ tư: (thời gian 1816-1819) là Kiến Xương Quận Công Nguyễn Huỳnh Đức, lúc này Tổng Trấn Lê Văn Duyệt được lệnh về kinh bàn lập Hoàng Thái Tử.

Nguyễn Huỳnh Đức (1748-1819) tên thật là Huỳnh Tường Đức, sanh ở huyện Kiến Hưng, Trấn Định nay thuộc làng Khánh Hậu tỉnh Long An.

Dòng võ tướng, 30 tuổi theo nghĩa quân Đông Sơn của Đỗ Thành Nhơn, phò cứu Nguyễn Ánh trong cơn nguy hiểm nên được Chúa ban cho họ Nguyễn, từ đó mang tên Nguyễn Huỳnh Đức.

Năm 1783 bị Tây Sơn bắt, Nguyễn Huệ đưa ông theo ra Bắc đánh dẹp quân Trịnh, phong chức Phó Tướng, giao giữ đất Nghệ An. Ông trốn về Nam, qua Xiêm, rồi về Gia Định tìm Nguyễn Ánh. Ông đảm nhận các chức Khâm Sai Chương Cơ, Khâm Sai Chương Quản Hữu Quân Dinh Bình Tây Phó Tướng Quân. Có công giải vây Đông Cung Cảnh ở Thành Diên Khánh, nhiều lần theo Nguyễn Ánh đi đánh Qui Nhơn...

Sau khi lên ngôi Gia Long phong Nguyễn Huỳnh Đức tước Quận Công, được giữ chức Tiền Quân, rồi Tổng Trấn Bắc Thành thay Nguyễn Văn Thành.

Được thăng làm Khâm Sai Chương Tiền Quân (1812) đến 1816 được cử làm Tổng Trấn Gia Định thay Lê Văn Duyệt được lệnh về kinh.

Ông mất ngày 9 Tháng Chín 1819, hưởng thọ 72 tuổi, được truy tặng tước Kiến Xương Quận Công, được thờ ở Miếu Trung Hưng Công Thần, tòng tự tại Thái Miếu, được truy cấp 100 mẫu ruộng tại Hương Trà, Thừa Thiên để phụng thờ. Mộ và lăng tại làng Khánh Hậu Tân An, được dân chúng nhiều lần trùng tu.

Gia Định xưa được hiểu là Lục Tỉnh, vùng đất mới ở Phương Nam. Nguyễn Hữu Kiểng, theo cách gọi của người Gia Định, Thoại Ngọc Hầu, Trương Tấn Bửu, Nguyễn Văn Nhơn, Nguyễn Văn Trương, Trịnh Hoài Đức, v.v... cùng các Tổng Trấn Gia Định thuở ấy là những người góp phần rất lớn trong việc mở mang và giữ vững vùng đất phía Nam của tổ quốc.

Họ không chỉ là khai quốc công thần của nhà Nguyễn, cũng không chỉ là nhơn vật lịch sử như bao nhơn vật lịch sử ngày xưa, mà là những người sống lẫn lộn với dân, cùng dân đi khai mở đất phương Nam.

Họ thực sự được dân thương mến coi như “cha mẹ” lúc sanh tiền, nên khi quá vãng được dân thờ phượng tới nay là vậy.

NAM SƠN TRẦN VĂN CHI

tranvannamson@gmail.com



ĐÁY MẮT BĂNG LẠNH

Cuối năm rồi, cuối năm
rồi em nhỉ ? mười hai
tháng thoáng qua như con
gió lướt trên cành lá,

chẳng để lại dấu vết
gì, chỉ trừ những cọng
tóc đổi màu xám, mắt
thêm mờ (trong nỗi nhớ)

thân xác yếu dần trong
mòn mỏi (hay trong thiếu
vắng mạch sống em) rồi
cũng cố gắng bước đi

từng bước một trong những
ngày tháng mới. Nhìn những
trang lịch mới toanh mà
thấy lạnh cả hồn, trống

trơn chưa một ghi chép
trống trơn như năm tháng
vừa qua, nơi đây. và
sẽ trống trơn cho những

ngày sắp đến. như hồn
mình đã trống trơn bao
mùa tuyết lạnh, không xôn
xao, không thốn thức, không

đợi chờ, không mong đợi.
Vì chẳng có gì để
mong đợi, hay ước vọng.
Ta từng đem vói tay

mở cánh cửa hồn, chỉ
để rồi khép lại với
nỗi niềm trống trơn, trống
trơn và băng lạnh như

đầy mắt em một lần
từ giữa cuộc tình ta

HẾT YÊU

bao giờ trời hết mưa bay
 bao giờ gió hết rung cây
 thì tôi
 thì tôi sẽ hết nhớ ai đêm ngày

bao giờ rượu uống không say
 mùa thu không lá vàng bay
 thì thôi
 thì tôi sẽ hết yêu người tôi mơ

bao giờ ong hết thương hoa
 và em nằm ngủ không mơ
 thì tôi
 thì tôi sẽ hết tương tư yêu nàng

bao giờ trăng khuyết thôi tròn
 bao giờ nước cạn sông nguồn
 thì tôi
 thì tôi sẽ hết một lòng yêu em

bao giờ hết sóng đại dương
 mây trời thôi hết lang thang
 thì tôi
 thì tôi sẽ hết yêu em kiếp này

KHÊ KINH KHA



NHÀ SƯ VÀ LINH MỤC

Linh mục Nguyễn Khải vừa lên tới chân núi Yên Tử thì trời mưa tầm tã. Núi Yên Tử thuộc xã Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, là một dải núi cao nằm ở phía đông bắc Việt Nam. Mặc dù Cha Khải có mang theo chiếc ô, vừa che mưa che nắng vừa làm gậy phòng thân, nhưng đùng phải cơn mưa giông, sấm sét rền trời buộc ông phải lách mình vô sơn động núp mưa. Vừa bước vào cửa động Cha Khải suýt dẫm phải con rắn hổ mang bành dài khoảng 6m nằm chắn ngang đang nuốt con rắn lục to bằng hai ngón tay. Đúng lúc đó con chim bồ câu trắng sà xuống đậu trên cành muồm gần chỗ Cha Khải đứng.

Con bồ câu vẫn nhận ra ông. Nó kêu cục cục, đưa cặp mắt màu hồng tươi lúc ngúc cái đầu nhìn ông. Như những lần trước, khi Cha Khải vừa tới lưng chừng núi ghé am cổ tự Bảo Sái thăm sư Lâm Mộc là con bồ câu xuất hiện như đại diện nhà sư chào đón khách phương xa. Lần nào cũng thế, Cha Khải nhẹ nhàng vuốt đầu nó, thì thầm với nó đôi câu xong là nó bay đi ngay. Năm ngoái, lúc nghỉ chân nơi am Ngọa Vân, Cha Khải đã kịp thời cứu con bồ câu thoát khỏi móng vuốt chim ưng. Lúc đem nó vô chùa, sư Lâm Mộc thấy đốm lông xám trên đỉnh đầu chim nên sư đặt tên là Lam câu và nuôi dưỡng nó đến nay.

Chùa Bảo Sái, xưa kia là một cái am thô sơ được Thiền sư Bảo Sái, đệ tử của Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông, dựng nên. Vì am cổ tự nằm cheo leo bên vách núi Yên Tử nhiều lần bị sụt lở vì mưa bão, về sau trải qua những biến đổi thăng trầm dần hồi am được trùng tu thành chùa mang tên của Thiền sư Bảo Sái.

Theo dòng thời gian mãi đến cuối thập niên 1930, một hôm chùa Bảo Sái tiếp nhận một đạo sư lang thang lạ mặt. Trang phục của sư thật giản dị, nhiều phần chấp vá và rách rưới. Ông mang đôi giấy vải, cổ đeo tràng hạt lớn, trên vai quàng một tấm vải nâu, râu ria lờm xờm. Cái thân hình hộ pháp trông dữ tợn nhưng ánh mắt thật hiền từ, nồng ấm. Điểm nổi bật ở ông là uyên thâm đạo pháp.

Đó là nhà sư Lâm Mộc, đến rồi đi, như con giao long ẩn hiện rầy đây mai đó. Sư vân du khắp nơi, hoằng pháp khắp xứ Bắc kỳ, mùa mưa mới âm thầm trở về chùa.

Sư Lâm Mộc là một cao tăng không chủ trương ở chùa. Ngay từ thuở thiếu thời, chịu ảnh hưởng cuộc sống cách mạng chống thực dân Pháp của bố mẹ nên sau một thời gian dài ẩn tu thành tựu thì kheo sư Lâm Mộc đã vân du hoằng pháp đó đây, coi trời đất là nhà, trần gian là chỗ tạm dung. Hằng năm vào mùa mưa, sư Lâm Mộc mới trở về chùa Bảo Sái nấu mình trong kho củi ở khu vườn đá phía sau chùa. Thỉnh thoảng vào trung tuần tháng Sáu, linh mục Nguyễn Khải từ giáo phận Vinh lặn lội đường xa vượt núi, đội mưa ghé thăm sư Lâm Mộc vấn an sức khỏe, thăm hỏi sự tình.

Sư Lâm Mộc và linh mục Nguyễn Khải có cùng một huyết thống. Hai ông là con sinh đôi của nhà cách mạng Nguyễn Khúc Thụ, đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng, mẹ là bà Đỗ Thị Nâu thuộc đội hậu cần của Đảng trưởng Nguyễn Thái Học. Năm 1930, ông Nguyễn Khúc Thụ hy sinh tại Yên Bái trong cuộc Tổng Khởi Nghĩa rạng mùng 10 tháng 2 năm 1930, chiều cùng ngày bà Nâu bị mật thám Pháp treo cổ trong nhà bếp của Cô Giang, người bạn đời chung thủy của Đảng trưởng Nguyễn Thái Học.

Cuộc khởi nghĩa của Việt Nam Quốc Dân Đảng thất bại, Nguyễn Thái Học cùng 12 nghĩa sĩ bị đưa lên đoạn đầu đài ở Yên Bái. Hai hôm sau, Cô Giang, tức nữ chí sĩ cách mạng Nguyễn Thị Giang, đã âm thầm trở về làng Thổ Tang tự sát bằng khẩu súng lục của Nguyễn Thái Học đã tặng cô ở đền Hùng ngày nào. Riêng Cô

Bắc, em ruột của Cô Giang, cùng các nghĩa sĩ bị bắt đi tù 5 năm cấm cố. Nguyễn Thị Bắc qua đời năm 1943, khi mới 35 tuổi.

Lúc 13 anh hùng Việt Nam Quốc Dân Đảng bị xử chém thì một số đồng đảng thân cận của Nguyễn Thái Học may mắn chạy thoát khỏi sự săn đuổi của mật thám Pháp. Trong cuộc săn đuổi đó có hai người thanh niên tuổi vừa 20, cũng là đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng, hoạt động tích cực cho mục đích đấu tranh giành độc lập dân tộc, tức nhà sư Lâm Mộc và linh mục Nguyễn Khải sau này.

Để tránh bị sát hại, hai ông đã phải thay tên đổi họ, chia tay nhau được các nghĩa sĩ bí mật gửi vào nương náu nơi cửa Phật ở Sầm Sơn và nhà thờ Chúa ở Ninh Bình.

Dòng đời cứ thế trôi mau. Thỉnh thoảng các nghĩa sĩ sống sót âm thầm trở về chốn thanh tu vấn an hai vị tu sĩ, nhưng dần hồi không còn thấy họ trở lại nữa. Dù vậy, cả nhà sư và linh mục đều nương vào đấng tối cao để sống còn. Họ không để oán thù dấy xé hoặc đau buồn quật ngã, vẫn hành trì đạo pháp.

Mười năm sau, lúc sư Lâm Mộc đi hóa duyên ngang qua nhà thờ đá Phát Diệm tình cờ gặp Cha Nguyễn Khải vừa từ giáo phận Vinh trở về nhà Chúa. Sư và Cha vừa giáp mặt nhau trước cửa Chính Tòa, cả hai đều sững sốt trở mắt nhìn nhau như thể hai ông đang nhìn vào chính bản thể mình. Là anh em sinh đôi nên họ giống như hai giọt nước, ngay cả các giáo dân của Cha Khải cũng ồ lên kinh ngạc. Từ khi trở thành tu sĩ, hai ông đều đi khắp nơi vừa truyền bá đạo pháp vừa âm thầm dò la tung tích người thân, kết cục cả Cha và Sư không thể ngờ lại có ngày tri ngộ ở Giáo xứ này.

Thoáng nhìn qua, sư Lâm Mộc biết ngay đây là sư đệ thất lạc của mình lúc chạy loạn, nhưng sư rất trầm tĩnh, âm thầm niệm hồng danh đức Phật thế tôn. Còn linh mục Nguyễn Khải, qua những hoạt động mục vụ của nhà thờ, bản tánh thoáng hoạt hơn, Cha buột miệng nói rất khẽ: “Lạy Chúa tôi! Sư huynh...”

Từ đó, khi có dịp thỉnh thoảng Sư xuống núi hoặc Cha lên núi vấn an nhau. Là bậc tu hành của đấng đại trí đã giác ngộ, Cha Nguyễn Khải và Sư Lâm Mộc lấy đức báo oán, lấy bác ái của trí nhân làm hướng đi và lấy máu mủ tình thâm mà thăm hỏi sự tình.

Tuy nhiên, cuộc chiến tranh Đông Dương do Đảng Cộng Sản Việt Nam lãnh đạo chống thực dân Pháp tạo nên cảnh loạn lạc,

đói kém, bệnh tật và chết chóc khiến sự đi lại của công chúng bị trở ngại và hạn chế rất nhiều.

Năm 1954, sau khi quân Pháp thất thủ tại Điện Biên Phủ, Hiệp Định Genève được ký kết chấm dứt chiến tranh Đông dương, chia đất nước ra làm hai tại vĩ tuyến 17, đưa đến cuộc di cư vĩ đại vào miền Nam Việt Nam từ tháng 8-1954 đến tháng 5-1955.

Trong những cộng đồng Thiên chúa giáo miền Bắc dưới thời Pháp thuộc, các linh mục giữ vai trò lãnh đạo về dân sự và tinh thần. Nhận thức được viễn cảnh không tươi sáng do Việt Minh lãnh đạo, các Cha đã kêu gọi các tín đồ di cư vào Nam. Cuộc di cư 1954 là một cuộc di cư lịch sử của khoảng một triệu người dân miền Bắc (đa số là người Công giáo) đã ra đi trên những chuyến tàu há mồm do Mỹ và Pháp thực hiện.

Trong tất cả những chuyến tàu di cư không tiền khoáng hậu đó không có mặt linh mục Nguyễn Khải và sư Lâm Mộc.

oOo

Tôi, người được nghe kể câu chuyện này mà tâm không ngớt dao động. Năm ngoái từ Huế, nhóm Phật tử chúng tôi đã làm một cuộc hành hương ra Hà Nội, từ đó đi xe đò ra Ninh Bình dài khoảng 90km ghé thăm nhà thờ chính tòa Phát Diệm (còn gọi là nhà thờ đá), hôm sau vượt núi Yên Tử lên viếng chùa Bảo Sái.

Điểm đặc biệt của nhà thờ đá Phát Diệm được khởi công xây cất từ năm 1875, tuy là nhà thờ Công giáo nhưng lại kiến trúc theo hình thể chùa chiền.

Viếng nhà thờ Phát Diệm, cá nhân tôi chỉ là khách thập phương không có ý dò hỏi, hay mạo muội tìm kiếm dấu vết của linh mục Nguyễn Khải. Nhưng chiêm ngưỡng giá trị trăm năm của nhà thờ đá tôi có cảm tưởng như Cha Khải vẫn bàng bạc đâu đó, trong nhà nguyện, trên tường đá hay dưới chân tượng Đức Mẹ Hằng Sống.

Còn chùa Bảo Sái, sau nhiều công trình trùng tu trải dài theo năm tháng, nay đã được mở rộng, gồm chánh điện, nhà Tổ, tượng Phật Bà Quán Thế Âm, tượng Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông nhập niết bàn, tượng Thiền sư Bảo Sái, tượng hổ, giếng thiêng và vườn đá phía sau chùa.

Khi lần vào vườn đá, tôi đứng lặng trước biến thiên của dòng đời. Nhà củi, nghe nói nơi nhà sư Lâm Mộc từng cư ngụ, không còn nữa. Tuy vậy, cái nền đất hoang phế cỏ mọc vẫn không phủ lấp hết những thanh củi dựng theo chiều đứng của mô đất. Những thanh củi rêu phong, mục nát, có vẻ như cam chịu nhưng vẫn đứng nghiêng mình theo tuế nguyệt dần qua.

Ở đời có nhiều bậc anh hùng vì nước mà hy sinh, trong đó có những người sống âm thầm như chiếc bóng và chết đi trong vô danh. Nhưng cũng có những người vì hoàn cảnh buộc phải rời khỏi vòng gươm giáo, như sư Lâm Mộc và linh mục Nguyễn Khải, với tấm lòng nhân ái mang lại lợi ích cho người, tặng cho đời những suy nghĩ tốt lành, những việc làm dễ thương, họ không là Thánh nhân thì cũng thành nhân.

PHAN NI TẤN



ĐÊM NHỚ NÚI

Cao nguyên xa phía ấy
Núi đồi còn sau lưng
Bàn tay vương hơi ấm
Người đã xa mịt mù

Ngày tan dần phía núi
Sương kéo màn gọi đêm
Người lặng thầm ngắm phố
Lửa lách tách bản xa

Phố sao buồn đến vậy
Thức với người menh mông
Ly Cafe uống “đúp”
Cho gió vẫy dạt ngàn

Nhớ ...Thác nơi bản nhỏ
Nhớ tiếng người thăm thì
Suối nguồn luôn đổ ngược
Sao mắt cười trôi xuôi

Đành dặn lòng với phố
Ngước mặt là phía em
Tiếng lá rơi mặt lộ
Khe khẽ như câu chào

VĨNH AN



MỘT NGÀY CHỢT ĐẾN

Vẳng tiếng chim trong ánh nắng mai
cùng với lời kinh sớm
ngày bỗng bình yên như sự thật
như đã từng là sự thật
chẳng tồn nghi

liệu có một lúc nào đó
nổi háo hức mong chờ bị bỏ quên
khi bóng râm dịu dàng
đổ xuống giấc mơ đã chín?

có đôi cánh xoải dài
 bên bờ vực hư không
 mang đến ngẫu nhiên buồn vui
 trong một ngày mong đợi
 sẽ hoàn nguyên

chiếc bong bóng đa sắc
 lửng lơ trong không gian nhiễu loạn
 mơ hồ một tiếng nổ vang
 lạnh buốt sống lưng
 vỡ ra ngày đã tận

có bàn tay vẫy ở phía xa kia
 sau dãy núi mờ sương
 và chút gió ngậm ngùi
 cho một ngày mong manh
 trong cảm thức quay về

CÒN TIẾNG PHONG LINH

hình như vẫn còn một bông hoa
 phía bên kia thung lũng
 gió bào mòn niềm tin
 nên chẳng ai đoái hoài
 *

ngày em đi tìm một mùi hương xa khuất
 chiếc khăn san còn khoác trên vai
 mưa mùa đông thấm thĩ
 nỗi nhớ cứ dài ra
 làm vương vãi bước chân

*

tiếng chim đã không còn vang lên nữa
nơi chốn cũ chỉ còn trong thình lặng
giọt thời gian rơi trong vô thức
sống sót một tàn đêm

*

hình như con đường phía trước mặt
sẽ chẳng dẫn về một nơi chốn nào
thung lũng bên kia cũng chẳng còn
bông hoa đã thành ảo ảnh

*

em hãy cất giữ tiếng phong linh
rộn ràng trong buổi chiều đầy gió
chiếc lá dịu dàng rơi xuống
trong nỗi luyến tiếc muộn màng

BẦY SẼ TRỞ VỀ

1.

bố cục bức tranh đã bị phá vỡ
những mảng sáng tối
chuyển động
không theo một trật tự định trước
không một lời giải bày

2.

sự cầm nín đồ võ
 trong một bình minh ngập tràn tiếng nấc
 chiếc lò xo bị nén
 đã bật lên
 tạo một hiệu ứng lan toả
 trong chiều kích bất định

3.

những mảng màu rơi xuống
 chiếc mặt nạ trắng
 vắn lên những tia nhìn hằn học
 từ một liên tưởng khác

4.

có một đoá hoa hồng
 ai đã bỏ quên sau khung cửa hẹp
 em có buồn không
 khi chẳng còn ai đoái hoài
 sự vô vọng hỗn nhiên
 còn vắng tiếng bi ai

5.

vẫn còn kịp bước em ơi
 tiếng chim sơn ca đã vang lên đâu đó
 hót mừng trời xanh
 bấy sẻ đi hoang
 cũng đã trở về

NP phan



*Phong sương mấy độ qua đường phố,
Hạt bụi nghiêng mình nhớ đất quê... (Sơn Nam).*

1.

Virginia, xe chạy đường trường hơn một giờ, lòng vòng trong xóm quê thêm độ nửa giờ nữa thì rẽ vào một khu hơi nghèo vắng rồi ngừng lại trong sân một căn nhà có vẽ khang trang trên khu đất rộng. Tấm bảng sơn xanh chữ đỏ có tên ngôi chùa nằm khiêm nhường bên một cội cây cành lá xum xuê. Tên chùa cũng bình thường nhưng chữ chùa khiến già Thanh có cảm tình hơn tiếng tự thường gặp. ‘Chùa Pháp Vân.’ nghe gần gũi hơn ‘Pháp Vân Tự’ nhiều, già lẩm nhẩm trong trí. Cũng không thấy những câu đối liên màu đỏ chói chang, một mặt với kiểu chữ Việt viết tròn tròn giả Hán tự thường có. Già Thanh nói thầm trong bụng: ‘Chắc hẳn sư trụ trì nhiều Việt tính... những chi tiết nho nhỏ như thế này rất đáng ngưỡng phục và nên khếch tán. Hẳn sẽ có nhiều điều đáng nghe, đáng học ở vị sư này.’

Cảnh quang khoáng đãng, vắng bóng những tượng đá trắng rườm rà phô trương tạc những nhân vật huyền thoại chẳng ai biết nghệ nhân lấy chi tiết từ đâu. Chỉ có một mình ngôi tượng mẹ

bước chân của tín chúng thập phương. Cả ba người bước tới chùn tượng xá ba xá làm lễ ra mắt rồi đến cửa, bấm chuông. Hai chiếc xe queo vô bãi đậu, ba cặp khách Mỹ tới dưới chân tượng, chấp tay ngang bụng, nghiêm chỉnh đứng mặc niệm. Người phụ nữ mỉm cười hân diện trao ánh mắt với chồng như thăm nói đạo Phật của mình cũng có chút nào ảnh hưởng lên người bản địa.

‘Hình tượng Phật Bà dễ được kính tin vì tương tự với hình tượng Đức Mẹ của họ.’ Già Thanh nói với con gái, mắt không rời những vị khách tóc vàng với lòng cảm phục. ‘Chùa Việt Nam nơi xứ người dựng tượng Phật Bà ngoài sân trống trải mục đích là tạo sự dễ dàng cho việc chiêm bái ngoài nghi thức. Người bản xứ chỉ cần đến cầu nguyện rồi về, không phải vào chánh điện, không phải nói chuyện với vị trụ trì, vốn trở ngại về ngôn ngữ tôn giáo.’

Người phụ nữ áy náy nói với cha rằng mình rất ngại khi đến đây mà không thông báo trước cho ni sư. Anh chồng nói mình có lý do vì làm theo ý cha từ xa đến muốn thăm linh của cháu, nhân tiện viếng cảnh một ngôi chùa địa phương.

Vậy mà chúng không cho mình biết đây là chùa sư nữ! Già Thanh hơi ngạc nhiên rồi mạnh dạn bước lên thêm bấm chuông. Hình như lâu lắm, chừng hơn mười phút, sư cô trụ trì mới ra mở cửa. Nụ cười hiền hòa và thân thiện chiếm ngay cảm tình của khách. ‘Xin lỗi vì để quý khách đợi hơi lâu. Chùa vắng, ngày thường phải đóng cửa, tín hữu viếng chùa thì bấm chuông, ni ở đây chỉ có mình mình, phải cẩn thận phòng ngừa những bất trắc có thể xảy ra.’

Trụ trì thân mật dẫn khách đi viếng phòng ốc. Chánh điện trang nghiêm. Gian phòng thờ các linh sạch sẽ, ấm cúng trong cách trình bày đơn giản. Hình đứa cháu gái chớm tuổi hai mươi đang nở nụ cười vui như cười chào cha mẹ và ông ngoại đến thăm. Con bé toát ra nét trẻ trung yêu đời biết bao bên cạnh hàng mấy mươi hình đồng cảnh khác. Già Thanh nhìn từng hình, từng hình. Hầu hết là những bức hình tươi trẻ. Có thể người nhà đã chọn tấm ảnh đẹp nhất cho người nằm xuống. Già Thanh không thấy mình khác với họ bao nhiêu khi nghĩ rằng bất kỳ ai trong các hình kia *trước đây cũng như mình và sau này mình cũng như họ* thôi. Người mẹ ngược nhìn hình con gái mình, thân thiết, mắt đỏ hoe, mọng ước, đưa tay lên lén dụi. Người cha day mặt ra sau, cúi đầu. Không khí lắng đọng.

Già Thanh muốn đưa tay lên sờ tấm hình cháu ngoại nhưng ngại tạo thêm nỗi buồn cho cha mẹ nó nên đành thôi. Nói nhỏ: ‘Cháu ở chùa nghe kinh, mau siêu thoát.’

Tiếng ni sư phá tan sự buồn thảm đó: ‘Cũng gần giáp năm cháu rồi. Mau quá. Hai tháng nữa chứ mấy.’ Người mẹ:

‘Dạ, sư cô nhớ hay quá. Đến lúc đó cũng xin nhờ sư cô lo liệu mọi sự cho cháu. Chúng con không hiểu biết lắm những gì cần phải làm.’

Tiếng *con* của người tín hữu xem chừng bằng tuổi với ni sư trụ trì khiến già Thanh thấy vui vui. Con gái mình đã phần nào đề xuống cái ngã mạn khi thốt ra trôi chảy tiếng con. Bản ngã nói cho cùng cũng là không, chỉ vì con người gán cho nó tánh cách nhập làm một với hình hài huyền hóa hiện tại vốn bị lầm tưởng là thường trụ, nên ngại ngừng khi sử dụng với người tu hành ngang tuổi đời...

Sư nữ để tay lên vai người đàn bà như chấp nhận, như hứa hẹn...

Sang phòng kinh sách. Từng kệ, từng kệ kinh sách và đĩa kinh giảng. Ni sư mỉm cười. ‘Khi ni về đây thì phòng này rất là lộn xộn, kinh sách chất đống ngổn ngang dưới thêm. Phải cho đóng kệ và sắp xếp lại để ai cần tìm hiểu thêm về đạo dễ dàng tham khảo. Sắp xếp lại, mất thời giờ vậy mà vui. Vô tình thấy được những quyển kinh hoặc vài ba bài báo mình cần đọc hay trả lời được những điều mình đương thắc mắc.’

Đưa mắt của người ham sách quan sát, già Thanh thấy có mấy quyển sách về linh hồn, về luân hồi, tái sinh của Feffrey Long và Paul Newton (Evidence After Life), của Michael Newton (Journey of Souls và Destiny of Souls) mấy quyển sách nói về linh hồn rất được ưa thích gần đây. Già đưa tay với lấy quyển sách nhỏ mỏng của tác giả trẻ Chung Mậu Sum 鍾茂森 của Đài Bắc, ‘Nhân Quả Luân Hồi Đích Khoa Học Chứng Minh’, hỏi:

‘Thưa, ni sư có thích đọc những quyển sách quý này?’ ‘Cũng muốn đọc lắm nhưng chưa đủ cơ duyên. Ni sang đây chưa lâu, trình độ Anh ngữ còn phải trau luyện nhiều.’

Già Thanh thích câu trả lời thiệt tình như vậy. Ở bên kia ni sư chịu ảnh hưởng một nền giáo dục khác nên cần có thời gian cho những cuốn sách loại này, không có gì phải dấu diếm...

2.

‘Ni ở trong chùa nầy một mình, tuần sáu ngày cô độc, chỉ Chúa Nhựt mới có độ chực tín hữu đến sinh hoạt. Quí khách thử tưởng tượng đêm vắng, không một tiếng động, chùa rộng hơn nhà thường, lại có phòng thờ các linh, nếu không đủ tinh tấn thì dễ buồn chán biết bao. Trước đây nhiều sư đến chỉ sau vài ba tháng trụ là từ giả. Có nhiều lý do, ngoài cảnh vắng vẻ còn có sự cực nhọc phải tự lo ẩm thực, giặt gạ, tài chánh... Chùa vắng, Phật tử cúng dường không đủ chi trả cho tiền cơ sở nói gì tới tiền tiêu vật và bảo hiểm y tế...

Già Thanh dà dạn vuốt đuôi. ‘Nhờ ni sư nói chúng tôi mới biết được những điều đó. Cứ tưởng là đi tu không còn những chuyện phải lo lắng tâm thường như người ngoài đời.’

Vị trụ trì cười tươi:

‘Rồi mọi chuyện cũng đâu vô đó. Có Phật lo hết. Ông coi, khi ni về đây thì cửa chánh điện chưa mở ra phía trước như hiện giờ. Chưa có đường riêng cho người khuyết tật. Phòng khách nầy nguyên là căn phòng chỉ có một cửa sổ thôi. Nay thì khá hơn nhiều. Nhờ Phật lo hết.’

... ‘Sư coi vậy tu cũng còn dễ dàng, ni chúng tôi khó hơn chút đỉnh. Nhiều trường hợp bị thúc bách của gia đình hay cha mẹ, không thể từ chối được phải đội tóc giả đi làm nail.’

Ba người khách đồng loạt ồ ngạc nhiên và đổi thế ngồi.

Ni sư chậm chậm bùng chén nước đưa lên miệng:

‘Nữ phái dầu đã xuất gia, tình cảm với mẹ cha cũng còn nặng nề. Chữ hiếu khó lòng bị xóa bỏ hoàn toàn khi nhớ đến cha mẹ già yếu bệnh hoạn đương sống nghèo khổ nơi quê nhà.

Những cái gặt đầu biểu đồng tình nhiều hơn của người nghe. ‘...Dầu sao tu bên nầy cũng êm ấm, đường tu hành cũng ít trắc trở. Bên kia, chùa thường bị đập phá, can thiệp, o ép. Nhiều sư trẻ không biết xuất thân từ đâu được gởi tới chùa nầy chùa kia, thét rồi sư chân chánh với sư bia, sư karaoke, sư có nợ phong lưu, sư sát thủ... chẳng thể nào phân biệt được.’

Ni sư trở giọng sau tiếng thở dài:

‘Xin lỗi khách. Kẻ xuất gia không nên để tâm mình trĩu nặng như vậy. Đáng lẽ không nên nói nhiều.’

Đưa tay lật lật một quyển tập nầy giờ để trước mặt, ni sư nói thêm:

‘Ngoài tụng niệm kinh kệ và chăm chút ngôi chùa, thời giờ rảnh rang, ni thích đọc chép những vần thơ liên quan tới việc tu hành của người xưa. Chẳng hạn bà Quỳnh Hoa Công Chúa nói khi tu hành thấy thời gian qua mau, bà mỗi lúc một lớn tuổi, không còn sự tinh anh như trước: *Mắt phung long lạnh phai vẻ nước, Mày nga lấp lánh nhạt màu xuân*. Và bà Huyền Tùng Quận Chúa nói chăm chỉ việc tu hành khiến mình hiểu đạo hơn: *Trông về cổ tích ngàn thu trước, Mở lá niệm kinh thấy rõ ràng*.

Gió lạnh tạt vô phòng khách, kéo theo những giọt mưa hung hăng.. Già Thanh đứng dậy bước ra đóng cửa lại. Mọi người yên lặng ngó ra ngoài trời. Con mưa coi chừng hơi nặng hột. Người đàn bà kéo hai vạt áo lại che bớt hơi lạnh, cặp mắt vẫn đỏ.

Ni sư đưa tay lượm vài cánh bông rơi rụng trên bàn bỏ vô đĩa đựng tách trà, ngó thẳng vô mặt người khách nữ, nói như khu-yên giải:

‘Tiểu bang nầy lắm mưa, nhiều khi một mình ngồi ngó mưa rơi, ni nghĩ rằng từng giọt mưa là từng linh hồn con người nghiêng mình rớt xuống để nhập làm một với Đại Ngã là sông, biển. Chết là giai đoạn hủy xác, hồn về lại nơi phát sinh. Chết sống chỉ là những giai đoạn du hành rong chơi của tiểu linh hồn.’

Người mẹ đưa mắt về phòng thờ linh bên kia, như cố tìm hình ảnh đứa con gái của mình...

3.

Trên đường về, người con phá tan sự yên lặng, rụt rè hỏi cha mình:

‘Con thấy ni sư thông tuệ. Nhưng sự so sánh sông biển với cái Đại Ngã ba thầy có đúng không?’

‘Mọi so sánh tỷ dụ đều khiến cho vấn đề trở nên dễ hiểu hơn.’ Già Thanh trả lời không suy nghĩ, ngừng một lúc hên lâu, nuốt nước miếng, ông nói thêm: ‘Nhưng so sánh nào cũng vậy, chỉ có giá trị tương đối. Vững nước, ao hồ, biển cả có thể ví như cái Đại Ngã của nhân loại như ni sư đã nói theo sách, mà cũng có thể ví như hồn dân tộc, như nền văn hóa của một sắc dân, như nguồn sống của một quốc gia. Điều quan trọng là mọi giọt nước đều nghiêng mình để bơi về hợp với vùng nước lớn, cách nầy hay cách khác, trực tiếp hay

gián tiếp.’

Người con rể, vốn ít mở miệng bây giờ mới lên tiếng, thiết chí lí:

‘Kẻ nào, nhà cầm quyền nào bao che cho bất kỳ ai làm ô nhiễm vùng nước lớn thì đều có tội tày trời, hoặc là đã làm hư hoại cái Đại Ngã của nhơn loại, hoặc là làm tàn hại nguồn sống của một dân tộc, khiến cho dân tộc tội nghiệp đó có nguy cơ bị teo cụm lần lần rồi biến mất trên quả địa cầu.’

Già Thanh gật gật đầu biểu đồng tình. Cơn mưa chuyển sang ồ ạt, dũng mãnh kinh hồn. Những giọt nước hai bên cửa kiếng hông xe cuống quít nghiêng mình chạy mau hơn để nhập bọn với nhau. Trong trí già Thanh, những giọt nước mắt của anh ngư phủ ‘mất cá’ ngồi khóc trên bờ biển chết cũng tương tự như vậy. Chúng cuống quít nghiêng mình xuống cát, len lõi ra biển lớn.

Nhưng than ôi, biển lớn bây giờ đã chết vì chất độc. Giọt nước nào, dòng sông nào nghiêng mình ra biển cũng đều thất vọng.

Trong âm thanh ồn ào của tiếng mưa rơi ngoài kia, giọng ngâm nga lạc điệu của già Thanh cất lên: ‘Giọt nước nghiêng mình khóc biển Đông.’

Người con gái và chàng rể của già Thanh tròn xoe mắt ngạc ngơ.

NGUYỄN VĂN SÂM

Charlottesville, VA, Oct. 1- 3, 2015

(Cảm hứng sau khi ông ngoại đi thăm linh cháu ở chùa.)

Mọi sự trùng hợp nếu có là ngoài ý muốn của tác giả. Bốn câu thơ được trích từ quyển sách Nôm tựa là *Tỷ Tâm Chơn Kinh*, khắc in năm Bảo Đại Thứ Tư (1929).

Mở lá: Lật sách kinh, xưa kinh viết trên lá.



TRÁI TIM NGƯỜI VIỄN XỨ

buổi sáng nghe tiếng chim hót
trên mái chùa xưa
tiếng chuông vọng âm trên cành lá biếc
có bước chân ta về từ đầu sông
rộn rã nhịp sóng yêu thương
mùa hạ vàng ngoài hiên nắng
em thả bay từng sợi tóc mây vương
nụ cười nghiêng bên thêm hạnh ngộ
đời côi tạm mù sương

dù ta nổi trôi giong ruổi
dù ta u muội trên ngàn phiếm trầm luân
cũng quay về nơi nguồn cội
để thấy tình non nghĩa nước đậm đà
dù cho người thù hận xót xa
ta sẽ đưa em
qua vườn vú sữa
đi giữa lối sầu riêng
ngát thơm hoa bưởi

lịm mát từng ngum dừa xiêm
 mạch nước Cửu Long chan chứa mộng lành
 vỗ qua hồn ta lúa ngát
 có con chim vành khuyên
 hót trên cành đào trước cổng
 mùa xuân vừa thức dậy rừng xanh
 đôi mắt trẻ thơ vời vợi an bình
 em có nghe vườn cây lên tiếng hát
 những giọng cổ tự trên bia

những thanh gươm một thời hồ hải
 cũng tàn phai trong cát bụi phù vân
 buổi sáng hôm nay
 đường mai vui họp chợ
 hương cốm thơm ngày chung lớp học
 ý vui nở đầy trên trang sách thần tiên
 có tiếng guốc em khua nhịp Trường Tiền
 có tà áo bay chiều Cổ Ngư lộng gió
 những tiếng còi xe buổi sớm Sài Gòn

lá me thơm đôi bờ vai xoa tóc
 ta nghe quen như tình yêu mới chớm
 tuổi học trò mơ mộng thảng hoa
 từ ngàn dặm xa
 gửi về cố xứ
 con tàu đi từ vô tận không gian
 có hạnh ngộ quê hương ngày ta đến
 người lữ hành buồn
 mang nỗi nhớ trăm năm!

THÁI TÚ HẠP



TRÀM CÀ MAU

NHỮNG ÔNG CHỒNG TỘI LỖI

Hơn một chục bà xồn xồn họp mặt, tranh nhau xôn xao cười nói ồn ào như chim vỡ tổ, ăn uống liên miên không dứt, tâm sự dong dài. Nói qua đủ các đề tài trên trời dưới đất. Rồi chuyển qua chuyện chồng con. Chị Xuân ‘khai hỏa’:

“Ông chồng em lười như hủi mấy chị ơi. Không biết tại sao ông trời lại sinh ra được một kẻ lười đến như vậy. Không làm được việc gì nên thân. Nhờ đi mua mấy bó rau răm thì đem về rau húng. Mua trái cây, không khi nào chịu lựa, thò tay bốc đại, đem về toàn cả đồ hư thối. Ngay cả việc đổ rác cũng không xong.”

Chị Hạ phụ họa lời chị Xuân: “Đàn ông, theo em định nghĩa, là một giống vật lười. Chị đừng than thở chi cho mất công. Cứ thử hỏi các chị quanh đây, có ông chồng nào không lười? Thôi, trách móc kết án chỉ là thừa. Tôi hỏi thật chị nhé, ông xã chị lười, nhưng có lười trong chuyện...chuyện phòng the hay không? Đó mới là điều quan trọng nhất.”

Các bà ngồi quanh cười hi hi. Chị Xuân đỏ mặt. Nói lí nhí: “Lười thì mọi việc đều lười.”

Có người nói: “Hừ, lười chuyện phòng the ... mà quần nhau có đến sáu đứa con? Nếu không lười e có hai chục đứa hay sao? Ông ấy đâu có lười bằng chồng chị Hương? Nghe nói ông nầy lười đến độ khi nào vợ chồng ‘vui vẻ’ cũng vẫn còn để nguyên cả áo quần. Thế mà chị Hương có bao giờ than ông ấy lười đâu? Này chị Xuân ơi, chị nói chồng chị lười, mà có lười việc sở không? Có lần nào bị đuổi việc vì tội lười biếng chưa?”

Chị Xuân cao giọng: “Việc sở, ông ấy đâu có dám lười? Lười để bế nôi cơm sao? Lười để cả nhà dắt nhau đi ăn mày? Ở sở, ông ấy chăm chỉ, đi sớm về muộn, đôi khi làm việc sở quên cả giờ ăn trưa đó! Thỉnh thoảng lại còn mang công việc sở về nhà nữa!”

Chị khác hỏi dồn: “Về nhà, ông ấy có dạy và kiểm soát việc học của các con hàng ngày không? Có cắt cỏ, tưới cây không? Có sửa chữa nhà cửa điện nước không?”

Chị Xuân hừ một tiếng dài: “Các việc đó mà lười nữa, thì ai lo cho!”

Chị Thu lớn tiếng xen vào: “Tôi thì chỉ mong có ông chồng lười cho đỡ mệt. Ông chồng tôi ham làm vườn quên ăn quên ngủ, quên giải trí, quên hết. Ai đời đi làm việc về, vội vã thay áo quần, chạy mau ra vườn, xới đất trồng cây cho đến khi trời tối mịt thì tắt đèn lên làm tiếp. Mãi cho đến chín mười giờ mới chịu vào ăn tối. Cơm canh nguội lạnh. Thứ bảy chủ nhật, cũng loay hoay ngoài vườn từ sáng sớm cho đến khuya. Vợ con không nhờ được việc gì cả. Quanh năm bốn mùa lăn lóc bám chặt khu vườn. Những khi mưa đổ như trút, gió thét ầm ầm, thì co ro che dù, mang áo mưa, tưởng như bị trời hành. Tôi kêu gào rát cả cổ, cũng không suy suyển, chán quá, tôi cũng không thềm nói năng chi nữa!”

“Vườn có rộng không? Ông ấy trồng gì mà quanh năm không hết việc?” Một bà tò mò hỏi.

“Khá rộng. Ông ấy cứ bứng cây nầy, trồng cây kia. Làm non bộ, đắp núi giả, gầy uốn cây bonsai, bắt ống nước, chạy dây điện. Cứ thế mà từ ngày nầy qua ngày khác, năm nầy qua năm kia, không bao giờ xong. Những khi đau yếu chưa lành bệnh hẳn, còn ho hen, xị mũi, cũng ra vườn, không kể chi đến nắng gió. Ông ấy còn bảo, nếu

không ra làm vườn, bệnh càng khó thuyên giảm, lâu bình phục.”

Bà bạn cười cười: “Chị có biết không, làm vườn cũng là một lối thiền cao độ. Hầu như tất cả các đại thiền sư Nhật Bản, đều say mê việc tạo cảnh. Thiền là đó, chứ không phải đâu cả. Hay là, lay là... chị cần nhàn quá, nói nhiều quá, nên ông ấy lấy cớ ra vườn lánh nạn. Cho đỡ khổ cái lỗ tai, đỡ phiền muộn chẳng?”

“Vô duyên chưa?” - Chị Thu gắt - “Chị cứ suy bụng ta ra bụng người. E rằng, ông chồng của chị cũng không khỏi khổ vì cái miệng hay chót chét của chị đó!”

Chị Thu thở dài chán nản tiếp: “Ông ấy mê cái vườn còn hơn mê vợ con, mê công việc. Tôi thù ghét cái vườn. Không thèm nhìn đến, có khi cả tháng không bước chân ra vườn. Cái vườn dành mất tình yêu của vợ chồng tôi.”

Một người bạn vỗ vai chị Thu, dịu dàng nói: “Có được ông chồng không ham chơi, chẳng rượu chè, cờ bạc, trai gái, đàn địch, chỉ ham làm vườn, lành mạnh như thế, mà vẫn chưa bằng lòng, thì đòi gì nữa? Chị muốn có gì hơn?”

“Hạnh phúc” Chị Thu đáp.

Chị bạn cười mũi: “Hạnh phúc? Hạnh phúc thì phải do chị tự tạo lấy. Cứ ngồi không mà chờ, thì khó có, rồi trách móc người nầy, kẻ kia. Sao chị không ra vườn, tiếp tay với ông ấy, cùng cuốc xới, trồng trọt, tưới nước, chăm sóc cây trái. Rồi tâm sự, chuyện trò, thì hạnh phúc tự nhiên tới. Chị cứ thử trong vài ba tháng xem sao? Có mất gì đâu. Không chừng rồi chị cũng say mê làm vườn như ông ấy, và từ đó, thuận vợ thuận chồng thì tát biển đông cũng cạn.”

Chị Hạ lắc đầu nói ngang: “Kế sách đó cũng hay. Nhưng tôi có một mưu chước khác, làm ông chồng chị không dám ra vườn nữa. Nếu chị chịu, tôi bày cho. Sau này xong việc, phải trả công cho tôi hậu hĩ đấy! Này nhé, chị cứ giả vờ yêu mến cây cỏ, thiên nhiên, ra vườn cùng ông chồng, cứ đứng chống nạnh chỉ tay. Đòi cây nầy phải bứng qua góc vườn, cây kia phải nên chuyển lại gần hàng rào, vồng hoa nọ không thích hợp với vị trí đó, nhổ hết trồng loại hoa khác, cái vòi phun nước phải để qua góc bên trái mới mỹ thuật, cứ thế mà đòi hỏi phê bình đủ thứ chuyện, lải nhải mãi. Tôi đoán, ban đầu ông ấy cũng sẽ làm vài việc theo lời yêu cầu cho vợ vui lòng. Nhưng rồi càng ngày càng mệt, và cứ bị đòi hỏi mãi, ông ấy cũng sẽ chán nản,

bực mình và không dám ra vườn nữa. Máy chị nghe kể sách này có cao không?”

Một chị la lớn: “Không được đâu! Lải nhải và yêu sách mãi, lỡ ông ấy nổi nóng, phang cho một cán cuốc vào đầu thì uổng đời. Đừng có dại.”

Mấy bà cùng cười vang. Chị Hạ cười nói tiếp: “Ông ấy có ăn học đàn ông, đứng đắn, đâu phải bọn ba trợn vũ phu mà làm càn! Trong đám chị em chúng ta ở đây, coi bộ chỉ có ông chồng chị Hiền là không có vấn đề. Gia đình vui vẻ hạnh phúc nhất.”

Chị Hiền phản đối liền: “A! Phải ‘nằm trong chăn, mới biết chăn có rận’. Trông như không có vấn đề gì cả, mà sự thực lại trầm trọng. Ông chồng tôi là một nhà giáo nghiêm nghị, nghiêm trong lớp học, tại trường, nghiêm ngoài xã hội và nghiêm cả với gia đình, vợ con. Lấy nhau mấy chục năm mà chưa bao giờ thấy ông ấy cười. Nụ cười hiếm hoi còn hơn nàng Bao Tự(*) đời xưa trong truyện Tàu, mà U-Vương phải đốt ‘phong hỏa đài’, gạt chư hầu về cứu giá, mới có được nụ cười của người đẹp. Ông chồng tôi, chẳng có đẹp để gì cho cam. Mẹ tôi nói đùa rằng, hôm nào cả nhà đề ông ra mà thọc lét, để xem ông có biết cười hay không! Người ta bảo, một nụ cười bằng mười thang thuốc. Nụ cười quý lắm. Mấy chục năm chưa lần thấy nụ cười trên môi ông chồng. Tôi cũng biết vui, biết buồn, chứ phải gõ đá đâu mà cứ trơ trơ.”

Chị Đông này giờ chưa nói, bây giờ hứng chí cũng góp chuyện: “Không biết cười còn đỡ. Ông chồng tôi thì mít ứt, thấy chuyện gì cũng cảm động mà khóc được. Những khi xem phim bộ Đại Hàn, cứ khóc thút thít mãi như con nít bị đánh đòn, lau hết cả hộp khăn giấy. Đọc truyện cũng thế, khi đọc đến những đoạn lâm ly, thì khóc oà, bỏ sách xuống, không đọc tiếp được nữa. Đi đám ma bạn bè, gia đình người chết thì tỉnh khô, mà mắt ông thì ứt nhẹp, đỏ lòm, xẹt xẹt mũi nước. Tưởng như đóng kịch. Có lần trong bữa cơm, ông kể chuyện hai vợ chồng bên Tàu thời Cách Mạng Văn Hoá, đói quá, bà vợ đồng ý để chồng gả bà cho người khác, để có cơm ăn, cho bà vợ khỏi chết đói. Mới kể nửa chuyện, ông khóc oà ra, để chén cơm xuống. Khóc như cha mẹ chết. Đứa con gái nói: ‘Ô kìa Ba, khéo dư nước mắt khóc người đời xưa!’ Mỗi lần nghe chuyện gia đình nào tan vỡ, mắt ông cũng đỏ hoe. Lòng ông ấy mềm nhũn,

yếu xiu, nên chẳng bao giờ nói ‘không’ với người khác được. Bởi thế cho nên các cô thư ký trong sở tranh nhau, đánh ghen nhau tới bời. Ông chẳng dám binh ai, bỏ ai. Tôi cũng khổ vì cái tình cảm yếu mềm suốt suốt của ông. Tôi cũng biết sôi máu ghen lên chứ! Đàn bà mà! Chồng của mình, chứ đâu phải là của chung thiên hạ, dù biết ông chẳng bao giờ đủ can đảm để bỏ bê gia đình.”

“Tôi cứ tưởng ông ấy hiền lành, chứ đâu ngờ đào hoa đến thế!” Một bà nói.

“Đúng, ông hiền lành! Nhưng nếu có ai thương, thì ông thương lại, không nỡ từ chối. Không nỡ làm mất lòng ai.”- Chị Đông nói tiếp – “Khi nào tôi cũng cứ dạn lòng, cứ bình tâm mà hưởng hạnh phúc dành riêng cho mình. Không thể nào thay đổi cái mềm yếu của ông chồng, thì cứ chấp nhận. Vì ông rất trân quý gia đình, chăm sóc con cái hết lòng, hy sinh mọi thứ cho vợ, con, và cả người ngoài nữa.”

Câu nói của chị Đông như gãi đúng chỗ ngứa của chị Hoa. Chị bắt đầu mở máy thở than: “Tôi khổ và giận nhất là chuyện ông chồng chuyên bao đồng, lo việc bên ngoài. Ăn cơm nhà, vác ngà voi. Bất cứ chuyện gì, có ai kêu, vội nhảy nhồm lên mà chạy đến cho kịp. Ai giao việc gì cũng ôm vào làm ‘chùa’ không công, làm ngày làm đêm. Rồi tụ họp nhau ăn uống, cà phê, cà pháo liên miên. Lấy tiền nhà chi tiêu cho việc chung thiên hạ. Không có tiền thì cà thẻ tín dụng. Việc nhà thì nhác, việc chú bác thì siêng. Máy cái bóng đèn ở nhà đứt dây tối thui, kêu gào rát cả cổ mới chịu thay. Cái vòi nước cứ rỉ rả long tong hoai, nghe bực đến nhức đầu, không bao giờ chịu sửa. Những người như ông nhà tôi, có lẽ đừng bao giờ lập gia đình, để sức lực, thời gian mà lo cho việc thiên hạ.”

“Thế thì tại sao ngày xưa chị lại chịu lấy ông, để rồi bây giờ than van?”

“Tôi đâu có biết! Ngày xưa mới quen nhau, đến nhà chơi, ông làm đủ thứ việc, nào là sửa điện, đóng lại cái bàn long chân, bắt ống khóa, mở cái đồng hồ chết ra mà vô dầu, quét vôi tường ngày tết, cửa cây, trồng hoa, chỉ dạy bài học cho các em tôi, đến cả nấu cơm, kho cá, làm đủ việc hăm bà lằng. Chịu khó giống như các cụ ngày xưa đi ở rể. Tôi cảm động lắm, nhưng không ngờ, ở đâu ông ấy cũng hăng hái nồng nhiệt làm việc như vậy cả. Ông ấy sống cho thiên hạ,

chứ không sống cho gia đình. Tôi xét đoán sai, chọn lầm người. Đáng ra ông phải dành mọi sự ưu tiên cho gia đình, vợ con trước đã, rồi nếu dư năng lực, thì giờ, mới lo cho việc chung của thiên hạ.” Một chị la lớn: “Nghĩ cho cùng, ông ấy là người tốt, có tấm lòng. Đáng khen, không đáng trách. Nếu ai cũng lơ là việc chung, thì xã hội này đi đến đâu? Làm chi có những sinh hoạt xã hội?”

Chị Nguyệt có chồng thi sĩ tiếp lời: “Ông chồng chị Hoa, làm việc còn ích lợi thiết thực cho thiên hạ. Chứ như ông chồng em, suốt ngày mơ mơ màng màng, tỉnh không ra tỉnh, mơ không ra mơ. Cứ suy nghĩ vẩn vơ tìm vẩn dẹt thơ, quên trước, quên sau. Không nhớ được việc gì. Ban đêm đang ngủ, nằm mơ, hay chợt tìm ra một câu thơ lạ, thì vội vàng bật dậy chép liền. Có khi ngồi bóp đầu, bóp trán từ nửa khuya đến sáng, làm được mấy câu thơ. Buổi sáng mặt mũi bơ phờ như người bệnh. Dem ra khoe. Không cần biết hay hay dở, em chê liền. Rồi em có trách móc, dằn vặt, thì ông ấy nói rằng ngày xưa, có ông Giả Đào nào đó viết: *‘Ba năm mới làm được hai câu thơ, ngâm lên một tiếng, hai giòng lệ rơi không cầm được, người tri âm nếu không cùng hưởng, mùa thu sang ta về núi nằm’* (**)

Chưa hết đâu nghe các chị. Lại véo vào ngân quỹ tiết kiệm của gia đình mà in thơ, chất đống trong nhà. Rồi ra mắt sách, tốn thêm tiền thuê hội trường, mua nước ngọt, thức ăn, phải có gì cho người ta ăn uống mới chịu khó ngồi lại nghe. Còn phải gởi thơ mời, tốn thêm tiền in thiệp, tiền bưu phí. Cũng phải chi chút chút cho ban nhạc phụ giúp vui, năn nỉ ca sĩ hát ‘chùa’. Đáng ra em phải tránh xa các nơi ra sách nầy cho đỡ buồn, tủi, nhưng thấy ông chồng hăm hở tội nghiệp quá, em đi theo ủng hộ. Lại càng buồn hơn. Khách tham dự thì lèo tèo mấy chục người nói chuyện riêng ồn ào, không thềm để ý đến diễn giả đang nói gì, ca sĩ đang hát hò gì. Chỉ bán được mười mấy cuốn thơ cho đám bạn bè thương tình mua ủng hộ. Buổi ra mắt chưa xong, mà khách đã về gần hết. Đáng ra, họ đã đến, thì rán chịu khó thêm một chút, ở lại cho đến khi kết thúc, nó lịch sự hơn. Cũng tốn bộn tiền đấy chứ! Cái giống thi sĩ, xem tiền như rơm, như rác, nhẹ bấc. Nhưng mình là con vợ, thì phải xem tiền là cơm, là gạo, là điện, nước. Tiền là mồ hôi nước mắt. Chưa xong, đi đâu cũng lè kè mấy tập thơ, gặp ai cũng hí hửng ký tặng. Ông ấy đâu có biết người ta đem về nhà, vất lăn lóc đâu đó, không đọc, hoặc

thương tình lắm, thì đọc phớt một hai bài. Thời buổi này ai rồi mà đọc thơ?”

Chị Hạ khoa tay nói lớn: “Đáng ra chị Nguyệt phải hãnh diện có ông chồng thi sĩ chứ! Ngày xưa, tôi cứ mơ có được một chàng thi sĩ đem tôi vào thơ, để ngàn năm sau, hình bóng mình cứ thấp thoáng mãi trong văn chương. Chị Nguyệt ơi, ông chồng chị làm văn hoá, đóng góp, thêu gấm dệt hoa cho đời, còn quý gấp trăm, gấp ngàn lần làm ra tiền bạc. Tiền bạc chỉ có mình tiêu xài, và tiêu đi là hết. Văn hóa còn đó, còn mãi mãi, phục vụ cho hiện tại, và cho cả ngàn sau. Chị nghĩ sao?”

Chị Nguyệt lắc đầu: “Không, tôi thực tế, tôi chỉ muốn cơm gạo. Còn mai sau, có xui mà được lưu truyền tán tụng, thì tôi đã ra ma rồi, đâu biết chi nữa! Ông chồng nhiều lần làm tôi sượng mặt, ông nghe thiên hạ xúi dục, trong các bữa tiệc, ngâm thơ. Đã già rồi mà lời thơ cứ anh anh, em em, khổ đau thất tình, lửa yêu cháy bỏng, quần quai, trái tim máu me, thân xác vật vã. Toàn cả những hình ảnh ướm át thương đau. Lời thơ da diết, viết cho mấy con quỷ nào đó, chứ đâu phải cho tôi! Thử hỏi, bây giờ chúng ta cứ làm thơ thương tiếc thằng cha nhân tình ngày xưa, công khai phô diễn cái thương nhớ, đốn đau, xót xa cho mối tình cũ, thì các ông chồng có phang cho bể đầu không?”

“Thôi thôi, đủ rồi. Lý do nào cũng đúng.” Một chị lớn tuổi cắt ngang. Rồi chị tiếp lời: “Khổ đau của các chị là chuyện nhỏ, như đi đường đập gai. Đáng ra phải nhổ cái gai ra, các chị không chịu, để thế mà đi, gai cứ làm nhức nhối mãi. Tôi còn nghe chị Hồng, chị Lê, chị Huệ than thở các ông chồng cứ ôm chặt lấy cái computer suốt ngày suốt đêm, bỏ bê việc nhà. Chồng chị Phượng, chị Dung thì say mê thể thao, cá độ, mất hết tiền bạc, thêm nợ nần. Chồng chị Thành tối ngày say sưa bí tỉ, nhậu nhẹt tì-tì từ khi mở mắt cho đến khi đi ngủ. Lái xe trong khi say rượu, bị bắt còng tay. Còn chồng chị An, chị Bích, chị Chi thì đóng đinh ở quán cà phê, đánh cờ tướng, nói chuyện chính trị suốt ngày quên ăn trưa, ăn tối. Nào chị Giang, kể cho các bà nghe về nỗi khổ vì chồng con của chị đi!”

Chị Giang trẻ nhất trong đám các bà. Mặt mày thanh tú. Nét đẹp kiều sa của thời con gái chưa phai tàn. Chị bình tĩnh vuốt tóc và thông thả kể: “Ông chồng em sáu mươi chín tuổi rồi, gặp lại một bà

bạn học chung lớp ngày xưa. Bà này là cô giáo cũ của em thời trung học. Khi đi học, chồng em và bà hoàn toàn không có tình ý chi với nhau. Có lẽ học cùng lứa, thì các cô xem bọn con trai như em út, và các anh nhỏ cũng không dám chơi leo tơ tưởng tới các đàn chị. Năm trước họ vô tình gặp nhau, cả hai tuổi đều đã xấp xỉ bảy mươi. Thế mà họ lại yêu nhau mê mết. Em có thể hiểu được ông chồng mình, thứ đàn ông mà trẻ không tha, già không kiêng, vốn tính trăng hoa xưa nay. Em cũng đã chán, hết cả ghen tương từ lâu. Nhưng không hiểu được bà kia, tuổi tác đó, chồng con để huê, cháu nội cháu ngoại cả chục đứa. Thế mà hai người chơi ngông, mết nhau, say sưa điên cuồng quên hết mọi sự. Ngày nào cũng điện thoại cho nhau vài ba giờ, không biết chuyện đâu ra mà nói nhiều đến thế. Mỗi tuần họ gặp nhau vài lần tại khách sạn, hú hí đú đờn. Em cứ vô tình, không hay biết. Cho đến một hôm, trong lúc say rượu, chồng em ủi xe vào hàng cây bên đường, bị thương ngất đi. Cảnh sát chở vào bệnh viện. Em kêu hãng bảo hiểm nhờ kéo xe về nhà. Lục thùng xe tìm giấy tờ, thấy nguyên một bao thư mấy trăm trang, in điện thư thư trao đổi qua lại của hai người này. Đọc thư họ, em không khóc, mà chỉ cười, vì họ viết cho nhau lời lẽ tình tứ như còn ở tuổi mười sáu, hai mươi. Già tuổi đó, mà viết được cái tình cảm yêu đương mê muội của bọn con nít, thì họ cũng tài tình đáng phục. Bà ấy liều mạng, nhiều lần viết rằng:

‘Em sẵn sàng chịu bị gọt đầu bôi vôi, bị lột trần truồng dẫn đi rong bêu rếu và bị ném đá cho đến chết để có được tình yêu của anh’.

Ghê khiếp chưa, một cô giáo có trình độ đại học mà rồ dại đến thế. Em hẹn gặp bà, ban đầu bà định chối, nói là bạn cũ gặp nhau nhắc chuyện thời đi học xa xưa. Em đưa cả xấp thư cho bà ấy xem. Bà hết hồn, mặt xanh như tàu lá và run rẩy gần ngất xỉu. Thấy thái độ của bà, em cũng thương hại. Em lên mặt dạy đời cô giáo cũ rằng: ‘Thưa cô, ngày xưa em kính trọng cái tư cách và phong thái đứng đắn của cô. Có những điều cô dạy, đến nay em còn nhớ. Cô thử nghĩ xem, nếu ông chồng cô, con trai con gái cô, dâu rể và cháu nội ngoại đọc được một phần trong những lá thư này, họ sẽ nghĩ gì, và đối xử ra sao với cô?’ Cô ngồi run cầm cập, mặt trắng bệch như xác chết, im lặng, đờn người, có lẽ vì quá xấu hổ, quá sợ, thở dốc từng hồi. Em nói tiếp: ‘Thưa cô, em ước mong rằng, đừng ai gọt đầu

bôi vôi, đừng lột trần truồng dẫn cô đi bêu rếu, và đừng ai ném đá cô đến chết. Đây, cô giữ lấy tập điện thư trao đổi này. Đây là bản duy nhất, em không muốn giữ làm gì. Em thương em, và thương cả cô, vì chúng ta đều là nạn nhân khốn khổ của một ông chồng mất nết. Xin cô hãy thương thầy, ông chồng già đáng kính của cô, đã chia vui xẻ buồn cùng cô, hy sinh cho cô suốt trong gần nửa thế kỷ dài. Cũng đã đi gần hết đời người rồi. Không còn bao lâu nữa.’ Em đứng dậy và bước đi, không quay lại nhìn bà ấy.”

Tất cả các bà nghe đến đó, đều nhao nhao lên phản đối: “Tại sao ngu vậy? Tại sao không chụp ra vài bản, gửi cho ông chồng và các dâu rể của bà ấy để trừng phạt?”

Chị Giang bình tĩnh: “Để làm chi? Nếu không kéo ai lên được, thì cũng đừng nên xô họ xuống hố sâu thêm. Người ta đau khổ, xấu hổ, mà mình cũng chẳng được gì?”

Các bà đồng thanh nói: “Để trả thù, để trừng phạt. Thế thì bây giờ ông chồng của chị ra sao?”

Chị Giang thở ra: “Em không thù, thì trả thù làm chi? Bây giờ ông chồng em vẫn bình thường, vào ra trong nhà như con chó cúp đuôi biết lỗi. Con người đó, trắng hoa phóng đảng khó chữa, nhưng ông cũng còn khá nhiều cái tốt khác mà ít người có được. Em phải biết tự cứu mình, và cứu gia đình. Chắc các chị mới thấy cái phương diện cư xử nhân từ của em đối với bà ấy mà thôi, chứ chưa thấy cái thâm độc nham hiểm còn hơn cả Hoạn Thư. Nếu em hùng hổ xỉ vả chửi mắng thô tục, thì bà đó ít đau, ít thấm thía hơn là những lời nói nhẹ nhàng nhân hậu đó.”

Bà chị lớn tuổi nhất dám đưa hai tay lên trời mà than: “Ôi sao kiếp đàn bà chúng ta chịu lắm khổ đau như thế này. Tất cả cũng đều do bọn đàn ông gây ra cả. Thế nhưng, thiếu đàn ông, thì đâu có sống bình thường được, chúng ta sẽ khô héo như đem cây trồng vào sa mạc. Nhưng có phải khổ đau trong đời sống vợ chồng, một phần

lớn cũng do chúng ta tự tạo ra chăng? Bởi thế, tôi nhớ có gã triết gia cà chớn nào đó, viết đại ý rằng: *‘Nguyên vọng thiết tha duy nhất của đàn bà con gái là kiếm cho ra một tấm chồng, nhưng khi có một tấm chồng rồi, thì họ muốn có tất cả’*. Cũng không phải hoàn toàn sai đâu.

Này, các chị nên nhớ rõ, trong trần gian này, không có một người đàn ông đàn bà nào hoàn toàn cả. Nhất là đàn ông, không có tội này, thì cũng có tội khác. Có những tội danh, đối với bà này thì khó tha thứ, nhưng đối với bà kia, thì đó là cái dễ thương. Khó phán xét lắm. Phải biết khôn ngoan chấp nhận những khiếm khuyết, tội lỗi không trầm trọng của các ông. Nếu không, thì mình tự làm khổ, tự phá hạnh phúc gia đình mình. Nếu đại đột buông các ông ra, đừng hy vọng tìm được ông khác khá hơn, không có chút tội lỗi. Đàn bà chúng ta có thể ví như chiếc xe, càng cũ, càng xập xệ, thì chủ kể càng nghèo, càng thua các chủ trước. Bởi vậy, phải biết chấp nhận, vui với cái tương đối mình có trong cuộc đời, để xây dựng hạnh phúc cho gia đình. Đừng đứng bên núi này trông qua màu xanh long lanh của núi bên kia.” ./.

TRÀM CÀ MAU

* Bao Tự: Một người đàn bà đẹp thời Xuân Thu bên Tàu.

** Thơ Giả Đảo: “Nhị cú tam niên đắc. Nhất ngâm song lệ lưu. Tri âm như bất thưởng. Quy ngọa cố sơn thu.”



VỀ ĐÂU NHỮNG NGƯỜI

tạnh mưa. lần đầu tuổi thơ
về ngang phố cũ
tiếng ve luyến tiếc nhạc hè chưa ngời
gió thu vàng

cậu bé của Thanh Tịnh nắm tay mẹ đi học
bóng nhớ tôi lững từng theo
"lá ngoài đường rụng nhiều
và trên không có những đám mây bàng bạc"
Thanh Tịnh, xưa. tôi, chỗ thừa
người năm cũ. vắng buồn mưa
về đâu những nẻo có chùa lòng nhau

ĐOẠN CẦU TÌNH

sập giàn bầu bí. tình rơi
mơ ta canh cánh chưa rời
nhặt lời đại lượng ngời ngời cho nhau

cuối dòng sông, nước ngã sâu
tuôn hoa trăm lối buồn đau
xót nghìn mong đợi nhịp cầu vớt hoa

buồn quê khó nuốt người ngoại
 ngày vỡ, lở ra biển ngoài
 trùng dương khép cửa giữ bài tình tôi

gọi hoà, chót lưỡi đái bơi
 tình quê thử nung chín rồi
 khi lòng thấy nước nổi trôi lụy người

bí bầu phục dựng cơ ngơi
 lòng vui tiền sử truyền đời
 nghìn năm sợi tóc sáng ngời yêu thương

BIẾT NHÀ EM ĐÂU

anh về ngang bến cũ
 vắng tàu
 tiếng còi run rúc vắng ru
 tận bốn mươi năm vọng gió
 đã lắm lần anh theo đó
 đến nhà em
 giờ, chắc nọ còn gì
 chiếm đoạt. thay chủ mới
 đông đúc chẳng đặt dừng
 bảng dựng “ấp văn hoá”
 lóc nhóc tiếng người đánh đá chua ngoa
 trời chuyển mưa nam
 vùng mây hoen xám
 tiếng sấm gập ghềnh
 lạ hoắc
 phong thanh em đã vượt biên
 bóng cũ tùy duyên quá vắng
 biết đâu là khoảng mơ tìm !

VIÊN DUNG

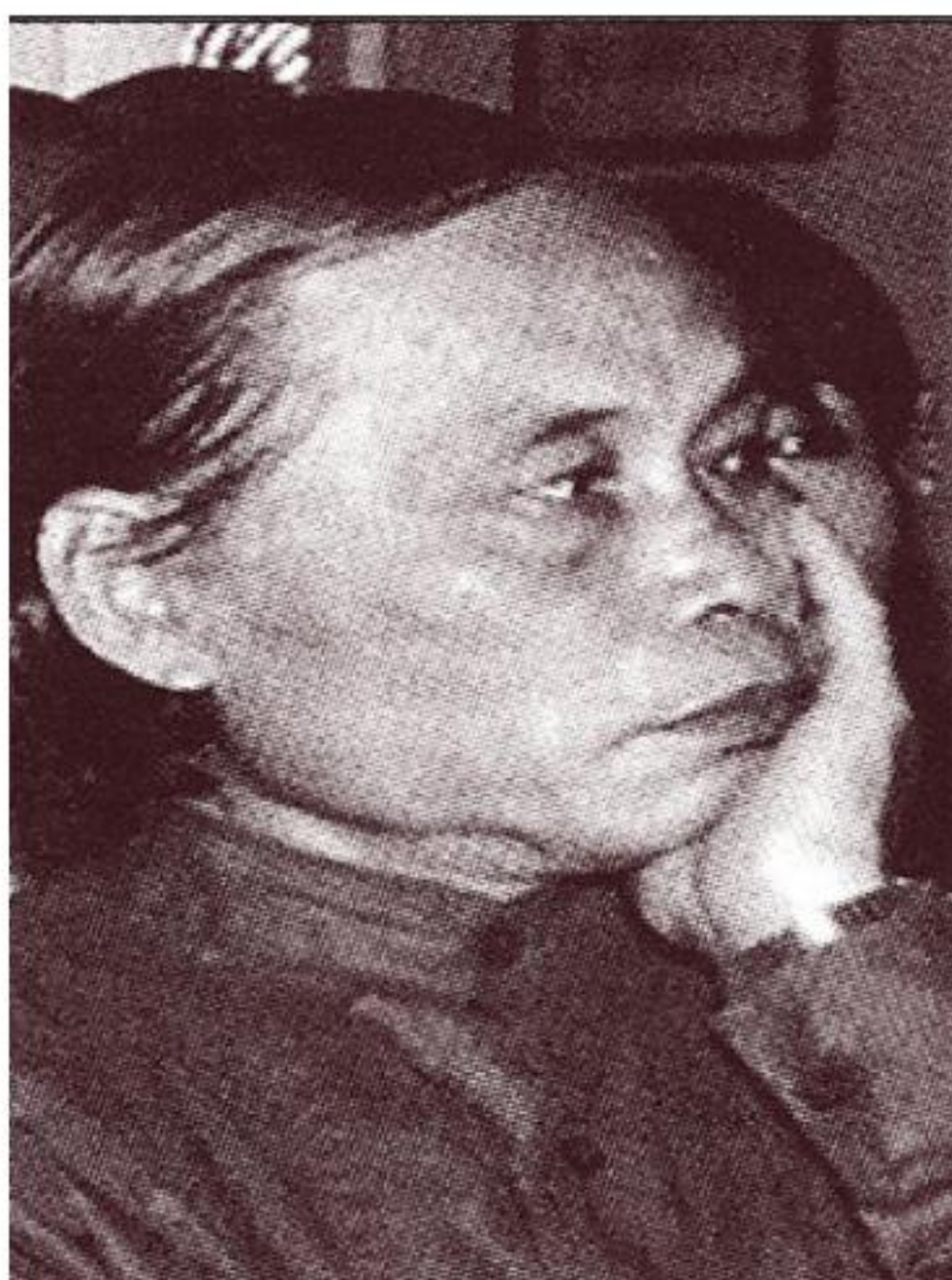


**ĐÀO MỘNG NAM
VÀ KỶ NIỆM KHẮC SÂU**

oOo

TRẦN VIỆT HẢI

Về bài thơ : THÔNG ĐIỆP MÂY ĐEN



THI SĨ ĐÀO MỘNG NAM

Thông Điệp Mây Đen ... là tựa đề một bài thơ của nhà thơ Hà Nguyên Du... Là một bài thơ bình thường như bao bài thơ khác, nhưng ngờ đâu rằng bài thơ trên lại là một thông điệp buồn, như bản tin tức cáo phó., như những dòng cảm xúc của các thi sĩ thế giới so sánh và ghi lại dưới đây:

“Sombre dimanche” hay “Gloomy Sunday”, nôm hóa sẽ là “Chủ Nhật Buồn hay Chủ Nhật u ám”, mà tên gốc của bài hát Hung ngữ là “Szomorú vasárnap” của nhạc sĩ Hung gia lợi là *Rezső Seress* sáng tác. Ví dụ như những câu:

*“Mùa thu rồi, lá vàng rơi, đâu còn tình yêu nữa ở trên cõi đời,
gió hú và lệ rơi, lòng ta đâu đợi mùa xuân đất trời, Lệ buồn, sầu thảm
khôn nguôi, sao không tìm tàn ác chi người, tình yêu đã chết rồi...”*

Nghe xong nhiều bà con các nơi không thiết sống nữa. Họ quyên sinh. Điều này khiến chính phủ Hung ra lệnh cấm phổ biến. Nghe tiếp nhé:

*“Thế giới cũng tàn thôi, hy vọng không đến rồi. Thành phố
mất đi dưới tiếng súng đại bác vang rền, cánh đồng loang máu người,
thành phố đầy xác phơi, với ta giờ cầu nguyện cuối đời. Ôi Trời, lỗi
lầm là tại người, thế giới đã chết rồi...”*

Thông Điệp Mây Đen..., khi bài thơ này in trong tập thơ xuất bản năm 2001 và đăng trên tạp chí Thơ số 25... Hà Nguyên Du ký tặng tập thơ cho người anh thân quý là Thi sĩ Giáo sư Đào Mộng Nam... Nhưng chỉ khi anh ĐMN đọc riêng bài *Thông Điệp Mây Đen* trên tạp chí Thơ, anh thấy nội lực đặc biệt của bài thơ, sự tác động của nó đã phấn kích mạnh đến anh. Đã nhiều lần anh nói với tác giả Hà Nguyên Du, anh sẽ viết những lời tri cảm đặc biệt cho bài thơ trên. Điều chẳng may là không lâu sau đó Đào thi sĩ đã đột ngột vĩnh viễn ra đi.

Thi sĩ Đào Mộng Nam vốn thích thi ca của các vị Khalil Gibran, Rabindranath Tagore và Bùi Giáng. Bởi vì thơ họ mang nét triết tính, Chẳng hạn như những áng thơ đượm nét buồn của ba nhà thơ này, ví dụ như bài *Mưa Nguồn* của thi sĩ Bùi Giáng do cảm đề từ danh tác *La Porte Étroite* của nhà văn André Gide:

*Bình minh thơ đại hai môi
Lời chưa nói cũng là lời đã trao.
(Mưa Nguồn, Bùi Giáng).*

*Ta về ngóng lại mưa sa,
Giọt dài ly biệt nghe ra giọng chào,
(André Gide; Thơ cảm đề La Porte Étroite, Bùi Giáng).*

Kế tiếp là bài thơ Rabindranath Tagore, bài Em Là Một Áng Mây Vàng (You Are the Evening Cloud).

*Gót em thấp thoáng đỏ lên,
Trong lung linh lửa tình em mận nồng.
Em đi giữa tiếng tơ lòng,
Lượm lời anh hát nhuộm hồng chiều hôm
Môi em ngọt đắng rượu buồn,
Bởi men đau khổ không lường của anh.
Của anh, em của riêng anh,
Em trong những giấc mơ lành cô đơn.*

Tương tự như thơ buồn Tagore, bài thơ của Khalil Gibran qua bài Giọt Lệ và Nụ Cười (A Tear and A Smile).

*“Lệ lòng thanh tịnh tim tôi
Thương tâm huyền diệu buồn với đáy lòng
Cười vang hoa nở nhân tình
Từ tâm màu nhiệm bình sinh cuộc đời”*

Sự cảm xúc về Thông Điệp Mây Đen của thơ Hà Nguyên Du, có thể Đào Mộng Nam cảm nhận đặc điểm u buồn của hồn thơ Cloudy Message (Message Nuageux) chia sẻ nỗi buồn với của “Sombre dimanche” (Gloomy Sunday của Rezső Seress trong thông điệp “Szomorú vasárnap”) để rồi lời hứa của “Nhà Nho cuối cùng của thế kỷ 20” tức Đào Mộng Nam cho lời cảm nghĩ về thơ :

*Thông Điệp Mây Đen...
“lời xám ngắt, ngón tay chớp bể, bàn chân mưa nguồn, mặt nạ khua*

*reng, cầu chứng mà mắt, thức tỉnh hết khái niệm, hẳn là dòng sông luôn đầy ngư phủ....", trích thơ Hà Nguyên Du. *(xin đọc nguyên bài phía dưới)*

oOo

Bây giờ, ta hãy tìm hiểu cái đam mê hay sở trường xuất sắc về Nho ngữ của GS. Đào Mộng Nam, hãy xem bài viết "Thế chân vạc của ngôn ngữ văn tự Việt" của 2 tác giả Đào Mộng Nam và Nguyễn Tiến Văn", trích từ nguồn do Tạp chí Tân văn ấn hành, Sài Gòn năm thứ 2, số 12 và số 13 (năm 1969), thì ghi nhận sơ yếu về sự khác biệt giữa Chữ Nho và chữ Hán như sau:

"Chữ Nho không phải là chữ Hán: Chúng tôi theo cổ nhân mà gọi là CHỮ NHO chứ không gọi là CHỮ HÁN. Việc này có nhiều nguyên cớ.

1. Về định nghĩa: Nòi Hán chỉ là trong những nhiều sắc tộc ở miền Đông châu Á, họ có tinh thần độc tôn và bành trướng, đã chiếm lĩnh dải đất ngày nay gọi là Trung hoa. Triều Hán kéo dài từ 200 năm trước Tây lịch đến 200 năm sau Tây lịch. Gọi chữ Nho là chữ Hán tức là đồng hoá thứ chữ của văn minh Á Đông với một sắc tộc. Người Trung Hoa gọi thế vì óc "hưng Hán diệt Di" của họ. Chúng ta không thể làm việc vô ý thức đó.

2. Về lịch sử: Chữ Nho được phát minh khoảng 5.000 năm trước đây, tại vùng châu thổ Hoàng hà và Dương tử. Lúc đó chưa có quốc gia nào là Trung hoa mà chỉ có những bộ lạc hùng cứ từng vùng. Người Bách Việt và người Miêu tới trước người Hán và định cư trên miền núi Thái sơn (núi này sau là nơi tế tự của mọi triều đại tại Trung hoa). Sau họ bị người Hán đánh chiếm, phải đi về phương Nam.

Khoa cổ sử chưa soi sáng được giai đoạn này. Căn cứ vào truyền thuyết thì Hồng Bàng kỉ (2.879 tr.T.L.) còn có trước lịch sử Trung hoa (bắt đầu với Hoàng-đế Hiên Viên thị, thủy tổ của Hán tộc) đến 182 năm. Người Việt tự nhận là dòng dõi Thần nông (3.223–3.080 tr. T.L.) gốc ở phía Bắc tỉnh Hồ-nam, đến đời Kinh dương vương mới dời về phương Nam. Ngay sử của Trung hoa cũng còn ghi chuyện Hoàng đế từ miền Nam Thiên-sơn đến Cam-túc

đánh với Xi vưu, tù trưởng của Miêu tộc để chiếm Hoàng hà mà vào bảo hộ Trung-quốc.

Xét về chủng tộc, phong tục, và ngôn ngữ thì người Miêu (Mèo) gần với Việt hơn là Hán tộc. Trong suốt lịch sử Trung hoa họ vẫn giữ được nền tự trị. Miêu tộc cũng là dân tộc thiểu số có mặt trên một diện tích rộng lớn: từ Quế-châu, Hà-nam, Quảng-đông, Quảng-tây, Vân-nam đến Tứ-xuyên. Ngày nay tại vùng Quảng tây người ta còn thấy những kiến trúc dưới đất kì diệu thờ chân dung Bàn Cổ và Tam Hoàng đầy đủ từng người. (Xem Tsui Chi, Histoire de la Chine et de la Civilisation chinoise, Payot, 1919).

Lại Nho học và Hán học, bàn thêm Nôm học và Hán Nôm học. Thế thì những chữ nghĩa này như thế nào ? và dị biệt ra sao đây ? Nền Nho học hay chữ Hán cổ học, rồi sang nôm học, Hán Việt, Hán Nôm với tôi là một rừng chữ phức tạp, tôi, người viết bài mà hiểu hết chết liền thôi. Trong bài viết này khi đề cập về học giả Đào Mộng Nam uyên thâm Nho ngữ, thôi thì tôi phải cầu cạnh, nhờ vả học giả Nho ngữ Trần Văn Chánh, tác giả bài viết “Tản mạn kinh nghiệm học chữ Hán cổ” cứu bồ dùm vậy. Trần học giả viết như sau:

“Văn ngôn tương đương với cái mà chúng ta gọi chữ Nho. Ngày xưa các cụ học chữ Nho là để đọc sách thánh hiền chứ không để nói, khi gặp một người Trung Hoa có học vấn, hai bên có thể “bút đàm” với nhau, như trường hợp cụ Phan Bội Châu thời xưa khi qua gặp Lương Khải Siêu (Trung Quốc) hoặc Khuyển Dưỡng Nghị (Nhật Bản) cũng phải giải quyết trở ngại ngôn ngữ bằng kiểu đó. Đây cũng là khía cạnh độc đáo của chữ Hán cổ, một loại chữ viết-văn viết chứ không để nói, mà thứ chữ đó đầu tiên được cấu tạo bằng các lối tượng hình, hội ý..., không ghi lại theo âm thanh của tiếng nói như trong trường hợp chữ Nôm ghi âm đọc tiếng Việt, hoặc các ký tự Latinh ghi âm đọc của chữ Pháp, chữ Quốc ngữ...

Lại nói về chữ Nôm và Hán Nôm. Chúng ta thường gặp nhiều người đã có trình độ học vấn phổ thông rồi nhưng vẫn chưa phân biệt được chỗ khác nhau giữa chữ Hán với chữ Nôm, và Hán Nôm khác với Hán ngữ nói chung như thế nào. Họ không hiểu rõ chữ Hán là chữ của dân tộc Hán tức người Trung Hoa, được viết bằng những nét “ngoằn ngoèo rối rắm” nhưng trông vào thì có vẻ

đẹp hấp dẫn, còn chữ Nôm chính là một loại chữ Việt cổ, mượn nét của chữ Hán và phép cấu tạo hài thanh của nó để ghi thanh âm tiếng Việt, như khi Nguyễn Du làm câu thơ đầu truyện Kiều “Trăm năm trong cõi người ta” thì phải viết toàn chữ Nôm (chữ Việt cổ). Trong khi đó, nếu chữ Hán thì “trăm năm” phải nói “bách niên”, “bách tuế”..., “trong” là “trung”, còn “cõi người ta” là “nhân gian”, “nhân sinh”... chẳng hạn. Câu thơ trên khi Hoàng Dật Cầu (Trung Quốc) chuyển truyện Kiều sang chữ Hán, phải dịch là “nhân sinh bất mãn bách”, là chỉ dịch thoát. Chữ (trăm) trong chữ Nôm được tạo nên bằng chữ (bách) ở trên là trăm để chỉ ý nghĩa, và chữ (âm) ở dưới để chỉ âm đọc, cũng là một lối chữ hình thanh..., có cách cấu tạo tương tự chữ Hán. Do chữ Nôm cấu tạo bằng những nét và thể thức của chữ Hán nên phải biết chữ Hán kha khá trước rồi mới có thể học qua chữ Nôm được.

Còn Hán Nôm là gì? Hán Nôm thường để gọi gộp chung chữ Hán và chữ Nôm, đồng thời cũng chỉ vào những thư tịch cổ của người Việt Nam viết bằng chữ Hán, như các sách Khâm định Việt sử (Quốc sử quán triều Nguyễn), Hải Thượng y tông tâm lĩnh (Lê Hữu Trác), Hoạt nhân toát yếu (Hoàng Đôn Hòa), Hoàng Việt văn tuyển (Bùi Huy Bích), Thượng Sĩ ngữ lục, Thiên uyển tập anh ngữ lục (đời Trần)... hoặc những truyện Nôm, thơ Nôm, văn cúng viết bằng chữ Nôm..., đều là nằm chung trong kho tàng Hán Nôm của người Việt. Về mặt từ vựng và ngữ pháp, khi người Việt xưa sử dụng chữ Hán (mượn của Tàu) để diễn đạt những vấn đề và sự vật của nước mình, đã phải sáng tạo ra một số từ ngữ mà Trung Quốc không có, như nói “ngưu lao” là trâu bò, “cao” là sào (đơn vị đo ruộng), “tượng phòng binh” là lính giữ voi, “kiên thán” là than đá, “nam trân” là trái lòng boong..., đều là những từ ngữ không tìm thấy trong bất kỳ từ điển nào của người Trung Quốc. Một số từ Hán Việt hiện đại như “hoa hậu”, “hải phận”... cũng không có trong kho từ vựng của Trung Quốc. Về ngữ pháp, một số hư từ đã được dùng riêng theo lối Việt Nam như “hồ nhi” là (sao mà), “tồn như” (còn như)... cũng không thấy trong tiếng Hán chính thức của người Hán.

Còn về ngữ âm, thì người Trung Quốc đọc chữ Hán theo âm của họ (khác nhau tùy theo địa phương), người Việt đọc theo âm Hán Việt, như hai chữ (trời đất) đọc theo âm Quảng Đông là “thín

tì”, theo âm Bắc Kinh là “thí-ấn tí”, đọc theo âm Hán Việt là “thiên địa”; chữ (ba) âm Quảng Đông đọc “xám”, âm Bắc Kinh đọc “sán”, âm Hán Việt đọc “tam”... Như vậy dù đọc theo âm nào, ở đâu, ai biết chữ nhìn vào chữ (tam) cũng biết ý nghĩa nó là “ba” (số lớn hơn 2, nhỏ hơn 4). Cách đọc Hán Việt thường được hiểu đơn giản là cách đọc chữ Hán ở Việt Nam, bằng lối đọc riêng của người Việt. Theo các nhà nghiên cứu, cách đọc này bắt nguồn từ hệ thống ngữ âm tiếng Hán thời Đường, cụ thể là Đường âm dạy ở Giao Châu vào khoảng thế kỷ VIII-IX, nhưng dần dần có sự biến đổi theo quy luật ngữ âm tiếng Việt để trở thành một cách đọc riêng biệt của người Việt...”

Trên trang website của nhóm văn học Văn Thơ Lạc Việt ở San Jose do thi sĩ Chinh Nguyên làm soái chủ nhóm này có đăng bài viết “Đào Mộng Nam Nhà Nho Cuối Mùa Chết Bất Đắc Kỳ Tử”. Bài ghi nhận các chi tiết khá lý thú như sau:

“Giữa năm 1964 sau khi chế độ Ngô Đình Diệm bị lật đổ chế độ Dương văn Minh bị “chỉnh lý”, Nghiêm xuân Hồng làm bộ trưởng phủ thủ tướng của chính phủ Nguyễn Khánh ông có nhờ tham chánh văn phòng Lê Linh đi kiểm Đào Mộng Nam để triển khai chương trình dạy chữ Hán cho lớp trẻ. Khi Lê Linh gặp Đào Mộng Nam thì *Đào Mộng Nam đã hoàn thành giáo trình Tự Học Chữ Hán mà Đào Mộng Nam gọi là chữ Nho gồm ba cuốn in ronéo và Đào Mộng Nam đã được nhà chùa dành cho một gian phòng làm chỗ dạy thực nghiệm chữ Nho theo phương pháp Đào Mộng Nam. Không những nhà chùa cho Đào Mộng Nam địa điểm mở lớp dạy chữ Hán mà còn mời Đào Mộng Nam vô dạy chữ Hán ở Phật Học Đường Huệ Nghiêm rồi Phật Học Đường Quảng Đức nữa.*

Bẵng đi một thời gian không gặp Đào Mộng Nam đầu năm 1970 tôi gặp lại Đào Mộng Nam trên đường Lê Lợi Nam cho biết lúc này *dạy chữ Hán ở hai trường đại học Huế và Vạn Hạnh đồng thời cho ra đời nhà xuất bản Nguồn Sáng tặng tôi một lô sách Nguồn Sáng mới xuất bản trong đó có bộ ”Nho Văn Giáo Khoa Toàn Thư và bộ Tự Học Chữ Nho [5 cuốn] của Đào Mộng Nam và ba cuốn sách của Linh Mục Kim Định gồm Kinh Dịch Linh Khảo, Triết Lý*

Cái Đình, Lạc Thư Minh Triết. Hỏi ra mới biết lúc này Đào Mộng Nam đang làm công việc văn hóa mà chàng ta hằng theo đuổi với linh mục Kim Định và có vẻ hứng thú lắm vì đã được hai Viện Đại Học Huế và Vạn Hạnh mời dạy chữ Nho. Thế rồi ngày 30 tháng tư xảy ra VNCH tan rã, tôi không được tin tức gì về Đào Mộng Nam *nhưng một bữa vào năm cuối cùng của thế kỷ hai mươi tôi gặp lại Nam trên hè phố Saigon Nam đang đi với một người bạn Mỹ thấy tôi liền rủ đi ăn bánh tráng phơi sương cuốn thịt chấm mắm nêm và bánh canh Trảng Bàng. Trong bữa nhậu Nam tiết lộ với tôi lúc này Nam làm thơ và dịch thơ Cao Bá Quát đồng thời dạy môn Việt Nam học ở một số trường Đại Học tại Mỹ. Khi men rượu bia ngà ngà Đào Mộng Nam có ngâm cho tôi nghe bài thơ "Nguyên Tiêu Khóc Cao Bá Quát" mà tôi thích nhất hai câu:*

*Vạn thừa văn chương còn chẳng nát
Muôn đời thần khí lẽ nào tan.*

Tôi hỏi Nam về nước làm gì Nam không dấu diếm gì cả là Nam về nước chỉ có một mục đích duy nhất là đi "điên dã" *sưu tầm thơ chữ Hán "di cảo" của Chu Thần Cao Bá Quát và đã tới Phú Thị [Gia Lâm Hà nội] quê hương Chu Thần Cao Bá Quát sưu tầm được nhiều ngàn bài thơ chữ Hán của Cao Bá Quát và dịch ra thơ lục bát song thất lục bát thất ngôn hơn một ngàn bài. Từ đó mỗi lần về nước Nam thường tới tìm tôi khoe những khám phá mới của Nam về Cao Bá Quát và nói về bộ Cao Chu Thần toàn tập Nam đang soạn thảo sẽ xuất bản khi hoàn thành *thình lình cuối tháng tám đầu tháng 9 dương lịch năm 2006 đọc các báo điện tử Người Việt và Việt Báo xuất bản ở Mỹ tôi thấy tin Đào Mộng Nam qua đời chính xác vào thời gian nào không ai biết chỉ biết Đào Mộng Nam sống một mình trong một căn hộ chung cư ở cuối đường McFadden thành phố Tustin [bang California] một ngày cuối tháng tám năm 2006 cảnh sát được hàng xóm của Đào Mộng Nam thông báo từ căn hộ của Đào Mộng Nam đang khóa cửa bên trong mùi tử thi phân hủy đang tỏa ra cảnh sát đã phá cửa vào căn hộ và tìm thấy xác Đào Mộng Nam nằm gục dưới sàn nhà một phần đã bị phân hủy.**

Theo báo điện tử Người Việt thì sau khi lo tang lễ cho

Đào Mộng Nam xong thân nhân của Đào Mộng Nam sẽ cho ấn hành “Cao Chu Thần toàn tập” trong đó có bản dịch hơn ba ngàn bài thơ chữ Hán của Đào Mộng Nam. Trong Cao Chu Thần toàn tập ngoài phần dịch thơ Cao Bá Quát ra Đào Mộng Nam còn viết về thơ Cao Bá Quát con người Cao Bá Quát và cuộc cách mạng nông dân do Cao Bá Quát phát động tư tưởng Cao Bá Quát và những tập đại thành của Cao Bá Quát về văn hóa Việt Nam...

HN

Khóc Đào Mộng Nam

Trăm năm đã lỗi hẹn
Đời còn mấy trang sách
Chỉ có thơ đáng kể
Ôi những vần tịch mịch

Nỗi cô đơn đêm dài
Mênh mông trăng viễn xứ
Ly rượu khuya bầu bạn
Giấc mơ nào có em

Tàn canh nhìn trời sáng
Bâng khuâng trời lưu vong
Ôi ! mệnh đời “bèo giạt”
Ôi! Thân phận long đong

Thơ vẫn còn trôi nổi
Trước đao kiếm cuộc đời
Thơ vẫn còn lặn độn
Qua bao kiếp luân hồi

Khóc nhau hết nước mắt
Uống cạn chén rượu sông
Nhìn lại vầng trăng cũ
Nhớ bạn bè không cùng
Vương Tân."

Sau cùng về công lao ngành Nho học của học giả Đào Mộng Nam, người được mệnh danh là "*Nhà Nho cuối cùng của thế kỷ 20*", tôi xin trích bài viết của tác giả Bùi Duy Tâm qua bài viết "*Tưởng Nhớ Đào Mộng Nam*".

"Ngày 30 tháng 8, năm 2006, Nhã Ca gửi cho tôi một điện thư báo tin:

"Đào Mộng Nam đã qua đời ngày 26 tháng 8 năm 2006 tại thành phố Tustin, nam California, hưởng thọ 66 tuổi...Rất mong anh có một bài viết về anh Đào Mộng Nam. Đó là một an ủi lớn cho vong linh người bạn đã ra đi lặng lẽ nhưng để lại cho đời nhiều công trình..."

Mắt tôi mờ lệ, tưởng nhớ đến người bạn của thuở xa xưa... Hồi đó là cuối năm 1964, mới du học ở Mỹ về, tôi tìm đến nhà Đào Mộng Nam ở trong hẻm bên hông bệnh viện Bình Dân, đường Phan Thanh Giản Sài Gòn, để học chữ Nho. Dáng người nho nhã, trong bộ bà ba trắng, anh tiếp tôi rất kiểu cách, gọi tôi bằng VỊ: "Mời Vị ngồi chơi, mời Vị xơi nước..."

Tôi rất thích lối dạy chữ Nho của Đào Mộng Nam, từ dễ đến khó không làm nản lòng người học. Trong 3 cuốn Chữ Nho Tự Học gồm 1,882 chữ. Chữ nào cũng được giải tự rõ ràng có nghĩa lý. Bài đọc gồm cả 2 loại: văn ngôn và bạch thoại. Học viên phải tuân theo kỷ luật là phải thuộc bài trước mới được học bài sau. Tuy nhiên nếu quên thì tác giả đã đánh số bộ hay số chữ để học viên tìm lại bài cũ. Lối học chữ Nho của Đào Mộng Nam là luôn luôn dùng từ điển như từ điển Thiều Chửu. Có nhiều người chỉ trích cái vốn liếng chữ Nho của Đào Mộng Nam. Vâng, Đào Mộng Nam không phải là bậc thâm Nho đọc kinh sử thi phú lâu lâu. Đào Mộng Nam chỉ là người biết học chữ Nho một cách dễ dàng có phương pháp và biết cách chỉ cho người khác học chữ Nho và tự đọc chữ Nho bằng từ điển.

Bộ "Chữ Nho Tự Học" của Đào Mộng Nam được phong trào thanh niên văn hóa Gió Khơi quay roneo để phổ biến vào những năm 1965 - 1969. Đến năm 1970, bộ chữ Nho tự học gồm 3 cuốn đầu mới được xuất bản gọn gàng đẹp đẽ và đã thành công rực rỡ (15,000 cuốn được tái bản trong năm đầu). Một số đại học Mỹ, Pháp, Đức, ngay cả Trung Hoa đã điều đình phiên dịch làm sách giáo khoa. Tôi đưa Đào Mộng Nam vào dạy chữ Nho trong các sinh

hoạt ngày chủ nhật cho đoàn Gió Khơi và trong chương trình văn hóa của Gió Khơi trên đài truyền hình Sài Gòn, Đào Mộng Nam phụ trách phần dạy chữ Nho. Sau này tôi đưa anh ra dạy chữ Nho cho viện đại học Huế."

Ngành Nho học vào đại học Huế, tác giả Bùi Duy Tâm kể tiếp:

"Tôi còn nhớ một hôm (khoảng năm 72 - 73) anh lái xe hơi chở đầy sách đến nhà tôi trong viện Pasteur, khoe với tôi rằng anh mới mua xe hơi, bây giờ anh có nhiều tiền lắm nhờ xuất bản sách. Trong những sách mà anh xuất bản dưới danh hiệu Việt Nam Văn Hiến, có một cuốn sách rất có giá trị là Nho Văn Toàn Thư của Nguyễn Văn Ba. Ông Nguyễn Văn Ba là một bác sĩ Tây y cùng khóa với giáo sư Phạm Biểu Tâm, sau chuyên nghiên cứu về triết Đông và hành nghề Đông y châm cứu (tôi được biết ông Nguyễn Văn Ba là do ông Nguyễn Đức Quỳnh giới thiệu). Sự hiểu biết về triết học đông phương của ông Nguyễn Văn Ba rất uyên thâm, vượt mức lý trí, lên tới Duệ Trí. Tôi thường đưa anh Nam đến học hỏi ông Ba. Anh Nam nhận ra ngay được Kỳ Nhân và hàng ngày ngồi với ông Ba để giúp ông viết xong phần Duệ Trí cho cuốn Nho Văn. Hiểu được Lão Tử, Khổng Tử, Trang Tử, Mạnh Tử, Liệt Tử tới trình độ Duệ Trí, hiếm người được như Nguyễn Văn Ba. Ghi lại và in thành sách để mọi người chung hưởng là công của Đào Mộng Nam. Ba thấy trò hay ba anh em chúng tôi thường bàn với nhau về cái thế chân vạc giữa ngôn ngữ và văn tự của dân tộc Việt Nam. Thế chân vạc đó là tiếng Việt, chữ Nho và chữ ABC (thường gọi là chữ quốc ngữ.)"

Sự kết hợp kỳ diệu giữa bộ ba: Nguyễn Văn Ba, Đào Mộng Nam và Bùi Duy Tâm, nhưng tâm hồn vốn đam mê ngữ học, mỹ ngữ học hay văn hóa học để cùng nhau phát huy phạm vi Việt ngữ sinh động với thực tại bằng tiếng Việt, kết nối với nguồn gốc ngôn ngữ quá khứ và so sánh giữa các nước đông phương (Trung Quốc, Đại Hàn và Nhật Bản) bằng chữ Nho cổ và phổ biến trong quần chúng đương đại bằng chữ viết theo mẫu tự La tinh ABC (alphabet systems). Tác giả Bùi Duy Tâm kể tiếp:

"Thời gian khoảng 72 -73, thủ tướng Trần Văn Hương có ý trao cho tôi phụ trách văn hóa, giáo dục và thanh niên, nên ba anh em chúng tôi ráp tâm ước vọng đem Nho Văn vào dạy các lớp bậc

trung học như một môn học cơ bản bắt buộc. Đào Mộng Nam viết: "Thực vậy nếu ném một cái nhìn bao quát toàn thế giới chúng ta sẽ không thấy một quốc gia nào lại có được cái thể chân vạc giữa ngôn ngữ và văn tự, vừa bác học vừa giản đơn tới mức tuyệt đối, thỏa mãn cho cả bình dân lẫn trí thức như ở Việt Nam. Với chữ ABC, dù một người Việt Nam ngu tối tới đâu chỉ cần vài tháng là đã có thể đọc thông viết thạo. Thứ chữ này để dành riêng cho giới bình dân và các trẻ thơ cấp tiểu học. Từ cấp trung học trở lên, ta bắt đầu dạy chữ Nho bằng phương pháp khoa học vì nếu siêng năng vài năm là học sinh có thể đọc được chữ Nho lầu lầu. Như vậy, sau 7 năm trung học, học sinh nào cũng đọc và hiểu được chữ Nho. Thiết tưởng bộ mặt văn hóa của ta chắc chắn sẽ đổi thay nhiều chứ không còn vong bản như hiện giờ. Chúng ta sẽ nối tiếp lại với truyền thống bốn ngàn năm lịch sử của mình, cùng nền văn minh đông phương sâu thẳm, vốn được coi là gốc rễ của cả nhân loại"..."

Di sản Đào Mộng Nam để lại cho nhân thế nhiều tác phẩm quý báu điếm qua nhiều tác phẩm như dịch thơ:

- **Dịch và giới thiệu ngàn bài thơ Đường**
- **Dịch và giới thiệu kho tàng thơ Nho của các nhà cách mạng kháng Pháp (Thơ Huyết Lệ)**
- **Dịch và giới thiệu toàn tập thơ Cao Bá Quát từ nguyên bản chữ Nho.**

Những đóng góp khác tác giả Bùi Duy Tâm viết tiếp về Đào Mộng Nam:

"Thơ Cao Chu Thần là tác phẩm thi ca vĩ đại trong lịch sử văn chương nhân loại vì đã được tác giả đem sinh mạng mình cùng ba họ ra bảo chứng.

Về tác phẩm, mặc dầu phần lớn bị nhà Nguyễn thiêu hủy, nhưng phần nhỏ còn lại vẫn trên ngàn bài, nên số lượng cũng sánh ngang Lý Bạch. Nếu thơ họ Lý nồng đượm hơi men cùng rực rỡ sắc hoa thì thơ Cao Bá Quát lại mặn mà nước mắt và tươi thắm máu đào."

- **Dịch và giới thiệu trường ca Rama.**

- **Dịch và giới thiệu "Khúc Hát Dâng Tình,"** (thánh thi của vua Salomon có ghi trong cựu ước) từ tiếng Anh và tiếng Pháp "The Song of Love". Đào Mộng Nam viết: "Khúc Hát Dâng Tình" (The Song of Love) khi chuyển qua lời Việt để cho tương xứng với nguyên

vốn là một khúc ca, chúng tôi đã sử dụng thể song thất lục bát truyền thống, vừa dễ nhớ lại vừa dễ hát dễ ngâm. Ngôn ngữ VN với 5 dấu sắc, huyền, ngã, hỏi, nặng, đúng là thứ ngôn ngữ âm nhạc tinh ròn nên khi ta làm thơ theo thể điệu diễn ca, diễn ngâm truyền thống thì kể như ta đã soạn luôn cả nhạc rồi. Thơ của ta gọi là thi ca nghĩa là thơ để "hát", chưa kể còn là "thơ" để "hò"; khi hát thì nhẹ nhàng như gió thoảng mây bay lúc chuyển qua điệu hò thì lập tức trời rung đất chuyển.

Về hội họa, Chagall, bậc thầy của thế kỷ, đại sư của họa phái ấn tượng, nhờ nhiều năm, ăn nằm với khúc hát này, nên đã sáng tác được những họa phẩm lừng danh mà chúng tôi đã trích một số làm phụ bản, in nền các trang trong sách."

Đây là một cuốn sách ấn loát tuyệt đẹp với phụ bản là các bức tranh của Chagall. Tôi được hân hạnh viết lời giới thiệu:

"Nếu ta đóng chặt cửa lòng để sống với cái bé nhỏ của mình thì chẳng khác chi chiếc lá khô sẽ mau rụng khỏi cành. Nếu ta mở tung cánh cửa tâm hồn để đi vào cõi lớn, niết bàn hay thiên đàng, thì Phật hay Chúa sẽ ngự trị tại lòng ta, TRỜI ĐẤT và TA là một và cùng nhau BIẾN HÓA vô cùng tận.

"Thánh kinh đã nhiều lần so sánh mối quan hệ thiêng liêng giữa thượng đế và con người như tình yêu thắm thiết giữa đôi lứa. Chúa Cứu Thế khuyên các môn đồ: "Các người hãy tỉnh thức chờ ta đến như nàng dâu chờ chàng rể."

Thi sĩ Đào Mộng Nam đã cảm hứng dịch thánh thi ra thơ trữ tình Việt Nam:

*Hồn mơ mòng tim rung cánh mộng
Tiếng người yêu vang vọng ngoài phòng
Mở cửa mau hỡi bạn lòng
Hỡi bồ câu trắng anh mong gặp mình.*

.....

*Em rót dâng tình anh nồng thắm
Chảy tràn tim hồn đắm cơn say
Son tình thắm mộng lứa đôi
Cho dầu đá nát vàng phai chẳng mờ...."*
(ngày 1 tháng 9, năm 2006. Bùi Duy Tâm).

Trong bài viết "*Đào Mộng Nam, Giác mộng văn hoá không thành...*" là một thông báo tin buồn của các bạn bè văn chương của Đào Mộng Nam gồm thân hữu *Bùi Ngọc Tuấn-Cao Bá Minh-Phạm Quốc Bảo, Phan Nhật Nam và Trần Lam Giang*, cho hay hung tin:

"Cuối Tháng Tám vừa qua, cộng đồng Người Việt hải ngoại nói chung, giới văn hóa nói riêng chịu lần mất mát: *Nhà Báo Đỗ Ngọc Yến, người sáng lập Nhật Báo Người Việt (Nam Cali)*, một trong những tờ báo lớn của người Việt hải ngoại, cũng là nhật báo có lượng thời gian hoạt động lâu dài nhất của báo chí Việt Nam kể từ ngày chữ quốc ngữ còn phôi thai đầu Thế Kỷ 20. Lần ra đi của Đỗ Ngọc Yến nay vẫn còn lưu dấu, nhắc nhở hằng ngày trên trang báo Người Việt. Nhưng có một cái chết khác cùng lúc (Tháng 8) với một người đồng thời của Đỗ Ngọc Yến (cũng chung học giới, sinh hoạt văn hóa Sài Gòn ở những thập niên 60-70) lại chịu một số phần, hoàn cảnh bi thảm xa xót trái ngược hẳn: *Lần ra đi trong im lặng, đơn độc của Đào Mộng Nam - Giảng Sư Hán Nôm của Sài Gòn bốn-mươi năm trước.*

Năm 1964, khi chưa đến tuổi 30, Đào Mộng Nam (sinh 1940) đã khởi thảo biên soạn *CHỮ NHO TỰ HỌC*, bộ sách hữu ích, đầy tính sáng tạo trong quá trình tự học Chữ Nho - Mà ông và những nhà giáo dục, chuyên ngành Dân Tộc Học (Việt Học) trong Tủ Sách Việt Nam Văn Hiến như Cố Linh Mục Kim Định gọi đấy là một Linh Tự - Thứ Chữ chứa đựng năng lực, tinh thần Việt Tộc, đã giúp người Việt tồn tại qua hằng thế kỷ tương tranh, va chạm với những nền văn hóa, văn minh khác (Trung Hoa, Ấn Độ, Tây Phương..). Không phải chỉ là lý thuyết, Đào Mộng Nam diễn đạt phương pháp Tự Học Chữ Nho qua trình bày một cách có hệ thống về cấu trúc Chữ Nho (diễn tiến sự hình thành, biến đổi, canh tân của mỗi từ; ý nghĩa của mỗi từ đó trong từng văn pháp, qua các thể văn ngôn, bạch thoại..). Năm cuốn "*Tự Học Chữ Nho I, II, III, IV, V*" hẳn là một công trình hoàn chỉnh nhất về phương pháp tự học Chữ Nho kể đến năm 1975, hoặc cho đến bây giờ nơi hải ngoại, bao gồm ở trong nước.

Không chỉ biên soạn về Linh Tự Dân Tộc không thôi, Đào Mộng Nam còn quảng diễn tác động, chức năng quan yếu của Chữ Nho trong quá trình giảng dạy tại các cơ sở giáo dục: Viện Đại Học Vạn Hạnh, Viện Đại Học Huế, Phật Học Viện Quảng Đức, Phật Học

Đường Huệ Nghiêm, và Hội Khổng Học Việt Nam. Đào Mộng Nam và những người hàng quan tâm đến tiền đồ Việt Học không chỉ giảng dạy Chữ Nho trong giới hạn của một môn học thuộc giáo trình của những khóa học bậc đại học, nhưng còn ôm ấp ước vọng xây dựng lại Chữ Nho ở cấp trung học để những thế hệ người Việt mai hậu lớn lên, hành xử, vận động được sức mạnh Tổng Hợp của Ngôn Ngữ Dân Tộc trên ba cột trụ Nho - Nôm- Quốc Ngữ (ABC). Các tác phẩm NHO-NÔM-ABC TỰ ĐIỂN, và Chữ Nho Linh Tự của Văn Minh (hợp soạn cùng Nguyễn Tiến Văn) đồng nằm trong chủ đích làm sống lại một cách có hệ thống nguồn lực bất diệt của ngôn ngữ tiền nhân. Tiếc thay, ước vọng của Đào Quân cũng như Cổ Linh Mục Kim Định nhằm xây dựng một nền Việt Lý từ, với Chữ Nho buổi cuối đời vẫn chỉ là một giấc mộng.. Như Giấc Mộng Lớn của Dân Tộc Việt bị phá vỡ trong cuộc chiến hủy diệt dậy nên từ ngày 19 tháng 12 năm 1946 - Sáu-mươi năm trước mà nay dấu vết tàn hại vẫn còn nguyên tác động với chế độ gọi là “cộng hòa xã hội chủ nghĩa” ở quê nhà.

Đào Mộng Nam mất chính xác vào lúc nào không ai hay... Ông sống đơn độc, biệt lập nơi một chung cư cuối Đường McFadden, Thành Phố Tustin, California. Cảnh sát chỉ được thông báo khi hàng xóm nhận ra mùi tử thi của thân xác đang bị hủy hoại.

Tang lễ sẽ diễn ra mau chóng chỉ trong vài tiếng đồng hồ từ 9-12 Giờ sáng ngày Thứ Bảy, 2 Tháng 9, 2006 tại Peek Family Funeral Home (Phòng Số 3) góc Đường Bolsa/Beach, Thành Phố Westminster, CA 92683.

*Chúng tôi, nhóm Bằng Hữu của Người Quá Cố trang trọng kính mời Quý Huynh Đệ, Bằng Hữu, Văn Hữu, Học Viên.. Những người đã một lần, hằng lưu giữ ý hướng thực hiện tái lập nền Quốc Học với Linh Tự Chữ Nho đến lần cuối cùng Người luôn ôm mộng xây dựng Sức Mạnh Việt Lý trên cơ sở Hán-Nôm-Quốc Ngữ ABC, **Giảng Sư Hán-Nôm Đào Mộng Nam.***

oOo

Học giả Đào Mộng Nam ra đi âm thầm không ai hay biết, ông để lại một kho tàng văn chương hiếm quý. Phải chăng sự cảm nhận về nét thi ca Thông Điệp Mây Đen, một tựa đề từ bi khúc thi ca của nhà thơ Hà Nguyên Du, một nét chứa chan tương đồng

"Szomorú vasárnap", hay "Sombre dimanche" hoặc "Gloomy Sunday", sự thể trong thi ca tiếng nước ta, chất thơ của hồn xúc cảm về Thông Điệp Mây Đen mà Đào Mộng Nam cảm nhận đặc điểm gần gũi với ông nổi sâu với áng thơ Cloudy Message, Message Nuageux, như nhà văn Lauren Oliver, đã viết trong tác phẩm "Before I Fall" như sau: "Tôi đoán rằng những gì mình nói lời chia tay nhau luôn giống như việc nhảy ra khỏi bờ vực thẳm. Trường hợp kẹt nhất là đưa ra lựa chọn để làm điều đó. Như khi bạn ở trên không, bạn sẽ không thể làm gì khác ngoài việc hãy buông thả tay ra." ("I guess that's what saying good-bye is always like—like jumping off an edge. The worst part is making the choice to do it. Once you're in the air, there's nothing you can do but let go.")

Xin vĩnh biệt Thi sĩ Giáo sư, Học giả Đào Mộng Nam yêu quý!!! (Đã bao năm rồi, giờ này tiên sinh đã siêu thoát nơi cõi vĩnh hằng!!!)

(trích thơ Hà Nguyên Du).

thông điệp mây đen

1.

thông điệp mây đen
lời xám ngắt
ngón tay chớp bể
bàn chân mưa nguồn
mặt nạ khua reng
cầu chứng mà mắt
thức tỉnh hết khái niệm
hẳn là dòng sông
luôn đầy ngư phủ...

2.

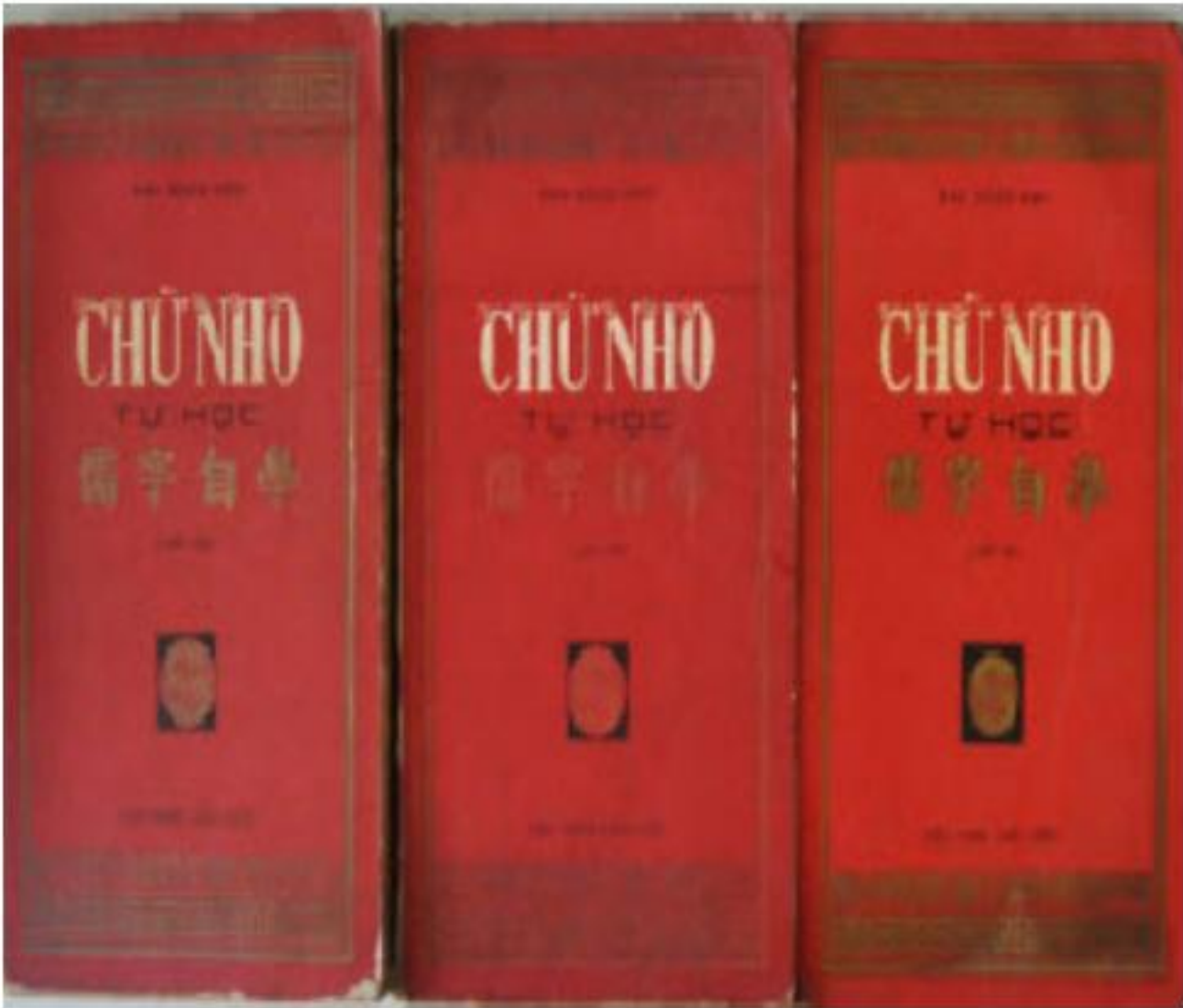
những khắc biểu tím
đầy nốt nhiều

có lẫn máu tim
cả mồ hôi biển
ta vẫn cô đơn
như lạc vào sahara

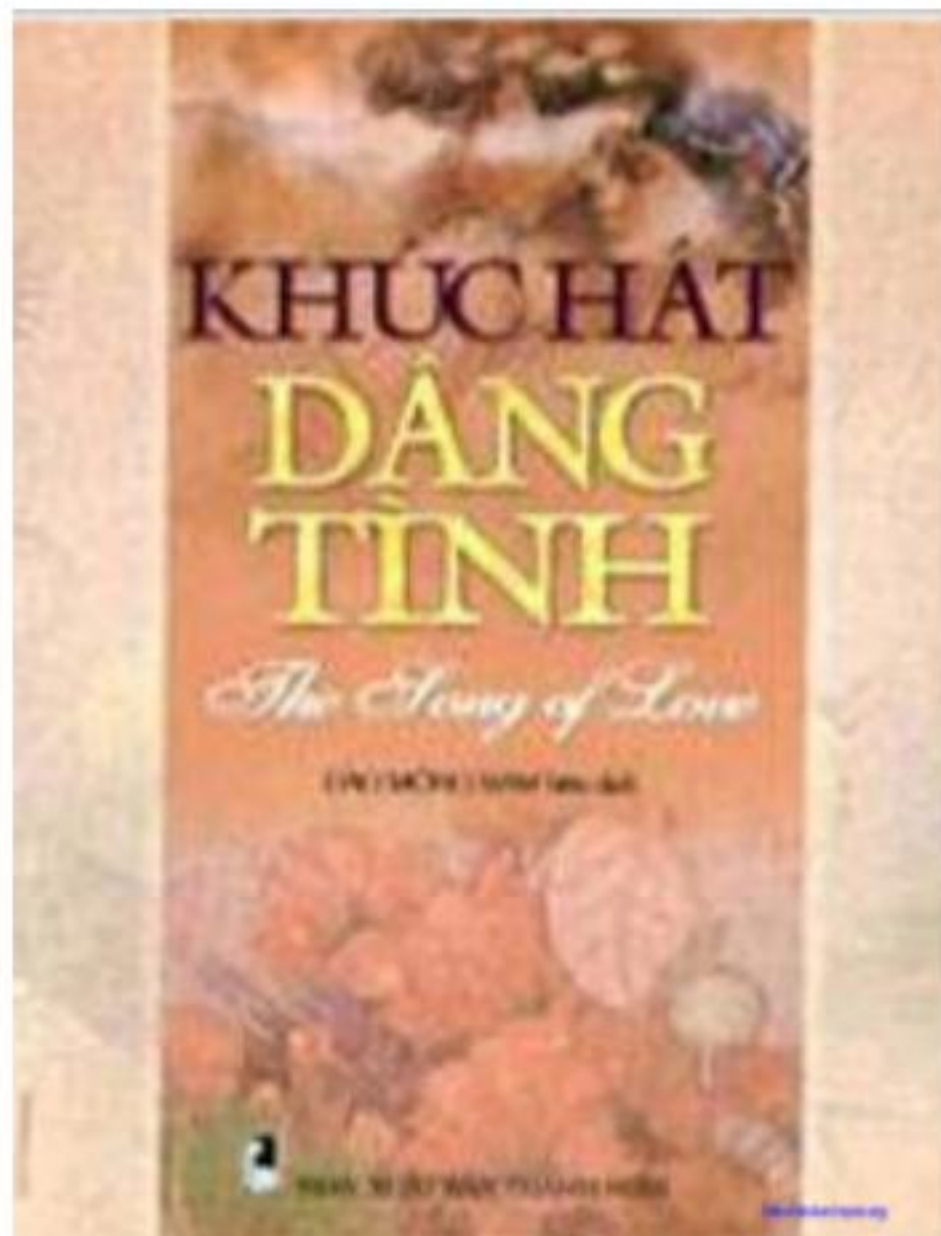
3.

thông điệp mây đen
lời rớt hạt
bay tóc oan khiên
tỏa hương ngã ngiệt
với đuổi bắt cuồng điên
với sẵn lòng tha thiết
em bên những thứ ấy
tách dần ta nhân, duyên

TRẦN VIỆT HẢI



<https://vanhocmoi.com/images/file/2iEC3vbx1ggQALlX/khuchatdangtinh-daomongnam.pdf>



Khúc Hát Dâng Tình - Đào Mộng Nam



Cao Chu Thần



TRẦN VIỆT HẢI

ĐÔI DÒNG VỀ ... NHÀ THƠ, NHÀ VĂN HUY TRÂM...

Nhà thơ Hà Nguyên Du, người điều hành tạp chí Văn Học Mới vừa, email đến tôi đoạn thơ về Nhà thơ Huy Trâm như sau:

NHỚ NHÀ THƠ HUY TRÂM

Tên anh Nguyễn Hồng Nhuận Tâm
Thơ bình dị...
tính Huy Trâm thật hiền...
Lao tù đầy ải oan khiên!!
Vẫn Anh sen ngát,
không liên lụy bùn!!
Tin anh đột ngột lâm chung!!
Thân bằng quyến thuộc,
vô cùng tiếc thương!!
Đời anh gấn bó văn chương...
Hương anh phản phất,
còn vương lòng người!!

Ý thơ nhớ về người anh văn nghệ sĩ của mình. Tôi nói với Hà Nguyên Du tôi đã tham dự các buổi ra mắt sách của nhà thơ này, và đây là sử ghi nhân về anh, Huy Trâm. Huy Trâm có kiến thức trên ít nhất 3 phạm vi: *văn, thơ và nhạc*. Về âm nhạc, xin dẫn dụ ngắn như sau...

Trong tập “Thế Nào Là Nhạc Hay” của nhà văn Huy Trâm với những phân tích, nhận định đầy tâm huyết và sắc bén qua cái nhìn của một người từng phụ trách chương trình Nhạc Chủ Đề trên đài truyền hình Sài Gòn trước năm 1975 rất cần thiết trong đời sống chúng ta. Huy Trâm nhận xét về tác phẩm Em Tôi của Lê Trạch Lựu

Bài viết của Huy Trâm nói về một chuyện tình đẹp về kỷ niệm và thơ mộng như: "Lê Trạch Lựu và Tình Khúc Em tôi", đây là một mối tình mang theo mãi một đời người. Nhạc phẩm Em Tôi ra đời đầu năm 1953 đến nay vẫn tiếp tục đem đến cho người nghe những xúc cảm như gần, như xa của một thời tưởng như đã thuộc về dĩ vãng nhưng vẫn tiếp tục làm rung động trái tim những thính giả trẻ tuổi ở thế hệ bây giờ. Đằng sau ca khúc lãng mạn này là một cuộc tình mang theo từ thuở vừa biết yêu cho đến tuổi xế chiều khi nhạc sĩ sáng tác liên lạc lại người xưa qua đường dây điện thoại viễn liên. Nay chuyện ấy đã chìm vào danh sách những thiên tình sử đẹp trong lãng mạn và lưu luyến kèm theo bản tình ca Em Tôi bất hủ theo ý riêng của người viết bài.

Huy Trâm với kiến thức âm nhạc cũng đã viết về "Em tôi" và Lê Trạch Lựu như những dòng sau đây.

"Bạn đọc chắc cũng đồng ý là mỗi câu chuyện tình là một nỗi niềm, do đó mỗi bài nhạc tình mang một sắc thái riêng. Nhưng lạ thay, 90% các bài ca viết về yêu đương thường nhuộm nét buồn, tả cảnh lỡ làng, chia ly hay sầu buồn vì tan vỡ. Vì mang nội dung như vậy, nên nhạc điệu thường thường lâm ly, ảo não đi kèm với lời ca ai

oán, sầu lụy.

Tác giả của “Em Tôi” đã làm mới nội dung, bằng cách diễn tả lời thì thầm nhắn gửi đến một đối tượng còn thơ ngây, trinh trắng. Nghe bài nhạc, chúng ta được ru vào một khung cảnh của tâm tình đầm ấm, dễ thương, không vương chút bi lụy.

Bởi đây là tâm trạng của một người cảm thấy yêu nhẹ nhàng mà không muốn nói ra. Thoạt đầu là những câu rất ngắn và cân đối nhưng giai điệu khá quyến rũ. Ta ngỡ như đâu đây hiện ra hình ảnh của một cô hàng xóm hay cô em của một người bạn, gia dĩ một người tình thơ ngây bé bỏng.”

Đi vào thân bài, nhạc điệu tuy có hơi khác với những câu dài hơn nhưng vẫn là lời thủ thủ nhẹ nhàng dịu dịu - Nét nhạc mô tả được tâm trạng này, nhờ ở sự sử dụng khéo léo những liên ba từng cặp đặt cạnh nhau. Cũng là nhạc tình mà ý nhạc nghe thiết tha, trầm ấm khiến ta có cảm giác tình yêu của tác giả, vừa êm đềm thơ mộng, vừa đầy hẹn ước. Đoạn điệp khúc, tôi nghĩ là đoạn hay nhất. Nét nhạc được ngắt, hai nốt một, đi từ thấp lên cao dần, rất độc đáo, để rồi lơ lửng như lời hẹn ước bàng khuâng.

Điểm đặc sắc của “Em Tôi” nằm trong sự giản dị đầy nghệ thuật. Lời ca cũng vậy, Lê Trạch Lựu viết những điều rất thật của lòng mình. Vì thế, nó gần gũi và làm chúng ta dễ dàng rung cảm.

“Bao giờ tôi về gần em? Cùng đếm, này trăng - này sao - chia nhé em! Trăng sao muôn ý thơ - mây bay khắp trời”.

Tất cả ý tình đều rất hồn nhiên, thơ mộng. Ngay cả đến nỗi buồn vì xa nhau, không được ở gần để cùng ngắm vòm tinh tú, cũng đã được tác giả viết rất nhẹ, rất kín đáo: “Ngày về xa quá người ơi”.

Mặc dù không gian cách trở, những ước mơ, những nhung nhớ vẫn làm vương vấn lòng người bởi mối tình quá đẹp - yêu mà không hẳn là yêu. Lời tình tự ở đây cũng nhẹ nhàng, duyên dáng, không đẩy mạnh đến chỗ bi lụy sầu thương - cho nên hầu hết các bạn trẻ mới lớn lên đều thích “Em Tôi” của Lê Trạch Lựu - nó làm dịu ấm tâm hồn những người chưa từng nếm mùi đắng chát, chua cay của tình yêu.”

Huy Trâm kết thúc bài viết như sau:

“Về nhạc pháp, Lê Trạch Lưu viết đúng quy cách nhưng nét nhạc của ông trẻ trung, truyền cảm, nhất là trong cấu trúc giai điệu.”
(tham khảo “*Thế nào là Nhạc Hay - Thời Điểm xb - Orange, California 1999*”)

Nói về tình bạn cũng như kỷ niệm và tính tình của nhà thơ Huy Trâm, nhà văn Huy Phương cho biết về nhà thơ này như sau:

“Huy Trâm lại bị đi tù lần nữa, gần 3 năm vì có liên quan đến chuyện “thơ văn chính trị” vì nghe đâu, có người tố giác là Huy Trâm tàng trữ “sách báo phản động” gì đó!

Tiếp theo là thời kỳ H.O. đợi đi. Gia đình Huy Trâm đi H.O. 8 đến Quận Cam năm 1991.

Tôi thương cho bạn đã không thích nghi được với cuộc sống ở Mỹ, từ một nhân viên cao cấp trong ngành tư pháp, đổi đời thành một lao động làm việc chân tay, lúc nào Huy Trâm cũng mang mặc cảm thua sút người khác. Đến Mỹ trước hoàn cảnh mới, việc làm khó khăn, văn hoá đổi thay, Huy Trâm đâm ra bất mãn với cuộc sống, nhất là sau khi thất nghiệp, không còn lái xe được. Mấy câu thơ sau đây đã nói lên những mặc cảm đó:

*Tôi ngẫm thân tôi, mình sao rị mọ!
Không giống ai ở xứ sở văn minh
Một trái tim khô – vắng bóng nhân tình
Còn thấp thỏm lo bao ngày mất việc
Hết cọ cầu tiêu, lại ra sà n quét
Tôi với em – hai cảnh sống lưu vong...*

Buồn, cô đơn nhất là sau khi vợ qua đời, sống một mình trong nhà già đơn chiếc, Huy Trâm đâm ra nghiện hút thuốc lá nặng, nên bị ung thư phổi. Bị hàng xóm than phiền, Huy Trâm đổi chỗ ở khác, không vừa ý lại buồn thêm.

Cho đến lúc ra đi, Huy Trâm vẫn mang tâm trạng buồn nản.

Cách đây vài năm, có lúc Huy Trâm có ý định về Việt Nam sinh sống bằng cách mở lớp dạy đàn piano và dạy nhạc, và tôi là một trong những người bạn khuyên Huy Trâm bỏ ý định này vì lý do

chính trị và vì chuyện bảo hiểm y tế.

Huy Trâm Nguyễn Hồng Nhuận Tam sinh ra trong một gia đình danh gia, vọng tộc. Ông Nội là Cụ Phó Bảng Nông Sơn Nguyễn Can Mộng, nguyên giáo sư Đại Học Văn Khoa, Hà Nội, trước di cư 1954. Thân Phụ là Chánh Án Nguyễn Mạnh Nhụ. Nhạc phụ của Huy Trâm là Cụ Đông Xuyên Nguyễn Gia Trự, một nhà thơ, dịch giả Việt Nam thời tiền chiến.

Huy Trâm là tác giả 28 tác phẩm thơ văn, biên khảo in trong và ngoài nước. Bạn tôi vốn tính hiền lành, không ghét ai, ngoài ghét chuyện đổi đời, cũng ít quan tâm đến chính trị. Do vậy, khi Huy Trâm sang đến Mỹ, in tập thơ đầu tiên và tôi được hân hạnh làm diễn giả cho buổi giới thiệu tác phẩm này tại phòng hội NB Người Việt. Chạnh lòng vì thân phụ Huy Trâm mất trong trại “cải tạo” trên đất Bắc, anh thì tù tội 7 năm, mà tập thơ anh quá hiền lành, tình ái, không có chút buồn bã hay giận hờn. Trong lời phát biểu, tôi không nhắc đến nỗi đau này, nhưng nói thẳng là “thơ Huy Trâm không có lửa.”

Có lẽ Huy Trâm vô tình không nhớ, tôi cũng đã quên, nhưng sau này hôm đáng tang Huy Trâm, bà cụ thi sĩ Hồng Anh có nhắc lại chuyện này như là một kỷ niệm giữa chúng tôi." (theo Người Việt Online. Nhớ Huy Trâm, Bạn Tôi, Nhân 49 Ngày Bạn Ra Đi, Huy Phương).

Tham khảo bài viết của tác giả Quốc Hương trên nhật báo Viễn Đông, bài tựa "Huy Trâm “Mưa Gió Bên Sông” như sau:

*Hai đêm mưa gió náo nê
Mình tôi đối bóng-tư bề vắng không
Phố dài-mười ngọn đèn chong
Thức cùng tôi-lạnh niềm trong nỗi ngoài
Thương thân bỗng xót xa người!
Bao năm sóng gió nổi trôi-phong trần
Đêm nay cũng lại một thân
Nghe mưa vỗ giấc-vời phần khổ đau
Buồn mưa làm nhớ thương nhau
(Đêm Mưa Nhớ Người - Huy Trâm)*

“... Suy rộng ra, ông thấy hiển hiện một chân lý: có lâm vào cảnh khổ mới thấu hiểu nỗi khổ của người trong cuộc, cũng như có ra

mưa mới biết thương người gặp lạnh, đã trở thành câu tục ngữ ngàn đời. Nhớ lại bữa cơm với canh riêu cá ở bên sông Luộc, ông rưng rưng buồn. Bây giờ chắc bác Tư đã qua đời, nhưng còn chị Tý, ít ra cũng đã ngót tám mươi, nếu Trời cho còn sống. Ông mong sớm có một ngày được về thăm chị với ngôi nhà bên dòng sông quê hương và chị đã không phải theo ngọn gió đời trôi giạt mãi đâu” (Mưa Gió Bên Sông - Huy Trâm)

Mưa Gió Bên Sông, tập truyện ngắn và thơ của tác giả Huy Trâm do Hương Văn xuất bản năm 2012, đã được giới thiệu ra mắt sách tại Hội Trường Văn Lang ở Westminster ngày 12-2-2012, cũng là tác phẩm thứ 27 của cùng một tác giả. Cùng với truyện ngắn Mưa Gió Bên Sông, phần một là các truyện ngắn Năm Tàn Nơi Quê Người, Đời Làm Thơ, Kể Như Xong, Miễn Cường, Sai Với Nhịp Đời, Những Điều Không Phải, Thiếu Tình Nghĩa, Đắm Ấm, Trẻ Dạy Già, Đi Thêm Bước Nữa. Phần hai là thơ với các bài thơ Đêm Mưa Nhớ Người, Xuân Đồng Nội, Chị Và Em, Hồng Ân, Xa Hoa, Cơm Dư, Ngóng Trông, Tình Cha, Ngại Màn Đêm, Lỡ Buổi Đẹp Trời, Hưởng Quá Phần Mình, Đơn Côi, Hai Nơi, Tiếc Nắng Vàng Mơ, Thăm Nhau, So Sánh, Em Đừng Xót Thương, Hiền Lương, Còn Tìm Đâu Nữa, Sầu Đời, Chờ Đêm Giáng Thế, Chiều Nhớ, Lạc Lỡ Bên Trời, Nắng Trưa Hè, Hạnh Ngộ, Thê Lương, Ánh Sao Đêm, Lấy Chi Đùm Bọc Nhau, Tấm Lòng, Được Như Em Rất Khó, San Diego Ngày Về, Chiều Đông, Vang Vọng Âm Thanh, Nhớ Mong, Hỏi Thăm, Tình Người Lên Ngôi, Thương Nhiều Nhớ Nhiều, Vô Đề. "

Huy Trâm cũng đã xuất bản khá nhiều tác phẩm trước và sau năm 1975. Theo tiếp bài Quốc Hương liệt kê như sau:

“Chiều Quê Hương (truyện ngắn, nxb Thế Giới, 1963), Lòng Chưa Dâu Biển (thơ, nxb Văn Học, 1967), Những Hàng Châu Ngọc Trong Thi Ca Hiện Đại (biên khảo, nxb Sáng, 1969), Như Những Bè Mây (thơ, nxb Huyền Trân, 1971), Trời Yên Bể Lặng (truyện ngắn, nxb Văn Học, 1973), Sương Khói Chiều Hôm (thơ, nxb Văn Học, 1973), Đò Ngang Trong Thành Phố (truyện ngắn, nxb Văn Học, 1973), Sầu Cỏ Úa (thơ, nxb Minh Đức, 1974), Dòng Lệ Thơ Ngây (thơ, xuất bản tại Orange County, California, 1992), Đồng Xanh (thơ, xuất bản tại Orange County, California, 1993), Ngõ Hẹp Quanh Co (tập truyện, nxb Thời Điểm, Orange, California, 1994), Việt Nam

Và Tâm Thức Dân Tộc (viết chung với Nguyễn Hữu Tấn, tiểu luận, xuất bản tại Orange County, California, 1995), Đi Vào Lòng Cuộc Đời (thơ, nxb Thời Điểm, Orange, California, 1997), Thế Nào Là Nhạc Hay (tập nhận định về tân nhạc Việt Nam, Thời Điểm xuất bản, 1999), Tự Tại Tâm (viết chung với Nguyễn Hữu Tấn, điểm luận về tâm linh, xuất bản tại Orange County, California, 2000), Sầu Xứ Tiếp Sầu Mây (thơ, xuất bản tại Orange, California, 2000), Thương Nhiều Nhớ Nhiều (tập truyện, nxb Hương Văn, California, 2002), Mây Giạt Trời Đêm (thơ, nxb Hương Văn, California, 2003), Những Nhà Thơ Lớn Của Đất Nước (biên khảo, nxb Hương Văn, California, 2005), Con Đường Vô Định (truyện dài thời đại, nxb Hương Văn, California, 2006), Rì Rào Sóng Vỗ (truyện ngắn, nxb Hương Văn, 2007), Cõi Bình Yên (thơ, nxb Hương Văn, 2007), Thơ Viết Chưa Xong Giữa Cuộc Đời (viết chung Nguyễn Thị Mắt Nâu, thơ, nxb Hương Văn, 2008), Mây Đưa Lòng Giạt Mãi Đâu (truyện dài, nxb Hương Văn, 2009), Bụi Phấn Hoàng Hôn (thơ, nxb Hương Văn, California, 2010), Rau Đắng Trên Quê Người (truyện ngắn và thơ, nxb Hương Văn, California, 2010)."

Trên tờ Người Việt cho tin buổi ra mắt 2 tác phẩm vào ngày Chủ Nhật 30 tháng 5, năm 2010. Dịp trình làng 2 cuốn sách của nhà thơ Huy Trâm và nhà văn Nguyễn Thị Mắt Nâu tại phòng hội nhật báo Người Việt. Đó là "Bụi Phấn Hoàng Hôn" tập thơ Huy Trâm và "Loài Người Cô Đơn" tuyển tập truyện ngắn của Nguyễn Thị Mắt Nâu. Cả hai tác giả này đều rất quen thuộc với độc giả trong cộng đồng người Việt từ trước năm 1975.

Bài báo ghi nhận: "Nhắc đến Huy Trâm, phần lớn độc giả đều như đã quên chức vị thẩm phán công tố mà ông từng phụ trách nhiều năm trong Bộ Tư Pháp của Đệ II Cộng Hòa. Người ta thường chỉ nhớ đến những vần thơ lục bát chân chất tính dân gian của nhà thơ. Đọc thơ Huy Trâm lại nhớ đến Nguyễn Bính, nhưng thơ Nguyễn Bính chan hòa hồn quê trong khi thơ Huy Trâm còn ẩn tàng biết bao niềm thương xót ngậm ngùi cho mình cho người. Thơ Huy Trâm là những dòng tình cảm tuôn chảy nhưng lại vương vất quá nhiều những suy tư, khắc khoải về một thân phận, nhất là thời gian sau năm 1975, khi ông ra tù và lưu vong đến đất nước Hoa Kỳ. Huy Trâm không chỉ làm

thơ mà tác phẩm của ông thuộc nhiều thể loại và từng đoạt giải Văn Chương Toàn Quốc năm 1969. Ông cũng còn là một nghệ sĩ trong âm nhạc, từng sáng lập và là nhạc trưởng trong chương trình Nhạc Chủ Đề của đài truyền hình Việt Nam vào những năm từ 1971 đến 1973."

Trong cuộc sống đa đoan, lăm lo toan, sầu vơi, tâm tư nhà thơ Huy Trâm thổ lộ trong bài "Bụi Phấn Hoàng Hôn", với thi tập mang cùng tên, nhà thơ Mất Nâu cho biết là "những nỗi buồn, ưu tư của Huy Trâm trước thời cuộc và con người. Tác giả hay mượn một hình bóng để gửi gắm tâm sự của mình". Hãy xem thơ như sau:

*Đời sắp hết mà sao sầu chưa hết
Bao lo toan-không một chuyện ra hồn
Ngước mắt trông lên-bụi phấn hoàng hôn
Trong mờ nhạt-chứa lẽ gì sâu thẳm*

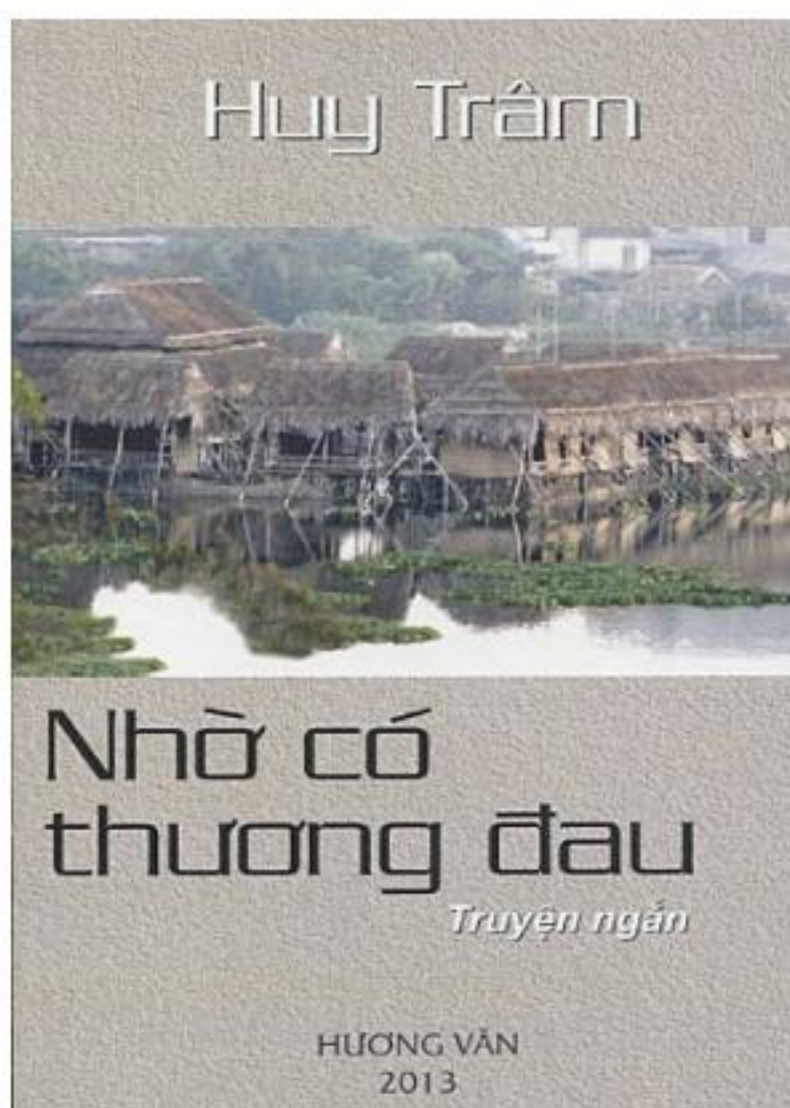
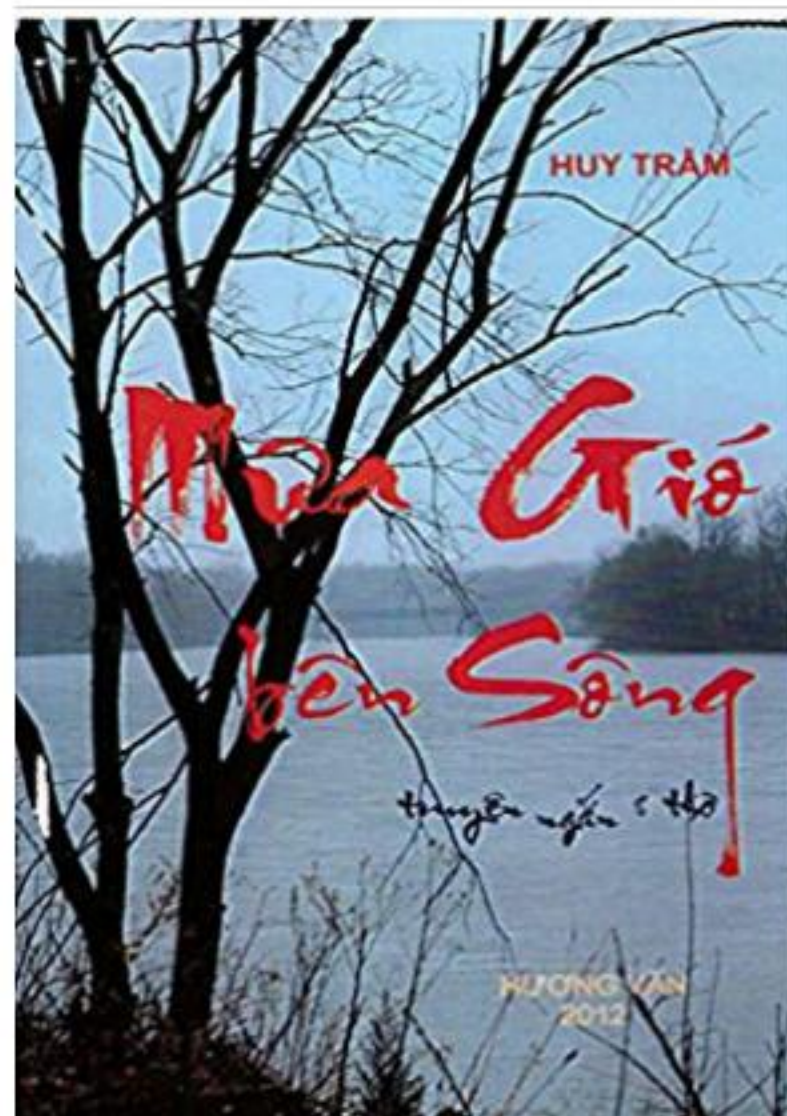
Ý thơ rằng cả một đời sầu bi, về chiều nỗi khổ vẫn đeo dai dẳng. Sâu trong tâm thức Huy Trâm chất chứa những ưu tư, phiền muộn sâu thẳm.

Như nhà truyền thông Hoa Kỳ Ernie Harwell (1918 – 2010) khi chia tay khán thính giả của đài Fox media sau buổi phát sóng cuối cùng ông nói:

"Đã đến lúc nói lời tạm biệt, nhưng tôi nghĩ lời tạm biệt là buồn bã và tôi muốn nói lời chào. Chào một cuộc phiêu lưu mới!"
(*It's time to say goodbye, but I think goodbyes are sad and I'd much rather say hello. Hello to a new adventure!*);

*Trong sự diễn đạt tương đồng, về lời chào buồn cho một cuộc phiêu lưu mới trên cao kia đồng gửi đến anh **Huy Trâm**, anh chị em bạn bè còn lại chúng tôi mến chúc anh bình an nơi cõi vĩnh hằng. Đến thời gian đã gần 18 tháng qua anh ra đi rồi và nay **Huy Trâm** không còn nữa, bài viết này như một nén hương lòng xin nhớ về Nhà văn Nhà thơ với bản tính đôn hậu, điềm đạm và hòa nhã, mà Nhà thơ Hà Nguyên Du thương nhắc về anh, Huy Trâm. Vĩnh biệt buồn tênh!*

TRẦN VIỆT HẢI



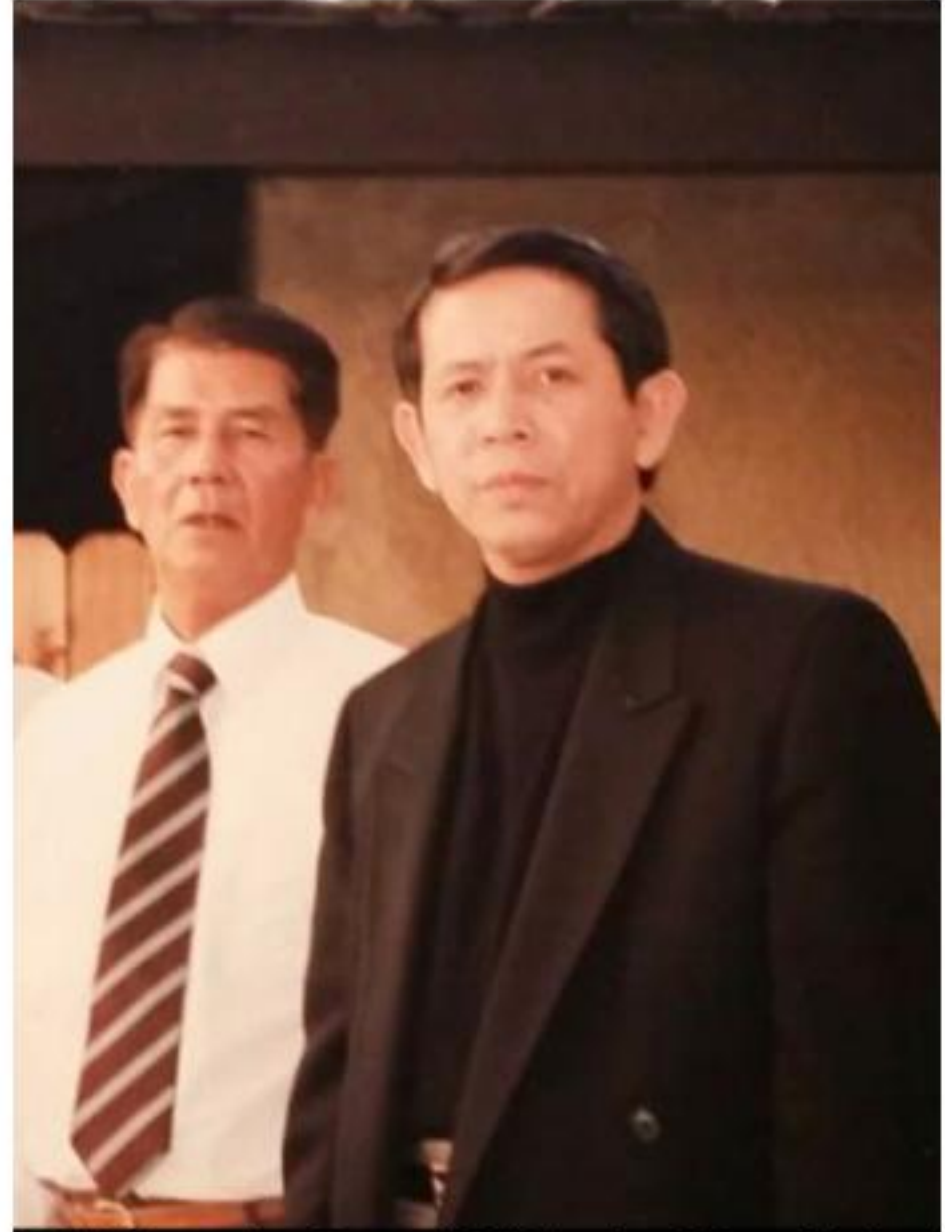
4 tập truyện trên đây của
Nhà văn Huy Trâm được
bày bán trên Amazon



Phỏng vấn Nhà văn Huy Trâm



Nhà văn Nhà thơ Huy Trâm



Hà Nguyên Du và Nhà thơ Huy Trâm



*Trong ba mươi năm sinh hoạt VHNT ở Hải Ngoại, có nhiều hình ảnh nhưng chúng tôi chỉ có được 1, 2 tấm ảnh tượng trưng:
Từ trái sang: HND, Nhà thơ Huy Trâm, Nhạc sĩ Ngô Tấn, Nhà thơ Dạ Nhiên*



NGUYỄN THỊ KHÁNH MINH

VỌNG ÂM XANH

1.

Bay theo gió mùa hè hương đồng lúa chín. Và tôi. Đã như thể cánh chuồn kim lá biếc. Tha sợi nắng li ti về trên sương cỏ tuổi thơ. Lấp lánh bảy sắc cầu vồng. Bắc nhịp.

Trải theo con đường đất nâu nhạc tim rơi trong từng khoảnh khắc. Tôi. Như thể thời gian đang giữ lại một mùa hạnh phúc. Ngày êm êm con nước chảy thức dậy cánh bèo tím. Chiếc cầu bắc ngang những buổi trưa hè. Tôi. Đã từng là giấc mộng anh kể.

Không gian lúc ấy đựng đầy hương ổi. Đàn chim hay đánh rơi xuống chỗ tôi ngồi những mảnh vỏ và hạt. Tôi nói. Ước mơ em ngọt và thơm như những trái ổi sề. Anh bảo. Anh muốn thành đàn chim về ăn quả...

Thời gian lúc ấy. Là màu xanh rộng của trời. Màu nâu ấm áp của con đường. Màu tím của cánh hoa nở trong giấc ngủ. Màu đỏ ối của chùm ổi trong bữa của bầy chim. Màu nước mía quện rêu bờ ao. Chúng ta bên nhau ánh nhìn vỗ cánh...

Ngày lúc ấy về đây sóng sánh hôm nay...

2.

Mùa đông đời thiếp ngủ. Thồn thức bleuet lỗ ố trên tấm thiếp thời gian. Bập bênh xanh vọng âm.

Mùa tình yêu vừa chớp nắng cho em sống rất thật giấc mơ đời. Lời hò hẹn cột chiếc nơ xanh. Xanh nhuộm mơ màng ngày thiếu nữ. Thánh thót nhan sắc hai mươi. Gió ngọt thời chân bước như bay...

Cánh thiếp mùa hè. Nhạc hoa bleuet dẫn nhịp. Bóng chiều ngập ngừng nơi câu thơ Chiều nay lạnh mặt trời đi ngủ sớm (thơ Xuân Diệu)... Bleuet mãi là dấu lặng nốt trầm chưa bật hết thanh âm ẩn lời thổ lộ.

Gọi em. Gọi em. Những mùa hạ ngủ vùi cánh thiếp...

Tưởng đã úa mầu hoa. Thời gian lại tỉnh khôi dưới bàn tay run mở nhẹ. Bay ra như một sự hiện hữu diệu kỳ. Ánh sáng ấy đã rất xanh mùi giấy mới một lần xưa thơm nhẹ trên môi. Ban mai mảnh khảnh đi tới như đang dấu trong tay một điều ta trông đợi.

Và. Tình Yêu sẽ bước ra. Sau câu thần chú bleuet, bleuet. Khi mùa hè rung cửa chuông xanh...

(Hoa bleuet nở vào mùa hè)

THÁNG BẢY VÀ HOA LARKSPUR

Larkspur đầu mùa bật lên xanh thắm. Giục giã trời xanh. Toả sáng đi. Như nắng đang nạm bạc con sóng đổ vào bờ Laguna. Như gió đang lưu dấu mùi hương. Cánh én nhỏ mùa hè. Gọi Phi Yến tím bay bay.

Đánh thức ánh sáng nóng ngái ngủ dưới tàng cây. Mùa hè mọc lên từ những bụi hoa nơi ghềnh đá. Màu tím pha huyền xanh ánh mắt những cô gái đang chạy bộ bước chân bay mùi cát muối.

Hàng cọ thấp nển con đường sinh nhật. Chuông sồng. Gọi anh và em. Rạo rức thấp ngày cháy lên những tia nhọn đầu lá. Trong veo đồng ca. Thánh đường mùa hạ. Tháng 7 và mùa hoa larkspur. Anh đánh ước bằng chuỗi đàn én tím bay trên vòm tóc em. Hạ nào xưa.

Những cánh hoa lao xao. Phi Yến ơi mùa xuân đã xa. Tháng Bảy rơm hút no nắng cánh đồng hạ nói với nhau về một vụ mùa tình yêu chín ửng. Anh hái tặng em ánh nhìn của ban mai. Hạt pha lê quý nhất em có được.

Con đường óng ánh ngôn ngữ lời thơ tình hoá em thành con én trên đường bay ý nghĩ của anh. Điểm mùa xuân em nường nấu. Cho em được trở về mùa thơ lãng mạn. Những thi sĩ của mặt trời mặt trăng thuở thơ ngây mặt đất bình yên.

Khi đàn gió thả xuống bóng mát. Tháng Bảy tràn riu rít. Hãy toả hương đi những nốt nhạc trần gian. Xanh. Và tím. Hãy nháy nhót như cặp tình nhân kia trong vũ điệu mùa hè. Biển Laguna dồn dập nhịp tim. Và nhịp gió bàn tay anh. Trong tóc em.

Trước khi tháng Bảy rụng xuống theo bóng tối. Biển chìm vào đêm và ánh nển trên hàng cọ lụi tàn. Những cánh hoa bay xa bỏ lại thánh đường cô đơn mùa hè âm vang tiễn biệt...

(*Hoa Larkspur, tên việt là Phi Yến, nở vào mùa hè, cánh hoa như cánh én bay, màu xanh, tím, hồng.)

MÙA HÈ ĐẾN

Cùng Nhà Thơ Trần Thị Nguyệt Mai

Những đốm mắt hồng ánh lên nơi những ngón tay. Vầy. Vầy
Cuống quít nắng
Bầy lá no nê mùa xuân
Lười lỉnh hé ánh nhìn khoái cảm dưới tàn cây
Hình như có tiếng xuýt xoa ngưỡng mộ

Cái trong veo từ đôi mắt ai
 Lạ thay mắt mùa hạ biết cười dưới làn tóc ngắn
 Bật im khu vườn gió

Tôi nhắm mắt
 Là lúc nghe rõ nhất tiếng hát của đàn cò
 Ngợi ca bước chân nóng vội
 Y như những nốt nhạc đang viết
 Dưới niềm vui của gập gờ
 Gọi tôi cảm xúc trưa
 Ngày tỏa ra với mặt trời ở đỉnh cao nhất
 Nơi âm thanh là ánh sáng

Cảm xúc rộn ràng chờ đợi
 Chiếc ly mùa xuân đã vơi đến tận đáy
 Đang từng lúc em rót đầy lên. Vị mùa hè
 Tràn tôi. Một không gian
 Thơm hương tiếng cười
 Và tiếng reo của ánh mắt
 Dù có thể nụ tường vy kia đang ẩn gọi
 Một cơn mưa
 Dù rất nhẹ tiếng thở dài của những cánh hoa đổi mùa
 Đang nói lời chia tay...

Cuối xuân, 6.2017

NGUYỄN THỊ KHÁNH MINH

(Những bài thơ trích trong tập *Tản Văn Thi*, Văn Học xuất bản năm 2018 tại Hoa Kỳ)



NẮNG LANG BIANG

Hôm nay ủa về thương nhớ
Phượng đang nở tím hết lòng
Đỉnh Lang biang bỏ ngõ
Mây chiều chìm dưới đáy thung

Dường như cơn mưa đã vơi
Dòng người đi ngược về xuôi
Dalat mùa hoa tím nở
Mà như chín nẫu nổi người

LangBiang nắng và gió
Lặng im anh tạc dáng ngồi
Lại nhớ về mùa phượng đỏ
Hay !Trường sơn thuở xa xôi...

Hiện lên tuổi vàng, tuổi bạc
Ngõ ngang bóng núi đứng, ngồi
“”Cù LẦN “” chìm trong sương khói
Như đang níu giữ hồn tôi Ở !..

Người K ho thân thiện
 Quanh năm du mục, xa rồi
 Mời gọi anh về quá khứ
 Mơ màng dưới bóng mây trôi

Núi rừng vù như bưng tỉnh
 Bên anh rạng rỡ nét cười
 Thêm thiệp, tiếng chim thánh thót
 Em về hát trọn niềm vui

CÙNG ĐI LỄ CHÙA

Tháng tư anh nhớ... tìm về
 Lặng trong mùa phượng bên hè tím thương
 Linh Sơn ẩn giữa khói sương
 Cao nguyên ... đã quấn khói hương một miền

Hiển linh Đức Phật thật hiền
 Dắt em về chốn cửa thiền nghe kinh
 Dịu xoa nhẹ bớt lòng mình
 Dẫu qua muôn nẻo ... không đành chia xa

Chúng con núp bóng Phật Bà
 Nghe bao nhiêu chuyện thật thà vây quanh
 Một mình nhớ lúc vắng anh
 Khuya thao thức dưới trăng lành càng thương...

Đài sen thoảng ngát trầm hương
 Đức tin dẫn lối trên đường anh đi
 Phật đài giữa chốn từ bi
 Từ tâm - nhớ thuở hàn vi ... tìm về...

HẠ DU

8:05 AM



ĐÀO ĐỨC NHUẬN

NHỮNG NGƯỜI TÌNH TRONG THƠ NGUYỄN BÌNH

Nguyễn Bình, nhà thơ nổi tiếng của Phong Trào Thơ Mới từ những năm 1936 đã tự xác nhận tâm hồn mình đối với tình yêu:

*Yêu, yêu, yêu mãi thế này
Tôi như một kẻ sa lầy trong yêu
(Lòng Yêu Đương)
Mẹ cha thì nhớ thương mình,
Mình đi thương nhớ người tình xa xôi.
(Thư Gửi Thầy Mẹ)*

Chàng tha thiết kêu gọi những “đấng tình lang” hãy cùng chàng làm một việc mà chưa có một người nào trên thế gian này dám nghĩ đến:

*Ai yêu như tôi yêu Nàng
Hợp nhau lại, hợp thành làng cho xinh
Chung nhau dựng một tràng đình
Thờ riêng một vị thần linh là Nàng!
(Lòng Yêu Đương)*

Và quả thực Nguyễn Bính đã “sa lầy trong yêu” và bao nhiêu là người yêu đã xuất hiện trong thơ của chàng :

Có thể là một người tình chỉ có trong tưởng tượng :

Cô nhân tình bé của tôi ơi

Tôi muốn môi cô chỉ mỉm cười . . .

(Ghen)

Có thể là một cô gái nhà bên kia – “cách nhau cái giậu mồng tơi xanh rờn”- yêu trong câm nín, để rồi:

Đêm qua nàng chết thật rồi,

Nghẹn ngào tôi khóc, quả tôi yêu nàng.

(Người Hàng Xóm)

Có thể là một cô gái – “tôi với nàng tuy không biết nhau”- thế nhưng khi nàng từ trần, chàng lại thấy rằng mình đã yêu :

Nước mắt chạy quanh tình thất lại,

Giờ đây tôi khóc một người về

Giờ đây tôi thấy hồn cay đắng

Như có ai mời chén biệt ly.

(Viếng Hồn Trinh Nữ)

Hay có thể chỉ là một người yêu trong mộng :

Cô chẳng bao giờ biết đến tôi

Mà tôi đan díu mấy đêm rồi

Mấy đêm đan díu người trong mộng

Mộng tỉnh, canh tàn, lệ ướt rơi

(Nhật Nắng)

Không kể những mối tình thoáng qua, những mối tình của một thời tuổi nhỏ không mấy đậm nét trong cuộc đời tình ái của chàng như kiểu “mối tình” (?) với một cô Nhi bé bỏng ở quê ngoại ngày xưa:

Xa lắm rồi Nhi, muộn lắm rồi

Bẽ bàng lắm lắm nữa Nhi ơi !

*Từ ngày Nhi bỏ nơi làng cũ
Mộng ngát duyên lành cũng bỏ tôi !
(Hoa Và Rượu)*

thì, mỗi tình đầu làm ray rứt hồn thơ của Nguyễn Bính nhiều hơn cả, có lẽ là mỗi tình cảm với cô nữ sinh tên Oanh mà chàng thường gọi là “cô Oanh sông Nhuệ”. Vâng, đó là một mối tình cảm, mối tình một chiều, mối tình mà chàng chỉ biết thầm yêu trộm nhớ để cuối cùng nhận lấy nỗi tuyệt vọng chua cay :

*Tâm hồn tôi là bình rượu nhỏ,
Rót lần, rót mãi xuống nàng Oanh.
Không xua tay nhưng nàng đã vô tình
Hắt ly rượu hồn tôi qua cửa sổ . . .
(Tâm Hồn Tôi)*

Tuy chỉ là một mối tình không được đáp đền một cách xứng đáng, thế nhưng, cũng chính từ mối tình tuyệt vọng đó, Nguyễn Bính đã sáng tác nên tập thơ TÂM HỒN TÔI. Vì không nói được với người mình yêu những gì mình muốn nói, nên Nguyễn Bính đã viết tập văn xuôi NGẬM MIỆNG để giải bày với người mình yêu mối tình tuyệt vọng của mình.

Rồi thời gian cứ vô tình lặng lẽ trôi qua. Và thời gian cũng xóa đi cho Nguyễn Bính nỗi hận tình chua xót để sau này, khi nhắc đến Oanh, chàng đã nhắc đến tên nàng bằng một nỗi hờ hững đến vô tình :

*Nhớ Oanh tôi nhớ cô Oanh
Xa xôi cách trở hỏi tình thăm phai?
Hay:
Nghỉ học cô Oanh là một mắt,
Lấy chồng chị Trúc bó hai tay !*

Thế rồi, năm 1937, tập thơ Tâm Hồn Tôi của Nguyễn Bính nhận được giải thưởng khuyến khích về Thơ của Tự Lực Văn Đoàn.

Năm 1939, tập thơ Bức Tranh Quê của nữ sĩ Anh Thơ cũng nhận được giải thưởng khuyến khích về Thơ của Tự Lực Văn Đoàn.

Hai thi tài đó đã gặp nhau.

Nguyễn Bính và Anh Thơ có nhiều điểm giống nhau: cùng được học ở trường rất ít, cùng có tài về thơ và dòng thơ của họ cùng mang nhiều hình ảnh quen thuộc của đồng quê xứ Bắc.

Và hai tâm hồn thơ đó đã yêu nhau. Họ yêu nhau tha thiết. Hẳn vậy. Có một bận, nàng từ Bắc Giang về thăm Hà Nội. Họ gặp gỡ nhau. Tâm sự. Rồi nàng trở lại quê. Chàng buồn nhớ không bút nào tả xiết :

*Biết lối nào lên tới xứ nàng ?
Để người Hà Nội nhớ mang mang
Nàng đi Hà Nội buồn như chết
Hà Nội buồn như một lỗ làng !*

(Một Lần)

Rồi những cánh thư tình nồng cháy yêu đương. Rồi những lời thề non hẹn biển. Và có một lần, nàng đã để lại trên má chàng vết son môi của một nụ hôn nồng cháy. Các bạn chàng kể lại rằng chàng đã không rửa mặt nhiều ngày vì chỉ sợ mất đi vết son môi của người yêu thơ mộng:

*Có một trai hiền, một gái xinh
Ngang qua, chùng giữa chuyện ân tình
Trai cười : “Bữa ấy mình toan giữ
Mãi dấu môi son trên má mình !”*

(Nhớ Người Trong Nắng)

Ấy vậy mà rồi họ phải đành đoạn chia tay. Tại sao? Tại vì chàng nghèo quá! “Nghèo”! Cái lý do sao mà cay nghiệt! Phải “môn đăng, hộ đối”! Do vậy mà nhà nàng không muốn kén khách đông sòng là một chàng thi sĩ kiết xác :

*Có gì tiếng cả nhà thanh
Cơm ăn đủ bữa, áo lành đủ thay
Còn tôi sống sót là may
Mẹ hiền mất sớm, giờ đây làm thơ.
Con tầm được mấy tiền tơ
Chao ôi, mà ước mà mơ lấy nàng !*

(Nhà Tôi)

Thế là nàng đang tâm bẻ một chữ đồng làm đôi! Nguyễn Bính nhớ lại những lời thề non hẹn biển. Có lẽ họ đã thề thốt nặng

lời - nhất là nàng:

*Ai thể như mới hôm qua
Lấy nhau không được chẳng thà chết đi !*

Quên lời thề ước, nàng bước lên xe hoa về nhà chồng. Nàng đã bước qua con tim tan nát của Nguyễn Bính để về “nâng khăn sửa túi” cho một “ông thầy thuốc”! Cái con người hiền lành làm vậy mà trước nỗi tuyệt vọng kinh hoàng đã làm những câu thơ thật chua cay để gởi cho người hơn một lần chàng đã yêu tha thiết và cũng đã được nàng yêu tha thiết :

*Những tưởng trăm năm đến chết thềm
Ai ngờ chấm dứt chuyện kiềng khem!
Bài thơ kẹp chặt vào đơn thuốc,
Hũ mực phun đầy cả ống tiêm
Chị sắp lên râu làm chức mẹ
Anh mà xuống nước đóng vai em!
Bấy lâu bịt chặt lâu thơ lại
Nay bức tranh quê đã vén rèm!*

Những lời thơ “tai quái” quá! Những ý thơ “ác” quá! Nàng không thể chạy trốn vào đâu được: Bài thơ kẹp chặt vào đơn thuốc

*Hũ mực phun đầy cả ống tiêm! . . .
Nay bức tranh quê đã vén rèm!*

Bức Tranh Quê là tên thi phẩm được giải thưởng Tự Lực Văn Đoàn của Anh Thơ! Tục chằng? Thanh chằng? Có lẽ vì bài thơ “quái ác” nầy mà sau nầy, khi viết hồi ký về đời mình, nữ sĩ Anh Thơ đã hoàn toàn phủ nhận mối tình đầu của bà với nhà thơ Nguyễn Bính!

Nhưng dù sao thì mối tình nồng thắm cũng nhiều, tuyệt vọng đắng cay cũng lắm đó đã gợi hứng cho Nguyễn Bính hoàn thành thi phẩm HƯƠNG CỐ NHÂN. Và có những điều trong thơ không thể nói hết về mối tình nầy, chàng đã lại phải mượn văn xuôi để giải bày nguồn tâm sự sâu kín của mình, đó là tập đoản văn HAI NGƯỜI ĐIÊN GIỮA KINH THÀNH HÀ NỘI.

Quả thực, Anh Thơ đã để lại trong cuộc đời tình ái của Nguyễn Bính một vết thương khá đậm nét. Buồn bã và cô đơn, chàng viết :

*Em đi dệt mộng cùng người,
Lẻ loi riêng một góc trời riêng anh !*
(Rượu Xuân)

Và chàng buông lời hờn tủi nghe nào nuốt đến nát lòng:

*Mấy khoa thi chót thầy ơi
Thầy không thi đỗ để rồi làm quan
Để rồi lắm bạc nhiều vàng
Để cho con được lấy nàng, thầy ơi !*
(Nhà Tôi)

Một tiếng nấc nghẹn ngào! Cứ tưởng rằng nỗi bi lụy này sẽ làm cho Nguyễn Bính trở thành một gã thất tình miên viễn! Thế nhưng, chẳng bao lâu Nguyễn Bính lại sa lầy trong một cuộc tình mới. Cũng đắm đuối chung tình. Cũng da diết yêu đương. Tên nàng là Nguyễn Thị Tuyên, em gái của nhà văn Nguyễn Đình Lạp, tác giả của tập tiểu thuyết xã hội NGOẠI Ô, do nhà Hàn Thuyên xuất bản năm 1941 tại Hà Nội. Nàng tên là TUYÊN, nhưng Nguyễn Bính đã đặt lại tên cho nàng là TÚ UYÊN, dù chàng thừa biết Tú Uyên - Trần Tú Uyên - là tên của một nhân vật nam trong truyện Nôm BÍCH CÂU KỲ NGỘ. Nhà Tú Uyên ở phố Bạch Mai (mai trắng) gần phố Huế (đế kinh) ở kinh thành Hà Nội, còn Nguyễn Bính cũng ở Hà Nội trên một căn gác mà chàng đặt tên là gác Hoàng Mai (mai vàng). Có một bận chàng thi sĩ đa tình đi ngang qua nhà nàng và rồi chàng thấy tâm hồn mình như chết chìm ở đó:

*Nhà nàng ở gốc cây mai trắng
Trên xóm mai vàng dưới đế kinh
Có một buổi chiều qua lối ấy
Tôi về dệt mãi mộng ba sinh . . .*
(Người Con Gái Lầu Hoa)

Chàng thì “dệt mãi mộng ba sinh” cùng nàng, còn Tú Uyên?

*Nàng ở lầu hoa, ở đềm bông
Có đêm nào nghĩ đến tôi không?*

*Không, không, chả có đêm nào cả
Chả có đêm nào hé cửa song . . .*

(Người Con Gái Lầu Hoa)

Có thể là chàng đã đòi hỏi quá nhiều. Cũng có thể chàng đã hờn mát mà nói như thế, chứ thực ra, hai người đã yêu nhau thực, đã từng hẹn hò và từng gặp gỡ như trong thơ của chàng đã trình bày. Trong các mối tình của Nguyễn Bính, có lẽ đây là mối tình đọng đầy nước mắt.

Thi nhân vốn là nòi đa cảm. Và Nguyễn Bính được xem là người đa cảm vào bậc nhất trong giới thi nhân :

*Em đã dùng khăn chị để lau
Bao nhiêu nước mắt của u sầu!*

(Khăn Hồng)

Văng bóng cô gái hàng xóm cũng có thể làm cho chàng rơi lệ :

*Bên hiên vẫn văng bóng nàng
Rưng rưng tôi gục xuống bàn . . . rưng rưng!*

(Người Hàng Xóm)

Gặp người trong mộng cũng có thể làm cho chàng rơi nước mắt :

*Mấy đêm đan díu người trong mộng
Mộng tỉnh, canh tàn, lệ ướt rơi !*

(Nhật Nắng)

Nghĩ về một người con gái chàng yêu mà chưa dám ngỏ lời cũng có thể làm cho chàng khóc :

*Có một nghìn đêm tôi chiêm bao
Ba đêm nay khóc với mưa rào
Đêm nay mắt đỏ rồi mưa tạnh
Tôi khóc âm thầm dưới bóng sao*

Đó là 4 câu thơ trích trong bài thơ “Người con gái ở lầu hoa”. Và “người con gái ở lầu hoa” đó chính là nàng Tú Uyên! Mối tình với Tú Uyên rồi cũng dở dang:

*Nàng Tú Uyên ơi !
Cả mùa mai trắng đã rụng rồi !*

“Mai trắng đã rụng” tức là tình yêu của chàng với Tú Uyên, cô gái ở phố Bạch Mai đó đã không thành.

Rồi Tú Uyên bước lên xe hoa về nhà chồng. Nào ai biết được tâm trạng của Tú Uyên khi nàng bước lên xe hoa. Chỉ biết rằng, sau ngày nàng bước chân lên xe hoa, Nguyễn Bính đã làm một bài thơ khóc cho mối tình này thật tha thiết, thật náo nùng và dĩ nhiên là cũng đầy nước mắt.

Chàng hồi tưởng lại những giây phút họ gặp gỡ và tình tự với nhau :

*Lạy Chúa con xin Chúa một giờ
Mười hai - giờ Ngọ, của tình xưa
Chúng con hai đứa Uyên và Bính
Thường hẹn hò nhau những buổi trưa !*

(Nguyễn Cầu)

Những buổi trưa hẹn hò với bao lời thề non hẹn biển. Có thể là họ đã vẽ ra một tương lai tuyệt vời sống bên nhau cho đến khi đầu bạc răng long. Ấy vậy mà rồi nàng phải bước lên xe hoa về nhà chồng. Cứ theo như Nguyễn Bính, nàng “bất đắc dĩ” mà bước lên xe hoa:

*Hắn phải lấy chồng là khổ lắm,
Bởi vì, lạy Chúa, rất chua cay !*

(Nguyễn Cầu)

Nguyễn Bính đã quả quyết điều này, bởi vì, theo chàng, họ đã yêu nhau tha thiết, Bính yêu Uyên tha thiết và Uyên cũng yêu Bính thiết tha. Nàng bước lên xe hoa về nhà chồng mà như bước vào cõi tuyệt vọng đọa đày:

*Hắn đã yêu con đến tận cùng
Thế mà tròn thủy chẳng tròn chung
Hôm qua hắn bước lên xe cưới
Khóc lả người đi Chúa biết không ?*

(Nguyễn Cầu)

Trong cuộc sống hôn nhân, cứ theo như Nguyễn Bính, Tú Uyên khổ lắm. Có khổ gì hơn khi nghĩ rằng mình suốt đời phải chung sống với người mà mình chẳng yêu thương! Và Nguyễn Bính cũng thương cho số phận hẩm hiu, chua xót của người mình yêu:

*Hai đứa hai nơi khóc một giờ
Bên chồng mà hắt vẩn bơ vơ
Chúa ơi ! Cứu rồi linh hồn hắt!
Nước mắt con nhòa hết tập thơ!*
(Nguyễn Cầu)

Giờ đây, mỗi lần nghe tiếng chuông nhà thờ buông đúng vào giờ ngọ - cái giờ nghiệt ngã của kỷ niệm - chàng lại hồi tưởng về người yêu , về những lần hẹn hò thơ mộng đắm đuối của hai linh hồn yêu nhau tha thiết:

*Đứng bóng từng dòng chuông ngọ đổ
Từng dòng chuông ngọ đổ chơi vơi
Con nghe chuông đổ rồi con khóc
Cứu rồi linh hồn con Chúa ơi!*
(Nguyễn Cầu)

Bính đã thay mặt cho Uyên để cùng chàng kêu gọi đến Chúa tuy họ không phải là những con chiên. Họ là những người ngoại đạo. Nhưng Nguyễn Bính, trong một lúc tuyệt vọng cùng tột, chàng đã phải tin rằng mối tình của chàng và Uyên không đi đến kết cuộc tốt đẹp là do sự sắp đặt của Chúa và họ cố xin một chút bình yên cho tâm hồn khi họ tin như vậy:

*Lạy Chúa con xin Chúa thế thôi
Một giờ yêu quý nhất trên đời
Chúng con ngoại đạo tuy ngoại đạo
Cũng lạy mà tin có Chúa Trời !*
(Nguyễn Cầu)

Lại một lần nữa, Nguyễn Bính cố quên đi mối tình tuyệt vọng nhưng mà làm sao quên được :

*Đêm nay ngồi khóc trong trăng lạnh
Trăng đắm chìm đi, gió thổi dài
Tôi nhớ đến người - ôi diệu vợi
Ở lâu hoa ấy trong rừng mai*

*Tôi tưởng rồi tôi quên được người
Nhưng mà nản lắm, Tú Uyên ơi !
Tôi vào sâu quá và xa quá,
Đường lứt sương mờ lứt lá rơi . . .*

(Diệu Vội)

Và mỗi tình tuyệt vọng với nàng Tú Uyên đã để lại cho chúng ta một thi phẩm với nhiều bài thơ đọng đầy nước mắt: NGƯỜI CON GÁI LẦU HOA.

Qua mấy lần tuyệt vọng vì tình, nỗi buồn không kiểm chế được, cộng thêm với nếp sống buông thả của giới nghệ sĩ thời tiền chiến, chàng đắm mình trong xóm yên hoa.

Và,

* nếu kết quả của mối tình giữa chàng với nàng Oanh, với nữ sĩ Anh Thơ, với Tú Uyên là những đứa-con-tinh-thần, những thi phẩm đã tạo nên sự nghiệp thi ca của Nguyễn Bính: Tâm Hồn Tôi, Hương Cổ Nhân, Người Con Gái Lầu Hoa -

* thì, mối tình với Dung, tên cô gái trong xóm yên hoa, ngoài kết quả là bài thơ thật thống thiết “Có Bấy Nhiều Lời Tâm Huyết Ấy” về sau đổi lại thành tên “Oan Nghiệt”, oái oăm thay, lại đưa đến kết quả là một đứa-con-vật-chất, đứa con gái đầu lòng trong kiếp làm đàn ông của Nguyễn Bính.

Đối với Dung, có lúc chàng đã nhắc đến tên nàng bằng một giọng điệu vô cùng khinh bạc, nghe sao mà xa lạ :

Lại chuyện con Dung đẻ tháng ngày!

Thì cũng có khi chàng nhắc đến tên nàng bằng một giọng vô cùng triu mến :

Người bến Tâm Dương, Dung bé bỏng!

Người ta bảo Dung là một “đào nương”, là một “ca kỹ”. Thế nhưng, dù có là “đào nương” hay “ca kỹ” gì đi nữa để gọi là làm đẹp cho cái thân thể cần phải giấu kín của Dung, thì oái oăm thay, chính Nguyễn Bính, người tình của nàng, lại đã khai báo huých toẹt cái nghề không mấy tốt đẹp của nàng :

Dung ạ, những đêm màn rũ thấp
Ân tình bên gối khách làng chơi
Em có biết rằng trong giấc lạnh
Con mình mới ngủ gọi tên ai ?
(Oan Nghiệt)

Dung của Nguyễn Bính là như thế đó. Đau thương lắm. Chưa cay lắm. Nhục nhằn lắm nữa. Nhưng dù sao thì họ cũng đã yêu nhau. Họ đã sống với nhau theo cái kiểu “già nhân ngãi, non vợ chồng!”. Và cho đến khi Dung bụng mang dạ chửa thì Nguyễn Bính lại nổi máu giang hồ.

Vào năm 1942 chàng bỏ đất Hà Nội ngàn năm văn vật để vào đất Thần kinh thơ mộng có con sông Hương nước chảy lặng lẽ, có những con thuyền tình chơi vơi trên sông nước, và có cả những cơn mưa “cứ kéo dài ra đến mấy ngày” buồn ơi là buồn! Ở Huế chưa được bao lâu, vào một ngày cuối Thu, Nguyễn Bính nhận được thư của Dung:

*Hôm nay bắt được thư Hà Nội
Cho biết tin Dung đã đẻ rồi
Công chúa, tháng ngâu, ngày nguyệt tận . . .*
(Oan Nghiệt)

Vậy là Dung đã sinh cho chàng một cô con gái vào một ngày cuối tháng bảy âm lịch:

Công chúa - Tháng Ngâu - Ngày nguyệt tận!

Nhận được thư của Dung chàng đã nghĩ miên man đến kiếp sống đau thương của Dung, nghĩ đến tương lai đầy đen tối bất trắc của con gái và nghĩ về hiện trạng bấp bênh của mình mà chưa xót thở than :

*Đời cha nay ở mai đi đấy
Kiếp mẹ đêm đêm bán khóc, cười . . .
Tiền cha không đủ hoàn lương mẹ
Thì lấy gì mà nuôi nấng con !*
(Oan Nghiệt)

Không ai biết rõ Nguyễn Bính cho bằng chính Nguyễn Bính biết về mình! Chàng biết chắc rằng không cách nào chàng có thể có một mái ấm gia đình để cùng Dung và con gái chung sống với nhau! Nghĩ đến những lời cầu chúc của chàng cho con gái sao mà đắng cay, sao mà chua xót:

*Thôi cha cầu chúc cho con gái
Mắt chớ lưu cầu, môi chớ son
Ngu dần xấu xí hay tàn tật,
Yên phận chồng con, yên phận con
Càng tài sắc lắm càng oan nghiệt
Bảy nổi ba chìm với nước non*
(Oan Nghiệt)

Và rồi Nguyễn Bính tưởng tượng đến một tương lai “oan nghiệt”, đến một cuộc trùng phùng “oan nghiệt”, đến nỗi bất hạnh “oan nghiệt” của cha con chàng :

*Cha lo ngại lắm là con gái,
Chẳng có bao giờ biết mặt cha!
Con mười sáu, bảy xuân đương độ
Cha bốn, năm mươi chữa trót già
Cha buồn tiễn khách hơi thu quạnh
Con then che đèn nép mặt hoa
Chàng chàng, thiệp thiệp vui bằng được
Bố bố, con con chẳng nhận ra
Áo xanh mà ướt vì đêm ấy
Tội nghiệp đời con, xấu hổ cha !*
(Oan Nghiệt)

“Cha lo ngại lắm là con gái, chẳng có bao giờ biết mặt cha”! Phải chăng đây là một lời tiên tri “oan nghiệt”? Hay, phải chăng đây là một quyết định “oan nghiệt” của chính Nguyễn Bính? Cái câu hỏi “oan nghiệt”: “Bao giờ tôi biết mặt con tôi?” (Oan Nghiệt) đã bị chính Nguyễn Bính cố tình khước từ “trả lời”! Bởi chưng, hình như dẫu vào khoảng cuối năm 1943, Nguyễn Bính cùng hai nhà văn Vũ Trọng Can và Tô Hoài làm một chuyến xuôi Nam, bỏ đất Thần kinh thơ mộng để tìm về Sài Gòn - Hòn Ngọc Viễn Đông. Và chàng quên

Dung bé bỏng, quên cả đứa con gái bèo bọt của chàng!

Ở Sài Gòn một thời gian, Tô Hoài và Vũ Trọng Can lại quay về Hà Nội, còn Nguyễn Bính được thi sĩ Đông Hồ và nữ sĩ Mộng Tuyết mời về thăm quê hương Hà Tiên nên thơ của họ. Đó là vào khoảng đầu mùa hạ năm 1944. Chàng được nhà thơ Đông Hồ đãi như một khách quý, dành riêng cho chàng một căn gác mà Đông Hồ đặt tên là “Nam Phong tiểu các” để cho chàng làm nơi sáng tác thơ. Chàng ở lại đây có mấy tháng và cũng đã để lại đây một cuộc tình với người cháu gái của nữ sĩ Mộng Tuyết. Tên nàng là Tú Ngọc.

*Trong vườn thấp thoáng bóng ai đi
Cô cháu, Minh hương, tuổi mười bảy
Mũi thẳng, mi cong, tóc mượt dài
Răng đều, môi mọng, ngực tròn mẩy
Gặp nhau, chào nhau, rồi quen nhau
Ngày một ngày hai thành luyện ái.*

(Hà Tiên, Người Xóm Rẫy)

Mới gặp nhau, nàng gọi Bính là “chú” vì “chú Bính” là bạn thơ của dì Mộng Tuyết. Thế rồi, ngày một ngày hai cung đàn đối bậc. Tú Ngọc đã để lại cho Nguyễn Bính bao nhiêu là kỷ niệm êm đềm của một người tình vừa ngây thơ, vừa trong trắng trong những ngày chàng dừng bước giang hồ trên mảnh đất Hà Tiên đầy thơ mộng:

*Vườn trăng cầm tay, thương quá đi !
Một ngày không gặp, nhớ biết mấy !
Thơ tôi nàng gởi trên đầu giường,
Đêm che ánh đèn đọc vụng mãi.
Khăn tôi xỏ chỉ, áo long khuy
Nàng bảo đưa nàng khâu vá lại
Có hôm tôi bệnh nằm li bì
Nàng đến canh chừng siêu thuốc cháy.
Áo len đương mặc, cởi cho tôi
“Hà Tiên gió biển lạnh lắm đấy !”*

(Hà Tiên, Người Xóm Rẫy)

Chàng yêu Tú Ngọc biết mấy! Và nàng cũng yêu chàng biết mấy! Chàng ước ao được dệt mộng chung đôi với người yêu bé bỏng:

*Tài hoa bảy bước đã thành thơ
Mà vẫn một đôi tay trắng mãi
Lấy đâu có được tám mươi thành
Để đổi cho tròn viên Ngọc ấy ?*

(Hà Tiên, Người Xóm Rẫy)

Vậy mà rồi giấc mộng cũng không thành! Tội nghiệp cho cô bé “người yêu xóm Rẫy” của Nguyễn Bính! Ngày xưa chàng bị “cô Oanh sông Nhuệ” dày vò! Ngày xưa chàng bị nữ sĩ Anh Thơ hắt hủi! Và giờ đây chính Nguyễn Bính lại hắt hủi, dày vò Tú Ngọc, người yêu bé bỏng của chàng. Nợ giang hồ lại réo gọi. Và Nguyễn Bính lại cất bước ra đi:

*Rồi tôi khăn gói lại lên đường
Nàng ra bờ sông đứng khóc mãi
Tàu đi xa mấy dặm sông dài
Ngoảnh lại vẫn còn tay Ngọc vậy !*

(Hà Tiên, Người Xóm Rẫy)

Ôi ! bàn tay bé bỏng của người con gái đáng thương ấy làm sao giữ nổi cánh chim giang hồ !

Nguyễn Bính bỏ Hà Tiên dù rằng Đông Hồ và Mộng Tuyết hết lòng mời chàng ở lại để chàng có điều kiện hoàn tất tập truyện dài bằng thơ mà chàng lấy nhan đề là Thạch Sương Bồi.

Nguyễn Bính bỏ xóm Rẫy dù rằng ở đó người yêu bé bỏng Tú Ngọc của chàng đã van vỉ, đã khóc lóc hết nước mắt.

Chàng trở lại Sài Gòn. Đành đoạn. Rồi cuộc chiến tranh Việt Pháp bùng nổ cuối tháng 12 năm 1946. Không còn nghe chàng nhắc đến Tú Ngọc nữa. Không còn nghe chàng nhắc đến mẹ con của “người bến Tầm Dương Dung bé bỏng” nữa. Và hình như chàng cũng không còn điều kiện để nhắc đến những “cô Oanh sông Nhuệ”, những “Anh Thơ”, những “Tú Uyên” của một thời yêu đương lãng mạn nữa. Nhưng dù sao, thì với những cuộc tình hoặc tuyệt vọng, hoặc đau thương đó cũng đã để lại cho chúng ta, những người yêu thơ Nguyễn Bính, những tác phẩm thơ tuyệt diệu: Tâm Hồn Tôi, Hương Cổ Nhân, Người Con Gái Lầu Hoa, những bài thơ “Có Bấy Nhiêu Lời Tâm Huyết Ấy” (còn gọi là Oan Nghiệt) và “Hà Tiên, Người Xóm Rẫy” như những viên ngọc quý trong kho tàng văn chương của Dân Tộc.

ĐÀO ĐỨC NHUẬN



TRẦN VĂN GIÃ

**NHA THƠ KHÔNG
NUÔI NỔI NHÀ NGHÈO**

1.

Người trăm năm ời

Mây bay qua xoá cơn buồn xuôi dạt

Đắng môi ta cười gượng một mình

Hề ta say hay tỉnh

Chờ xé trắng khuya bấm đập ngón tay cùn

2.

Không ham danh ảo người ời

Sống còn bao lâu ta sẵn sàng chờ đợi

Phủi sạch bàn tay tìm hạt bụi chính mình

Trong vô hạn vẫn còn hữu hạn

Trong mất vẫn còn tích tụ bóng thời gian

Gió bắc thổi về

Thương cây bấp gầy cờ

Thương ta như dòng sông còn nặng nợ phù sa

Trang thơ mỏng ướm nhoè ly rượu gạo

Trời thì vẫn cao

Tuổi thì đè lưng còng ta xuống thấp

Nhà thơ không nuôi nổi nhà nghèo

3.

Chiều nay ngồi uống đục trong

Thơ trôi dạt dòng văn chương hạ giới

Buồn mà chi

Người trăm năm ời

Cạn ly rượu gạo. Kính mời.

MƯỜI NĂM

Mười năm cây sứ trở bông
 Là mười năm cũ cháy lòng ai ơi
 Tôi đi phiêu bạt nhiều nơi
 Nhớ con đẽ đất thiếu thời của tôi
 Gáy lên tiếng để luân hồi
 Gáy lên tiếng để mồi côi phận mình
 Mười năm mưa lạnh giọng tình
 Là mười năm cũ biết mình ngu ngơ
 Biết mình lỡ đại câu thơ
 Ai qua bến khác tôi chờ đợi đây
 Chiều nay gió nhẹ tan mây
 Nghe con chim nhận gọi bầy mà thương
 Cỏ may còn đó dọc đường
 Mười năm cỏ vẫn vấn vương chuyện tình.

NGƯỜI VỀ CÁT BỤI

Nhớ Nguyễn Xuân Hoàng

Người về cát bụi người ơi
 Trên mây còn dọi bóng đời chiều nay
 Ở đây thương cánh chim bay
 Biển quê hương đã chia tay một người
 Nơi này thời tuổi đôi mươi
 Cũng nơi này mất tiếng cười cổ nhân
 Bờ xa tôi gọi nhiều lần
 Chuông chùa cô tịch xuống dần hoàng hôn
 Tôi tin là có linh hồn
 Kiếp người là nợ sinh tồn nhân gian
 Người không về lại Nha Trang
 Gởi phương trời đó khói nhang phiêu bồng.

TRẦN VẠN GIÃ



NGUYỄN ĐỨC TÙNG

TÂN LIÊU TRAI

Hoan vốn người miền Trung, trôi nổi vào Sài Gòn làm nghề buôn bán lật vặt, trơ trọi một thân, không vợ con, chẳng diện sản gì ráo ngoài các căn nhà nhỏ. Nhưng đó không phải là nhà của chàng. Rằm tháng giêng Hoan vào vườn Tao Đàn. Người đi lễ bái đền Hùng rất đông. Trên loa phóng thanh đọc đi đọc lại rền rĩ bài thơ Đất nước của Nguyễn Khoa Điềm, trước cửa đền Hùng vô số con đồng hát, mỗi người đem theo hàng chục đệ tử, quỳ lạy lung tung trước một bàn thờ. Hoan không hiểu sao trong đền Hùng có ba bàn thờ, một thờ vua Hùng ở chính giữa, một thờ mẹ Âu Cơ ở một bên, một thờ một bậc bô lão râu dài ở bên kia, mà chàng không biết là ai, đoán là vị hoàng tử nhỏ nhất của vua Hùng, chỉ lấy làm lạ là nhiều người thắp nhang khẩn bái ở đó, rút tiền ra không ngót cho vào cái khe hẹp ở bụng của tượng, dưới rốn.

Hoan thấy trong bọn đi lễ có một cô gái vừa tuổi cập kê, sắc đẹp mỹ miều, lấy làm khoan khoái, mon men đến gần. Chàng giả dò cúi lại rồi sờ tay vào bàn chân nàng, vì những người đến tế lễ đều tháo giày để ở cửa. Cô nàng quay lại, giận dữ, rứt chân lại. Hoan chờ cơ hội lại xích người đến gần đưa tay sờ chân nàng như trước. Tan lễ, cô gái ra về, mặt vẫn còn sắc giận.

Trời mùa xuân, hoa đào cùng với mưa xuân rơi lác rác, không biết thứ nào nhiều hơn, nhưng việc không thành, Hoan buồn bã, thấy mưa rơi nhiều hơn hoa đào.

Dần rồi tháng này qua tháng khác, ngày mừng một ngày rằm Hoan đều đi lễ đền, đều gặp hai mẹ con, trước lạ sau quen, cuối cùng rồi cũng xuôi. Hoan bán nhà, dành dụm đủ tiền để cưới vợ, vì biết vợ đẹp lại giỏi giang thế nào cũng giúp chồng làm nên. Hoan sinh tật cờ bạc, rượu chè ăn chơi lêu lổng. Vợ hết lời khuyên bảo, nặng nhẹ, khi đọc sách dưới đèn, khi thì thăm bên gối, nhưng chàng chẳng nghe cho, ngày càng hư hỏng.

Được mấy năm hai người không có con, nhưng tình nghĩa vẫn đậm đà. Vợ dành dụm mua cho Hoan một chức vụ cao trong chính quyền, phó chủ tịch uỷ ban nhân dân khu phố, nhờ đó làm ăn khấm khá, tiền bạc lằng xằng. Nhưng càng nhiều tiền Hoan càng ăn chơi, ham mê cờ bạc, gian díu cả với bọn nghiện ngập đường phố. Thân làm quan mà tụ họp với bọn đầu đường xó chợ, ở nơi riêng tư thì ăn nói tục tĩu. Gia sản phải hết. Một hôm tụi bạn lêu lổng đến nha chơi, nhìn thấy mặt vợ thấy đều kinh ngạc.

Chúng kéo Hoan ra ngoài hiên bảo thăm rằng nếu đem vợ mà bán đi, vào chỗ ăn chơi thì sẽ được một món tiền lớn. Hoan nghe nói động lòng. Một hôm chàng đánh tiếng, người chủ quán một chốn ăn chơi nổi tiếng ở Sài thành đến nhà coi mắt, mới nhìn qua như bị điện giật, rút tiền trả ngay, đòi làm giấy tờ bằng mặt, sợ Hoan đổi ý.

Hoan bán được vợ rồi, mừng lắm, hí hửng đem một cọc tiền cất trong nhà, ngày ngày rút tiền mang đi đánh bạc, ăn chơi, lòng đôi khi hối hận, nhớ lại người vợ cũ vừa xinh đẹp vừa nét na thùy mị, nhưng tính ham chơi trác táng lại nổi lên, bèn quên phắt. Ngày qua ngày, tiền bạc lần hồi cũng hết, Hoan dùng chức vụ trong chính quyền xoay xở. Nghề gì chứ nghề này thì dễ, lúc nào cũng có kẻ sàng mua quan bán tước. Chẳng bao lâu chuyện bị lộ, Hoan bị cho

vào lò củi cháy hừng hực. Năm năm sau ra tù, bạn chẳng còn, nhà cửa trống hoang, đồ vật bàn ghế mất sạch, trơ mỗi cái sàn đất lạnh. Chàng đói khát lần mò kiếm ăn, đưa đẩy vào làm nhân viên rửa bát cho hiệu ăn Lạc viên. Thật ra hiệu ăn là nơi trá hình, bên ngoài là quán bán thịt nướng, bên trong là nơi đàn hát vui chơi, lầu xanh kỹ nữ. Hoan vốn người đọc sách, trông thấy hai chữ Lạc viên mà không hiểu nghĩa thật đáng trách. Một hôm được lệnh dọn dẹp mấy căn phòng để đón khách quý. Nhiều người lục tục kéo vào, bọn bảo vệ tấp nập dáo dác. Gã khách quý và đàn em gọi chủ quán vào, đòi gặp ca nữ danh tiếng nhất Sài thành. Cô gái được vờ tới mặt hoa da phấn, ngồi trong lòng đại gia mà hát. Chẳng bao lâu bọn khách say sưa, vốn có tính cuồng dâm, lột hết áo quần kỹ nữ, trói vào ghế xô pha, chuẩn bị hãm hiếp. Lúc ấy Hoan tình cờ bước vào, nhìn thấy như bị sét đánh, kêu rú lên. Thì ra kiểu nữ không ai khác chính là vợ cũ. Vốn hèn nhát, Hoan bỗng đâu lại lấy được can đảm, không biết sợ gì nữa, xông lại, dùng vỏ bia đập vào đầu khách, máu chảy lên trán, ôm xốc nàng lên nhẩy qua cửa sổ. Chẳng may bọn bảo vệ đến kịp, đè Hoan xuống, chặt đứt hai chân, ném ra đường. Chàng sống sót, trở nên người tàn tật sống cũng như chết, nhiều lúc chán nản vô cùng, nhưng người Việt thà nhục chứ không có máu tự tử, nên Hoan sống lay lắt qua ngày, ăn xin chỗ này chỗ nọ.

Một hôm đang ngồi góc đường, chợt thấy mấy bông hoa hải đường đỏ rực phô sắc đầu cành như những nét chấm phá cho quầng đời vàng son thuở trước, chàng chạnh lòng mang thân về chốn cũ. Đền Hùng nay cũng khác, sau làn mưa xuân lất phất, người đi lễ tấp nập hơn xưa. Vào đền càng ngạc nhiên, ba bức tượng thờ vẫn còn đó nhưng thay đổi vị trí, bức tượng vua Hùng được dời qua bên trái, tượng Âu cơ qua bên phải, tượng ông lão râu dài mà chàng nghi là con út của vua Hùng đặt chễm chệ chính giữa, sắc mặt như xưa không ra vẻ bằng lòng cũng không ra vẻ không bằng lòng, bụng lớn như Phật Di Lặc vì phải hứng quá nhiều tiền cúng bái. Hoan ngồi lì suốt ngày ở đó, tai nghe bài thơ Đất nước phát đi phát lại như khóc như than, thơ hay thành thơ dở, chữ đẹp thành chữ xấu, đến bữa qua xóm ăn cơm bụi, kỳ dư ngẩn mặt nhìn đời. Có người quen biết thân thể chàng ghé hỏi bõn, Hoan ngậm miệng không trả lời. Một hôm đang ngồi trước cửa đền thì gáy chàng chợt lạnh, một luồng gió

mát thổi qua, tà áo phấp phới, xiêm lụa loạc xoạc, phu nhân của bậc quyền quý từ Hà nội đổ xích xe trước cửa, trên xe bước xuống.

Hoan ngẩn mặt, chết điếng: chính là vợ cũ của chàng. Lòng rối tơ vò, Hoan ráng lết qua cửa, chờ khi nàng quỳ xuống trước bức tượng lâm râm cầu khẩn trong ánh đèn mờ tỏ, chàng liền giở trò cũ, đưa tay sờ vào gót chân son. Nàng quay phắt lại, quắc mắt la mắng: - Đồ khốn kiếp. Ngày trước mày bơ vơ như kẻ không nhà, người chua như giấm, mồ hôi nồng nặc, tóc tai bờm xờm. Khi ta về làm dâu nhà mày, sớm hôm quét tước, chăm lo buôn bán, làm cho nhà cửa khang trang, đầy tớ đông đúc, khách quý vãng lai, ta hỏi mày sung sướng như thế sao nỡ ăn chơi đến nỗi mất hết nhân cách?

Mọi người bu lại đứng coi. Nàng nói tiếp:

- Trong bao năm ăn ở ta chẳng làm điều chi xấu, mày ham chơi cờ bạc đánh một nhẽ, lại nhẫn tâm bán vợ vào chốn lầu xanh bia ôm, thật là không có tình nghĩa. Quân ăn ở bạc béo. Bọn con ở nghe nàng hạch tội xúm lại kẻ nhéo tai người nhổ nước miếng, kẻ túm tóc, làm cho Hoan khổ sở vô cùng, giọt châu lả tả. Nàng đưa tay ngăn chúng lại.

- May trời có mắt, bây giờ tàn tật thế này. Nghĩ người cũng có công cứu ta ở Lạc viên ngày nọ, thôi cũng tha cho. Hoan cố lết người theo ôm lấy chân nhưng nàng đã co chân bước lên xe rồi máy. Chàng bắt được một chiếc giày trong tay. Nghĩ sao, nàng cúi xuống dặn nhỏ:

- Ta để lại chiếc giày cho người. Khi nào nhớ thì úp mặt vào nó, sẽ được thấy. Nói xong, sập cửa lại, xe số xanh chạy mất.

Hoan mang chiếc giày về nhà, quý hơn kim cương, đêm ngày ôm ấp, ngủ để đầu giường, được vài năm thì tình cờ một hôm trong chiếc giày có giọng hát vang ra. Chính là giọng hát của người cũ. Từ đó về sau hễ khi nào Hoan nghĩ tới nàng, đâm nhớ nhung mà hôn khẽ chiếc giày thì nghe giọng hát. Những khi thèm muốn xác thịt mà ôm lấy, thì nhìn thấy mặt nàng. Nhưng không bao giờ chàng có được cả hai cùng một lúc.

NGUYỄN ĐỨC TÙNG



"Đỗ Quyên là nhà văn có nhiều sáng tác hậu hiện đại - đồng nghĩa khó hiểu với nhiều người. Vì thế, thật ngạc nhiên khi anh có những bài lục bát rất trong sáng. Thơ lục bát Đỗ Quyên đan cài nỗi buồn của chia ly, mất mát với nụ cười hài hước, ý nhị. Lại đan cài cả lối suy nghĩ hiện đại với ngôn ngữ dân gian rất duyên. Anh cũng là người kiên trì với trường ca, đã có nhiều tác phẩm loại này."

(Nhà thơ - Nhà báo LÊ ANH HOÀI

TÌNH LỤC BÁT

Câu sáu mình, câu tám ta
Quấn qua quấn quít lời xa tình gần
Hậu hiện đại mấy cũng cần
Sáu tám tám sáu... ta mình mình ta...
Câu tám mình, câu sáu ta
Thơ là lục bát, người là yêu thương

BA NGÀY ĐÊM

Ba ngày đêm một đời người
Ai trao ai những câu lời ngắt ngảy
Tình nào tình chẳng để say
Một đời người mấy ba ngày ba đêm?

HẸN

hẹn đâu hẹn ới anh thương
còn em đây nửa chiếc giường cả đêm
trời thâm sương trắng sẫm thêm
thương anh tìm hẹn dài thêm với đời
hẹn đâu hẹn ới hẹn ời

THỜI GIAN THẾ THÁI

Ba mươi năm lỡ gặp nhau
 Ba mươi năm nữa còn đâu côi này
 Có duyên nào vẫn tôi đây
 Lỗi tại tôi lỗi tại đây mọi đàng
 Thân bằng đến thế là tan
 Thế nhân tình thế là tàn thế nhân
 Ba mươi năm đã là nhanh
 A-di-đà Phật cho thành sát na

LỖ TAY MỘT LẦN

Lỡ tay em xóa những hình
 Số nhà tên phố chúng mình thàng qua

Kia ngã tư đó phòng hoa
 Ba mươi đêm trắng đã là bấy nhiêu
 Ba mươi ngày sớm trưa chiều
 Hai ta những cuộc phiêu diêu tới giờ
 Đừng buồn anh nhé thế thôi
 Trở về số về nhà đời trở trêu
 Ngã tư đất sẽ cho nhiều
 Thàng năm người chẳng bắt tiêu hết tình

Lỡ tay em xóa một lần
 Cho qua một thàng lỡ thân kiếp này
 Một lần em xóa lỡ tay
 Cho qua một thàng kiếp này lỡ thân

ĐỒ QUYÊN



CON BÉ BỜ SÔNG

Tôi đến bưu điện thì đã đến giờ đóng cửa. Thật ra, nó chỉ là 1 căn buồng toang hoang rất lớn mở tứ bề, 1 góc đặt 1 cái bàn giấy. Chung quanh có mấy cái kệ, đồ lưu niệm vật vãn, con tem sưu tập, những bì thư xanh nhạt 1 màu trời. Đứng đó, trên tầng hai, tôi có thể thấy bờ sông, sát bên là 1 nhà hàng nổi văng ngất, đề “Ресторан” kẻ bằng sơn.

Cô nhân viên mặc áo dài, có hình vẽ cả 1 chùm hoa trên ngực, đã thu dọn xong sổ sách. Cô đóng ngăn kéo bàn lại và móc ổ khóa vào. Đứng đợi cô là 1 anh trung niên đeo túi máy ảnh kiểu thợ chụp dạo nhưng bảnh hơn nhiều. Đây sắp đến giờ yêu ma của ánh sáng nhiếp ảnh, lúc hoàng hôn sửa soạn xuống và phải nhanh tay bấm. Anh giục cô, mình đi ra vườn, tay vung lên và miệng toét ra phát biểu chắc nịch “Anh sẽ đưa em lên lịch!”

Cô bước từng bước ra phía vườn như trên sàn diễn, tà áo cô lỏng lộng phất bên ngoài cặp lông mày lấp láy dưới cái quần lãnh trinh nguyên. Tôi chẳng có việc gì làm, định đi theo họ xem chụp mấy pô thế nào nhưng vậy thì cũng hơi ác. Anh đưa em lên giường còn có chuyện để xem, chứ đưa lên lịch thì xem làm gì.

Tôi chẳng có việc gì làm thật. Buổi trưa, khi tôi vừa đến khách sạn nhận phòng xong, đặt túi xuống, khép cửa lại, và vắt người lên giường thì có ngay tiếng gõ. Tôi ngỡ là nhân viên làm phòng hay lễ tân khách sạn, nhưng cửa vừa mở ra thì cô gái đi thẳng vào. Chẳng chào hỏi gì, cô đặt cái túi đầm xuống cạnh chân và ngồi đó nhìn tôi.

Em... ở đâu vậy?

Trong khách sạn này.

Trong phòng có cái tủ lạnh. Tôi mở ra mời cô uống nước.

À...ừ...em từ đâu tới vậy ?

Nha Trang lên.

Em ra Huế du lịch?

Không, cô nhìn tôi « du lịch cái gì » và chỉ nói có thế.

Tôi là người chậm hiểu. Phải tôi chồm lên người nàng như 1 con thú dữ vồ lấy miếng mồi ngon béo bở, thật ra thì cũng không béo bở gì mấy mà còn hơi gầy, cởi toạc chiếc áo cài khuy hờ hững trên người nàng và ngấu nghiến ngoạm gì đó nhồm nhoàm trong khi 1 tay tôi đam mê luồn xuống lưng quần ...thì mới nên chuyện. Đàng này tôi đứng đó cách cô 2 mét mà khui chai nước ngọt.

Em... tên gì ?

Tên Hương.

« Tôi hát ngàn lời ca, bao la như những cái...giường, êm đềm như 1 giòong hương »

Cô nhìn tôi trợn mắt trâng trâng. Giờ thì tới lượt cô không hiểu. Tôi nói

Giòong Hương bình thản...

Cô đứng dậy, cầm túi và mở cửa đi ra khỏi phòng, không nói năng và để lại chai nước ngọt mới khui. Tôi cầm nó lên uống.

Khách sạn Hương Giang vào năm 1990 rất là vắng. Khách thì chẳng có bao nhiêu người nhưng gái thì có cái cô từ Nha Trang lên làm việc nằm ngửa, thấy đàn ông độc thân thì đẩy cửa vào phòng như vừa mới kể. Ở trên lầu chót thì có 1 nhà hàng, cầu thang đưa lên thênh thang.

Tôi lên đến nơi , thì thấy 3 anh đang nằm ngủ trên mấy cái bàn kê chập lại.

Tôi nhẹ nhàng, định đi ra để họ yên giấc ngủ thì 1 anh trông

thấy ngồi bật dậy.

Xin lỗi nhé, không biết là đóng cửa...

Đâu có anh !

Và anh nhảy tót xuống đất. 2 bạn kia lục đục dậy, chỉnh sửa áo quần và đi vào bếp. Anh còn lại kéo bàn ra kê lại và mang thực đơn ra.

Nhà hàng mở cửa mà, anh ngồi xuống đi, muốn ăn gì để tụi em làm !

Ở 1 chốn như vậy thì biết làm gì đây. Khách sạn như nhà ma, chập chờn Hồ ly tinh từ vùng cát trắng, mới hiện ra gõ cửa buồng thì đã biến đi ngay. Bên ngoài thì phố xá vắng ngắt, buồn như chầu cấn 1 chiều mưa. Đi đâu thì tôi không có phương tiện, tính ra bến sông mà gọi đò. Bên kia là chợ Đông Ba nằm giãy giãy, thấy thấp thoáng có vài bóng tường như là oan hồn chưa thoát kiếp và đang đợi đầu thai. Đến tối, có 1 chiếc xe con chở cán bộ từ đâu ập đến, đây là huyền não duy nhất trong vòng chu vi ½ dặm. Các ông này ăn to nói lớn, tiếng các ông cười chọc thủng màn đêm và các ông chui ngay vào phòng mát xa. Nhờ vậy tôi biết tại đây có phòng mát xa, nằm ở phía sau và rất kín đáo. Tôi đợi các vị này đi ra rồi mới vào tìm hiểu. Tôi quen Dung là ở tại đây.

Dung nghĩ là tôi tạt đi buôn bên Lào. Savannakhet, đường 9, Đông Hà. Tôi bảo không phải, tôi ghé Huế là trên đường ra Bắc tìm vợ. Trà Thái, gái Tuyên. Dung không tin, Sài Gòn thì cũng tìm vợ được, mà ở Huế cũng có vậy. Dung rủ tôi đi thăm thành phố và mượn thêm cho tôi 1 chiếc xe đạp.

2 người lẳng xăng ở dưới mưa nhẹ hạt, nàng trước tôi sau, từ Tràng Tiền cho tới cầu Mới. Đau cả bắp chân thì Dung mới nói.

Nhà em ở đây, Thủy Biều.

Thủy Biều hay là Thủy Biều?

Thủy Biều.

Vậy là Thủy Biều hả?

Đúng rồi, Thủy Biều.

“Mang vở vào phòng, học đủ rồi ra”, người con gái Huế. Tít tắp xa vời sau cồn Dã viên, gần nhà máy vôi, có 1 lối nhỏ dẫn ra bờ sông, chúng tôi dựng xe lại. Tuột 1 cái dốc mười mấy bậc là 1 bãi đất, chung quanh cây cối um tùm. Dung nói

Đây là bến đò, Em hay tới đây tắm hồi còn nhỏ.

Em tắm ở trường?

Chứ sao nữa, 10 tuổi thì em tắm mới mặc đồ.

Em mặc đồ tắm?

Làm gì có đồ tắm. Em mặc đồ ngủ ở trong nhà đó, em mặc đồ bộ.

Anh tưởng con gái Huế tắm sông thì mặc áo dài tím, 2 tà phấp phồng trên giòng nước nổi bọt sà bông trong khi Thiên Mụ 1 hồi chuông...

Ba Dung chết trận. Ông đi lính gì? Em không biết lính gì, thì lính chế độ cũ. Chỉ biết là chết thôi.

Hồi Mậu Thân ?

Trước mấy năm, lúc em lên 6 tuổi.

Mẹ Dung vào Sài Gòn lấy chồng, cả 2 đều là người Huế và quen nhau ở đây nhưng rủ nhau vào Nam sống. Bà bỏ con lại cho nhà nội. Dung ở với o với chú, mỗi chiều ra tắm ở bến đò này và giặt đồ. Tháng 3.1975, gia đình di tản vào Đà Nẵng, để mình Dung lại giữ nhà. Lúc đó có 1 sĩ quan bà con hay quen biết gì đó của ông chú đến ở chung.

Nhà chỉ có 2 người, 1 đêm súng bắn ì ầm, ông dè Dung ra hiếp.

Lúc đó em 14 tuổi, chưa tới 15, có biết gì đâu.

Ông ta thì bao nhiêu?

Còn trẻ, 25 hay 30, là trung úy.

Em không có chống cự?

Ổng leo lên giường, em đẩy ra không được, cả đêm xáp vào rờ mó, vật nhau với ông tới sáng thì em mệt quá rồi.

Em không bỏ hàng xóm?

Hàng xóm gì, họ cũng đi hết rồi, vắng ngắt, trong đêm loạn lạc biết đường đâu mà chạy ra ngoài! Sau đó thì ổng bỏ đi luôn, em ở lại có 1 mình!

Ổng đi đâu? Đi theo đơn vị?

Em không biết.

Ổng không mang em theo?

Mang em theo làm gì?

Rồi sau?

Sau thì bộ đội vào.

Dung không kể nữa. 15 năm cái vèo, Dung giờ là 1 thiếu nữ quá lứa. Nàng để dành được tiền, đi học 1 khóa 2 tuần huấn luyện mát xa. Dung vào khách sạn Hương Giang làm nghề bóp chân cho khách vắng lai rất vắng và tụt quần đùi của họ ra.

Em có gặp lại mẹ không?

Sau giải phóng, bà có 1 lần về thăm ngoại. Lúc bé em rất thèm có mẹ, ngày nào cũng nhớ nhung. Em hay ngồi 1 mình, tưởng tượng ra là mình có mẹ, bà đi đâu về, em chạy ra ôm, bà cho em cái bánh ít, kiểu mộng mơ trẻ con như vậy... Nhưng khi bà ra Huế trở lại, mẹ em thì lạnh tanh mà em cũng không thấy gì xúc động. Lúc đó em đã ngoài 20 rồi. Bà cho em 3 cái quần lót. Quần lót ngoại, loại nhãn gì của Mỹ, chỉ trong Sài Gòn mới có, loại viền ren rất là đẹp và gợi cảm, em chưa từng thấy bao giờ ở Huế này. Có 1 cái còn như là quần giầy 2 bên hông, phía trước và phía sau hình tam giác nhỏ màu hồng hồng. Nhưng mẹ em háng to, còn em xương chậu nhỏ, bà to hơn và em mặc không vừa, nó bị rộng. Em cất kỹ trong tủ, loại đó ở đây mặc rất kỳ, em xấu hổ lắm...

Ai thấy mà xấu hổ? Bộ em tính mặc để ra bến đò tắm, vén qua 1 bên và tay cầm cục sà bông. Nó rộng, thì càng dễ vén chứ sao.

Dung liếc tôi xéo

Mang thì không ai thấy, nhưng giặt hay phơi thì cả thôn người ta thấy, em sợ là vậy!

Tôi nói, lỗi xóm gì vô duyên, lúc bị hăm hiếp thì không có ai, lúc mặc quần lót kiểu thì đàm tiếu. Dung bảo, Huế là vậy. Tôi nói, trong Nam, có cái quần đẹp, người ta phơi ra liền cho mà coi. Còn ngoài Bắc hả, có bao nhiêu của là mang hết trên người.

Anh nói là sao?

Giờ em gặp 1 cô người Bắc há. Cô mặc cái áo đẹp, cái quần đẹp, đi đôi guốc đẹp, đeo sợi giây chuyền đẹp, xách cái túi đẹp, có cái vòng đeo tay đẹp, cái nhẫn đẹp, thì đồ lót cũng phải đẹp, tính thêm cái xe máy đẹp luôn là 80% tài sản của cô chưa thể chấp, 20% còn lại là đồ xấu để mặc trong nhà!

Họ nhìn qua Kim Long, có Thiên Mụ lất phất ở bên sông. Dung hỏi

Tối nay anh muốn ngủ đò không, để em gọi cho.

Anh ngủ khách sạn được rồi em. Anh nghe nói là ngủ đò, tới

giữa sông vừa cởi quần ra thì họ lật đồ lấy bóp, nghĩ tới lồm bồm lội vào bờ anh không ham.

Đó là đồ lạ, em gọi đồ quen cho 2 đứa mình.

Anh ở Hương Giang, ngay trên lầu chỗ em làm, cũng là quen biết vậy. Còn quen luôn cái cô người Nha Trang.

Con bé lên 10 tuổi, chẳng hiểu sao lại mặc cái áo đầm mà ngồi trên bãi giặt đồ từ lúc này. Cái áo đầm cũn cỡn, có bé với khổ người, lòi bên dưới cái quần sóc trắng. Con bé lên 10 mặc cái áo đầm 8 tuổi chồm hồm ở bến sông. Mưa lộp độp mấy hạt, nó đứng dậy. 1 tay ôm cái chậu quần áo, tay kia còn xách 1 cái xô nước sông tới 15 lít. 15 lít nước là 15 kí lô mà con bé này chắc khoảng 25 kí là giỏi. Tôi nói

Thiếu Lâm trường hận.

Dung nhìn tôi

Mỗi ngày nó xách cái xô này, chạy lên cái dốc thì 10 năm sau nó sẽ phi thân được lên mái nhà. Sau khi tỉ võ với 18 La Hán thập bát ban võ nghệ, nó sẽ được rời thành phố này lấy tàu ở Ga Huế mà ra đi hành hiệp giang hồ. Nhưng đã là người Huế thì bao giờ cũng mang theo núi Ngự ở trong lòng.

Đưa đây để anh xách giùm cho, tôi nói với con bé. Em tên chi?

Em tên Ri.

Anh hỏi là em tên gì, chứ không mô tê răng rứa.

Dạ, tên em là Ri, ở nhà gọi rứa đó.

Nhà em mô?

Em ở trên nớ, đầu xóm Long Thọ

Tôi xách hộ cái xô nước, 1 tay giắt xe mà lệch cả người. Tôi nói Thì ra Huế là mặc áo đầm ra bến sông giặt giũ. Răng em diện dữ rứa?

Mấy đồ kia em còn đang giặt, Ri chỉ vào cái chậu.

Tôi hỏi Dung

Em có áo đầm không?

Em không có.

Lát nữa mình đi vũ trường hay quán nhạc sống.

Dung nói, dạ, ở Huế em chỉ biết có 1 chỗ.

ĐÔ KH



CHỖ CÓ BỤI MẬT GAI

Giót mưa ướt ngọn xuân thì
Em đi bỏ lại những tì vết nhau
Môi quen chưa kịp ứa nhàu
Màu phấn son đã biết đau kiếp này.

Để còn dấu tích trần ai
Bước qua chưa giáp đã trầy chân không
Ngày em vương sợi tơ hồng
Chắc gì thấy tôi lòng vòng phía sau!

Nơi ngọn cỏ mọc xanh xao
Có chùm gai nhọn đang cào cấu tôi
Vết đau đã tới tim rồi
Từ em tiếng khóc lạc loài bơ vơ.

Ở phía cuối một cơn mơ
Hồn tôi cũng đã dật dờ phiêu linh
Mà nghe thương tích tượng hình
Chỗ em lãng đãng làm tình tội tôi...

LỆ ĐÁ XANH

Đêm còn nghe biển khóc
Giọt đá xa gọi về
Thì thâm lời hoang phế
Từ một cõi u mê.

Giữa sóng cùng biển cạn
Giọt nước mắt đã già
Chảy qua đời người lạ
Để còn biết xót xa.

Hồn tôi thành đá mực
Chất cho đầy xanh xao
Trầm ngâm ngang đáy vực
Cùng cát biển cồn dâu.

Đêm tối tăm mù mịt
Đã mất dấu muôn trùng
Chờ em về nguyệt thực
Cho kịp lần khóc chung...

HƯ VÔ



CON CHUỘT NHẤT TẬT NGUYỄN

“**C**hú mua cây quạt đi chú; mua dùm con...”

Tôi trở về. Hai mươi năm sau tôi mới trở về. Chợ Bến Thành, thời trẻ chưa lần nào ghé qua. Lẩn thần thế nào mà lại lạc vào đây. Chắc tại nắng gắt, đôi giày mòn gót đưa tôi trốn vào đây chẳng. Ngoài kia trời trong nhưng oi. Và nắng bong da. Trong này, những chiếc quạt vắt vèo trên trần ném chút gió ong óng vào khoảng hành lang hẹp.

“Trời nóng, chú mua dùm con cây quạt đi chú.”

Tôi cúi xuống. Một con bé loắt choắt bám lấy chân. Bàn tay chỉ còn ngón cái xù lên như cái dùi trống, bốn ngón kia dính vào nhau chẳng chịt những xơ thịt xám ngắt. Hai cái dùi trống kẹp chắc một chiếc quạt nan. Thấy tôi để ý tới, hai con mắt hạt nhãn lấp lánh những tia vui. Hai cái dùi trống cử động, chiếc quạt mở ra. Hình gì thế này. Tôi không dám nhìn vào đôi hạt nhãn long lanh. Tôi chăm chú vào tranh vẽ trên nền quạt giấy. Con bé mở rồi xếp những nan quạt một cách thiện nghệ như đang làm ảo thuật. Hình gì thế nhỉ. Những nan quạt khép mở. Hình ảnh nhập nhòa. Chùa Một Cột. Đúng là Chùa Một Cột. Vua nào đó nhà họ Lý năm xưa đã có công xây lên ngôi chùa cho hậu thế có cảnh mà vẽ vào những tranh sơn mài, lên những tà áo, vào những chiếc quạt giấy bán rong trên đường phố.

“Chú mua dùm con cây quạt đi chú. Trời nóng chú ơi.”

Thì trời nóng. Cũng may mà ban nãy còn có những cơn mưa bóng mây. Tôi rờ rẫm những nan quạt mỏng như giấy. Tôi chân chừ. Sẽ làm gì với cái quạt mỏng như đồ chơi thế này. Tôi không nhìn Chùa Một Cột nữa. Khẽ đẩy con bé sang một bên, tôi dợm bước. Con bé lẻo mép; con chuột nhắt tật nguyên lẳng nhẳng đi theo tôi.

“Chú ơi!”

Tôi bước chậm lại, “Bao nhiêu?”

“Mười lăm ngàn chú ơi.”

Tôi chớp mắt, đếm thầm. Mười lăm ngàn tiền Việt Nam là bao nhiêu tiền Canada nhỉ. Một trăm đồng Canada hôm qua đổi được một triệu một tiền Việt Nam. Vậy thì mười lăm ngàn tiền Việt Nam là bao nhiêu tiền Canada. Tôi dốt toán từ hồi còn đi học. Ông thầy toán gọi lên bảng hai đứa học trò, một trai một gái. Vạch phấn trắng ngăn đôi cái bảng đen. Biên giới thọt thọt bất thân. Một đề toán chung.

“Mua dùm con nghe chú.”

Con mắt hạt nhãn long lanh. Bao nhiêu tuổi mà bé như con chuột nhắt. Đã thế lại còn tật nguyên. Tôi không dám nhìn vào đôi hạt nhãn long lanh. Để chú tính cái đã. Tôi lăm thầm. Chung một đề toán. Đứa con trai và đứa con gái. Thấy đọc cái đề. Hai đứa cùng giải trên bảng, trước mặt bàn dân thiên hạ. Cả lớp hồi hộp. Chỉ sai một cái dấu là bàn tay của ông thầy chắc như cái vỗ vỗ lên lưng rất bồng. Con trai thì như vậy. Con gái, thầy đánh lên mông. Chắc cũng rất bồng. Tôi chưa có dịp hỏi bất kỳ cô bạn học nào đã từng bị thầy đánh xem có rát như cái vỗ lên lưng những đứa học trò con trai ốm o xương cốt.

“Chú mua dùm con.” Con chuột nhắt nhắc nhở, cái quạt nan mở ra, đóng lại. Hình ảnh Chùa Một Cột nhập nhoè như khung cảnh trên màn ảnh lúc đoạn phim sắp dứt.

“Có mười lăm ngàn, chú ơi. Chưa tới một đô Mỹ mà chú, mua dùm con đi chú.”

Tôi nhìn quanh. Một cô bán hàng nhìn tôi, cười. Quầy hàng thời trang phụ nữ. Tôi biết nhờ hàng chữ Shop Thời Trang vắn vèo trên tấm bảng chữ nhật treo ở lối vào. Những chiếc áo ngực ren đen đung đưa mỗi lần chiếc quạt máy xoay qua, ném cho một vụn gió.

“Chưa tới một đô Mỹ mà chú,” con chuột nhắt tội nghiệp léo nhéo bên tai. Hai cái dùi trống cặp chiếc quạt nan, dúi vào tay tôi.

Tôi liếc nhìn cô bán hàng. Nụ cười vẫn còn đó. Cái mụn ruồi nhảy nhót trên cánh môi trái. Chắc cô cười tôi dốt toán. Ngày xưa mà như vậy, bàn tay thầy đã vỗ vào lưng. Rát bỏng.

Tôi bối rối luôn bàn tay vào túi quần, mò mẫm từng tờ giấy mềm nhũn. Tờ giấy bạc nhỏ nhất là tờ hai chục ngàn. Tôi rút ra một tờ. Giấy hai chục ngàn màu xanh. Tia sáng nào lấp lánh trong đôi mắt trẻ thơ. Con chuột nhắt kẹp cái quạt nan vào nách, để bàn tay dùi trống thọc vào cái túi ni-lông nhàu nát.

“Để con thối tiền cho chú.”

“Khỏi.”

“Khỏi hả chú?” Con chuột nhắt ngơ ngác.

“Khỏi thối tiền.”

“Dạ, cảm ơn chú.” Con chuột nhắt dúi chiếc quạt nan vào tay tôi.

Tôi khẽ đẩy nó ra, “Khỏi.”

“Sao vậy chú?” Mây mù chột giăng trong con mắt trẻ thơ. Chút sợ hãi thất thần. Bé con, không bán được món hàng, tối về có được ăn cơm không? Tôi trầm nghĩ.

“Giữ dùm chú.”

Tôi đẩy nhẹ con chuột nhắt qua một bên. Chiều rồi. Tôi còn bao nhiêu chỗ phải đi. Nghĩ cũng buồn cười. Ngày xưa ở Sài Gòn hai mươi mấy năm trời mà chưa một lần bước chân vào chợ Bến Thành. Bây giờ thì ghé thăm cứ như là khách lạ.

“Chú ơi!”

Gì nữa đây, con bé lẳng nhăng này.

“Không mua nữa mà!”

“Hồng có,” con chuột nhắt nhanh nhẩu.

“Vậy cháu muốn gì?” Tôi vừa hỏi vừa liếc cô gái trong quầy hàng quần áo thời trang phụ nữ. Bao nhiêu áo quần xanh xanh, đỏ đỏ. Bao nhiêu là áo nịt ngực ren trắng trắng, đen đen. Cái mụn ruồi trên khóe môi lẳng xằng khóe cười.

“Con giữ dùm chú rồi biết chú ở đâu mà trả.” Con chuột nhắt liến thoắng cái miệng.

“Khỏi trả.”

“Khỏi trả hả chú?”

“Khỏi.”

Con bé cười và xoay người lẩn thật nhanh vào đám đông. Bây giờ tôi mới nhận ra cái đầu tóc rối bù, chiếc áo vải hoa lòe loẹt rộng thùng thình có miếng vá hình vuông màu tím to như bàn tay sau lưng. Con chuột nhắt mang trên lưng khoanh vườn có hoa tím nở giữa loài hoa dại.

“Mua quần áo đi anh.”

Tiếng cô gái trong quầy hàng thời trang phụ nữ vọng ra. Cái giọng đả đả vạ vị cà phê pha đậm làm những bước chân người đàn ông sững lại.

Người đàn ông nhìn những chiếc áo ngực ren đen, “Tôi đâu mặc được những thứ này.”

Cô gái uốn éo thân người, luồn lách giữa những sạp quần áo, thoăn thoắt bước về phía người đàn ông. Những bước chân nhún nhảy. Chiếc mũ ruồi rung nhẹ như giọt nước lăn tăn. Mái tóc buông vào không gian lâng lâng mùi vải mới quyện chút hồ thơm tho như trang vở người học trò buổi đầu niên khóa.

“Thì mua cho bạn gái.”

Người đàn ông lúc lắc cái đầu. Những quầy hàng sắc sỡ vải vóc xoay vòng vòng. Tôi thấy chóng mặt. Thì ra người đàn ông là tôi. Tôi ngúc ngắc cái đầu. Bạn gái. Tôi có bạn gái không nhỉ. Anh đi bao lâu. Người con gái nào hỏi thế lúc đi với tôi ra phòng bán vé trung tâm dịch vụ du lịch. Biết có an toàn không mà đi. Ánh mắt nào ngại ngần. Anh mắt người con gái. Anh mắt theo tôi tới tận chốn này.

“Mua quần bò này đi anh.” Cô gái vung vẩy ống chiếc quần jeans xanh nhạt treo trên sợi dây giăng ngang trần hàng quán, “Mua cho bạn gái đi anh.”

Nhớ cẩn thận. Người con gái nào bên kia đại dương đã dặn dò như thế.

“Em nghĩ *size* này vừa chị ấy đó anh.”

Cô gái tháo hẳn chiếc quần *jeans* từ cái móc treo trên trần xuống. Cái *size* của người con gái ấy thế nào nhỉ. Cái người đã dặn dò tôi ấy mà. Tôi ngẫm nghĩ. Chiếc quạt trần ném ra những vòng gió mỏng mảnh. Những vòng gió mỏng mảnh đẩy đưa những chiếc bọc ni-lông loạt xoạt.

Cô gái bán hàng nhìn lướt những mặt hàng trên sạp, bốc lên một món và nhanh nhẹn gỡ chiếc áo ngực ren đen ra khỏi cái bọc

nhựa. Và một tay mảnh áo ngực một tay chiếc quần jeans, cô ướm hai thứ ấy lên ngực tôi. Tôi đứng sát quầy hàng, không còn chỗ nào để tháo lui. Mùi vải mới nồng nàn. Cô dựa sát người tôi. Cái đầu có những sợi tóc ngã màu vàng nâu. Mái tóc nồng mùi thứ dầu thơm lạ lẫm. Những sợi tóc chạm nhẹ lên má tôi.

“Em cũng cao bằng chị ấy phải không nào? Để em thử dùm chị ấy nhé.”

Tôi lắp bắp. Tôi nghe tôi nói gì đó. Cũng có thể tôi chẳng nói gì. Chỉ có những lời lao xao trong đầu. Và môi tôi mấp máy.

“Anh coi cửa tiệm dùm em, em thử mấy thứ này cho anh xem.”

Cô gái quay mặt thoăn thoắt bước đi. Chiếc bóng thon gọn ấy mất hút sau bức vách. Tiếng soạt của chiếc màn vải thô kéo ngang, che kín cái khoảng vuông hẹp tối tăm. Tôi đứng ngẩn ra đó. Tôi bối rối nhìn quanh. Vài người khách đi qua, nhìn những món hàng gói trong giấy bóng kính xếp cạnh nhau trên mặt quầy hàng. Tôi trở thành kẻ canh giữ quầy hàng. “Cái áo này bao nhiêu vậy chú?” Giọng một người đàn bà. Tôi bối rối. “Hả chú?” Tôi lúng túng. Tôi nói, “Hình như có ghi giá ngoài cái bọc mà chị.” Người đàn bà cầm chiếc áo gói trong bọc giấy bóng kính lên, lật qua, lật lại, chăm chú nhìn. Rồi người đàn bà đặt món hàng xuống. “Mắc thấy mục nội!” Và vung vẩy bước đi.

Chiếc màn cửa lay động. Cô bán hàng bước ra. Ngực đầy. Mông cũng đầy và cặp chân thon. Cái áo ngực ren đen bên dưới chiếc áo thun trắng và chiếc quần jeans màu xanh nước biển ôm gọn thân hình.

“Vừa khít đó anh.” Cô nói, giọng reo vui.

Tôi nhìn. Tôi không biết nói gì. Về bên đó, nhớ cẩn thận. Người con gái nào dặn dò như thế lúc đưa tôi ra phi trường.

“Anh mua cho bạn gái nhé,” cô gái nhắc.

Tôi gật đầu. Tôi biết làm gì khác hơn là gật đầu. Chiếc áo ngực ren đen vun đầy hai đồi ngực. Chiếc quần Jeans tô đậm những đường nét hình học không gian thời trung học. Cô gái tung tăng bước vào cái khung hẹp góc quán. Tiếng loạt xoạt lại vang lên lần trong tiếng còi xe ngoài phố.

“Anh ấy ời.” Từ trong góc hẹp, tiếng cô gái vọng ra. Tôi giật mình. Ở đây ngoài tôi ra đâu còn ai khác. Chắc *anh ấy* là tôi. Tôi

nhìn quanh để trấn an tôi, và tôi lăm lăm bước về phía cái khoảng hẹp hình vuông ở góc quán. Tôi đứng lại ở lần vạch vô hình. Tôi đếm những bông hoa vàng trên tấm màn màu tím. Những bông hoa làm tôi hoa cả mắt. Chợt tấm màn bị gạt qua một bên. Cô gái chỉ cho tôi cái móc gài trước ngực trên mảnh áo ngực ren đen đang ôm cứng hai bộ ngực trắng như ngọc thạch. Tôi dán mắt vào nốt ruồi son. Nốt ruồi son tròn như đồng hai mươi lăm xu Xứ Tuyết, trên cái vòm cong bên trái. Gần chỗ của trái tim.

Nốt ruồi son không biết nhảy nhót như nốt ruồi trên cánh môi trái, nhưng biết phập phồng theo nhịp đập trái tim.

“Em quên nói anh là loại áo ngực của Hồng Kông gài móc phía trước chứ không phải ở phía sau như loại áo ngày xưa. Nhớ nói chị ấy...”

Tôi chớp mắt. Tôi gạt đầu lí nhí cảm ơn. Và tôi vội vã xoay người len lỏi giữa những sạp hàng, bước ra phía trước. Bởi cô gái vừa bắt đầu gỡ chiếc áo ngực ấy ra khỏi khung da thịt bán thân màu cẩm thạch chói chang mắt nhìn.

“Anh mua luôn một cặp cho chị ấy nhé,” cô gái thuyết phục. Tôi vội vã gạt đầu.

Xếp gọn ghê chiếc áo ngực ren đen, cẩn thận nhét vào trong cái bọc ni-lông, chung với hai chiếc quần *jeans*, cô gái gói gói hàng vào tay tôi. Chiếc mụn ruồi lại nhảy nhót trên cánh môi, “Em đã thử kỹ rồi đấy, chắc chắn là vừa với chị ấy.”

Ra tới đầu con phố, tay ôm chắc gói hàng có hai chiếc quần jeans và hai chiếc áo ngực ren màu đen, tôi cố nhớ lại xem mình có bạn gái hay không. Nốt ruồi son theo tôi suốt quãng đường. Nốt ruồi son lượn lờ như cánh diều giữa vùng trời lộng gió.

Về tới khách sạn tôi vẫn nghĩ không ra tên cái người mà mình sẽ đem hai chiếc áo ngực ren đen và cái quần jeans này về làm quà. Và lúc trả tiền tôi cũng quên hỏi giá cả bao nhiêu. Và hình như lúc tôi trả tiền cô bán hàng đòi đô Mỹ, tôi nhớ đoạn này bởi lúc nhìn những đồng tiền Canada, cô ấy hỏi tiền nước nào vậy anh.

Tôi mở khóa, đẩy cánh cửa, luồn nhanh vào phòng để tránh cái nóng hừng hực ngoài hành lang. Tôi quăng cái bọc có hai chiếc quần jeans và đôi áo ngực ren đen xuống giường. Tôi gỡ bỏ áo quần như kẻ vừa ngã vào vũng hóa chất độc hại tháo bỏ lớp da. Mồ hôi

dán vải áo lên lưng tôi. Tôi lột, tôi gỡ, tôi tháo cuống cuống. Tôi mở vòi nước lạnh. Tôi bước ngay vào giữa cơn mưa phùn lạnh toát. Cái lạnh nhắc nhớ những ngày mùa đông xứ Tuyết. Cái lạnh nhắc nhớ những chuyến đón đưa nghiêng ngả trong bão tuyết. Hình như có một người con gái yêu tôi. Tôi đoán vậy.

Đêm xuống vội. Tôi mở tất cả những ngọn đèn trong phòng khách sạn. Tôi vặn máy điều hòa không khí tối đa. Tôi đứng bên cửa sổ nhìn xuống phố phường bên dưới. Muộn lắm rồi nhưng đường phố vẫn náo nhiệt người qua lại và tiếng còi xe vẫn láo nháo liên hồi. Tôi mở ti vi. Đang có chương trình đố vui gì đó. Người dẫn chương trình đặt câu hỏi. Một bé gái ngập ngừng câu trả lời. Khán giả vỗ tay rào rào. Người dẫn chương trình gật gù, tay xua tới tấp như đuổi ruồi. “Đáp án của em chỉ đúng một nửa.” Tôi ngheh cổ nhìn. Người này đặt câu hỏi, người kia trả lời. Sao lại có án với lệnh gì ở đây. Mãi tôi mới ngộ ra. Ý anh ta muốn nói: Câu trả lời của em đúng một nửa.

Chán! Tôi tắt ti vi. Tôi nằm dài ra giường, dỗ giấc. Giờ này ở xứ sở bên kia trái đất đang là trưa mùa hạ, và đang có một người ngồi đếm thời gian.

Mà người đó có thật hay chỉ là tôi tưởng tượng ra đấy thôi.

Bất chợt ánh sáng tan biến. Những bóng đèn tối mù. Tiếng rì rào của máy lạnh tắt ngấm. Cúp điện mất rồi. Tôi nói một mình. Tôi nhồm dậy, ngóng qua cửa sổ. Đường phố bên dưới chỗ sáng, chỗ tối đan vào nhau. Ánh đèn xe kẻ vạch trên mặt nhựa. Tôi trở về giường. Tôi thả tôi xuống mặt nệm. Xuôi tay, xuôi chân. Làm gì được bây giờ. Cố dỗ giấc. Mai còn nhiều việc phải làm. Tôi nhìn đăm đăm khoảng trần nhà lơ mờ ánh đèn chiếu lên từ dưới phố. Tôi tỉnh táo như thể đã uống hàng chục ly cà phê pha đậm. Tôi nhắm chặt hai mắt. Phố phường vẫn nhộn nhịp. Những ngã tư đường vẫn rõ nét trong trí tưởng. Những quầy hàng vẫn tràn xuống mặt đường. Những người gánh hàng rong vẫn mắt trước mắt sau. Những bàn tay vẫn tua tua mọc lên như những cành khẳng khiu. Những tấm vé số vẫn xòe ra như chùm lá đầu cành. Những gã áo quần nửa công an nửa dân thường vẫn lom lom con mắt sắc. Con chuột nhắt vẫn có những ngón tay xù lên như dùi trống. Cái mụn ruồi vẫn tinh nghịch nháy nhót. Nốt ruồi son vẫn nôn nóng phập phồng.

Tôi ngồi bật dậy, tháo tung gói hàng. Tôi chọn cái áo ngực ren đen. Tôi úp hai đốc đôi lên hai con mắt khô lạnh. Tôi nhắm mắt dỗ dành giấc ngủ. Tôi bơi lội lặng lẽ như con cá an phận trong khung lưới ren đen. Mùi vải mới thơm non. Mùi vải mới gây gây, lạ lẫm. Nốt ruồi son nhún nhẩy. Nốt ruồi son nhòe nhệt như giọt mực loang lổ dưới mưa.

Chợt, con ruồi, con muỗi, con dán, con chuột nào đó bò lên cổ tôi. Tôi ngồi bật dậy. Sợi dây chiếc áo ngực ren đen vướng ở vành tai. Tôi vuốt mặt, vuốt cổ. Chỉ là những dòng chảy ngoằn ngoèo của mồ hôi. Ngứa ngứa, nhột nhột.

Tôi bò dậy, đứng bên cửa sổ đón chút gió. Con phố mịt mù bên dưới. Vài bóng người lướt đi dưới những lùm cây. Cái đồng hồ ở đầu giường mất điện nên không còn chỉ giờ. Đường như tôi đã ngủ được ít nhiều bởi dưới kia phố đã vắng xe cộ. Tôi chùi những giọt mồ hôi đang từ thái dương bò xuống cằm. Biết vậy hồi chiều đừng trả lại chiếc quạt nan cho con chuột nhắt tạt nguyên.

Cơ khát sấy khô cổ họng. Chắc phải mò xuống phố kiếm thứ gì ăn. Hay kiếm cái gì đó uống. Nơi này chắc không có giờ giới nghiêm.

Tôi thả bộ đi dài con phố. Hơi nóng vắt lên vai nặng trĩu. Tôi nhìn quanh bóng tối. Những khung cửa sắt đóng kín. Tiếng cười rúc rích trên vỉa hè. Tiếng chửi thề lạnh lạnh của đứa con gái nào đó vang vọng trong đêm. Tôi đảo mắt nhìn quanh. Tôi nhớ hồi chiều bắt gặp một xe bán đủ loại nước giải khát trên khúc đường này. Tôi cần một thứ gì đó vừa lạnh vừa ngọt. Tiếng con mèo nào đó gào vang đêm vắng từ một ngõ hẻm tôi vừa đi qua. Tôi rảo bước trên vỉa hè lam nham những mảnh gạch vỡ. Những giấy vụn, những lon nước, những ống hút bằng nhựa lao xao dưới gót giày. Tôi vướng vào một chiếc dép đứt quai ai đó quăng trên lề đường.

“Mua quạt hông chú? Trời nóng, chú ơi.”

Giọng nói quen vọng ra từ xó tối. Tôi bật người quay lại. Trong cái xó tối tăm bên lề đường, tôi thấy một đồng người lúc nhúc vắt lên nhau. Như những con chó nhỏ trong cái ổ của một lứa mới lọt lòng mẹ. Một cái bóng mọc lên từ cái ổ chó con ấy. Hai ba giờ sáng rồi mà ổ chó con còn thức. Tôi thầm nghĩ.

Con bé chạy nhanh đến bên tôi. Cái đầu tóc rối bù, chiếc áo vải hoa rộng thùng thình. Chiếc quạt nan xòe ra thật điệu nghệ. Hết

như người ta làm ảo thuật. Tôi ngỡ ngàng nhìn nó. Những ngón tay xù lên như cái dùi trống.

“Mua dùm con cái quạt đi chú.”

Hai con mắt long lanh trong bóng đêm. Hai con mắt đẹp. Hai con mắt lồi xệch xệch tôi về cái thời thơ ấu. Những dùi trống sần sùi khép mở thật nhanh những nan quạt. Chùa Một Cột nhấp nhóa ánh đèn đường. Tôi không dám nhìn lâu vào hai con mắt ấy. Nhưng tôi dám chắc không đôi mắt của bất kỳ hoa hậu Việt Nam nào đẹp bằng đôi mắt con chuột nhắt tạt nguyên trên đường phố của một Sài Gòn đã cũ ấy. Ánh mắt ấy tỏa sáng những khung hình một thiếu nữ. Không còn chiếc áo vải hoa rộng thùng thình có miếng vá hình vuông màu tím to như bàn tay ở sau lưng, không còn ngón tay dùi trống. Một thiếu nữ tươi cười của buổi lễ tốt nghiệp nào đó, trong một trường đại học nào đó, ở một tương lai nào đó. Như ở xứ sở đang cưu mang tôi chẳng hạn. “Cháu thích Canada không?” Kẻ nào đó trong tôi buột miệng.

“Chú nói chi con hồng hiệu.” Con bé tròn xoe con mắt, hỏi. Tôi giật mình. Và tôi lắc đầu quây quây.

“Không có chi, O... Bán cho chú một cái quạt.”

Con chuột nhắt chọt reo lên mừng rỡ, “À, con nhớ rồi, hồi chiều chú nhờ con giữ dùm cây quạt...”

HOÀNG CHÍNH

01 tháng 07, 2019



HÃY CHẾT TRONG NIỀM XA VẮNG

giữ màu nắng dắm lòng tay rướm máu
dung chứa mùi hương lửa hóa yêu mê
ta đắm đuối hôn nhẹ nhàng ảo ảnh
người của lung linh ma mị ngậm câu thề

vuốt ve tình hảo huyền xa xỉ lắm
bên vực ngày tay với chạm vào đầu
ai khóa thân cong mềm như sợi khói
khả ái đầy ư, một dị ảnh không đầu!

thôi, hãy nén lời buồn trong cuống họng
biệt tăm rồi ký ức sẽ tàn phai
sao cứ mãi “hiện về trong đáy cốc”
người cả cười man dại giọng liêu trai

nắng hãy chết trong lòng tay đi nhé
thế là xong tội nghiệt những lần trầm
ta cúi mặt ngậm ngùi hôn bóng tối
đất trở mình thơm ngát với trăm năm

ln ngày nắng. 8/7/19

CHIỀU UỐNG RƯỢU NHÌN MƯA

hững hờ nắng biết trườn đi
hút trong chiều lạnh thăm thì bóng mưa
nào dám ngược dải xanh xưa
sao đen giọt rượu đắng chưa miệng thèm?

ấm mùi mốc chỗ ngồi quen
câu thơ lạc vận chết đêm qua rồi
hương bay điệp lục trên đôi
tiếng hư linh rụng xám ngôi tôn thờ

chuông rung bạt vía hồn thơ
thấp lên dĩ vãng bóng khờ khạo đau
dường như ngực rách tuôn trào
trừng chi hai mắt đắm màu máu thơ!

tptayninh. 1/2019

CHÚNG LÀ SỰ SÁNG TỐI CHẬP CHỜN

Nhìn thấy lý tưởng hiện rõ khuôn mặt
trạng thái của miệng hớp từng ngậm màu tối
từ lồng ngực sự rục rở của ánh sáng đang lên cơn sốt
không hề nhể xuống giọt cảm xúc nào cho một định nghĩa
cơn mơ luôn hư cấu tương lai như sợi khói trên trục thời gian xoay
ngược
chẳng ai dám đóng đinh cái bóng lên vách đức tin
làm thế nào khâu lại vết tâm linh rách toạc bằng nỗi ám ảnh sợ hãi
đêm nghiêng lặng để cho tiếng gió nhú mầm
vỡ giọng cười thăm xanh bao mùa thương tích

tôi sợ không còn gì để nhìn nữa
 nghiền ngẫm hận thù bức bách mặt trời mở mắt
 lời đồng dao thổi phèo phào trong vũng lầy hoài niệm
 nhiều dạng hình ảnh bị trói giữa tổ khúc ảo giác
 những kẻ sát nhân bước ra từ đám mây đen
 hãy chết trong niềm xa vắng

HÃY NGỦ VUI TRONG CÔ ĐƠN

hãy kết thúc đi tôi ơi!
 vì cuộc chơi trí trá với nhau đã nhàm chán rồi
 thời gian đang ngăn lại dành cho một đời người
 tìm trong thình lạng tuyệt vời
 đôi khi, sẽ nghe và thấu hiểu được những điều ẩn ngữ

hãy thản nhiên mà nhìn
 loài rắn lục cườm xanh trườn mình vào bóng tối
 diễm tuyệt sự nguy trang cùng niềm kiêu hãnh
 nó thè chiếc lưỡi uốn lượn và thật đáng yêu
 tỏa mùi hương hòa quyện vào con chữ thơ tôi
 từ khi nào đã nhú ra hai chiếc răng nanh sắc nhọn

thật sự, cảm thấy nhẹ nhàng hơn chưa
 tại sao ta không biết tạ ơn bóng tối ngục tù
 hàm chứa vẻ ngây dại, điên mê không thiếu phần hờn hĩnh (?)
 hãy trở về dĩ vãng
 ngủ vui trong cô đơn
 tiết nhiên không còn lo sợ độc tố vây quần thân mình

KHALY CHÀM

bgsamat 1/2018



NGUYỄN THỊ HỒNG HẢI

CẢM ƠN. DAVID

Bà Kate tìm chìa khóa mở cửa. Một tay cầm hộp bánh King cake, tay kia thò sâu trong túi xách, cái túi da màu nâu đeo trên vai lĩnh kính giấy tờ, bánh kẹo mang về từ lớp học. Khó khăn lắm, ngón tay của bà mới chạm trúng hơi lạnh của chùm chìa khóa. Ổ khóa đã cũ, mỗi khi mở, phải xoay mạnh tới hai lần. Tay bà càng ngày càng yếu, lỏng cồng vụng về, đôi khi cầm đầu tuột đó, nên mỗi khi mở cửa nhà, bà lại giận thằng James. Cuối tuần dẫn vợ con về, à ới má má con con là chúi đầu coi phim, ăn uống chơi game, sau khi bày một nhà chén bát. (Con vợ nó cũng tệ, không hề muốn lê la cạnh bồn rửa chén vì sợ gãy móng tay giả đắp bột dài thượt của nó) Thằng James, chơi chán chê rồi leo lên xe, chở vợ con đông mất. Nó không hề nhớ coi lại ổ khóa cho bà.

Nó làm biếng nhưng khéo nói, nên trước sau, bà chưa thể, hoặc không muốn can nhần nó. Dù sao, bà vẫn thích nghe tiếng con cháu chạy nhảy la hét inh ỏi vào cuối tuần hơn là cùng con mèo ngồi sưởi nắng trước thềm, rồi thấp thỏm động tai chờ nghe tiếng xe máy nổ xình xịch trước sân.

Càng về già, người ta càng nhỏ bé trước con cái. Con mèo nhảy xổ tới, âu yếm liếm giấy của bà. Nó là sinh vật duy nhất trong nhà thật sự mừng rỡ khi bà về tới nhà. Hơi khó nhọc khi cúi xuống, bà ve vuốt bộ lông mượt mà của nó. Bà ôm nó lâu hơn thường lệ và tận hưởng một cách thích thú cái cảm giác ấm áp từ thân thể mềm mại đang cựa quậy trong tay.

“Thế nào, Cola. Chắc mày đói rồi. Lại đây nào con.”

Bà vừa mở hộp thức ăn cho mèo, vừa lẩm bẩm.” Mày phải

diet thôi. Mà mập quá rồi. “ Nghĩ đến gian hàng thức ăn cho mèo ở chợ Pet Mart, bà chưa biết chọn loại diet nào, nhiều loại quá, cái nào cũng quảng cáo bắt mắt, nhưng chưa chắc con Cola của bà thích thú. Nó kén chọn thức ăn, đôi khi chỉ đưa cái mõm hồng hồng khướn ngửi rồi ỏng ẹo ngó lơ chỗ khác.. Nó không ăn lại mất công năn nỉ thằng James mang đổi dùm.

Con vợ nó ghét mèo một cách ngạc nhiên.

Xong xuôi phần mèo, bà xoa tay quay sang nhìn hộp King cake. Ánh sáng từ ngọn đèn bóng nhỏ, chiếu xuống mặt bàn trải khăn trắng những đốm hoa văn màu tím nhạt mang vẻ buồn buồn lẫn ảm đạm, như chính bản thân nó muốn nghỉ ngơi sau khi làm việc quá nhiều năm. Trên bàn, duy nhất một bộ đĩa ăn, một chùm nho và vài quả táo lọt thỏm trong đĩa trái cây. Ăn trưa ở trường học nên buổi tối, thường bà chỉ hâm lại soup khoai tây hoặc gumbo cùng vài lát sandwich mỏng.

Bà xê dịch hộp bánh ngay ngắn vào chính giữa bàn. Ngọn đèn như sáng hơn và đốm hoa văn vàng vọt biến mất. Ánh sáng mềm mại từ nền hoa tím vạch những nét ngoằn ngoèo vui mắt như con cờ điện tử. Một vài vệt lốm đốm nâu sậm chạy theo mép bàn và bà tự hỏi. Có phải vết dầu hay đại loại thức ăn nào đó, hoặc đám con thằng James bôi quệt lên bàn, hay là thằng James không chừa. Thằng đó, chẳng thà bôi tay bẩn dưới mép gầm bàn còn hơn phải với tay lấy miếng nappkin. Vậy mà làm bố của hai đứa nhóc cơ đấy Bà ngược mắt .

Trên tường đối diện bàn ăn, ông John đang nhìn bà. Trong ánh mắt ông lấp lánh với miệng cười hóm hỉnh, nét nhìn sống động như ông chưa hề rời khỏi, hệt như ông vẫn đang tồn tại trong căn nhà mà họ đã có cùng nhau những tháng năm hạnh phúc. Kia, ông đang cười, mắt hấp háy theo thói quen: “ Ăn vậy thôi à , bà nó ời” .”Ông ăn bánh nhé. King cake mùi quế mà ông thích đấy” Bà thăm thì.

Cái bánh mới hấp dẫn làm sao. Lớp mặt bánh phủ màu xanh lá cây non chạy viền cam, đỏ. Người ta còn vẩy thêm một lớp nhũ kem nhìn óng ánh như kim tuyến. Đường kem dày, mỏng nở đầy đặn, là những cánh hoa xếp xen kẽ với lá dương xỉ. Cái bánh, nó tròn trịa , duyên dáng đến nỗi bà không nỡ cắt rời nó.”Nhìn ngon quá. Ông John nhĩ. Tôi phải để dành cho vợ chồng thằng James, cuối

tuần này con bé Bailey cũng về. Dạo này con bé mập hơn, ông ạ. Đáng ra nó không được ăn bánh ngọt, mẹ nó phải lo diet cho nó, nhưng chắc tướng tá của nó sẽ giống mẹ nó mất thôi. Đáng thương quá, ông nhỉ. À, nhưng mà..một miếng bánh nhỏ chắc không đến nỗi..” Bà ngẫm nghĩ” Nào, chàng trai. Ông muốn thử một miếng không? “ Bà vừa đọc thoại với ông vừa đi về phía bếp tìm dao.

Không thấy dao ở học tủ ngang tầm tay, bà mảy mò bên phải, bên trái, và khó nhọc mở cánh tủ trên cao “Tôi vẫn để nó ở đây mà. Chắc tội nhỏ mang vất đầu rồi. “ Bà khom lưng kéo lê chiếc ghế về phía giàn bếp “Ông biết mà, cái chân của tôi là một trở ngại lớn, mỗi năm nó mỗi đau nhức nhiều hơn. Mỗi ngày, tôi đã uống quá nhiều thuốc, tôi chán lão bác sĩ Grey với cái phòng mạch lúc nào cũng nhai đi nhai lại bài hát “ You’re so beautiful.” Có những bài hát khi mình già đi, âm điệu nó trở nên vô duyên kinh khủng ông ạ. Cái gì mà..You’re so Ông John, tôi e là mình không thể tiếp tục đi dạy học nữa”

Bà mệt mỏi ngồi dựa vào bếp, đưa bàn tay phải bóp qua tay trái, từ cườm tay dần lên vai. Nhìn lớp da nổi gân xanh nhăn nheo, bà tiếp tục lăm bắm với ông “Nhưng nếu không tìm việc gì đó để làm, chắc tôi sẽ chết dần chết mòn trong căn nhà này mất thôi. Tôi biết, mình đã bắt đầu lăm cẩm, nói nhiều, không đầu không đuôi, chắc ông chán lắm, nhưng nếu tôi không than thở với ông thì tôi biết nói cùng ai. Ông biết đấy, ông John, tôi đã quá già để phải đi làm. Tôi đã bảy mươi lăm rồi. Ông có nhớ tôi đã bảy mươi lăm rồi không ?

“Nghĩ xem, nếu tôi phải ở nhà suốt ngày với con Cola , chắc tôi chết khô mà chẳng ai biết “

Bà phẩy tay “ Ông là lão già hư đốn. Ông chẳng biết gì hết “ Bà cho con mèo vài muỗng canh soup và hài lòng khi nó meo meo muốn đòi ăn. Cái mũi nó mới ngộ nghĩnh làm sao. Mắt nó cũng xinh chẳng kém. Đen thui, tròn xoe , ranh mãnh. Lúc ông mất thì nó còn bé xíu nên chắc nó chẳng nhớ ông. Không riêng gì nó, những người bạn thân thiết của ông dường như cũng đã quên ông. Người già , nếu không thường nhớ về quá khứ thì thường chỉ nhớ những điều vật vãnh. Và khi đến giai đoạn vào nursing home thì ký ức chắc sẽ thu nhỏ chỉ bằng hạt đậu. Hạt đậu giữa bốn bức tường và một chút xíu khoảng sáng từ cửa sổ. “Không biết khi nào tôi gặp ông, và

gặp ông bằng cách nào. Tôi luôn tự hỏi mình như vậy. Ông John. Tôi không thích ở một mình trong cái nhà hạt đậu ấy.

Bà cầm túi xách đi lại gần tấm hình của ông, nhìn ông cười vẻ bí hiểm “Quà đặc biệt của tôi đây, ông John” Bà lôi ra một cái khăn choàng cổ bằng len mới tinh, đường len sắc sảo màu đỏ đậm phơn phớt chỉ hồng. Nét hoa văn cầu kỳ ở đầu khăn mà bà quả quyết, phải có bàn tay cực kỳ khéo léo mới có thể dệt được như vậy” Ông John, ông đã từng thấy cái khăn nào đẹp như vậy chưa “Bà ướm vào cổ “đẹp quá, ông John nhỉ, của David tặng tôi đây”. “ Ông hỏi David là ai à. Không phải cái lão David sửa xe mà mặt mũi lúc nào cũng cau có như vỏ xì lốp đâu nhé.Chàng trai này là bạn cùng trường với tôi ấy mà “

Bà nghĩ ngợi. Nói sao nhỉ...

Đó là người đàn ông Á châu, chuyển về công tác ở trường bà gần hai năm nay. David là người bạn nhỏ, thân, rất thân với bà. Bà có thiện cảm với anh ngay từ ngày đầu tiên khi bà gặp anh ở văn phòng. “ Tôi họ Nguyễn, nhưng bà có thể gọi tôi là David, tôi dùng nick name này để mọi người dễ dàng gọi trong công việc”

Anh khiêm tốn, chân thật và đáng tin cậy. Không riêng bà, giáo viên ở trường ai cũng yêu quý anh. Bà thương cái dáng lăm lũi của anh khi băng qua dãy hành lang dài, thương cái giọng nói vừa chậm rãi vừa từ tốn. Anh có thể kiên nhẫn nghe bà kể chuyện đầu cua tai nheo mà ở trường, bà vốn là người thích kể lể. “David hồi ở Việt nam cũng đi lính như ông đấy, ông John”.

Ông John đi lính Mỹ qua Việt nam từ thập niên bảy mươi , nhưng chỉ hai năm sau, ông được giải ngũ vì bị thương. Ông ít khi kể cho bà nghe về cuộc chiến ông đã trải qua.

Hầu như ông không hề nhắc về khoảng thời gian đó,và có vẻ như ông không hãnh diện vì mình từng góp phần cùng nước Mỹ, một cách gián tiếp bảo vệ lý tưởng tự do cho các nước đồng minh. Có một cái gì lẩn khuất trong cuộc chiến tranh đó. Sự bỏ chạy của quân đội Hoa kỳ, sự tính toán hơn thiệt trong chính quyền và họ bắt tay nhau để bọn Bắc Việt chiếm miền Nam ? Bà không biết nhiều về điều đó, nhưng bà đoán chắc một điều, đất nước của David, những đồng bào chiến hữu của anh xứng đáng phải được bảo vệ, giúp đỡ, qua tư cách của anh.

“Ông đánh nhau với cộng sản nhưng ông có biết chúng tàn ác như thế nào không . Cái bọn miền Bắc ấy.” Ngón tay của bà ve vuốt tấm ảnh của ông " Không giống như Civil War của mình đâu ông ạ. Khi Nam quân thua Bắc quân, hai bên, dù đối lập nhau về đường lối, và những hậu quả sau chiến tranh, nhưng tựu chung, chúng ta vẫn ngồi lại hàn gắn tìm tiếng nói chung để cùng phát triển đất nước. Còn bọn Cộng sản, khi chiếm miền Nam, ngoài việc vơ vét của cải, phá hoại những công trình kiến trúc ở miền Nam, chúng bắt tất cả quân nhân miền Nam đi ở tù, hành hạ đói khát để họ chết dần chết mòn bởi bệnh tật, còn những người dân, họ chết nhiều vô kể trên đường chạy trốn "

Bà choàng chiếc khăn quanh cổ. Mùi len mới thơm nhẹ thoảng qua mũi thật dễ chịu. Chiếc khăn màu đỏ làm gương mặt bà như sáng hơn, bớt ủ dột hơn. Bà nhớ khi chiều, khi đưa bà chiếc khăn, David dặn bà phải nhớ choàng khăn khi ra đường, nhất là những ngày khí hậu đột ngột thay đổi." Bà đã lớn tuổi rồi, rất dễ ốm "Khi bàn tay anh vỗ nhẹ sau lưng bà ,sóng mũi bà cay cay, Có điều gì êm ả chảy qua huyết quản bà, đó là sự chăm sóc ân cần mà từ lâu bà không nhận được từ người nào khác, ngoài chồng bà.

Khi ta già đi, những giây thần kinh cảm giác trở nên nhạy bén hơn, yếu đuối hơn, nhất là khi ta quá cô đơn .

Mỗi chiều, ở chỗ chờ xe bus đón học sinh, bà thường chuyện trò cùng anh, và cũng mỗi ngày một ít, bà biết thêm nhiều về chiến tranh Việt nam, về cuộc sống của anh. “ Bà hỏi tôi có thích nước Mỹ không ư? Nếu trả lời thành thật, tôi có thể nói rằng, tôi không thích ở đây. Mặc dù chúng tôi luôn cảm ơn nước Mỹ đã cho chúng tôi cơ hội tạo dựng một đời sống mới, và quan trọng hơn, chúng tôi thật sự có tự do. Ai cũng có một quê hương để nhớ, tôi cũng vậy, nhưng chúng tôi thật sự đã mất quê hương rồi “

“ Vậy, khi cộng sản sụp đổ, anh có về lại Việt nam không ?”

“Chắc chắn rồi. Chúng tôi ai cũng khao khát điều đó, nhưng, chắc đời của chúng tôi không kịp về đâu, bà ạ”

Bà thấy hình ảnh gia đình của anh, vợ con anh quây quần bên lò sưởi mở quà Giáng sinh. Những ngọn lửa ấm áp nháy múa trong đôi mắt của họ, lửa chan chứa yêu thương. Quen biết David. Căn cứ màu da và ánh mắt , bà có thể phân biệt người Tàu, người Phillipine, người Korea, người Japan, bà biết thêm về đời sống của

những người tị nạn, những khó khăn của họ trong thời gian đầu định cư tại Hoa kỳ. Họ làm lại từ đầu bằng nghị lực và nhẫn nại. Như con kiến mỗi ngày cặm cũi tha thức ăn về tổ, tích lũy dần cho đàn kiến con. "Nhưng ông John à, đa số họ thành công, bởi vì họ có một nền giáo dục gia đình rất tốt, đáng để mình học hỏi"

David cho bà coi những tấm hình mà bạn của anh về Việt nam vào tận trong những miền núi phát thực phẩm, thức ăn cho trẻ nhỏ. Những đứa trẻ mắt mũi lem luốc, chân gầy đen đui, quanh đời đi chân đất. Những đứa trẻ suốt đời chỉ quanh quẩn trong vùng núi non lạnh lẽo mà chắc chưa hề có khái niệm gì về tương lai phía trước.

Bà không thể tưởng tượng đâu đó ngoài thế giới bà đang sống có những phận đời sống khốn khổ như vậy.

Ở đây, ngay chính ngôi trường bà đang dạy, thừa mứa thức ăn, cuối bữa, bánh mì, sữa, trái cây, kem, chuối..bọn học trò bỏ lại la liệt, chất đầy bốn, năm thùng rác to. Số lượng thức ăn vất đi đó, có thể nuôi sống hàng bao nhiêu kẻ đói khổ "Thế đấy, ông John ạ, rồi Chúa sẽ phạt chúng ta cho xem"

Con mèo nhảy thót vào lòng bà, cạ mõm nũng nịu như tìm hơi ấm từ bàn tay già nua của bà. "Ngoan nào, Cola. Tao đang nghĩ, có nên để dành bánh cho thằng James hay tao ăn trước một miếng đây."

Và nhìn ảnh của ông bà nháy mắt " Ông nghĩ sao, ông John, một miếng nhé"

Bà nhẹ nhàng mở hộp. Cái bánh King cake màu xanh lá cây với mùi thơm quế nằm gọn ghẽ trước mắt bà. Cái bánh đầu tiên bà nhận được của người bạn nhỏ đến từ vùng châu Á nào xa lơ xa lắc mà trước giờ bà chưa hề quan tâm đến nó, nó chỉ như một điểm mờ nhạt trên bản đồ rộng lớn, một cái chấm lẻ loi trong hàng triệu cái chấm khác khi ta nhìn qua quả địa cầu. Bây giờ, bà đã biết nó nằm ở vĩ độ, trung độ nào. Nó cong queo, gầy nhom, teo tóp, như đang è cổ gánh lấy một dây đất đỏ sộ Trung hoa phía trên. Nó được bao bọc bởi bao la đại dương. Bà cảm thấy yêu mến đất nước nhỏ bé khốn khổ đó, yêu mến chính con người mang trái tim hiền lành tử tế như anh.

Bà từ tốn cắt bánh. Khéo léo đặt ra đĩa miếng bánh nhỏ hình tam giác, miếng bánh nhân quế nâu viền xanh đậm lá.

Bà thì thầm " Mời ông. John"

Và dịu dàng " Cảm ơn. David"

NGUYỄN THỊ HỒNG HẢI

MƯA. CỔ TÍCH. VÀ CHỈ TÔI DẠI KHỜ

Lần tôi về chốn cũ
Cổ tích buồn hơn xưa
Lá khô vàng ử rữ
Bên thêm cỏ lúa thừa

Thời gian nhoà vết mực
Sương pha mờ hơi người
Ngọn cỏ nào bứt rứt
Ký ức nào chưa nguôi

Tìm nhớ trong sợi nắng
Tìm thương trong sợi mưa
Chút tình tôi xa vắng
Vá víu ngọn ngành xưa

Không lần về chốn cũ
Cổ tích mờ dấu xưa
Khu vườn trong huyền thoại
Đã chìm vào cơn mưa ..

Phiến lá sầu chơi vơi
Ký ức nào rơi rớt
Lả tả
ngày rụng rơi
Em trăm năm có lẽ
Rót tình
trôi menh mông

Tôi một đời
 quanh quẽ
 Hư không tay bế bồng
 Em trăm năm xa biệt
 Em nghìn năm mù tăm

Cổ tích
 gầy như lá
 Tình tôi
 gầy lạng câm
 Bàn tay
 em phù phép
 Rừng xưa không lối về
 Như con sâu trốn lá
 Tìm tôi giữa bọn bẽ
 Khi em
 Về chốn cũ

Mở tay ngó ngày xưa
 Trong những đường gân đỏ
 Giữ dùm tôi giọt mưa

Mưa
 không làm em khóc
 Dễ chi làm em buồn
 Chỉ là tôi khờ dại
Chỉ là tôi dại khờ .

NGUYỄN THỊ HỒNG HẢI



MIÊNG - MAI NINH - MẠCH NHA - CỔ NGƯ
bốn nhà văn viết chung

TỪ - KHÓA

Ông ngồi vào bàn, giở quyển sổ tay, ghi vào trang của ngày hôm nay: chấm bài học viên. Buông bút, ông vô ý đưa tay lên ngang mặt, làm một động tác thừa. Bàn tay đang đưa một đường vòng cung bỗng chững lại, hai ngón kẹp hờ điều thuốc ảo ngượng nghịu không dám đáp xuống đôi môi vừa hé, chuẩn bị cho một hơi thuốc rít. Bao nhiêu năm quen thói, hễ đã ngồi vào bàn làm việc, trên tay phải có bút hoặc thuốc, cứ buông bút là rít thuốc, buông thuốc là cầm cúi viết. Bao nhiêu năm rồi, ông cũng không rõ, nhưng từ khi quyết định cai thuốc, ông có cảm tưởng mình đã tự thân đánh mất nhiều điều riêng tư, trong đó, cái động tác thừa vừa làm khi nãy đã không ít lần khiến ông bức bối, như vừa bước hụt một bậc thang, chới vơi trước khi kịp lấy lại thăng bằng. Phản xạ có điều kiện, ông đọc đâu đó bài viết về thí nghiệm nổi tiếng của nhà bác sĩ Nga Pavlov dành cho loài chó. Với mình, có phải thế không, hay chỉ là một thói quen đã ăn sâu vào xương thịt, đã nhập vào vô thức, và chỉ có thể dùng ý thức để kiểm chế, chống trả lại mà thôi?

Ông bỏ bàn tay đang chết đứng gần mặt xuống bàn, mở ra tập giấy. Sau ba tuần giảng bài và cho bài tập tại chỗ, bài tập về nhà, đây là lần đầu tiên các học viên viết bài thu hoạch ngay tại lớp. Tháng đầu của chương trình học viết văn, ông quyết định nói về "Tù", viên gạch đầu tiên để xây dàn phóng cho người viết. Từ đơn, từ kép, từ lấp láy, từ đơn nghĩa, từ đa nghĩa, từ mẹ, từ con, từ kết tinh, kéo bè cánh, liên tưởng chuỗi ý, nối mạch văn dòng thơ. Học viên của ông, chẳng ai có carte de visite ghi "nhà văn chuyên nghiệp" cả, họ làm đủ mọi nghề, từ sinh viên đến y tá, từ thợ sửa ống nước đến anh chạy bàn trong nhà hàng. Họ đến lớp, không mong với mảnh chứng chỉ được cấp cuối khoá học, sẽ là cần câu cơm như các văn bằng vi tính, điện tử hay Anh văn. Họ đến với ông, đơn giản chỉ vì muốn viết được ra những gì đang chất chứa trong lòng, đang nghiền ngào trong óc. Ông thường ví von: ông là ngón tay chỉ để học viên nhận ra vầng trăng sáng của riêng mình. Bây giờ, nhìn xấp giấy gần hai mươi bài trước mặt, ông vừa có cái hồi hã của kẻ muốn ngửa cổ chiêm ngưỡng ngay những vầng trăng rực rỡ, vừa có cái nhẩn nha tỉ mẩn của người muốn cúi mặt bươi tìm để khám phá ra viên ngọc quý ẩn tàng giữa lớp đá quặng thô sần, đen đúa. Đầu giờ học, ông phát giấy trắng, đưa ra năm từ-khoá và đề nghị các học viên viết, viết với thể loại gì cũng được, đề tài gì cũng tốt, miễn sao có đủ năm từ-khoá và bài không dài hơn mười ngàn chữ. Xong, ông bỏ lớp đi. Đi lang thang nhìn đèn, nhìn người, nhìn xe nườm nượm những ngày cuối năm, với không khí lễ hội đã bắt đầu nhấp nháy dấu tín hiệu khắp nơi. Khi quay về, nhìn qua cửa lớp, không còn ai ở đó, xấp bài nằm trên bàn giáo sư, và theo đúng lời ông đề nghị, không học viên nào để tên mình vào bài viết. Ông không muốn thế. Ông có lý do riêng của mình.

Chọn bài viết thứ ba trong xấp giấy, như một ngẫu nhiên. Nét chữ tròn, đều đặn. Lối chữ viết của phụ nữ, có lẽ đã học qua trường dòng của các ma soeur. Bài viết khá dài. Ông đưa đầu bút lên nhần nhần trong miệng. Lại một thói quen, nhưng là một thói quen mới có...

TRẦM HƯƠNG

Nhà chúng tôi nằm trong con đường nhỏ yên tĩnh. Bên kia công viên um tùm cây trăm tuổi che mát lối đi điểm trang bằng đủ loại hoa. Ông nội quen nghiệp rừng rẫy tìm trầm nên ba thế hệ nhà tôi thường rảo công viên sau bữa cơm chiều, sợ nội đi một mình té. Trầy trật mua căn nhà cạnh công viên vì vậy. Với kinh nghiệm thực địa và nghề thuốc Bắc, nội khật khưỡng giảng cho chúng tôi nghe được tính cây lá và bệnh tật của chúng. Đã thuộc nhuễn môi, vẫn làm bộ lắng nghe. Tới góc nào nội cũng lúc láo như thể có trầm ẩn dật đâu đó chờ nội moi ra ít nhất vài bao tải, phỉ chí giấc mơ biệt thự. Cô đe: Này, khi nào có cơ ngơi mới đừng hòng ngủ ké giường tao nữa nhé. Tôi vênh váo: Con cóc thèm. Biệt thự là bự thiệt, con sẽ đòi một phòng to gấp đôi cái chuồng cô hiện tại, cấm cửa cô. Một lần tôi hái cái hoa đỏ tươi cánh mỏng như bướm, lạ hoắc, chưa kịp hỏi nội hoa gì đã bị cô bóp tay thối vào tai: Mà có thấy anh chàng ngồi đọc sách trên băng đá kia không? Theo hướng mắt cô nhường, tôi gật đầu. Khẽ hơn: Tao chịu anh chàng đó. Tôi thích thú tròn mắt: Mà... – Im mồm. Cấm theo leo đấy nhé!

Đêm đó tôi leo vào giường sớm, bắt cô phơi lòng trái dạ. Tôi tự động tuyên thệ đủ điều, rằng con sẽ không mách lẻo, cạy miệng con cũng không mở, bố hay ông nội đánh con cũng không hé răng, ai mua chuộc gì con cũng im... Tôi kéo Chúa làm chứng. Cô cười ngặt nghẽo. Cô Út không chim sa cá lặn nhưng được cái duyên cười và kể chuyện. Nghe cô cười đang tang lễ cũng quên khóc. Không phải thủy tinh loảng xoảng. Không phải suối nguồn róc rách. Không phải tơ lụa lao xao. Không phải gió chiều nghịch lá. Mà tất cả những âm thanh ấy cộng lại, oà vỡ, tràn lan, lây nhiễm. Cô kể chuyện thì kiến trong hang cũng bò ra ngóng. Phụ với miệng, mắt mũi tay chân đều râm ran, đủ thứ âm thanh và muôn vàn hình ảnh trước mắt người nghe, lao xao rộn ràng. Chỗ nào hấp dẫn ly kỳ nhất cô im, chờ giục. Tôi ôm riết, vòng tay nhỏ bé quấn không hết thân hình ai cũng cho là phục phịch. Thường nhiều điều chưa thể hiểu hết, hỏi thì cô bảo không hiểu rồi sẽ hiểu, bây giờ mà cứ nghe, không cần thắc mắc. Tôi nói cô xem con như cái

thùng rác xổ bầu tâm sự. Cô cười to, bảo ừ đúng vậy, không chịu thì xéo. Nhưng tôi là cái đuôi, cái bóng, cái gót chân cô. Có bao giờ cái đuôi lìa phần hậu. Có bao giờ cái bóng tách khỏi người. Có bao giờ cái gót không dính vào chân. Bà Tư hàng xóm nói cô khuôn lớn, tôi khuôn nhỏ. Cô cười rót vào tai tôi, khẽ như thể có ai đứng sát bên giường hóng chuyện: Có gì đâu mà kể? Tao thấy anh chàng đó luôn luôn ngồi tư thế đó, trên băng đá đó, cầm quyển sách bằng tay trái. Không cái gì khác trừ quyển sách. Hình như nhà phía bên kia công viên, đồ thấy đi đâu một bước. Người như vậy chắc là nhút nhát và chung thủy. Đó là loại đàn ông tao cần. Mà này, cầm theo lẻo đảy nhé!

Tôi không hiểu chuyện người lớn nhưng chẳng hỏi, cô sẽ trả lời không hiểu rồi sẽ hiểu. Tôi vui lòng chờ ngày xa xôi ấy, để hiểu vì sao mạnh bạo như cô lại thích người nhút nhát? Người chuyên môn tìm tòi phát minh các mẫu mã quần áo thời trang phải thay đổi mỗi ngày, lại thích người luôn luôn cùng tư thế? Hay là giữa bao thay đổi thường xuyên, người ta cần điểm gì bất dịch? Trong bóng đêm, bán diện xanh xao người đàn ông ngồi xeo xéo trên băng đá, mắt chăm vào sách, ăn mặc gọn gàng tươm tất lững lững bước vào đầu tôi. Chiếc sơ mi trắng nổi bật trên đám cỏ xanh và xa xa, trông có vẻ lung linh huyền hoặc. Ngoài vườn chim kêu đêm lạnh lạnh buồn. Tôi nhắm mắt.

oOo

Bà nội thường chép miệng, thương cô gây rộc từ ngày ông nội bất ngờ lìa đời. Hôm đó đang nằm đọc báo nghe tiếng cửa rục rịch, nội nhanh nhẩu bước ra. Không ai cả. Lần thứ hai cửa lại rục rịch, lại ra, cũng nhanh. Khi trở vào nội xùi bọt mép, mắt đứng tròn. Trên đường lên bệnh viện nội tắt thở. Bố la, may làm việc nhiều gấp đôi, thức đêm thức hôm bảo không gây tộp sao được. Bác Cả thỉnh thoảng ghé thăm kêu toáng, có mạp gì cho cam mà ăn uống kiêng khem để sụt kí lô ngàn ấy mà vẫn làm việc cần cù như kiến. Cô chỉ cười. Nhưng dạo này tiếng cười cô rất khác. Nó không còn âm thanh, lặng lẽ, nhìn mới thấy, nghĩ mới biết, nếu không chỉ là cái nhếch môi khó lòng đặt tên. Mắt cô bỗng dưng mơ màng. Thừa lời, cử chỉ không bao táp như xưa. Mẹ và tôi hiểu khác. Từ ngày ông nội mất, thói quen dạo công viên mỗi chiều chúng tôi không còn. Thằng Tí chẳng chờ bảo cũng cho

uống nước, một ly thôi nghe con, thằng cha mày mấy tuổi là cây tùng đó ở trong nhà từng ấy năm, bữa búng nó tao suýt chết vì con bò cạp... Một lần cô ngất, tôi phải khai thật cho mẹ nghe chuyện riêng của cô. Chúng tôi đều nghĩ anh chàng cô thích gầy người, phải bớt kí lô cho xứng. Mẹ nhắc khéo: chẳng gì bằng sức khoẻ, cô cứ để thế thì chết mất. Cô cũng chỉ cười, nụ cười thoang thoảng buồn, loang loáng nhẹ như bông... Bây giờ đi đâu về, cô không ào vào nhà như gió miêng sôi nổi “Ủi trời, úi trời”, nếu có thì cũng chẳng có gì theo sau hoặc ba hoa quá nhiều, toàn chuyện ba láp đâu đâu. Nhưng thường cô xa vắng, ngơ ngẩn.

Một hôm tôi tuôn vào buồng chớp nhoáng, la:

-Ủi trời, chuyện lạ bốn phương, cô ời ra xem nè...

Tôi khựng ở cửa, cô giật mình đỏ mặt nhét vội mấy phong thư vào ngăn kéo, bóp khoá. Lần đầu tiên có khoá. Cô có gì giấu giếm khiến tôi tự ái, bất mãn. Tôi nhìn trôn ổ khoá rồi ngúng nguẩy quay lưng nhanh khỏi phòng. Lẽ ra thư từ trao đổi với chú ngồi băng đá chẳng nên giấu giếm tôi, cho tới bây giờ tôi là người kín miệng mà. Hay với ai khác mà tôi không biết? Lầy quá. Tôi vạt vài lá tùng ông nội cứng hơn cứng bà nội, cho bõ ghét. Cô ra đứng bên cạnh, nịnh:

-Cái gì mà la toáng lên rồi im? chuyện lạ gì vậy?

Tôi dấm dăng:

-Chẳng chuyện gì cả.

Rồi tất bật bỏ đi. Chợt hối tiếc ngay sao không vò cô sự thực. Tôi quay ngoắt lại, cô dấm chiêu và khe khẽ thở dài khiến tôi chợt dạ. Dù dỗi cô có gì giấu mình, thâm tâm tôi vẫn ân hận đã quá quắt nên không dám hỏi, cảm giác sẽ chạm vào điều kín đáo đau đớn của cô. Chắc cô nhớ nội lắm, có hôm bảo nếu nội còn, cô sẽ không cần nhằn khổ quá ai cũng thuộc lòng cái con bò cạp suýt cạp cậu rồi mà cứ nói mãi. Cô cũng sẽ không dẹp cây cảnh nội đặt đầy trên cửa sổ, trên bàn nước. Theo khoa học, ban đêm cây nhả thán khí hại cho sức khoẻ, mà giường nội ngay đấy. Hễ cô dẹp thì nội bày lại, hai cha con cho mấy chậu cây chơi trò cút bắt. Nội ứ hự bày bày đặt khoa học với chả, ở đâu nhiều cây bằng rừng, vậy mà hồi xưa tao ngủ cả hai ba tháng trong đó nếu chết làm sao có tội bây. May sẩy con bò cạp, không là chết vì nó chó chẳng thán khí thán gió gì cả... Chẳng ai biết mặt mũi con bò cạp,

nhưng cứ nghe nội kể thì nó có phép thần thông, mạnh mẽ hung hãn độc địa ghê gớm lắm mà nội thoát được là phúc đức bảy đời.

Buổi chiều xuống rất chậm. Không gian thời gian quện vào nhau, chững lại. Tiếng chén bát cơm chiều từ bếp văng ra tận hè trước, mẹ sắp gọi vào bàn. Tôi nắm tay đập mạnh vào trán. Hình ảnh xiêu xiêu anh chàng của cô đi ngang trước nhà khi nãy tan loãng, tan loãng... bay vào mắt tôi cay xé.

oOo

Đám tang cô vào một sáng mùa thu tuyệt đẹp. Nắng mềm mại dịu dàng rải lên cây cỏ và lối đi một màu vàng trong suốt tờ trời. Gió hiu hiu vuốt ve các vòng hoa phúng điếu, phe phẩy vạt áo tang thẳng Tí đi xà lui trước cỗ quan. Lưng lững trên vai sáu thanh niên rắn khoẻ, chiếc quan tài vàng sẫm như đi vào huyền thoại. Bên trong sáu tấm gỗ dọc ngang, thân hình cô tôi teo tóp tựa trẻ lên mười nằm bất động giữa bao gói thuốc lá cây và trà chèn ép. Hơn tuần nay bỗng đứng tôi vượt lớn nhanh hơn Thánh Gióng và hiểu ra nhiều điều. Sự hiểu biết đó dẫn tôi vào thế giới hy sinh lẫn cam chịu lặng lẽ táo bạo của cô.

Ngược thẳng Tí khệnh khạng áo thụng mũ gai, tôi xênh xang lớp công chúa ngàn lẻ một đêm cải tiến giữa cái nhìn lạ lùng hai bên lối xóm. Việc này bố mẹ cũng đã lên giọng khá nhiều. Mẹ bảo không, bố ngăn ngại. Tôi cứng rắn như có cô nhập, tuyên bố con sẽ vì cô làm điều cô muốn. Mẹ bảo mà con ời quá dị lắm, ai lại ăn bận đẹp đẽ màu sắc cầu kỳ trong đám tang, thiên hạ cười chết. Tôi nói con không sợ thiên hạ cười, con chỉ muốn làm cô hài lòng vì cô dặn con như vậy. Bố trố mắt cô đã dặn con ư? Thế là bố bảo được, mẹ ngăn ngại. Một hôm khuya rồi cô còn cặm cùi vẽ kiểu cho show thời trang, tôi giật mình vì cây kéo rơi, cô nửa đùa nửa thật khi nào cô chết, mày phải diện bộ cánh công chúa đưa tang cô đấy nhé. Lúc đó tôi tùm tùm mĩa mai, nghĩ khi phải đưa tang cô thì mình cũng có cả đám lũ khủ theo sau, khuôn lớn ở vậy mang tiếng gái già chớ khuôn nhỏ sẽ chễm chệ xe hoa, tay vàng tay ngọc... Bây giờ tôi bước đi trong nắng, tà áo nhẹ hẫng thình không và chiếc mũ công chúa quấn vành tang trắng lác lõng côi người.

Đám tang rỗng rảnh bà con bạn bè qua công viên. Lá chín vàng còn đậu đầy cành, rục lửa trong nắng sáng đẹp dị kỳ. Tôi nhìn băng đá trống, hai chiếc lá vàng thin thít cạnh nhau. Hay cô lặng lẽ nán lại chờ chú đến chiều? Có lần cô kể bạn phản đối hôn nhân vì đã thương người khác, bị cha mẹ cấm cửa không cho đi đâu, cô ấy nằm rệp cả tháng tương tư là người, cuối cùng phải cho bạn trai tới thăm. Hôm học về nghe cô ngất đi bệnh viện cấp cứu lần cuối, tôi chạy ra băng đá giật quyển sách hỗn hển khẩn khoản chú ơi, chú đến bệnh viện thăm cô cháu một lát chú nhé, chú cháu mình đi ngay nhé. Chú nhìn tôi đăm đăm ngạc nhiên mặc tôi giải thích chẳng nói gì, rồi đứng lên với tay đòi quyển sách. Uất quá, tôi xé tung quyển sách ném vào mặt chú: Này đọc đi, đồ vô tâm, đọc đi, đọc đi, aller au diable, aller au diable! Xéo đi, xéo đi (câu này học lỏm bố). Tôi chạy vụt về nhà vui đầu vào gối tức tưởi. Nhục cho cô. Thương cô quá. Và hận. Sáng hôm sau nhỏ bạn cùng lớp hỏi hôm qua mày bị chú Cảnh làm phiền gì vậy, nghe mày la tao chạy tới không kịp, chú ấy cầm điếu thuốc hương trầm queo mà... Tôi và mẹ tìm chìa khoá lục lọi nỗi niềm cô, sững sờ trước đồng thư từ chẳng gì khác hơn là giấy tờ bệnh viện bao lâu nay cô kín đáo lo liệu một mình. Mẹ khóc rấm rứt. Tôi ân hận tội cùng đã lấy cô vô cố...

Hôm nay bác Cả gái ở nhà trông bà nội, lúc quan tài ra cửa nội hỏi bây đưa ông đi công viên đấy à. Bác Cả cắn môi diu nội vào trong. Mùi trầm thoang thoảng ngạt ngào khu vườn nhỏ. Ông nội nói nhiều về mẻ trầm đặc biệt đạo ấy. Cố bảo quay về vì tao bị sốt mà rừng thì bây không biết đâu, lạnh rít da, chích thấu xương. Nhiều nơi dày kịt mặt trời cố chen chân chân cách nào cũng không tới được, cái lạnh lưu cữu ngàn năm ấy mà, mới ghê. Nhưng tao nhất định đòi đi sâu thêm chút nữa, cứ như ma dặt. Rốt cuộc hai hôm sau gặp mẻ trầm cực kỳ tốt, cực kỳ thơm chưa từng biết. Tao tưởng bị mê sảng... Vậy là cơn sốt mừng trầm át cơn sốt bệnh. Khai sinh cô mới ba tháng đã làm lại, đổi tên Trầm Hương. Xuyên lớp gỗ, tôi thấy hình ảnh Trầm Hương trên giường bệnh viện tằm ra trắng nhờ nhờ nhiều lần giặt giũ, Trầm Hương không thể khô hơn được nữa. Như cả đời chỉ trải hai mùa nắng gió. Da tái nám đen bọc nhúm xương xóc xếch lưng thụng trong chiếc áo mẹ may vội vàng khỏi phải bận quần. Tóc lơ thơ dính trán chẳng khác những cọng len xám khâu vào chiếc váy cô tạo mẫu

ngày thi hoa hậu, mắt chỉ là hai hốc tối lơ màu tro lốm đốm vàng, nhìn tôi mà không nhìn tôi...

Trên một thư bệnh viện, cô nguệch ngoạc: “Sáu tháng phải thay máu một lần, mỗi lần một trăm năm mươi triệu, tiền đâu? Mẹ bị đái đường gần mù”. Và bố ghìm môi run nói nhỏ bên xác cô: “Phải chi anh như người ta, giấy tờ gì cũng ký thì có tiền chữa bệnh cho em”... Tôi ngẩng cao đầu không khóc. Tất cả còn mới tinh mà đã hôm qua. Ngày mai sẽ khác. Bây giờ tôi bước đi trong nắng, tà áo nhẹ hẫng thình không và chiếc mũ công chúa quấn vành tang trắng lác lõng côi người...

Ông cuốn hai bàn tay vào nhau, xoa xoa, thói quen khi gặp chuyện hài lòng. Gút thắt của câu chuyện khởi đi từ một sự hiểu lầm, và hoá giải ở vài dòng cuối, tránh cho người đọc không vướng vào cái bi lụy thường tình của tình yêu đơn phương để nhận ra một sự thật khác sâu, xa, đau đớn hơn. Ông đếm được đến bảy lần người viết dùng từ-khoá “cửa”, nhưng có lẽ đó chỉ là sự vô tình, vì ông đoán, hình như người viết thích nhất từ “công chúa”, nên nó đã xuất hiện đến bốn lần trong mẩu truyện này, và giữ đúng nguyên nghĩa, với dáng dấp cao kỳ, sang cả. “Công chúa, hoàng tử” ngoi ngóp sống được đến ngày hôm nay, nhưng không còn thật sự là ông hoàng bà chúa nữa, mà đã biến tướng thành một thứ “hoàng tử của lòng em” hay “nàng công chúa đổi hờn” mất rồi! Vậy mà còn may, chứ những “chinh phu, sương phụ” thì đành tuyệt tích! Ông mỉm cười. Người viết cố ý gọi từ-khoá “công chúa”, nhưng ông lại chú ý đến “cửa”: năm lần dùng theo nghĩa đen và hai lần nằm trong cụm từ “cấm cửa”: cửa không còn giữ cái nghĩa hẹp che chắn ban đầu nữa mà mở rộng hơn, trở thành một loại rào cản bít đường ngăn lối... Từ chữ viết, từ chuyện kể, từ từ-khoá “công chúa” cố ý xuất hiện đến bốn lần, ông liên tưởng đến người phụ nữ trung niên có khuôn mặt đầy đặn, phúc hậu ngồi ở bàn thứ hai, dãy giữa. Bà là y tá trưởng khoa Nhi của bệnh viện nổi tiếng nhất thành phố này. Ông càng cho rằng mình đoán đúng khi nhớ đến đoạn cuối câu truyện. Học viên vẫn còn để lộ hình tướng qua bài viết, họ trải xuống trang giấy những rung động chân thật của bản thân, không màu mè hoa hòe hoa sỏi, không quanh co ngoắt ngoéo mê lộ mê

cung. “Văn là người”, ở một mức độ nào đó, biểu hiện khá đúng nơi các học viên của ông.

Có lẽ sẽ gặp may khi bài viết đầu tiên đã đem lại sự thích thú, ông nghĩ vậy khi rút ra bài viết thứ nhì. Cũng lại là bài viết của phụ nữ, chữ thẳng, gãy, nhọn như những mũi đinh, nét nhấn sâu vào giấy.

BỤI CŨ

*L*ay trời gió lên. Gió lốc bung nĩa lên cho lá ngô đồng trên cây rụng hết, cho người quét lá hốt một lần rồi xong. Không phải lời cầu xin của hai chị em chạy lăng quăng nhặt lá bàng trên con đường đêm vắng phố Thăng Long. Người đàn bà chống chỏi nhìn mấy khóm mây nở bông, bay vội vàng qua bầu trời cùng những cánh chim biển. Gió mùa này hay đẩy mây ra biển. Biển mênh mông tràn qua bao năm tháng, rộng hơn một đời người, dài hơn sự chờ đợi. Người thiếu phụ lắc đầu ngẫm nghĩ, chờ gì, chẳng lẽ đợi lá rụng qua hết mùa thu cuối.

Cỏ thêm bắc trước xanh nay đã ngả rêu vàng sau ngân ăy ngày đông ảm thấp. Chỉ có hoa trà vẫn bình thản kết nụ dưới mái hiên thiếu ánh mặt trời. Cây trà hoa cương cường sống để chế nhạo thách đố đoá mẫu đơn vội héo tàn rã cánh chỉ dưới một trận mưa. Yếu điệu thắm tươi ngời sắc thể mà mẫu đơn yếu đuối bất lực như nàng công chúa vua cha đem cống xứ người, tình hận ngàn thu. Mưa biển giọt nặng chẳng ngờ. Cả khu vườn vẫn giữ mãi cây. Cây vẫn cắm chân trong đất chờ đến ngày đại thụ, mặc gió điên mặc mưa hoảng vể. Ngày cuối đến tách lià vườn đầy và nhà trống.

Những bàn ghế tủ gương sách vở tranh ảnh đã ào ra khỏi cửa, lên xe cuốn đi cùng với gió. Chỉ còn lại trong căn nhà mấy bức tường trơn và cái nền, kỷ vật. Thời gian lững lờ bay giữa nền và tường, lúc đầu như giải lụa phơ phất, sau đọng thành những hạt sương đục muối. Sương lan toả ra, phủ xuống tóc, mi mắt, gương mặt, len vào phổi. Sương không là hơi nước, sương là bụi. Bụi lọt vào thân thể,

chiếm hữu khí quản, đầy đặc tim, sệt quánh óc. Bụi lùì xa hơn thời gian, hơn số tuổi của căn nhà, bụi bốc từ quá khứ. Quá khứ không có tuổi. Bụi chẳng bay đi qua cửa mở, nó nén chặt không gian này, trùm lên người đàn bà. Do tất cả từ cửa, tất cả vì lưu.

Đêm giữa ngón ngang đồ vật, đôi tấm ảnh ngày nào lọt ra từ một trang sách cũ. Những nét mặt sáng thơ lấp lánh dưới ánh đèn. Đây mẹ này anh này nụ cười thiên thần hai đứa bé. Hình ảnh còn mà tiếng nói lại không. Tất cả mọi người đã ra đi, sự lặng lẽ chui tận gầm giường, lọt vào các học bàn niêm kín. Cả chiếc đồng hồ cũng ngừng đếm thời gian. Những sợi tóc thoáng chốc đổi đời cứng khô trong bụi. Cũng may. Nỗi sầu phải ngưng lại đó, không thể dài theo tóc bạc.

Những nốt dương cầm còn vương trên tấm màn cửa sau cùng đang gõ xuống, rơi thánh thót giữa lòng tay. Vội vàng giữ lại, vội vàng áp vào tai. Tiếng đàn xen lẫn xôn xao của đêm Giao Thừa đầy giọng cười con trẻ và anh và mẹ và bạn bè...và mình rộn ràng giữa hai ngưỡng cửa - cửa bước vào nhà và cửa mở ra sân. Đêm trừ tịch lặn sao cho đom đóm nhang trầm mẹ sáng, hướng về chốn ấy quê hương. Hải âu quang quác bay ngang trời Bắc, mẹ ngoài tìm dấu nhận phương Đông. Thật xa, thật xa một chỗ quay về, nên hãy lấy đây làm nhà mà hoá tan nỗi nhớ.

Nhiều năm qua vườn vắng bướm. Bướm đâu lại về vào lần này, thu cuối. Bướm đã về khi em đến đây cùng với nắng vàng đuổi dọc con đường nhoà mưa đêm trước. Những chuyến xe em cùng tôi đem theo mớ đồ phế thải sau mấy mươi năm gấn bó chạy về phố biển. Phế thải là vật, là đoạn. Tâm trong vật cũng rơi vào hố cùng bao linh tinh đời sống con người. Sách cũ, thư cũ, chăn cũ, gối cũ, quần áo và chiếc mũ len lần đầu tiên đội tuyết. Mắt đâm vào hố. Sao vất đi quá khứ, sao không lưu những gì là cửa?

Người đàn bà cầm trên tay mấy tờ thư không cần định ngày và năm tháng. Gục đầu xuống cùng chia xa và hội ngộ. Từng tên người chạy loang loáng, nhân ảnh giấc mơ ngày tháng cũ. Tưởng đã quên, tưởng đã dứt. Tưởng đã ngừng chạy đuổi, đã hết vấp ngã, đã

cắt đứt ước mơ, xoá nhoà hình bóng. Bóng lại về, ngập linh hồn trống. Ôm choàng lấy vai xám, phà hơi lên mặt bạc. Tình yêu thanh xuân bỗng thổi bay bụi, hiển lộ tóc xanh. Nụ hôn ngập ngừng môi hồng máu trẻ, nụ hôn đắm đuối đỏ son thiếu phụ mặn mà. Dưới thêm hiên, trong giấc mơ, quá đêm vừa sáng. Tiếng gọi thâm thì, tiếng mưa róc rách bên kia tường gần cận hay giọng sáo điệu kèn tha thiết của người thổ dân ở lục địa nào xa tắp. Đã từng đến hay mơ? Những giấc mộng sống dậy, đòi hiện hữu ở ba giờ sáng, đi theo và không ngần ngại phơi bày ảo tưởng. Trắng tinh, sạch sẽ, trống hoác khi bừng tỉnh. Chẳng lẽ lại gục xuống những tờ thư để xác định khoảng trống và thời gian.

Khi em đến cùng tôi, có những con hồ điệp. Em theo bướm bước vào mà chẳng ngại sẽ ra đi. Chúng ta biết mình sẽ ra khỏi căn nhà khu vườn sau khi đã hoàn tất những chuyến xe chở chuyên quá khứ. Buổi chiều đã đổ hết xuống phố biển, quán mùa đông không phà nổi một hơi ấm cà-phê. Em xoa hai bàn tay không đeo nhẫn bắt lấy khói thuốc nhả từ ngón gã đàn ông bàn bên cạnh. Mắt tôi bạc hay vì nhìn em qua làn khói ấy mà em cũng là tôi, già và cũ. Tôi muốn nói với em về người thiếu phụ trong căn nhà rộng nhưng vườn vẫn tràn đầy cây cỏ chim muông. Lũ chim thức sáng rộ rã yêu đương, chen chết chẳng mệt không ngừng. Mổ nhai nuốt chích hết mật ngọt của mặn, của sơ-ri đỏ chín tình dưới dương quang rực nù, để rồi ứ hự chán chường nằm chết trước hoàng hôn. Chúng đòi đêm hoá kiếp, đòi ngày tái sinh.

Người đàn bà đã nói với tôi về chia ly sống chết. Về cuộc chạy đuổi của chiếc xe tang sau những ngày miệt mài lên xuống mười chín lầu của một bệnh viện gồm hai mươi hai tầng và tám cầu thang máy. Trước nhất, bấm nút ngừng ở số mười lăm để vào phòng chữa mắt, ngồi xuống trước đóm sáng sâu hút như sao xanh, cố ép đồng tử lệch để nhập trùng hai hình ảnh. Chỉ có một chú thỏ vẫy đuôi miệng ngậm cà-rốt, không được nhìn ra một con thỏ có đuôi không cà-rốt và một con mòng trụi đang ngấu nghiến cái thỏ vàng cam. Không được hai, chỉ một. Hình ảnh có khác chi cuộc đời, không thể phân ly mà phải là hội tụ. Thỏ con, cà-rốt, sao trẻ thơ quá đôi ở một sớm mai quận lòng thắt nút âu lo. Mấy đứa nhỏ trong phòng đợi đang năn nỉ mẹ đừng bắt nhắm vào ống kính nhìn thỏ tìm sao, chột nín thinh quên khóc.

Chúng nó người đàn bà đi ra tay còn đề lên cặp mắt nhức bưng bưng như vừa bị đâm. Lại vội vàng ấn nút lên tầng mười chín cho kịp gột chiếc thìa trong bát sữa trắng đục bụi sương. Một muống múc cho người nằm đó, một muống cho sự sống kéo dài đến ngày mai. Ngày mai là tất cả tương lai trước mặt, là niềm hi vọng duy nhất. Sự sống phì phù trong ống dưỡng khí. Từng giọt được tổ nhỏ đều hơn thời gian chui vào tấm thân đang chờ hoá bụi. Ngày mai thật dài, đoán mệnh. Ngày mai rồi đã dừng đứng, chiếc xe tang phải thẳng gấp trước ngọn đèn bật đỏ. Ngay cả người chết cũng không được một chuyến đi xuôi trót về ngôi nhà cuối của mình. Những năm sau này khi trở lại toà bệnh viện hai mươi hai tầng, ngón tay thiếu phụ vẫn chạm nút mười chín của một trong tám cầu thang máy.

Tôi và em đã bước vào hiệu hoa của hai gã đàn ông đeo bông một bên tai trước khi phố khép. Em mua cho tôi một chậu hoa hồng nhật bảo đem về trưng nhà mới. Tôi lại nghĩ rằng nếu em không dặn, mình sẽ đặt hoa vào lòng người đàn bà và chắc sau khi nó xuống những chiếc nệm đang hé, thiếu phụ sẽ hướng mắt ra khung cửa. Cửa lúc này đã mở - vì em và tôi vừa đi vào để rồi sẽ bước ra. Gió đã dồn mây về ngủ trên cánh đồng đất nâu mầm gieo chưa kịp mọc. Bây giờ gió bỗng trở chiều, cuộn cả khu vườn trút vô các căn phòng chẳng còn màn cửa. Phút chốc mọi vật lại từng bừng đầy ắp, vây quanh người đàn bà và nhảy múa cùng bao hạt bụi hơn hờ bay lên từ mái tóc bạc căn. Những nốt dương cầm chôn xác trong nền gạch chột trối dậy đảo điên ca hát. Màn khiêu vũ cuồng nhiệt đã bắt đầu khi chúng ta ra khỏi vùng bụi cũ.

Tôi cài cổng, chân đạp lên bãi lá ngô đồng vừa khô sau một ngày ngưng mưa. Các phiến lá to như chiếc quạt chẽ năm cánh dưới gót giày. Có phải không em, thiên nhiên dai dẳng hơn con người. Lá vẫn còn biết kêu dù đã chết. Tôi nghe lá rên cùng lúc tiếng xe em lăn bánh trên con đường băng qua cánh đồng để chạy về thành phố xa. Khi em đến, có những con hồ điệp bay trong nắng vàng tươi. Khi em đi, đàn chim đen hơn quạ hàng ngàn vạn con rủ nhau băng qua trời đông xám. Chập chùng như một tầng mây.

Em đã lên xe. Tôi cũng khoá căn nhà lần cuối rồi ra đi. Bên kia cửa, người đàn bà ở lại.

Chắc hẳn tác giả của bài viết này phải là người đàn bà có mái tóc đen dài và khuôn mặt ủ dột lúc nào cũng tách riêng ngồi cuối lớp. Bà đến và rời khỏi lớp lặng thầm như một cái bóng. Không một câu phát biểu trong giờ học, vắng cả nụ cười trên môi. Ông chỉ nhận được một cái gật đầu chào gương rất nhẹ đầu giờ và cuối buổi. Có lần ông đã nghĩ: người đàn bà này đến đây tìm chút sinh khí, tìm một nơi có thể ngồi tạm để trốn lánh cô đơn trong vài tiếng đồng hồ. Và bây giờ, điểm lại mặt gần hai mươi học viên của lớp, ông đoán chắc, chỉ có thể là người đàn bà ấy viết nên những dòng chữ này mà thôi. Ngay từ tựa đề, ông đã hiểu người viết muốn nhấn mạnh đến từ-khoá nào. Mặc dù “cửa” cũng được nhắc đến mười lần, những màn cửa, khung cửa, ngưỡng cửa, cửa đóng, cửa mở và khép chặt lại ở cuối bài, nhưng điều thu hút sự chú ý của ông chính là cách xây dựng bài viết chung quanh từ trọng tâm “lưu cữu”. Khi chọn “lưu cữu” làm từ-khoá, ông khá phân vân, vì nhiều người, ngay cả tự điển, viết “lưu cữu”. Nhưng với bài viết này, ông biết mình đã không lầm, “lưu cữu” không bị chết cứng trong cái nghĩa tồn đọng, chất chồng, mà đã tách đôi thành “lưu”, thành “cữu”, gởi thêm một chuỗi những “trường cữu”, “cũ”, “kỷ vật”, “quá khứ”, “thời gian”, vật chất hoá thành “bụi” và cuốn người đọc vào một bài tự sự mệnh mệnh buồn. Ông thở dài. Có cảm tưởng nhiều đoạn, người đàn bà không quen biết kia viết riêng cho ông, kẻ đã có nhiều lúc ngồi trong những căn phòng trống với tâm hồn rỗng, nhưng ký ức vẫn cuốn kéo về dày đặc bao hình ảnh xưa, âm thanh, hương vị cũ. Ông lại đưa bàn tay lên ngang mặt rồi chợp lại. Ông muốn hút thuốc, hay làm điều gì đó. Ông kéo ghế, đứng lên, ra ngoài ban-công nhìn xuống đường. Biết mình đang xúc động. Dòng người và xe cộ dưới kia hình như phình to hơn bình thường. Ông không còn ai để phải nghĩ đến việc mua sắm, chọn lựa món nợ vật kia cho những ngày lễ cuối năm. Không vướng vào cái vòng cuốn chẳng dứt của những người suốt đời bận bịu cho con, cho cháu, và may mắn (!) có cơ hội được lo lắng cho đám chắt-chút-chít, nhưng ông rơi vào cái hố cô đơn mệnh mệnh thăm thẳm. Hơn hai mươi năm trước, sau khi quyết định tự xoá dấu, ông cắt đứt mọi liên lạc, biến mất. Gia đình, bạn bè, báo chí, kịch trường rùm beng lên

một thời gian, rồi, nước chảy qua cầu, bụi phủ nhện giăng, đâu lại vào đây. Bây giờ, ông lại phải tìm cách hiện diện trong đời sống, vì mơ hồ tưởng tượng, một ngày nào đó, nếu có chết gục trong căn phòng này, ít ra, không thấy ông đến lớp, học viên cũng sẽ báo lên ban giám hiệu, và người ta sẽ tìm ra xác ông rồi đem chôn, trước khi nó rã mục ra cả năm sau như một số trường hợp ông đọc được, nghe được, và hình như, mỗi lúc một nhiều hơn. Càng muốn được nhớ, ông càng có cảm tưởng mọi người chóng quên. Học viên liên lạc đều đặn với ông trong khoá học, sau đó thưa dần, chừng nửa năm sau thì mất hút. Dĩ nhiên, ông có những lớp học viên khác, nhưng không còn gì lâu bền cả. Mà, cũng phải, ông chỉ là ngón tay ngơ ngác chìa ra, đâu còn là vầng trăng toả rạng năm xưa nữa để mà họ ngưỡng, vọng?

Ông quay vào, đi tiểu, uống nước rồi kéo ghế ngồi vào bàn làm việc. Gió đêm từ bờ sông thổi về khiến ông ngùi ngoai. Uể oải, ông mở lại xấp bài. Bình thường, càng về khuya, ông càng tỉnh táo, càng sung sức. Nhưng có lẽ cơn xúc động vừa rồi khiến trái tim già cỗi của ông mệt mỏi. Gần đây, có lúc nó đã quên thói quen có từ khi được tạo hình, thỉnh thoảng ngưng đập, khiến ông phải rướn người, hớp vội không khí như cá mắc cạn để lấy lại thể quân bình. Sửa gọng kính, nhìn xuống tờ giấy nằm trên cùng. Một bài thơ quá ngắn so với hai bài viết ông vừa đọc khi nãy. Nét chữ nghiêng sang trái, dài nghêu ngao.

CỔ TÍCH

*Công chúa thoát xiêm phô thân ngọc
Thoáng tiếng chàng ứ hự một đêm
Ngàn đêm khác cô đơn gối mỏng
Chốn khuê phòng son phấn dường quên*

*Sáng ngõ quang diện ngời lá biếc
Chiều mơ màng ấm nóng vòng tay
Vóc mai tựa cửa vờ sương nguyệt
Lưu cữu muộn phiền châu lệ bay*

Ông phì cười. Anh chàng này lém thật! Tưởng chỉ bông phèng nhưng chính ra cũng chẳng phải tay vừa. Ông hình dung ra chú bé học viên trẻ nhất lớp, đầu mới ngoài hai mươi, ồn ào, nhắng nhít, phát biểu linh tinh, khiến buổi học nào cũng rộn rã tiếng cười. Chắc bị ba từ-khoá "công chúa", "lưu cữu", "ứ hự" làm cho hoảng vía, nên chú chàng mới rặn ra một bài thơ giả cổ như thế này đây! Nhưng phải chịu cách người viết đã khéo áp dụng những bài học về từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa ông giảng cách đây hai tuần. Từ-khoá "sáng" thuần Việt đơn giản đã có ngay từ đồng nghĩa Hán-Việt "quang" đứng trong cùng câu thơ, và "sáng" ấy cũng còn được dùng để chỉ thời gian, nên kéo cả "chiều" và "đêm" theo cho đủ bộ. Điều này khiến ông liên tưởng đến những cái tên: Quang Sáng, Thanh Thủy, Huỳnh Hoàng và lan man nhớ lại vài câu thơ đầy tính từ tương phản của Victor Hugo. Hà hà, anh chàng tinh nghịch này còn lôi thêm tên đúng chục học viên vào bài thơ của mình: Công, Ngọc, Khuê, Quang, Mai, Sương, Nguyệt, Cữu, Châu, Lệ. Gớm thật! Nhưng điều ông ưng ý, chính là cách dùng chuẩn xác, không ngượng nghịu của từ-khoá "ứ hự", tiếng kêu thống khoái của kẻ "anh hùng" khi đã lên đến đỉnh điểm bên người "thuyền quyền". Hình như văn chương Việt Nam cho đến nay, thí dụ này chỉ có một? Hai bài văn trước, có phải vì người viết là phụ nữ nên họ đã tìm cách gán ghép gượng gạo một ý nghĩa khác cho từ tượng thanh đầy dục tính này? Ông chọn "ứ hự" làm từ-khoá như một sự thử thách đối với học viên, nhưng tự thâm tâm, ông hiểu, ông truy điệu một thời đã mất, một người vừa qua đời bằng những từ-khoá ngổn ngang trong óc. Ánh sáng những ngọn spotlight tắt ngúm, cánh cửa cuối cùng đóng xập, từng nàng công chúa lìa đời, bỏ ông lại với tiếng ứ hự một thời mê đắm, giờ chỉ còn là tiếng nấc lẻ loi, thoi thóp lưu cữu trong một góc nhớ tăm tối. Hai mươi năm trốn lánh, tin em chết được tháng trước, sao vẫn khiến tôi đau nhói, hả em?

Ông rút ra bài viết nằm cuối xấp giấy. Cái tựa khiến ông choáng váng. Ông run tay sửa lại gọng kính, dù nó vẫn nằm ngay ngắn trên sống mũi. Cái tựa bài bắt ông cảm mắt xuống trang giấy, với những dòng chữ đều tăm tắp, đẹp như vừa rơi ra từ một máy in laser đời mới nhất.

TURANDOT

Mẫn chịu giao Dương Hiên vai công chúa với một điều kiện. Chàng nhắn SMS: "Làm cho anh hiểu thế nào là ứ hự đi rồi muốn gì cũng được." Thời gian đó, ai cũng biết Mẫn mang ám ảnh mới, đi đâu chàng cũng tìm dịp ngâm nga hai câu thơ tả chuyện cụ Trứ với cái gánh giữa đồng. Đọc tin nhắn, Dương Hiên rối ruột. Ừ hử thì biết, đằng này... Lúc đó cô đang trên đường tới chỗ hẹn. Gã taxi quen khơi chuyện: "Phở 24 bây giờ là nhất cho những người có ca-líp như chị." Cô thấy câu gã nói có thể triển khai ra đủ để tám* trọn đoạn đường từ cổng xe lửa số mười Phú Nhuận đến Mạc Thị Bưởi quận Nhất, nơi gã sẽ mở cửa xe tiễn cô bằng một nụ cười thỏa mãn - gã vẫn nói mỗi khi nhận bo: "Thiệt là ca-líp!" Nhưng hiện thời, chữ ca-líp không xi nhê bằng chữ ứ hự, cô nhất định phải được vai công chúa. Turandot đêm đêm đảo vào mơ phơ phất, lụa gấm xôn xao, châu ngọc dạt dào, mặt hoa da phấn.

- Nè anh tài, ứ hự là gì, anh biết không? Không kèm được, Dương Hiên hỏi.

- Là một tiếng ợ đã nư! Gã đáp ngay, chắc nịch.

Mẫn không đến chỗ hẹn. Dương Hiên gọi phở gà. Trứng non nộn nuốt mà nuốt không vô. Gọi, Mẫn không trả lời. Nhắn tin, im lặng. Công chúa ơi, bà làm khổ đời!

Phó đạo diễn đòi một thùng Ken**. Sau khi nhận được hàng Dương Hiên cho xe ôm chở tới, gã nhắn tin: "Q Bar". Cô lên xe ngay, như đi bắt ghen! Tóm được Mẫn, Dương Hiên nắm cổ áo chàng lôi đi xềnh xệch. Mẫn thực ra chưa mang công mắc nợ gì để cô được quyền hành xử như thế, nhất là, xưa giờ cô vẫn kính chàng như thầy. Nhưng lúc cô xộc vô góc bar tranh tối tranh sáng đó, chàng đang châu đầu với Diên Hương, và bản năng của một con thú tự biết mình non yếu so với đối thủ xui đẩy cô ra tay lỗ mãng. Diên Hương cười nhạt, búng tàn thuốc vào cái "huyết tình", ngón tay đánh xuống uy nghi như lệnh chém.

Huyết tình của Diên Hương là cái gạt tàn thuốc làm bằng đá đẽo, đi đâu cũng mang theo bên mình từ mấy chục năm nay. Mẫn chơi ngông, đặt người thợ đá khéo nghề nhất quê Diên Hương đẽo từ một lõi đá ngũ sắc khai ra được từ Hòn Non Nước làm quà tặng khi nàng

đoạt giải nhất giải diễn viên xuất sắc, vai Turandot, hai mươi năm về trước. Có người hỏi sao lại dùng đá, cứng rắn và lạnh lùng quá cho một người nữ. Mẫn đáp: "Cá tính Turandot, chỉ có đá, và Diên Hương mới bộc lộ được." Nhưng tại sao đẽo chuyện kỳ cục? Đàn ông đàn bà trần truồng vờn nhau, cái chỗ hõm giữa hai bụng bốn đùi dùng làm chỗ chứa tro! Turandot có đầu dâm dật và điêu tàn đến thế! Mẫn cười. Diên Hương cười. Họ liếc nhau cười. Và như thế coi như giải thích xong.

Không hiểu sao, Mẫn nổi tiếng ngang tàng, đêm nay lại nhũn nhận để Dương Hiên lôi đi, bỏ Diên Hương lại với cái huyết tình.

- Anh, anh không thể giao bà Hương vai công chúa!

- Sao vậy cà?

- Turandot đang tuổi cập kê, còn bà Hương...

Mẫn bẹo cằm Dương Hiên, "Em chưa trả lời tin nhắn của anh!" "Anh đừng làm khó em mà!" Mẫn gõ tay Dương Hiên, rí tai: "Ngày mốt anh họp phân vai." Turandot từ trong tường khoan thai bước ra, vuốt rìa quạt lông công dọc ót Dương rồi ẻo lả lướt tới ngoẹo đầu lên vai Diên. Mùi hương phấn đầu bông phả ngập bar.

Đêm trước ngày Dương Hiên nhận sắc phong, trời sáng trăng. Cô ngủ lúc tàn canh. Giấc mơ chèn nghẹt âm thanh. Tiếng ễnh ương ang ang hoảng vía, tiếng ếch ộp ồm ộp bớ la, tiếng lộc lạch đuôi trê đuôi lóc, tiếng lúa chín chà nhau xốt xát, tiếng rên dị kỳ nghe như tiếng ợ đặc, có lúc lại hộc lên như một kẻ bị đâm ngang. Hình ảnh duy nhất trong mộng vẫn là nàng công chúa trâm cài lược giắt, đu tit cung hăng, ngó thẳng xuống cô. Dương Hiên đắm đầu ngủ, không kịp lấy thuốc đỏ xúc mấy chỗ trầy xước như lời Mẫn dặn.

Diên Hương nghe Mẫn tuyên bố xong, dí ngón tay lên núm vú người đàn bà đá đẽo, di di, hỏi giọng mát mẻ:

- Nè, ông đạo diễn, hôm qua đi Thủ Đức ngắm cò vui không?

Mẫn cắn môi cười nhẹ, đưa giọng ru em: "Con cò là cò bay lả lả bay la, bay từ là từ bờ Phủ, bay qua là qua cánh đồng. Tuyệt vời, quý vị ạ!" Chưa ai kịp lên tiếng, Diên Hương xoè tay quắp đầu người đàn bà đá đẽo, nhắm mắt Mẫn, quăng tới:

- Điểm! Làm chó gì còn cò! Cò sợ thuốc rầy, bỏ đi từ đời tám

hoánh rồi!

Vài tiếng hắng giọng, nhiều người đứng lên, ra ngoài. Dương Hiên nghếch mặt ngó Diên Hương. Mẫn cúi xuống nhặt cái huyết tình. Turandot xiêm y lộng lẫy lướt qua lướt lại giữa không trung, ánh mắt cười cợt vô vàn kích động, hai cánh mũi phấp phồng hào hứng trên khoé miệng ngoéo cong tàn ác. Diên Hương đứng dậy, chân căng lấn bấn, bước tới hốt mở tro đưa lên mặt hít hít, rồi bất giác thè lưỡi ra liếm. Xong lại mở toé loe mười ngón, nhoẻn miệng cười riêng, hệt như đứa con nít nghịch cát trên bãi không người. Tàn thuốc lọt qua tay, bay chấp chú. Dương Hiên kinh hãi, quay qua Mẫn, thấy chàng đưa tay làm cử chỉ còn kỳ lạ hơn, nửa đón hốt nửa lại như xua phẩy cái nhúm nhũn nhuyễn xám xỉ tủa tời tung tít, môi liú liú, má bệu bạo, miệng lẩm bầm mấy chữ lạ tai, nghe mãi mới ra: bụi lưu cữu.

- Ba ẩn ngữ, cái chết là một.

- Không, nàng ơi, chính là sự sống!

- Hãy nghe đây, câu đố đầu tiên: Giữa đêm đen, bóng màu chao liệng, xoè hào quang phủ lấp thâm u. Biết là bao, là bao ái từ! Nào ai không ước ao! Nào ai không trông cầu! Bóng biến mất khi bình minh tới. Bóng ra đi, đầu kiếp vào tim. Nhặt khứ dạ hồi. Kẻ lạ mặt, người mau đoán coi!

- Ta chắc đó là NIỀM HY VỌNG. ***

Turandot tái mặt, đưa tay ôm bụng, mãi không nói thêm được lời nào. Phó đạo diễn cũng tái mặt, gã nhắc: “Lung linh như lửa, lung linh như lửa...”

- Lung linh như lửa, không phải lửa! Khi dậy cuồng, điên, sôi sốt, nóng! Khi nguội lạnh như thể tro than. Tàn hơi thì đông giá. Sân si thì đốt phá. Tiếng nói nó, một khi run rẩy, người lắng nghe và tắt chiều dương!

- Cháy và chảy khi mắt nàng nhìn ta, không gì khác hơn, công chúa ơi, là MÁU. ***

Turandot lão đảo, ngồi phịch xuống thêm điện, tay vẫn ôm rịt bụng, mắt đảo tròn. Phó đạo diễn sốt ruột: “Chết cha! Làm gì kỳ vậy! Bước xuống chứ! Bước xuống mấy bậc thang dùm anh! Tiếp tục đi em... Băng giá thiêu đốt người...”

- Băng giá thiêu đốt người! Lửa lòng người chỉ sinh thành băng giá! Vừa tinh bạch lại vừa u mặc! Bởi muốn tặng người tự do mà biến

người thành nô lệ. Nhận người làm nô lệ để biến người thành hoàng đế. Bằng giá nào đây thiêu đốt người?

- Chính là nàng đó, người yêu ơi! ***

Turandot đổ gục. Mặt úp, chân co. Hai đùi cổ kẹp lại, ngăn dòng máu bực ra như đê vỡ. Đứng quần sa teng trắng ướt sũng. Phó đạo diễn ra lệnh kéo màn cấp kỳ. Gã hét âm:

- Ông Mẫn! Mau gọi ông Mẫn!

Lúc đó, Mẫn đã rời rạp hát. Chàng đang trên đường tới Bình Hưng Hoà dự lễ mở cửa mả Diên Hương. Cái huyết tình đọng trong túi vải lát một đập vào sườn đau điếng. Con đường dẫn tới nơi yên nghỉ sau cùng cũng chẳng khác những con đường sống, chập chùng ổ gà. Mẫn đâu thể nào cứ ngó xuống để kịp tránh.

Diên Hương chẳng thềm để lại một chữ. Cái huyết tình không cánh mà tự động bay vào túi Mẫn. Tro tàn và cả mớ đầu lọc, nghe đâu nàng đã nuốt hết vô bụng cùng mấy ống Lexomil.

Cửa mả. Ý nghĩa của việc mở cửa mả là thế nào nhỉ? Nếu tí nữa đây, chàng gõ cộc cộc cộc và hát "Oh, my darling, knock three times on the ceiling if you want me" **** như đã thì Diên Hương liệu có ngoái lại, nháy mắt, vẫy tay, hay thậm chí quay gót, chạy ù lại bá vai, vít cổ, phủ lên mặt chàng trận mưa hôn...

Mẫn không hiểu tại sao trời phải đổ mưa ngay lúc này. Cuộc đời có cần phải Shen Le như trong kịch bản không?

Bốn mươi chín ngày sau trận mưa thổ tả khiến chiếc xe phản chủ của Mẫn năm lần bảy lượt nhào xuống ổ gà, hất chàng ngã lăn cù chiêng, đập mặt vào đá sỏi sắc bén, tóc tai bê bết cứt đại hôi thối, Mẫn quệt que diêm, đốt điếu thuốc tâm lạng đầu tiên. Bốn mươi chín ngày qua, chàng bị đông lạnh. Vũng máu Dương Hiên để lại trên sân khấu, nàng nói, là con chàng. Khi Mẫn đi xem mặt con, thì nó chỉ còn là một giọt khô khản do người lau chùi sợ ý để sót lại. Chàng ngồi trong bóng tối, sờ giọt máu, hỏi chuyện nó. Chàng bảo nó kể lại cho chàng cảnh tượng mẹ nó sổ nó ra ngoài. Chàng hỏi nguyên do nó không muốn tiếp tục thành hình. Tại sao con không muốn làm người? Tại sao con chỉ là giọt

máu? Chàng ngồi như thế suốt ba ngày bốn đêm, gần như hoá đá. Phó đạo diễn trong lúc tìm chàng để rủ đi nhậu đã phát giác hiện sự, lay gọi mãi chẳng thấy chàng động tĩnh, gã hoảng, gọi Dương Hiên đến tiếp cứu. Nàng đến, xỏ tóc, bò rạp người, thè lưỡi liếm sạch giọt máu. Mẫn bị cái lưỡi tươi rói, mạnh mẽ và linh hoạt của nàng kích động, sức thoát khỏi cơn mê. Về nhà, chàng lên sốt, nằm thẳng cẳng, ngủ li bì. Dương Hiên bận tập tuồng mới, chỉ năm thì mười họa mới ghé qua sờ trán chàng. Nàng đổ hô chàng vì luyến Diên Hương mà phát sốt, chứ nào phải vì nàng hay giọt máu, nên nàng buồn, nàng ít ghé.

Trong mê man, có lần, Mẫn xin xỏ: Mở cửa cho anh vào đi! Dương Hiên tưởng chàng vờ tình, thực thà thỏ thẻ rằng cửa mình nàng chưa lành lặn hẳn sau trận băng huyết. Mẫn lại lải nhải trong nửa tỉnh nửa mê: Cho anh vào trong đó với em đi! Em đang làm gì trong đó?, nàng mới bán tín bán nghi, hỏi han thêm vài câu, té ra, chàng muốn Diên Hương mở cửa mả cho chàng chui vô trong coi cô đang say sưa trò gì bên kia thế giới... Dương Hiên vừa kinh hãi vừa thịnh nộ. Nàng bỏ mặc 39 độ rươi hừng hực trên thân thể chàng, đi tìm phó đạo diễn để khóc.

Bờ vai phó đạo diễn ướt chèm nhẹp nước mắt pha mascara cặn gợn hắc ín, nàng vẫn chưa hả, quyết định người phải nhìn, phải nghe, phải ngửi, phải sờ, phải liếm, phải uống nước mắt khổ hận của nàng là Mẫn chứ không phải ai khác, thế là nàng đến đập cửa tìm 39 độ rươi.

Như một sự tình cờ, bữa đó bốn mươi chín ngày sau trận mưa thổ tả ngăn chân Mẫn đến mở cửa mả người xưa... Tiếng đập cửa mang đầy hơi hướm bạo hành của nàng vang động đúng lúc Mẫn quẹt que diêm đốt điếu thuốc đầu tiên bằng tâm nguôi. Nghe tiếng gõ, chàng biết ngay là của ai, lắc đầu ngao ngán, cười. Chàng rít một hơi thuốc cho bồ công sâm. Rít thêm một hơi nữa để lấy can đảm đi ra mở cửa cho người mà chàng biết sẽ không bao giờ chịu để chàng chúi lúi trong cõi mộng. Khi núp tàn tro đầu tiên rụng xuống huyết tình, từ lỗ hỏm do hai bụng bốn đùi khoanh thành bồng mọc lên khối gì thoát đầu nhỏ tí, sau lớn dần, phồng phình, tròn trĩnh. Mẫn cảm mắt vào đó cho tới khi nó ngưng phát triển. Đưa mặt tới gần. Hình mũi đánh hơi. Nghiêng tai nghe ngóng. Thò ngón tay ra sờ thử. Khi hiểu đó là một quả trứng, chàng chết lặng.

* *Tám: tán dóc - tiếng lóng Sài Gòn thập niên 2000*

** *Ken: bia Heineken*

*** *Những đoạn đối thoại được lược dịch từ kịch bản viết cho vở opéra Turandot của Giacomo Puccini.*

**** *Oh, my darling, knock three times on the ceiling if you want me: Nè, anh yêu, gõ ba tiếng lên trần nhà nhé, nếu anh muốn em (ca từ bài “Knock Three Times” của Tony Orlando & Dawn)*

Bài viết này của ai? Của ai? Không phải của người đàn bà ử dột, không phải của chú bé láu táu, không phải của người phụ nữ có khuôn mặt hiền từ, không phải của người đàn ông ria rậm có tật thích thò tay ngoáy mũi, không phải của cô gái lúc nào cũng diện đôi cao gót lêu đêu và lòng thông con khỉ nhỏ móc hờ vào túi xách đỏ chói cứ tung tẩy theo mỗi nhịp bước, cũng không phải của anh chàng có đôi kính tròn xoe kiểu John Lennon ưa cài cọ, đôi co. Vậy ai? Ai có thể để ông hốt hoảng ngồi đối mình với Mẫn lúc này? Một người đã chết, một người vừa chết, và ông, chênh vênh bên bờ vực sâu, còn ai vào đây để còn có thể vạch xuống từng chi tiết chính xác của cuộc tình? Hay... Hay chính ông, trong một phút cuồng dại, nhập đồng, chết giả, đã nhào vào bàn phím điên khùng gõ, rồi in, rồi nhét vào xấp bài, để bắt chính mình phải đọc lại, phải oằn oại nhận những đường roi thống hối tự quất vào lưng, tươm máu. Diên Hương đã thành tro bụi, Dương Hiên đang phân rã trong đất sâu, và ông, Mẫn, ông thấy trái tim vừa từ chối thói quen có từ khi được tạo hình của nó, nó bình thản đối diện với ông, rành mạch báo: Tôi ngưng đập đây!

MIÊNG - MAI NINH - MẠCH NHA - CỔ NGƯ

Paris 12.20017

(Bài do Nhà văn Cổ Ngư gửi)



GỬI NGƯỜI

Anh hạnh phúc khi em tượng hình
 nhớ thương khi
 mắt xa trời vắng
 Nói bao nhiêu
 Thở biết bao nhiêu
 Ai nghe thấy tiếng lòng
 mang mang chút u trầm
 Để lấp khoảng trống chờ mong./

CỎI XA

Đêm diêu hũu
 Mông lung nào xa lắm
 Vẳng tiếng cười nhạt nhạnh ý nguyên sơ
 Dấu vào lắng sâu
 Để khi dở ra như trang sách
 Cất nỗi buồn mật nhiệm canh thâu.

MỞ HỒN

Xanh ngăn ngắt
 Đứng với tay
 phía bên kia trời mộng
 u uẩn hoang liêu người nghệ sỹ nào không kiêu
 bạc thói đời
 Đâu tự ngã
 canh tân hoài ý niệm
 Mở toang hồn sương ngậm tinh khôi.

NGỌN GIÓ SINH DIỆT

Hỡi ngọn gió trời thần trong mùa khắc nghiệt
Từ nguồn cội chắc vẫn nguyên sơ
Khổ đau khi lạnh lòng buốt giá
Một khi nào kiếp người không còn
Mới hạnh nguyện ngàn thu
Và nơi chốn tượng hình nguyên ngã

Có ngọn gió nào
Bay vào sinh diệt
Có ngọn gió nào
Vừa đến vừa đi
Có ngọn gió đùa
Cuốn cả mùa đông

Mùa đông có kẻ đứng chờ
Mùa đông buốt giá quê người
Mưa giăng kín trời
Rể cây mọc ngược ...
Có thềm tìm đến anh không

Một người trông mong nhìn xe qua lại
Như ngày lưu lạc
Buồn khổ em yêu

Để ngọn gió nào
Bay vào luân lạc
Để ngọn gió đùa
Cuốn cả mùa đông./

QUỲNH THI

Houston 02 June 2019



TÔ THÙY YÊN :

MỘT THI SĨ TÀI HOA,
MỘT NHÂN CÁCH LỚN
VƯỢT TRÊN HẬN THÙ TRONG
CUỘC NỘI CHIẾN
QUỐC CỘNG BẮC NAM.

1.

Cái Chết Của Một Cựu Sĩ Quan Cao Cấp Trong QLVNCH. Bạn vừa đi dự đám tang của nhà thơ Tô Thùy Yên {TTY) về. Thấy bạn trầm tư , có vẻ như đang suy nghĩ về một điều gì lung lắm . Phải thế không? Đời người ai mà không phải chết. Mà chết được như anh TTY , một cách êm ái , nhẹ nhàng , không phải đau đớn nằm trên giường bệnh lâu ngày, làm khổ mình và khổ vợ con. Thì đó cũng là ước muốn của nhiều người trong mỗi chúng ta. Cứ theo như chị Bích vợ anh cho biết , thì anh ra đi rất nhẹ nhàng , thênh thang như trong giấc ngủ, không hề đớn đau thân xác. Bạn nghĩ, đó cũng là

một điều an ủi rất lớn cho anh và những người thân yêu của anh chứ.

Thường thì chúng ta ở trong cùng một thành phố, mới vừa gặp gỡ nhau đây đó. Hôm qua, hôm kia rồi bỗng nhiên nghe tin người đó vừa mới qua đời. Làm sao chúng ta không sửng sốt, ngạc nhiên. Sao sự chết đến dễ quá vậy, nhanh vậy. Thật không sao ngờ được. Tưởng ai đó nói giỡn chơi. Rồi gọi hỏi thăm, người này, người nọ, thì mới tin chắc đó là sự thật. Không còn nghi ngờ gì nữa. Đời người trăm năm, mới nghe tưởng là dài lắm. Té ra thời gian trôi qua trăm năm rất là ngắn ngủi, tưởng đâu chỉ là một giấc mộng.

Mới đây ít lâu, bạn nói có gặp anh chị TTY trong phố chợ Hồng Kông trên đường Bellaire. Anh thì đang đẩy xe chở đồ còn chị thì đi bên cạnh, cười nói rất là vui vẻ. Bạn đứng lại chào hỏi anh ít câu rồi từ giã đi ra, còn anh chị thì đi vào chợ.

Trước nay vẫn vậy, anh em, bằng hữu chỉ gặp gỡ nhau trên bài vở, văn thơ, ít khi có dịp ngồi lâu chuyện trò. Hồi nhà văn nữ Hàn Song Tường còn sống. Khi có những dịp chị tổ chức ra mắt sách hay kỷ niệm tờ tạp chí Gió Văn thì anh em văn nghệ sĩ ở Houston thường gặp mặt nhau ăn uống, hàn huyên ở nhà chị rất là thân thương, đầm ấm. Những dịp vui đó bạn thấy anh TTY thường đi chung với nhà văn Đặng Phùng Quân và hai người thường trò chuyện rất lâu và tâm đắc. Có lần đang nói chuyện với chị Hàn Song Tường về họa sĩ Nguyễn Quỳnh vẽ một bức chân dung họa sĩ vẽ cho chị được treo ở trên tường, thì anh TTY và anh Quân đi đến góp chuyện.

Anh ưu ái thăm hỏi bạn và nói lâu nay ít thấy. Từ khi tờ Gió Văn đình bản, rồi chị Hàn Song Tường qua đời thì bạn bè ít gặp nhau hơn. Vả lại mình là kẻ hậu bối, nên có phần e dè khi gặp các vị niên trưởng đã lừng lẫy tiếng tăm địa vị và danh vọng trong văn đàn và cộng đồng.

Nhà thơ Tô Thùy Yên qua đời ngày 21 / 5/ 2019 lúc 9.30 tối. Theo chương trình lễ an táng nhà thơ. Thăm viếng, tưởng niệm vào chiều 31/6/ 2019, lúc 6 giờ. Tang gia và anh em văn nghệ sĩ Houston tổ chức buổi tưởng niệm nhà thơ ở nhà quán Vĩnh Cửu, rồi hỏa táng vào hôm sau 01/ 6 / 2019, cũng trong nhà quán. Bạn cũng đã đến tham dự.

Chiều đó tuy trời đổ mưa lớn nhưng trong nhà quán đã chật kín người. Những bạn hữu của nhà thơ ở xa cũng tề tựu đến rất đông. Hàng ghế trên cùng, các nhà thơ *Đỗ Quý Toàn, Đinh Quang Anh Thái*. . . ở California sang, anh *Trần Doãn Nho* mới về sống ở Dallas cũng đã có mặt, và còn nhiều thân hữu nữa ở các nơi gần, xa, và hầu hết văn nghệ sĩ ở địa phương cũng đến thăm viếng anh lần cuối. Người dẫn chương trình là anh *Bùi Huy*, một nhà văn thân hữu rất gần gũi với anh ở trong một thành phố. Tất cả trên dưới khoảng vài trăm người tham dự. Người ta ít thấy có đám tang nào đông đủ anh em văn nghệ sĩ, vừa ngưỡng mộ vừa yêu mến anh tham dự đông đủ như vậy, thật là vinh dự và an ủi cho nhà thơ và tang quyến kiệt bao.

Nhà thơ Tô Thùy Yên không những là một thi sĩ nổi tiếng đã rất lâu từ hồi còn trong quân ngũ khi công tác ở Sài Gòn, mà anh còn là một sĩ quan cao cấp trong Quân Lực VNCH, anh là Thiếu tá Trưởng phòng Tâm lý chiến thuộc Tổng cục Chiến Tranh Chính Trị cho đến ngày miền Nam bị xâm chiếm 30 / 4 / 75 rồi phải đi tù 3 lần, tổng cộng trên 13 năm lao động khổ sai ròng rã. Sau đó, anh và gia đình được Mỹ cứu đi tỵ nạn sang Hoa Kỳ theo diện H.O Hiện anh và gia đình gồm một vợ, hai người con đã thành đạt và các cháu đang sinh sống tất cả ở thành phố Houston Hoa Kỳ.

Theo lệ thường chúng ta thấy, những sĩ quan cựu tù nhân chính trị sống ở Hoa Kỳ, sau khi qua đời. Lễ thức an táng theo lễ nghi Quân cách, có đội quân danh dự trong quân phục binh chủng bổng súng đứng chào, rồi Ban nghi lễ quân đội làm lễ phủ cờ Vàng VNCH trên linh cữu, Quốc ca VNCH được cất lên, sau đó là điệu văn của Hội Cựu Tù nhân Chính trị, đại diện Quân đội chia buồn, người được cho là hy sinh vì Tổ Quốc. *Nhưng trong tang lễ của anh, bạn không thấy những nghi thức nói trên, nên trông bạn ưu tư với suy nghĩ riêng của mình cũng phải.*

Nếu cựu Thiếu Tá TTY không phải là một trong những người lãnh đạo phụ trách về công tác tuyên truyền chính trị trong QLVNCH, thì sự ưu tư thắc mắc không phải chỉ riêng bạn mà còn là của nhiều đồng hương Việt Nam khác có lý lẽ đã đi một nẻo. Đàng này anh là một Sĩ quan cao cấp của Quân Đội, mà sau khi chết, cũng chỉ muốn được mọi người coi là một người Việt tỵ nạn

bình thường, lúc còn sống và sau khi chết đi, thì nó phải có một lý do nào đó quan trọng mà anh đã ủy thác cho gia đình anh đã quyết định tổ chức tang lễ như vậy. Phải thế không?

Trong bài thơ “ Ta Về “ có đoạn:”Ta về như lá rơi về cội/ Bếp lửa nhân quần ấm tối nay/ Chút rượu hồng đây xin rưới xuống/Giải oan cho cuộc biến đau này . . .” À thì ra như thế.

2 - Tư Tưởng Của Một Nhà Thơ Lớn.

Tô Thùy Yên không những là một Sĩ Quan trong quân đội mà ông còn là một nhà thơ. Hồi còn rất trẻ ông đã có một quan điểm cũng giống như bao nhiêu trí thức của miền Nam Việt Nam trước 1975 về cuộc chiến Quốc cộng , huynh đệ tương tàn , nổi da xáo thịt, mà số đông những người trí thức coi là một cuộc Nội chiến. Như vậy trong con người thật của TTY đã có một quan điểm hai mặt rõ rệt. Một khuôn mặt là một chiến binh và một khuôn mặt nhà thơ. Khi đến tuổi động viên phải tham gia vào Quân đội thi hành nhiệm vụ của một thanh niên thời loạn thì anh chấp hành gia nhập quân đội , anh được gọi học khóa 17 Sĩ quan Trừ bị Thủ Đức. Khuôn mặt thứ hai trong con người anh là một người làm thơ. Nhưng quan điểm của một trí thức nhà thơ nhận định về cuộc chiến tranh đang hồi mỗi ngày một thêm dữ dội, xác chết thành núi , máu chảy thành sông. Không phải tự nó là một nhu cầu chiến tranh bảo vệ đất nước bị xâm lăng bởi một nước khác. Mà là một cuộc chiến Bắc Nam xung đột bắn giết nhau về Ý Thức Hệ. Một bên do Liên Xô và Trung Cộng lãnh đạo khối cộng sản cầm đầu. Một bên là khối tư bản do Hoa Kỳ lãnh đạo. Sau khi quân đội Pháp thua ở trận Điện Biên Phủ phải bàn giao miền Nam lại cho Quốc Trưởng Bảo Đại và Chí sĩ Ngô Đình Diệm đang du học và bốn ba ở Mỹ được Quốc trưởng Bảo Đại cử về thành lập chánh phủ theo hiệp định Geneve 1954 do Việt Minh và Pháp ký kết tại Paris Pháp quốc. Chí sĩ Ngô Đình Diệm cũng đã được chánh phủ Mỹ ủng hộ và hậu thuẫn giúp đỡ về tài chánh và quân sự.

Theo Hiệp định Geneve , thì quân đội Việt Minh tức cộng sản miền Bắc (Sau này chúng biến đổi thành Mặt trận Giải Phóng miền Nam để đánh lừa dư luận Quốc tế , thường được gọi là Việt

Cộng) phải rút hết về Bắc , lấy con sông Bến Hải là vĩ tuyến 17 làm ranh giới phân chia Bắc Nam. Nhưng sau này Bắc Việt được khối cộng sản quốc tế do Liên Xô và Trung cộng yểm trợ về súng đạn , quân dụng , tiền bạc áp lực buộc chúng phải đem quân xâm chiếm miền Nam. Do Bắc Việt chủ động chiến tranh như vậy nên phía miền Nam cũng đã được Mỹ và khối đồng minh yểm trợ rồi quân đội Mỹ cũng đã ồ ạt được đưa sang giúp Nam Việt Nam. Nhưng chánh phủ Nam Việt Nam không đồng thuận việc gửi quân sang tham chiến trực tiếp ở miền Nam. Lúc đầu do chánh phủ Ngô Đình Diệm phản đối việc đưa quân đội Mỹ và đồng minh sang tham chiến ở Việt Nam nên Tổng Thống Ngô Đình Diệm đã bị các tướng lãnh dưới quyền do Mỹ chủ mưu mua chuộc, đã lật đổ và giết chết ba anh em Tổng Thống Diệm như chúng ta đã biết.

Rồi cuộc chiến do nhu cầu và quyền lợi của những nước lớn hai khối Quốc Cộng không cần thiết cho họ . Họ đã quyết định dàn xếp quốc tế với nhau . Như vậy cuộc chiến tranh Việt Nam là do những nước lớn bên ngoài định đoạt mà nhà thơ TTY cũng đã nhận ra. Người lính tham chiến hai bên Bắc Nam cũng chỉ là những người thi hành theo quyết định của những nước lớn.

Trong bài thơ Chiều Trên Phá Tam Giang có đoạn: *Vì sao người tới nơi đây/ Hồi gã cộng quân sốt rét, đói/ Xích lờn nguyên sinh Bắc tử Nam/ Vì sao ta tới đây?/ Lòng xót xa thân xác mỗi mòn/ Dưới mắt người làm tên lính nguy/ Vĩ dầu người bắn rụng ta/ Như tiếng hét/ Xé hư không bất im/ chuyện cũng thành vô ích/ Vĩ dầu người gục/ Vì bom đạn bất dung/ Thi thể chẳng ai thấu/ Nào có chi đáng kể/ Nghĩ cho cùng, nghĩ cho cùng/ Vĩ dầu các việc người làm, các việc ta làm/ Có cùng gom góp lại/ Mặt đất này đổi khác được bao nhiêu?/ Người chẳng thấy sao/ Phá Tam Giang ngày rày đâu đã cạn?/*

Rồi qua đoạn sau ông tiếp tục viết:

Ta phá lên cười, ta phá lên cười

Khi tưởng tượng người và ta gặp gỡ

Ở cõi âm nào người vốn không tin

Hỏi nhau chơi thỏa chút tính bông đùa

Người cùng ta ai thật sự hy sinh

Cho tổ quốc Việt Nam, một tổ quốc. . . ?

Các việc người làm

Người tưởng chừng ghê gớm lắm
Các việc ta làm
Ta xét thấy chẳng ra chi
Nên người hăng điên còn ta ảm đạm
Khi cùng làm những việc như nhau

Ta tự hỏi vì sao
{ Còn người có bao giờ người tự hỏi ? }
Và ta tự trả lời
(Có bao giờ người tự trả lời ?)
Chúng ta khác nào cánh quạt phi cơ
Phải quạt phải quạt!
Chỉ vì nó phải quạt!
Ta thương ta yếu hèn
Ta thương người khờ khạo
Nên cả hai cùng cam phận quay cuồng
Nên cả hai cùng mắc đường lịch sử
Cùng mê sa một con đĩ thập thành
Chiều trên Phá Tam Giang rộn ràng tiếng chiến trận
Chiều trên phá Tam Giang im lìm âm cảm thông . . .
(*Chiều Trên Phá Tam Giang* , ông viết vào năm 1972)

Đã đến lúc cuộc chiến tranh Việt Nam phải được kết thúc . Quân đội Mỹ và đồng minh rút ra khỏi Việt Nam . Bỏ rơi Nam Việt Nam cho Bắc cộng chiếm giữ! Tất cả đất nước từ Bắc chí Nam đã lọt vào tay cộng sản Bắc Việt 30/ 4 / 75. Tất cả quân cán chính đều tan rã. Nhiều người đã chết trong tay quân địch và nhiều trăm ngàn người đã phải cảnh tù đầy khổ sai không sao kể xiết. Đó là một sự thật đau lòng như mọi người chúng ta đều biết.

Còn chúng ta những người may mắn hơn những anh em khác ở trong nước, chúng ta đang được sinh sống ở hải ngoại, được hưởng no đủ về vật chất và tinh thần trong một đất nước rất tự do bởi một khúc quanh có một không hai trong lịch sử, chưa bao giờ diễn ra. Chúng ta có bao giờ để tâm suy nghĩ đến vận nước còn rất chên vênh bị đe dọa xâm lăng và đói khổ ở tương lai. Mà hận thù giữa trong và ngoài nước vẫn ngày đêm diễn ra .

Không biết đến khi nào anh em trong ngoài nước mới hàn gắn được hận thù do hậu quả cuộc chiến Quốc Cộng để lại, để cùng nhau chung một lòng bảo vệ và xây dựng phồn vinh cho đất nước! Mỗi người trong chúng ta phải làm gì? Đó là một câu hỏi thiết thực cho những ai còn nặng lòng với quê cha đất tổ và dân tộc.

3 - Thơ Tô Thùy Yên lớn ở chỗ nào?

Không ít người nói “TTY là một nhà thơ Lớn” Hay có người còn ví von gọi nhà thơ TTY là “Bắc đẩu của văn học Việt Nam.” Nhưng khi bạn hỏi lại người đó : “Nhà Thơ TTY lớn hay Bắc đẩu văn học ở chỗ nào?” Thì người đó ngong hay trả lời tán dóc trong bài viết một cách vớ vẩn.

Vậy thì hỏi tức là trả lời . Ngay từ hồi còn rất trẻ, phục vụ trong ngành Tâm Lý Chiến. Tâm thức của một nhà trí thức đã có những suy nghĩ về cuộc chiến khác hơn, cao hơn những người cùng thời với ông rất nhiều. Chúng ta hãy lấy bài thơ “Chiều Trên Phá Tam Giang” là một trong những thí dụ điển hình như đã trích ở trên về quan điểm cuộc chiến giữa hai bên chém giết lẫn nhau mà những người lính chiến chỉ biết thi hành mệnh lệnh của những tên đầu sỏ tay sai hiếu chiến làm theo ý đồ của ngoại bang phản dân hại nước. Bài “Chiều Trên Phá Tam Giang” TTY làm trong lúc bay trực thăng tháp tùng một phái đoàn Thủy Quân Lục Chiến đi thị sát mặt trận ở Cổ thành Quảng Trị hồi tháng 6/ 1972, khi đi ngang qua khúc sông hung dữ chảy khôn xiết của ba con sông cái Ô Lâu, sông Bồ và sông Hương nhập lại đổ ra Cửa Thuận An trở thành phá Tam Giang thành thử những thuyền bè qua lại khúc sông dữ dằn này rất khó mà đi qua, thường hay bị đắm chìm nên người xưa mới có câu ca dao cổ “Nhớ em anh cũng muốn vô/ sợ truông nhà Hồ sợ phá Tam Giang”. Trên máy bay trực thăng nhìn xuống cảnh tàn phá của chiến tranh làm ông mủi lòng :

*Chiếc trực thăng bay là mặt nước
Như cơn mộng nhanh
Phá Tam Giang Phá Tam Giang
Bờ bãi hỗn mang dòng bát ngát*

Cát hôn hôn mê nước miệt mài trôi
Ngó xuống cảm thương người lỡ bước
Trời nước mông mênh thân nhỏ nhoi
Phá Tam Giang Phá Tam Giang
Nhớ câu ca dao sầu vạ cổ
Chiều dòn tan, nắng đọng nứt ran ran
Trời thơm nước, thơm cây, thơm xác rạ
Thơm cả thiết tha đời
Rào rào trận gió nhám mặt mũi
Rào rào trận buồn ngầy chân tay

Ta ngó thấy ghe thuyền quân tụ
Từng đoàn như trẻ nhỏ ghê ma
Ta ngó thấy thùy dương gãy rũ
Từng cây như nổi bất an già
Ta ngó thấy rào chà cản nước
Từng hang như nỗ lực lao đao
Ta ngó thấy nhà cửa tróc nóc
Từng ngôi như mặt đất đương gào
Vì sao người tới đây

.....
Chiều trên Phá Tam giang
Mây nhìn con nước xiết
Chảy băng bờ bãi ngồn ngang cam

.....

Nhìn từ Trục thẳng xuống cả hai bờ Phá Tam giang bị tàn phá bởi chiến tranh tang thương , nhà thơ cảm thương cho thân phận mình , cho thân phận người dân khốn khổ nơi đây , cửa nhà, ruộng vườn bị cày phá bởi bom đạn. Nghĩ tới kiếp người đang lỡ độ đường, rồi ông chợt nghĩ và nuối tiếc tuổi thanh xuân của mình bị bỏ dở dang.

Thơ TTY thường là thơ mới bảy chữ và bài Chiều Trên Phá Tam Giang là thơ tự do, ngôn ngữ trong thơ ông chọn lựa kỹ càng , nghiêm túc. Chất cổ phong trong thơ dù thi sĩ cố làm mới nhưng vẫn hiện ra . Thí dụ như câu : Phá Tam Giang Phá Tam Giang / Nhớ câu ca dao Sầu Vạ Cổ...

Trong bài Chiêu Trên Phá Tam Giang : chia ra làm 3 đoạn . Đoạn 1 ông mô tả về chiến tranh và thân phận của người lính chiến hai bên. Đoạn 2 ông nói về tình yêu, thương nhớ người yêu trong lúc ông vắng nhà, ông mừng tưởng người yêu đang sống an bình trong đêm ở thành phố Sai Gòn mà trước khi ông đi công tác, ông nghĩ đến một thương xá đã khuya sắp đóng cửa ... Ngoài đường phố sắp đến giờ giới nghiêm. . . người phu quét đường. .. Đoạn 3 lại nói đến thân phận người trai thời chiến đang đối mặt với quân địch ngoài mặt trận.

Bài thơ này được nhiều người biết đến vì đã được nhạc sĩ Trần Thiện Thanh phổ nhạc. Nhưng chủ đích và giá trị cao của bài thơ không phải là đoạn 2 được ông nhạc sĩ phổ nhạc. Mà giá trị đích thực và làm tứ thơ lớn lao là ở đoạn 1 và đoạn 3. Nhưng TTY phải cảm ơn bản nhạc Chiêu Trên Phá Tam Giang vì nhờ bản nhạc này đã làm cho độc giả biết đến TTY nhiều hơn. Loan truyền rộng rãi nhiều hơn. Nhân cách và tư tưởng nhân sinh đi vào lòng người nhiều hơn.

Ý nghĩa cuộc chiến khơi gợi trong thơ làm lu mờ một sự tuyên truyền láo khoét của Bắc cộng . Có lẽ bản Tâm lý chiến của Thiếu tá Đinh thành Tiên khó bề mà qua mặt nổi nhà thơ TTY trong cái chính danh của cuộc chiến đau khổ mà hai bên Bắc Nam trước đây vẫn rỉ rả trên các phương tiện truyền thông. Thế mà Chiêu Trên Phá Tam Giang đã làm cho nhiều người ngộ ra.

4 - TÔ THÙY YÊN NGƯỜI VƯỢT LÊN TRÊN ĐAU KHỔ VÀ HẬN THÙ.

Thi tứ trong thơ TTY chảy lỏng lộng vào hồn người, Những giai điệu toát lên cung bậc nhạc tính không phải do vần điệu tạo thành, mà do ngôn ngữ chất lọc phần nhiều là sâu sắc và truyền cảm. Vẻ sang trọng đồng đều trên mỗi con chữ trong hầu hết những bài thơ như bài; Chiêu Trên Phá Tam Giang, Tà Đêm, Mộ Khúc, Bất Tận Nỗi Đời Hung Hãn, hay bài : Sáng Nay, Ta Còn Đi Bên Nhau , bài này ông mới làm khi sang Mỹ cho một người yêu vào năm 95, mà người đọc cảm nhận được. Bạn đã tìm thấy bài thơ này trên số tạp chí Hợp Lưu mà nhà văn Khánh Trường làm số chuyên đề về thơ TTY . Số 24 tháng 8 & 9 Năm 1995.

Không phải cho đến khi qua đời ông mới được nói tới như số đông của những người làm văn nghệ khác , tầm vóc lớn lao trong thơ ông đã được nhiều tạp chí văn học việt Nam nói đến cả hàng nửa thế kỷ nay. Nhiều nhà phê bình đã phân tích và nói về thơ ông , nhưng đa số không lột tả hết tư tưởng trong thơ TTY gửi gắm.

Trong bài Ta Về , TTY viết khi ông vừa ra khỏi tù cải tạo 10 năm , được nhiều người đọc biết đến nhiều hơn cả. Nhưng cái lớn lao và kỳ vĩ trong đời thơ TTY là ông đã vượt lên trên chính mình . Vượt lên trên Cả hận thù và những khổ đau, mà những người cộng sản đã dày ải ông , trả thù ông . Chúng ta hãy nghe:

*Ta về cúi mái đầu sương điểm
Nghe lượng tử tâm của đất trời
Cám ơn hoa đã vì ta nở
Thế giới vui vì mỗi lẻ loi . . .*

Trong cả một bài thơ dài và sau đó, không có những lời thóa mạ , oán hận những người đã dày ọa mình. Có chăng :

*Ta về một bóng trên đường lớn
Thơ chẳng ai để vạt áo phai
Sao bỗng nghe đau mềm phế phủ
Mười Năm đá cũng ngậm ngùi thay. . .*

.....

*Vĩnh biệt ta mười năm chết dấp
Chốn rừng thiêng im tiếng nghìn thu
Mười năm mặt sạm soi khe nước
Ta hóa thân thành vượn cổ sơ . . .*

Bạn thử nghĩ xem, lòng khoan nhân độ lượng cả một chế độ đã cầm tù mình, dày ọa mình trên 13 năm. Chẳng thời gian dài khổ nạn dằng dặc như đường thánh giá mà đấng Giesu đã vượt qua. Thiển nghĩ chỉ có một thánh nhân, hay một thiên sư đã giác ngộ mới thứ tha và bao dung được như nhà thơ TTY vậy.

QUỲNH THI

(Houston Jun 12, 2019)

Vinhqpham49@gmail.com



NGÀY VỀ

Trong giấc mơ anh suốt cả sáu năm trời ở trong trại, không có ngày nào anh không mơ ước một ngày như ngày hôm nay, ngày trở về đoàn tụ.

Anh nhớ như in cảm giác của mình khi cả trại được kêu lên hội trường. Lần này nhân dịp ngày 30 tháng tư, ngày Giải Phóng Thống Nhất Đất Nước và Lễ Lao Động 1 tháng Năm, nhà nước sẽ khoan hồng tha cho một số anh em học tập cải tạo tốt. Soại nghe trong lơ mơ vì anh không có hy vọng của sự trở về. Anh đã chai lì trong sáu năm với biết bao đợt về mà không có tên anh.

- Trần Quang Soại.

Soại giật nẩy mình lên, rồi hô to:

- Có.

Anh đứng dậy nở nụ cười thật tươi với bạn bè ngồi chung quanh. Có những tiếng lố nhố:

- Thằng Soại trúng số rồi, về chuyến này vợ tha hồ có đồ chơi, nhớ lên gặp tư Thông nghe mày.

Anh mỉm cười với những câu nói đó, cố lách bước ra ngoài đám đông đang ngồi dưới đất nghe gọi tên.

- Kỳ này về đông he, hăm mấy đứa.

Anh bưng bả về phòng rồi gọn gang đồ đạc, những đồ đạc ít ỏi của anh. Anh vui tất cả trong cái bao cát là xong ngay. Những người được thả về đợt này sẽ qua đây trại bên kia, ở lại khoảng một hay hai tuần để bồi dưỡng, rồi mới cho về nhà hẳn.

Soại nhớ đến Nại Hiên ngay khi vừa được kêu tên. Anh nghĩ nhiều về nàng và các con. Anh quyết định sẽ không về trung với mẹ, anh sẽ về tìm Nại Hiên. Hình ảnh Nại Hiên lập lờ nửa như mời gọi, nửa như quay mặt. Nhưng dù gì anh cũng về tìm.

Anh nhảy tàu trong đêm khuya khi tàu vừa chạy vào ga La Hai, anh rúc vào nằm trong toa chứa hàng, may mà tất cả đều an toàn, không có chuyện gì xảy ra.

Bây giờ thì Nại Hiên xuất hiện trước mặt anh bằng xương bằng thịt. Nại Hiên đi rồi nhưng hình ảnh vẫn còn bay bay trong anh. Đúng là người đàn bà ba mươi tuổi vẫn còn xuân sắc quá, anh nghĩ, mình dù không được thăm nuôi trong bao nhiêu năm, mà trở về còn vợ con là điều may mắn.

Và biết ơn nàng.

Biết bao chuyện kể, anh nghe được, khi người tù cải tạo trở về. Có người vừa về đến nhà gặp ngay nón cối treo ở phòng mình và người vợ đã chỉ vào mặt người chồng, đuổi ra khỏi nhà. Biết bao chuyện người vợ cặp kè với dân chợ trời, với chủ ghe chuyên đóng thuyền vượt biên, với tài xế xe khách đường dài. Mọi chuyện như là một câu chuyện tiểu lâm cười ra nước mắt, khó tin nhưng có thật, rồi qua những cái loa miệng của người có thân nhân đi thăm nuôi kể lại. Mọi chuyện, Soại nghĩ đều có thể xảy ra cho mình và anh yên tâm chấp nhận nó. Nay, anh trở về bình an với vợ con như thế này thật là điều vạn hạnh. Anh lên giường nằm rồi ngủ luôn một giấc ngon lành.

oOo

Nại Hiên trở ra sạp bán hàng. Nàng im lặng, nhỏ nhẹ trả lời những câu ngắc với chị em bạn hàng bên cạnh.

Chị Hoàng hỏi:

- Chú út về mạnh giỏi không cô?
- Khoẻ sao được mà khoẻ, đi ở tù mà, ốm nhách à.
- Nhưng về được là may rồi, có nhiều người bệnh quá, đói quá chết trong tù đó cô.
- Dạ.

Nại Hiên đáp lí nhí trong miệng. Nàng lo bày hàng để bán tiếp tục.

Khoảng buổi chiều thì Quốc trở về, mồ hôi mồ kê đổ ra nhễ nhại. Anh dựng chiếc xe phía ngoài rồi bước vào sạp với vẻ mặt hớn hở. Anh ngồi xuống chiếc ghế dành cho khách ngồi mua hàng, rồi nói với Nại Hiên:

- Xong rồi dì, mọi chuyện đều xong, ba cái giấy khai sinh của ba đứa nhỏ. Chỉ cái giấy li dị còn trục trặc vì dưới xã họ không có quyền làm giấy này, phải giả con dấu của tòa án mới được.

Nại Hiên nét mặt lặng thinh, không vốn vã hớn hở như những lần trước. Đợi cho Quốc nói xong, nàng mới lên tiếng:

- Anh Soại về rồi, ông xã dì đó, về hồi sáng nay.

Câu nói làm Quốc rơi vào khoảng không. Sự việc anh chưa nghĩ đến bao giờ. Nó đến hơi đột ngột vì anh đang thực hiện từng bước những dự tính của mình. Nhưng anh cũng nói:

- Dượng về thì vui cho dì. Nhưng tất cả con nghĩ thì dì cứ tiếp tục công việc như đã tính. Tại vì còn chế độ này thì mình còn phải luồn lách thế nào cho lợi là được.

Câu nói của Quốc có vẻ hơi sỗ sàng nhưng rất thật. Anh biết điều đó qua cha anh, người cha tập kết trở về, có thêm một bà vợ và mấy đứa con.

Ông trở về trong cái xách tay có mấy ký đường mua bằng tem phiếu, để về biếu cho người vợ cũ sau hơn hai mươi năm xa cách. Khi ông trở về lại đất bắc, mẹ Quốc đã mua cho ông những món hàng đặc giá làm ông choáng ngợp. Nên ông nghĩ trong chuyến đi này ông có lãi. Cái mà suốt trong mấy mươi năm ông mơ ước, ông cống hiến cả đời, để có, mà không có được. Trong chuyến đi có lãi đó của cha, đã dạy cho Quốc một điều, là phải kiếm tiền bằng mọi cách.

Quốc nhờ cái lý lịch trong suốt nên anh được nâng điểm và anh đã đậu vào khoa chuyên hóa ở trường đại học khoa học, Sài Gòn.

Vừa đi học vừa đi làm, đi làm đây là tìm những cái áp phe để kiếm tiền thêm, như chuyện lo làm ba cái giấy khai sinh giả cho ba đứa nhỏ. Quốc đã làm xong và chi cho mấy đồng chí uỷ ban xã một chỉ vàng. Quốc lấy của Nại Hiên hai chỉ. Quốc có lời nhưng vẫn được điểm của Nại Hiên về sự thiệt thà, giúp đỡ.

Bây giờ Soại đã về, tự đứng hai người thấy mình đứng cách xa nhau. Những đêm Quốc tới nhà, cùng nghe nhạc, hoặc Quốc đàn cho nàng hát những bản tình ca nàng thích, bên ngọn đèn cầy. Những lúc đó nàng muốn ngã vào lòng Quốc, ngã vào bờ ngực nở nang, rộng menh mông của Quốc, rồi sau đó ra sao thì ra. Nhưng mọi chuyện chưa xảy ra, chỉ là trong ý tưởng. Quốc cũng rung động vì những quyến rũ của người đàn bà ba ba mươi tuổi, nhưng anh chưa giám làm một cử chỉ gì lộ liễu.

Bây giờ Soại về, tình cảm đó có còn tiếp nối được không? Như có một bức tường vô hình nào đó ngăn cản lại những đam mê nẩy mầm. Nại Hiên nói giọng buồn buồn:

- Dì cảm ơn Quốc những ngày qua đã giúp dì công việc. Quốc cứ lên nhà chơi như thường ngày. Để rồi dì sẽ tính cho cuộc sống của anh Soại.

Câu nói của Nại Hiên là câu nói mớm lời, mập mờ hứa hẹn. Quốc thấy vui trở lại, anh đứng lên:

- Thôi con về, nếu con lên nhà dì không tiện thì con sẽ đến đây thăm dì.

Câu nói đó cũng là một câu hứa hẹn nữa, và nó đầy sức quyến rũ.

Quốc ra xe và rồ máy đi, nàng như đang thả hồn mình bay theo Quốc, qua từng chặng, từng chặng đường. Nàng thấy mình đang đứng trước ngã ba đường. Hình ảnh Soại xanh xao ốm yếu nhập nhòa trước mắt, nàng có một chút lòng thương hại, một chút thương yêu, một chút bồn phận vợ chồng, nhưng hình ảnh Quốc nổi lên làm nàng tê tái, choáng ngợp.

Buổi chiều xuống thấp bên ngoài, bạn hàng lục tục ra về. Tiếng kít kít của những chiếc xe đẩy hàng làm nàng choàng tỉnh. Nại Hiên vội vàng dọn dẹp hàng rồi chờ người đẩy xe tới chuyển hàng đi. Chị Hoàng trước khi ra về ghé qua sạp của Nại Hiên hỏi vài câu:

- Sao út Hiên về trễ vậy? Có ông xã về là vui rồi há.
- Dạ, em bận mấy người mua hàng cứ lựa đi lựa lại hoài, em bức muốn chết. Mới xong là em dọn hàng ngay đây chớ.
- Mấy người đi cải tạo mới về, bao tử còn yếu lắm, em cho ăn từ từ nhe. Có nhiều người ăn ngon quá, ăn nhiều bể bụng chết luôn đó.

Những câu dặn dò chân tình của người bạn hàng làm lòng Nại Hiên dịu lại. Nàng xách giỏ ra về.

Trên đường đi, nàng nghĩ, phải mua cho Soại mấy bộ quần áo cũ, mua thêm chút cá, chút thịt cho bữa cơm đầu tiên của ngày đoàn tụ ra về một chút. Dù sao, Soại mới về, cũng đừng làm cho anh mặc cảm.

Nàng tần ngần đứng ngoài cánh cửa khép hờ nhìn vào. Cha con Soại đang nói chuyện bên trong. Ba đứa con gái không có cha lâu ngày, bây giờ tự nhiên về nhà thấy ông nào nói là ba của chúng, ba đứa hơi rụt rè. Nhưng rồi hình như có sợi dây máu mủ thiêng liêng, một chốc đã xóa tan đi trong lòng ba đứa nhỏ những bờ ngõ chập choạng ban đầu. Bây giờ tiếng nói, tiếng cười, dòn tan giữa ba cha con.

Con Anh Thư hỏi:

- Ba đi ở tù vậy người ta cho ba ăn gì ba?
- Thì khoai mì lác với nước muối.
- Có cơm không ba?
- Có, nhưng ít lắm, một năm một vài lần.
- Ba ăn no không?
- Đâu có nhiều mà ăn no.

Nại Hiên nghe cha con Soại đối đáp nhau như chính Soại nói với mình, em bỏ anh suốt mấy năm, anh đâu có được thăm nuôi tiếp tế, anh sống lê thê lếch thếch trong trại tập trung như một kẻ lạc loài. Lời trách cứ đó văng vẳng bên tai làm nàng lòng bùng. Nàng đẩy cửa bước vào, các con bỏ Soại chạy lại bu quanh mẹ. Chúng reo lên:

- Mẹ về, mẹ về.

Nàng cười với con và hỏi:

- Cha con nói chuyện gì mà vui thế, cơm nước gì chưa?

Anh Thư nhanh nhẩu:

- Con nấu cơm, hâm cá lại rồi, chờ mẹ về là ăn cơm thôi.

Nàng đưa giỏ đựng thức ăn cho Anh Thư rồi nói:

- Có cá với thịt me mới mua, con rửa sạch lại rồi thịt thì kho mặn, còn cá thì nấu canh nhé.

Anh Thư cầm giỏ thức ăn đi xuống bếp. Nó lớn lên trong hoàn cảnh cơ cực nên đã làm được tất cả những công việc ở trong nhà. Đông Nghi với Anh Chi đứng chờ xem mẹ có mua quà cho không, Nại Hiên nói:

- Hôm nay có ba về, mẹ quên mua quà cho hai đứa rồi.

Rồi nàng quay qua Soại đang đứng xơ rớ gần đó. Soại vẫn mặc cái quần xà lỏn buổi sáng, anh chỉ còn chỉ một cái quần này là tạm được, dù đã cũ và rách, những cái quần khác đều là quần bao cát. Nại Hiên đưa gói áo quần cho Soại:

- Em mua cho anh mấy cặp đồ và đồ lót, anh vào tắm rửa rồi thay đi, bỏ hết quần áo cũ, đốt hết đi. Đồ trong trại nhiều vi trùng lắm, đừng tiếc.

Câu nói của Nại Hiên là câu nói thật và đúng. Anh nhớ những lúc anh làm ở đội rau xanh, buổi sáng phải múc nước tưới rau hòa với phân người. Phân người lấy từ hố xí tập thể. Anh em cải tạo lấy những cái thùng phuy lớn, đóng hai cây ngang rồi ngồi trên đó mà đi cầu, phân dồn lại, ruồi nhặng bay tràn đầy, sinh sôi nẩy nở, dòi bọ bò lổn nhổn. Anh lấy xẻng xúc phân, gánh ra khu rau xanh, hòa với nước tưới rau. Nhiều lúc anh đang cầm vòi tưới, dòi bọ bò lên cả người, anh chỉ lấy tay hất đi, về nhà tắm bằng nước tro, như vậy thì không có vi trùng sao được.

Nhưng câu nói của của Nại Hiên cũng làm anh như chạm phải cái cùng cực của mình, cái đau thương của mình, làm anh cảm thấy anh bé nhỏ quá, sa sút quá. Anh như ở từ một sự tồi tàn chui ra. Nại Hiên nói tiếp:

- Không biết mấy bộ đồ này có vừa cho anh không đây, anh mặc thử chứ em chỉ đoán kích thước thôi, em mua đại.

Soại trả lời trong cảm động:

- Anh mặc gì cũng được, đã trải qua lò cải tạo rồi thì bây giờ anh sống ra sao cũng được hết.

- Chứ không phải một thời gian sau rồi bắt đầu chê à?

- Không đâu.

Soại cầm gói áo quần vô phòng tắm. Về đây mới được nghe

được mùi thơm của xà phòng, của nước hoa, chứ tuyệt mù trong suốt mấy năm, anh chỉ tắm bằng nước lạnh hòa với tro cho con người đỡ nhột, đỡ lợm, vì ngày nào cũng chung đụng với phân người.

Anh múc nước dội vào người rồi xát xà phòng lên tóc, lên quanh người. Bột xà phòng thơm lừng trong mũi anh, anh hít lấy hít để như tận hưởng một mùi hương mà từ lâu lắm rồi anh không được ngửi. Đây là lần tắm thứ hai của anh khi anh trở về. Buổi sáng anh cũng tắm rồi, nhưng anh tắm một mình, qua quýt, tắm cho bay đi bụi bặm trên người. Bây giờ có Nại Hiên và mấy con, anh phải tắm lại, kỳ cọ, xả hết ra mùi tanh tưởi, hôi hám, cái mùi từ trại cải tạo mang về. Anh thấy hạnh phúc khi cầm bàn chải đánh răng trên tay, dĩ nhiên trong trại, anh không có một chút kem để đánh răng.

Trời nóng nên anh chỉ bận cái quần xà lỏn và áo thun. Anh soi gương thấy mình trẻ ra, tỉnh người ra một chút.

Mấy đứa nhỏ dọn cơm trên nền xi măng, bữa cơm có thịt heo kho trứng, rau muống luộc, canh cá kho ngọt. Chừng đó thôi cũng làm cho bao tử Soại nổi loạn. Buổi trưa, Soại ăn cơm nguội còn lại với thịt kho, anh không giám ăn nhiều vì sợ Nại Hiên nói. Anh ăn mấy chén mà vẫn còn thòm thèm, mới về nên cái gì anh cũng giữ kẽ.

Bây giờ không khí gia đình vui vẻ làm anh phấn khởi. Con Đông Nghi xới cơm cho anh rồi mời:

- Mời ba mẹ ăn cơm.

Khung cảnh này anh ao ước đã bao năm, anh nghe lòng nhẹ nhàng, lắng đọng.

Nại Hiên nói:

- Mời anh ăn cơm, mấy đứa ăn cơm.

Anh cầm chén đưa lên mà tay run run. Anh ứa nước mắt trong âm thầm.

Nại Hiên gọi chuyện:

Bây giờ anh kể chuyện học tập cải tạo của anh cho mấy con nghe đi.

Anh đáp lời:

- Thôi em, đang vui mà kể chuyện tù thì buồn lắm. Chuyện tù cải tạo là chuyện dài không bao giờ kể hết, hãy quên nó đi.

- Ừ thôi. Quên nó đi. Em cũng không muốn nghe chuyện cực khổ của anh làm gì.

Chỉ có ba đứa con là vô tư, nó kể cho Soại nghe chuyện trường lớp, chuyện bạn bè. Rồi Anh Thư hát. Đông Nghi và Anh

Chi cũng hát. Niềm vui nhỏ bé đọng trên mái ấm gia đình. Anh như đang sống trong mơ.

Khi đến gần đi ngủ thì Nại Hiên nói:

- Hôm nay anh ngủ ngoài divan này nghe. Anh phải đi khám bác sĩ, phải tẩy sạch hết hơi hám cái tạo mới được ngủ với em.

Câu nói của Nại Hiên làm anh cụt hứng, trong thâm tâm, anh đang dự tính đêm nay là một đêm ân ái thật mặn nồng với vợ.

oOo

Kể từ đêm ở Sài Gòn, Nại Hiên về quê, là anh chay tịnh suốt sáu năm. Với một người trai trẻ như anh làm sao không thèm muốn. Nhưng trong tù, anh đành chịu. Rồi sức lực yếu kém vì thiếu dinh dưỡng, anh cũng cố quên đi.

Đến ngày về, nằm ở trại tự giác mười lăm ngày, anh thấy lòng mình dào dạt hưng phấn. Anh nghĩ đến vợ và những lần ái ân xưa. Một buổi tối, anh mò qua trại bên anh đã ở trước, anh tìm đến phòng tư Thông.

Thông hỏi:

- Mày sắp về rồi mò qua đây làm chi, không sợ bị bắt giữ lại hả?

Soại cười cầu tài:

- Mày giúp xỏ lỗ tai cho tau, để tau về làm hài lòng bà xã.

- Ba thẻ đường.

- Có ngay.

Soại đưa cho tư Thông ba thẻ đường, mà anh đã năn nỉ xin thằng Thành, thằng bạn cùng về, nằm gần anh, anh nói với Thành:

- Mày cho tau ba thẻ đường, về Sài Gòn tau dẫn mày đi ăn phở.

- Xạo, mày làm như ở Sài Gòn phở người ta cho không không bằng.

Mày vô sản lấy gì mời tau.

Nói vậy nhưng Thành cũng lấy cho anh ba thẻ đường. Soại thèm đường rã họng, muốn bỏ một thẻ vào miệng nhai cho đã, nhưng anh nhín nhịn, vì chuyện lớn, vì em.

Anh đã gan góc cùng mình khi chui rào qua trại cũ. Chỉ việc nếu bị quản giáo bắt được sẽ bị kết tội “quan hệ linh tinh với mưu đồ gì?” là anh cũng mệt rồi. Nhưng lúc đó, hình như anh đã mù người đi.

Thông kéo anh lại gần chỗ cây đèn dầu hỏa, cây đèn cháy tù mù, nó nói:

- Tụt quần xuống.

Anh làm theo, để cả hạ bộ cho Thông làm việc. Thông cầm... lên, nghiêng ngó, rồi với con mắt nhà nghề, nó châm cây kim vào lửa đèn đang cháy và xỏ cây kim qua làn da quy đầu. Thông làm nhẹ nên anh chỉ thấy hơi buốt một chút rồi thôi. Nó lấy một cộng chiếu nhỏ sấm sần để bên, rút mũi kim ra. Nó thọc cộng chiếu xuyên qua lỗ. Xong, nó bôi chút thuốc trụ sinh vào chỗ vết thương, rồi nói:

- Xong rồi, mày về có trụ sinh uống thêm mấy viên. Nhớ thường xuyên lấy tay di chuyển cộng chiếu cho đừng dính vào thịt. Độ năm ngày là lành hẳn, mày có thể lấy lông boi ngựa, hoặc tóc, xỏ xuyên qua, đánh hình hoa thị, rồi lấy kéo cắt. Mày sẽ ngon ơ, nhiều em sẽ chết mê chết mệt vì mày đó.

Soai cảm ơn rồi lúi thủi bò qua hàng rào kẽm gai về trại. Anh nghe hơi đau nhưng anh cố chịu đựng. Anh không có trụ sinh uống thêm, nhưng thịt anh hiện nên khoảng năm sáu ngày sau là vết thương lành hẳn, cộng chiếu anh vẫn xuyên qua cái lỗ tròn nhỏ.

Anh định trong giờ lâm trận đầu tiên, anh sẽ thử coi nó có tác dụng gì không? nhất định không cho Nại Hiên biết, nên trước khi đi ngủ, anh mới vào phòng tắm, bứt sợi tóc xỏ xuyên qua cái lỗ, làm như thằng Thông dặn, cắt hình hoa thị những sợi tóc, rồi anh trở ra ngoài nhà, đợi chờ.

Bây giờ thì anh nằm một mình trên cái divan gỗ. Lòng anh dợn lên một nỗi buồn không tên. Nại Hiên và các con nằm bên kia bắt đầu thở đều. Anh xoay qua, xoay lại, mãi vẫn không ngủ được.

Thế là ngày đầu tiên trở về từ trại cải tạo, anh ngủ một mình, và ôm bầu tâm sự không biết thổ lộ cùng ai.

TRẦN YÊN HÒA



RỒI SẼ QUEN

Rồi chúng ta cũng sẽ quen với những điều không thể khác
Như một dòng sông đi về cổ tích
Thành phố lớn lên và anh già nua
Mẹ còn đâu mà chim vịt kêu chiều !

Rồi em cũng quen dần với tháng ngày chờ đợi
Như phố chiều quen cảnh kẹt xe
Nỗi cô đơn trưởng thành giữa dòng đời đông đúc
Tình còn đâu mà ngồi đọc thơ tình !

Chẳng gì vui mà môi vẫn quen cười
Dành dụm cho ai những điều chưa nói
Rồi sách vở cũng quen dần với bụi
Em vẫn hay soi dù chẳng phải gương thân

Rồi cũng sẽ quen và cũng sẽ quên
Như mái chùa xưa quen bài kinh cũ
Như đôi mắt quen nỗi buồn thiếu phụ
Con đường gần quên dấu chân xa...

Rồi cũng sẽ quen...

HỒ XOA

LƠ ĐĂNG

Đôi khi muốn làm gã khùng
 Qua chiều nắng xế
 Mồ hôi cay mắt bụi đường xa
 Để nghe một niềm đau rát bỏng
 Nghe đời ta khao khát nụ hôn chiều
 Qua phố xá đông chen
 Đời ngược xuôi đi về lơ lảo
 Nhớ thương một lần chia tay ngõ vắng
 Nghe cô đơn trên môi người chợt đắng
 Khúc ru mình ghen giữa trăm năm

Đôi khi muốn là gã ăn xin
 Qua vườn nhà ai dù mưa hay nắng
 Để nghe tình chết dưới phồn hoa
 Loài người đã quên hay không còn nước mắt
 Mà ai còn khóc làm gì
 Rồi chẳng biết linh hồn về ngụ nơi đâu
 Người ra phố với khuôn mặt lạ
 Ngơ ngác nói cười trăm ngã
 Những con đường không dấu chân
 Đi về như thể cuộc đời điên

Đôi khi nhìn những đoàn tàu
 Nghiến răng trên đường xa trĩu nặng
 Những toa chở hàng, chở người, chở thú...
 Theo đầu tàu đi vừa rên vừa hú...
 Về đâu khuất bóng mặt trời
 Đôi khi nhìn nhau biết khóc hay cười
 Không có tuổi hay bỏ quên tên tuổi
 Như chú bộ hung bay về vùng phân cũ
 Vo tròn lăn lông lốc những mùa thu
 Xanh xưa biến biệt, xa mù....

HỒ XOA

CỞI TRẦN THƠ, HỨNG GIÓ

1.

cởi trần thơ, hứng gió đêm
sợ cho cái nóng làm rêm ngôn từ
mát chưa từng giọt chữ mù
tiếc câu thơ lỡ vận thu hút người.

2.

cởi trần tôi, hứng khí trời
hạ ai đã đổ lửa đời quanh đây
hình như thơ bị bao vây
trong vô thức giữa một bầy ngụy ngôn.

3.

cởi trần nhau, lau nỗi buồn
mồ hôi thơ chảy từ lòng dạ tôi
bút cùn, tình chẳng cùn lời
hồn thơ vẫn khát khao thời yêu em.

4.

cởi trần đi những nỗi niềm
xá chi cái nóng nung mềm hào quang
về đây hứng giọt sương tan
nghe trong âm ngữ lời thần chú thơ.

PHẠM HỒNG ÂN

CÓ LỄ NÀO THÁNG BẢY MƯA NGÂU

Có lẽ nào tháng bảy mưa ngâu
hai ngôi sao chia tay bật khóc
có lẽ nào tình tôi độc được
chuồn đời em trăm chén ly bôi.

có lẽ nào bởi một nụ cười
thành quách sẽ tan ra tro bụi
tôi, Sơn Tinh chưa từng leo núi
chưa một lần đánh trận Thủy Tinh.

mấy chục năm em cũng vô hình
vì tâm huyết, một lòng sùng bái
tấm huân chương sáng thêm bề trái
lòe với nhau bằng vẻ bên ngoài.

có lẽ nào những trận mưa dai
là lệ của hai ngôi sao xấu
dấu đôi lúc làm tên tà đạo
vẫn muốn em bước nhẹ vào thơ.

có lẽ nào tôi mãi bơ vơ
sách chỉ đáng em phân loại giấy
có lẽ nào em tin tháng bảy
cho thơ tôi thành giọt mưa ngâu.

PHẠM HỒNG ÂN
(21/06/2019)



MỶ

Tôi gặp Mỹ lúc em vừa tròn 13 tuổi, lúc tôi về tạm trú ở quê vợ, chờ ngày khăn gói vô tù. Ở quê vợ, suốt ngày, tôi chẳng bao giờ yên. Giờ nào cũng có mấy ông việt-cộng-con đến coi mắt. Có thằng nghi ngờ, ngó bộ vó trói gà không chặt của tôi, không tin tôi đã từng là cấp chỉ huy đám lính ngục. Có thằng hùng hổ mang lít đế đến, thách đố với tôi về tửu lượng. Rồi khi ngà ngà say, đem tôi ra hạch sách tùm lum. Những lúc đó, Mỹ nhào vô, đứng che trước mặt tôi, bênh vực đến tận cùng. Lúc này, tội nó mới đành hậm hực bỏ đi, vì Mỹ là em vợ của một ông chi bộ đảng, nổi tiếng vùng Bến Tre.

Mới 13 tuổi, Mỹ đã trở mã. Ngực nhú lên như hai quả cau. Tóc đen nhánh, xõa dài. Và hay cúi xuống mân mê tà áo, khi tôi trầm trồ ngó thẳng vào mặt em. Nhà Mỹ cách nhà tôi tạm trú khá xa. Muốn về nhà, Mỹ phải lội bộ khoảng mười cây số, chưa kể đi đò qua một khúc sông khá rộng. Khi tôi tới đây, Mỹ đã có mặt ở khu nhà tôi tạm trú, vì chủ khu nhà này có bà con rất gần với Mỹ. Gặp tôi, Mỹ ở luôn, không về. Có lẽ, em muốn giúp tôi hòa hợp với đồng quê, sống thân thương, gần gũi với bà con thôn dã. Cũng có lẽ, vì em không yên tâm, sợ tôi bị mấy ông việt-cộng-con ăn hiếp, lúc nào cũng hùng hục ngó tôi bằng ánh mắt muốn ăn tươi nuốt sống.

Tôi đi đâu, Mỹ cũng tìm cách đi theo. Tôi làm gì, Mỹ cũng nhào vô phụ. Thậm chí, Mỹ dành làm luôn những công việc nặng nhọc, mà những công việc đó, tôi chưa hề mó tay vô bao giờ. Một hôm, tôi muốn ra vườn, đốn mấy cây tre để làm vạt ngủ. Đường là một lối mòn nhỏ xíu, vì lâu quá, chẳng có ai đi lại, nên cỏ hoang và lùm bụi mọc đầy. Thời chiến, mấy ông việt-cộng-con muốn diệt Mỹ-Ngụy, liền bí mật gài lên đó mấy trái lựu đạn. Thằng gài, lỡ bị bắn chết. Thằng sau chẳng biết lựu đạn nằm chỗ nào, nên cứ để nó tênh hênh trong lùm cho tới bây giờ. Dân quê tới lui, rủi trúng lựu đạn ráng chịu, chính quyền áp không có trách nhiệm. Ngại quá, tôi muốn tháo lui. Nhưng bất thần, Mỹ hiện ra, dẫn đường.

- Anh sáu theo em nha! Em đưa anh tới bụi tre này, gần đây thôi!

- Nghe nói lối đi đầy lựu đạn. Mình về em ơi! Nguy hiểm lắm!

Mỹ nắm tay áo tôi lắc lắc.

- Sao anh không tin em? Em đã ở đây từ lúc sinh ra cho tới bây giờ. Mọi ngõ ngách em đều biết hết. Anh yên tâm đi, anh sáu.

Cái vạt tre đã hoàn thành trong ngày, qua đôi tay nhỏ nhắn nhưng đầy khéo léo của Mỹ. Tôi chỉ là tên thợ vịn tầm thường, tuân theo lệnh của Mỹ một cách đứng đắn. Chưa hết, sáng hôm sau, Mỹ thức sớm, thay áo bà ba mới, cầm túi đệm, tiến ra cửa. Tôi đang ngồi hút thuốc trên vạt, thấy bóng Mỹ, vội lên tiếng.

- Em đi đâu sớm vậy Mỹ? Về nhà, phải không em?

- Không, em ra bến đò đi Mỹ Tho. Chiều em về. Có ai tới, anh cứ ở trong buồng nha!

Chiều đến, Mỹ về thật. Mỹ về với túi đệm căng phồng, và một đôi chiếu mới, cong cong trên vai.

- Em mua chiếu tặng anh chị. Chiếu này đẹp, vừa vặn cái vạt của anh.

Tôi nhìn đôi chiếu, nhìn Mỹ, bỗng dưng tôi rơm rớm nước mắt.

- Em làm anh cảm động quá! Ơn em, biết chừng nào anh trả đây!

Mỹ lắc nhẹ mái tóc. Tôi thấy em rất duyên dáng, trong chiếc áo bà ba trắng muốt.

- Ơn gì? Em có làm ơn cho anh đâu, mà anh trả?

Dần dà, rồi cũng đến ngày tôi khăn gói vô tù. Vợ tôi chở tôi trên chiếc xuồng mượn của người chị, bơi thẳng ra giữa vàm để chờ đò tới. Mỵ ngồi buồn hiu trên bờ, bàn tay cứ ngắt từng cọng cỏ, quăng xuống dòng nước. Tôi hút thuốc liên miên, hết điếu này, vắn điếu khác. Tôi hút đến đặng môi, quên cả những giọt nước mắt đang đua nhau rớt xuống mặt từ lúc nào?

Mười năm tù trôi qua, tôi lếch thếch trở về. Nơi tạm trú xưa, vợ tôi đã quyết định cấm sào. Lần này, chúng tôi dọn nhà qua bên kia khúc sông rộng, tá túc trong mảnh đất của ông anh vợ, đây cỏ tranh chằng chịt. Tôi gặp lại Mỵ dễ dàng. Vì nhà nàng cách nhà ông anh tôi không xa. Đó là một mái lá âm cúng, nằm giấu mặt dưới những tàng vú sữa rậm rạp, phía trên lối mòn đầy lựu đạn, mà ngày xưa Mỵ dẫn tôi trốn tre. Bây giờ, nàng đã 23 tuổi, đã thành cô thôn nữ duyên dáng. Bây giờ, Mỵ thướt tha hơn trước nhiều. Tóc cũng xõa dài hơn. Hai quả cau hồi nhỏ giờ đã thành hai quả cam pháp phồng. Thấy tôi, Mỵ xà ngay vào và líu lo như chim họa mi.

- Đi tù có khổ không anh? Có bị hành hạ không anh? Sao lâu về quá vậy? Ở nhà, em cứ nhắc hoài. Trông anh muốn chết luôn.

Thế rồi, Mỵ lại quẩn quít bên tôi. Ngày nào, nàng cũng dắt tôi đi giới thiệu với bà con chòm xóm. Đến đâu, nàng cũng ép tôi ăn, ép tôi uống đủ thứ. Nàng nói, ở tù, anh đói khát triền miên. Về đây, phải ăn bù, lấy lại sức khỏe.

Ba công đất rẫy tranh chằng chịt, nếu không có những bữa ăn với Mỵ, chắc tôi phải đưa tay đầu hàng. Từ ngày ra tù, tôi như con gà nuốt dây thun, cố lê tấm thân tàn về ổ, chỉ để ngủ. Giờ đây, tôi đã mập hơn một chút, mạnh hơn một chút, đủ sức lực để tận diệt rẫy tranh đang luồn lách dưới từng tấc đất bạc màu. Hằng ngày, tôi trồng chuối, lên mô nấm rơm, cất chòi cấy nấm mèo, và đặt những cây ăn trái dành cho mai sau. Mỵ theo tôi một thời gian, rồi bỏ đi mất biệt. Tôi ngóng hoài, vẫn không thấy nàng trở lại. Dù tiếc, nhưng phải bằng lòng, chấp nhận một sự thật. Mỵ như một cánh chim vừa mọc cánh, chắc chắn, trước sau gì nàng cũng sẽ bay đi.

Mỵ bay đi. rồi Mỵ bay về. Mỵ về, đưa tôi một thiệp hồng, báo tin em lấy chồng. Cầm thiệp trên tay, tôi chột rưng rờ, dường như tôi vừa đánh mất một cái gì quý báu nhất. Đêm đó, tôi hút thuốc liên miên. Tôi trút rượu đế vào thẳng cổ họng. Tôi ực rượu như ực nước

lã. Rồi với tay lấy cây đàn vọng cổ, so dây dạo phím, tôi chơi một hơi hết tất cả bản oán. Tôi rung, tôi bấm đến đứt dây, đến rướm máu cả mấy đầu ngón tay, trong lúc nước mắt cứ tuôn rơi, ròng ròng xuống mặt.

My lấy chồng. Hai vợ chồng lại chọn mảnh đất sát rạch, cách nhà tôi khoảng đôi mươi thước, cất lên tổ ấm. Muốn đi chợ, tôi phải qua ngang nhà My, mới bắt gặp con đường gập ghềnh duy nhất, dẫn ngay tới nơi buôn bán. Vì thế, tôi tránh gặp My, bằng cách rất ít đi chợ. Ở nhà cắm câu, tát mương sống qua ngày. Và cố chôn vùi những kỷ niệm đáng yêu, đã có, từ My. Cho tới một hôm, tôi phải ra chợ để nhận một giấy xuất cảnh đi Mỹ, theo diện HO. Tôi chọn giờ ra chợ sớm nhất, lúc dân làng còn ngái ngủ, dĩ nhiên, lúc đó My cũng đang nằm nũng nịu trong vòng tay của chồng. Tôi phóng xe, đạp qua khỏi nhà nàng. Tôi nín thở chạy một hơi, được khoảng xa, mới dừng lại. Chưa kịp lấy lại tự nhiên, bỗng nghe tiếng lạch bạch từ xa vẳng tới.

- Anh sáu, em chạy theo anh muốn xỉu đây. Làm gì đạp dữ vậy? Bộ anh muốn tránh mặt em, phải không?

My hiện ra, tóc tai bù xù. Bóng em nhờ nhờ dưới ánh sáng mờ mờ của một không gian chưa rạng nắng. My không còn thướt tha nữa. Không còn là cánh chim bay đi. Mà là cánh chim dừng lại, thiết tha vun quén ổ tình.

- Anh muốn em hạnh phúc.

My nhăn mặt.

- Hạnh phúc là sao? Em không hiểu. Đơn giản, em muốn gần anh. Chỉ cần gần anh thôi!

Nói đến đây, My bỗng nhảy lên yên sau, quàng tay ôm chặt bụng tôi.

- Em muốn anh chở em đi.

Tôi hoảng hồn.

- Trời ơi! Đi đâu? Đi đâu bây giờ?

- Đi đâu cũng được, miễn là thoát khỏi nơi này. Hay anh chở em lên thiên đàng nha!

Tôi lật đặt gỡ tay My, rồi lúng túng phóng xuống xe. Tôi và My ngó nhau đăm đăm. Nước mắt tuôn thành dòng.

Ngày đi Mỹ định cư, bà con bên vợ ùn ùn đưa chúng tôi lên tận phi trường. Chỉ có My, nhất định ở nhà. Nhưng đêm đó, em vẫn đến tôi,

cùng chung vui với chúng tôi một bữa ăn cuối cùng. Đến khuya, Mỹ về, tôi lúi thủi tiễn em ra tới đầu ngõ. Lúc chia tay, Mỹ dừng lại, cầm bó đuốc dụi mạnh vào gốc dừa. Lửa từ ngọn đuốc bắt đầu cháy yếu ớt, cuối cùng chỉ còn lại những tàn đỏ li ti, tung bay theo gió. Rồi tắt ngấm, im lìm. Bóng tối bỗng dưng tràn lên, quăng chúng tôi vào đêm sâu đen kịt. Tôi bàng hoàng, khi nghe hơi thở hối hả của Mỹ, dồn dập bên tai tôi.

- Tại sao cho đến giờ phút này, anh vẫn tiếc với em, dù chỉ là một nụ hôn cuối cùng?

Nói xong, Mỹ nhào đến ôm tôi. Tôi cố giãy giụa, đẩy mạnh, để thoát khỏi vòng tay em. Chúng tôi vật lộn, lăn tròn trong không gian mịt mù.

- Mỹ ơi! Em đã có chồng. Em không sợ chồng ghen sao?

Cuối cùng, tôi bỏ Mỹ ngồi khóc thút thít, giữa đêm dài mênh mông bóng tối.

25 năm sau, tôi mới có dịp trở lại Việt Nam. Vừa rời phi trường, tôi tức tốc thuê xe về Bến Tre. Mỹ vẫn còn đó, nhưng nhất định không cho tôi gặp mặt. Hỏi thăm bà con, mới biết bây giờ Mỹ rất nghèo khổ. Chồng em bị bệnh, mất từ lâu. Những đứa con, có đứa đã thành du đãng, lâu lâu về nhà hành hung mẹ để moi tiền. Cảm động quá, tôi mò đến nhà Mỹ. Ngôi nhà vắng vẻ, cửa đóng then cài, chỉ có các cành cây, là còn tiếng động của lá rơi. Hỏi thăm, người ta cho biết Mỹ đã dẫn con rời nhà, từ ngày tôi trở lại quê hương.

Tôi quay về đầu ngõ, nơi tôi và Mỹ lăn tròn với nhau trong đêm chia tay. Tôi ngồi xuống gốc dừa, châm thuốc, và buồn hiu nhớ đến kỷ niệm. Phải chi đêm đó, tôi âu yếm tặng Mỹ những nụ hôn ngọt ngào, thì bây giờ, chưa chắc Mỹ đã bỏ đi như thế.

PHẠM HỒNG ÂN

(10/01/2019)



CHIỀU MƯA VIỄN XỨ

Chiều mưa viễn xứ không như hạt mưa
rớt ngày đông tuổi thiếu niên hạt dần
dối hạt bay theo hạt rớt tự mùa
xưa vương sợi mềm mưa sống sờ rơi

chua xót mưa rớt còn ham vá mộng
giang hồ vật hoài mê lú nên nhan
sắc em quạnh hiu hoài tội lỗi chưa!
mưa chiều viễn xứ tình vô trú quán

trú u hoài vô trú mưa mưa chiều
viễn xứ buồn như kiến cắn cuống nhau
chôn dưới gốc dừa anh ngồi bút sợi
râu chơm chớm bạc tới buồn xanh trong

tiếng mưa tí tách trời tây nghe điếc
lác lá rơi mà ngỡ tiếng em vừa
cất lên chìm khuất trong mưa gió giạt
rúi lòng anh em thấm chưa chắc em
cầu tạnh mưa mau sáng anh của em
chừ cục... mắc mưa.

NGUYỄN HÀN CHUNG



Em quay về phía nắng
Dội mưa lên mặt trời
Em quay về phía gió
Dội mưa lên cuộc đời

Lệ hoàng hôn đã thấm
Ngày dài nằm im hơi
Buông đôi tay sầu lắng
Giữ chi bao ngậm ngùi

Người này hay người khác
Có ai vì em vui
Đời này sang đời khác
Bao giờ mưa thôi rơi

Bao giờ mưa thôi rơi
Trên trái tim mặt trời
Bao giờ anh mới hiểu
Tình đầy khi lệ rơi

Dội mưa lên mặt trời
Cho mặt trời cũng khóc
Tình sầu không hiểu tình si
Đôi khi thương lắm

Đôi khi lạnh lùng
Xa không xa
Gần không gần
Ai cho tôi biết trăm năm là gì

BIẾT TRẢ LỜI SAO

Sao người chẳng là con sông
Để tôi được làm giòng suối
Một lần hoà vào mệnh mông

Sao người không là câu thơ
Cho tôi ép hồn trang vở
Một đời khép vào cơn mơ

Sao người không là mưa sương
Tôi làm hồng hoa cánh mỏng
Hé môi hứng trọn thiên đường

Sao người không thật thà xa
Tình tôi không dài tay với
Không cầm nhầm bao xót xa

Và tôi không hiểu vì sao
Đường tình hai bên thấp cao
Người đi bên nào cũng khổ
Tôi về bên nào cũng đau

MONGHOA VOTHI

July 2/2019



NGUYỄN THI NGỌC LAN

TỰ TÌNH KHÚC

Tên tôi là Hương Dương, có phải thế không. Chắc là vậy, vì nghe cô chủ nhỏ gọi tôi như thế.

Tôi cũng vừa biết tên mình đây thôi. Vừa biết tên mình, là cũng vừa lúc biết yêu.

Từ lâu, cứ thắc mắc, tại sao chung quanh ai cũng có tên, mà tôi lại không có. Nói đúng ra, không ai nhắc đến làm sao biết được tên mình.

Trong khu vườn này, mọi thứ mọi loài đều có tên. Tôi biết được, là nhờ lũ trẻ, lão làm vườn, và cô chủ nhỏ, thường nhắc nhở, và gọi tên chúng.

Sáng nào cũng vậy. Từ tình mơ, đã nghe tiếng dép lẹp lẹp, và tiếng ho khàn khàn của ông lão làm vườn, rồi thì lão xuất hiện. Đốt thuốc, tách cà phê, đi lui đi tới, dòm ngó khắp cả khu vườn, sờ sờ cây này, đá đá cây kia, cần nhằn bầy chó giỡn nhau, làm gãy mất cây mai lão vừa trồng, hay lại lên tiếng mắng đám gà vì phá phách, vừa vun gốc chúng lại bươi ra. Chắc lão cũng biết, la mắng chúng cũng như không, nhưng không có ai để nói với, lão mắng yêu, trò chuyện với đám gà đám chó suốt ngày. Nói với ai đó, hình như là nhu cầu...nhưng tôi đến phát điên với lũ vịt, và đám hoa dại rẻ tiền, nói dờ nói dõm nói dai, như tấn công kẻ khác...

Rồi lũ bồ câu, lũ chim, cũng vừa thức dậy. Chúng lao xao nói chuyện, cãi cọ ran cả một góc vườn. Nhưng lũ côn trùng thì đã bắt đầu đi ngủ. Đêm qua chúng đi kiếm ăn, réo gọi nhau om sòm, cũng có đứa buồn, khóc tỉ tê suốt đêm. Thế mà trời vừa sáng, chúng im re. Không hiểu chúng buồn ngủ rồi đi ngủ, hay đi trốn lũ gà, lũ chim, vì nghe chúng kể lể với nhau, lũ gà, lũ chim, là kẻ thù của chúng, trốn sâu dưới đám lá mục, mà bầy gà cũng tìm ra được, mỗi một cái, thế là xong một đời.

Lũ sâu thì ngây thơ đại dốt hơn, cứ nhớn nhợ bò lượn, không biết trốn tránh nanh vuốt cuộc đời, hồn nhiên sống. A, cuộc đời, như lũ sâu mà lại hay, không lo lắng, không sợ sệt, không toan tính, một ngày, thân chết chỉ cho lũ chim chỗ chúng ở, thế là hồn nhiên qua đời, như đã hồn nhiên sống.

Tôi cũng thường thắc mắc, lũ tôm đầu toàn phân, chắc là ngu lắm. Nhưng lũ chim, đầu nhỏ như ngón chân, óc bé bằng móng tay, sao lại có đủ thông minh đan cho con, cái tổ đẹp đẽ, ấm áp thế kia. Cái tổ đẹp đến lũ con nít bắt thềm, đến lão làm vườn tài giỏi hay cô chủ thông minh cũng chịu, không làm nổi.

Nghe đồn, Thượng Đế không hiện diện cụ thể, nên đã tạo ra mẹ, cho loài người và thú mà thôi, tôi không có phần.

Buổi sáng hôm nay, cũng như những buổi sáng đẹp trời khác. Lão làm vườn tươi vui hẳn ra, nhìn mặt ông rạng rỡ, khi ông nâng niu, chăm bón, tỉa từng đứa lá vô trật tự thì biết. Vì lũ hoa bắt đầu nở, có đứa đã nở toe toét, có đứa còn e ấp, không hiểu tại nó còn tằm bé, hay chờ anh mặt trời.

Nghe tại nó thì thầm tâm sự rằng tại nó yêu anh mặt trời lắm. Chỉ trừ vài đứa, như con Dạ Lý Hương, con Quỳnh Hoa, con Thiên Lý... là tuyên bố chỉ yêu sự tối tăm. Mặt trời thì đừng hòng thưởng thức nó.

Nhưng tôi thì khác, yêu anh mặt trời say đắm. Thực ra, từ trước đến nay, tôi chưa biết thế nào là yêu. Là thế đó, hướng về anh, về anh... đắm đuối nhìn nhau, tôi và anh mặt trời. Nhìn nhau, ấm lòng ngay từ phút đầu, khi vừa hé nở nụ tình, và cũng là ngày mà tôi biết được tên mình.

Vì cô chủ nhỏ, vừa cúi xuống nhìn tôi, ôi hồi hộp biết mấy, đã có loài người nhìn đến, nhưng lại lo sợ, không biết cô chủ nhỏ có

hạ lệnh chặt bỏ không, vì tôi chỉ là một loài cây hoang trong bờ bụi thôi mà, nhưng cô chủ nhỏ reo lên “Hương Dương, Hương Dương, ông à, lâu nay con tưởng cây hoang”.

A, tên tôi là Hương Dương.

Rồi nằng lên cao, nghe như có một sức đẩy nhiệm mầu từ trong thân, dâng lên trên những nụ hoa, vươn mình một cái, và nụ hoa, là tôi, hé nở. Anh phủ kín hồn tôi, anh huy hoàng quá, anh sáng láng quá, anh đã làm thức dậy những mầm sống đã ngủ yên từ lâu, trong tôi. Khi nụ tình chưa đủ nhân tố để nở hoa, tôi không nhìn thấy anh để hướng về, tưởng là đã yêu sương, và gió, vì luôn kề cận nhau.

Thì thế, lũ hoa kiểng, Dạ Hương, Thiên Lý, Quỳnh Hoa... được ông chủ cho uống nước mỗi ngày, nhưng lũ hoa dại và tôi, thì đành chờ sương xuống hưởng chút lộc, sống cầm chừng chờ mưa. Vì lũ hoa dại, đâu có ai trồng, và tôi thì chỉ tình cờ mọc lên bên bụi tre. Không phải do cô chủ bỏ tiền ra mua về, và cũng không phải do ông lão ươm hột (loài người đo, đong, đếm, bằng tiền, chỉ thế, nên tôi trở thành vô vị, với nhiều hạng người, nhưng không sao, có một anh họa sĩ yêu tôi biết mấy, tên anh là Vangod)

Tôi chỉ là một hạt giống lạc loài, do anh gió cuốn lên từ bụi đất, bay mãi bay mãi, cũng mệt và rơi xuống trong khu vườn này, nằm ngủ mãi, một ngày gặp mưa ,tôi nẩy mầm và sống lai rai lẻ loi một mình bên bụi tre, không ai hay biết.

Cô độc, kẻ lạc quan thì buồn ít, kẻ bi quan thì chìm đắm trong u uất. Tôi là kẻ thứ ba, không cần sở hữu, lũ chim là của ai, không hiểu, nhưng cứ thản nhiên đánh bạn, chúng líu lo hát, tôi mơ màng thưởng thức. Đám bầu bí, là của ông lão trồng để ăn, nhưng chúng khoe sắc trước khi tàn lụi, tôi mê mẩn ngắm.

Căn nhà của cô chủ, bốn đời người trải qua ở đó, những con người, sinh ra, lớn lên từng ngày, hỉ, nộ, ái, ố. Ba trăm năm, mấy trăm linh hồn, mấy trăm kiếp người cư ngụ ở đó. Đó là tôi nghe kể, Có kẻ được yêu, có người đau khổ, có người hiền kẻ ác. Nhưng đã trôi đi, trôi đi... không còn ai nhắc đến, chỉ còn lại thời khắc hiện tại, là một khu vườn diễm ảo, có nét cổ kính, âm u, bí ẩn... tôi cũng cư ngụ ở đây, nên cầm bằng như, đây là nhà của tôi. Và trái núi hùng

vĩ kia, cũng là của tôi vì tôi đã mãi mê ngắm nó, chính tôi, chứ không ai khác, vì họ bận mua bán đổi chác, bận khoe tài, khoe sắc (ờ, có một anh phi công, Saint Exupéry, hình như có bay qua vòm trời này, trăm năm trước, và có một trái núi nào đó cũng là của anh, phải chi máy bay anh đừng rơi bên anh hoàng tử nhỏ, mà rơi bên cạnh tôi, tôi sẽ tình nguyện yêu anh say đắm, phải chi, trái núi của anh, mọc bên cạnh trái núi của tôi, tôi sẽ sang trò chuyện cùng anh mỗi ngày.)

Có kẻ, bỏ mất cuộc đời, chỉ có một, quên hưởng thụ, những thú tuyệt vời chung quanh, mà cứ cúi đầu, vất hết tâm tư đi tìm danh và lợi, những đồng tiền chất đống, rồi chết, tiếc.

Anh cổ thụ kia, chắc anh biết nhiều về kiếp nhân sinh, nhưng anh lại mới tự tử đêm qua, một cái chết không nhẹ nhàng, anh đánh rầm xuống, làm sừng sốt, rung động cả lũ cây cối trong vườn, và làm tôi băn khoăn không ít.

Khi tôi chào đời, anh đã ở đó, có những ngày gió, anh cất tiếng réo rắt, làm cả lũ cây, lũ hoa lặng đi vì buồn, tôi cũng thế. Đó là một anh chàng lập dị, thân anh cao vút, thẳng tắp, nhưng cứng cỏi quá, phải chi anh mềm mại như tre trúc, để ngã theo chiều gió, biết đâu, anh vẫn còn tồn tại. Cành vươn ra ngạo nghễ, anh chẳng tự hào, chẳng kiêu ngạo là đã che chở cho biết bao kiếp hoa bé nhỏ, cứ thản nhiên làm việc thiện, như đám gai, cứ hồn nhiên làm điều ác. Kiếp đã mãn, hay già nua tuổi tác. Anh tự tử, hay Thượng Đế gọi anh về, tôi không biết, nhưng anh đã ra đi, khoảng trống chên vênh còn lại...

Đã mất rồi, một bóng mát trong cuộc đời, nhưng phải sống thôi.

Phải tìm một tình bạn khác, tôi trở lại với gió. Luôn luôn kề cận, không phải là thú hoàn hảo. Gió, có lúc ác, lúc hiền, lúc lãng mạn, lúc du dương....xoay đời tôi mệt lã...Nhưng quen thuộc lắm, nhưng cần thiết lắm, có khi, tưởng là tình yêu, cần thiết và tình yêu, dễ bị lẫn lộn.

Gió vô tình, mà sự vô tình, đôi khi cũng đốt cháy cả khu rừng, hoặc làm tàn phế hết lũ cây cối trong vườn, và bị thương nặng nhất là tôi, vì đã có lúc lấm lẩn, thân tượng anh. Gió, còn nhiều sự vô tâm khác nữa, như là hay đong đưa, làm những ngọn lá tre sắc nhọn lã lướt cửa lên thân tôi rướm máu, nhưng cũng quen đi, , vì lúc

nào chẳng có gió, may mắn thì heo may, bất hạnh thì bão táp. Và món quà lớn nhất của Thượng Đế, là sự quen thuộc, và lãng quên. Quen thuộc với nỗi đau, lãng quên một bất hạnh, với thời gian. Nhưng cũng có lúc đau ngây ngất, là lúc những đứa trẻ vô tâm chặt tre làm diều, chúng đập vào người, kéo xềnh xệch, từng cành, từng thân tre sắc lẽm, cứa vào thân, tưởng chết.

Lũ hoa kiểng, thì ít khi một mình, thường xúm xít với nhau, lại được chăm sóc, nâng niu, hoan hỉ sinh sôi nảy nở, nên có nhiều bà con, thân thuộc. Nhưng riêng tôi, chỉ có một đám hoa dại bên cạnh, cứ chực ngã vào nương tựa. Nhưng thôi, cho là nhận, một cách nào đó.

Và nỗi buồn, biết đâu chừng, lại làm thăng hoa đời sống. Biết đâu, lại làm sự vật có một màu sắc đậm thắm hơn, hiền hòa hơn, chỉ có sự lặng lẽ trong linh hồn, mới cảm được sự thâm thúy, diệu kỳ, qua những bản hòa tấu của vũ trụ, qua điệu đàn của mỗi loại lá, gió vùn vủ lá reo vi vút, gió lướt nhẹ, lá réo lao xao. Và những bài hát của lũ chim, tiếng rên rĩ muện phiền của côn trùng. Biết đâu chừng, chỉ có tôi nghe được.

Đã nói, tôi là một đứa lạc quan mà.

NGUYỄN THỊ NGỌC LAN



MÙA THU... XANH

Khi giọt mưa đầm đìa lăn qua những ngón tay
 Tách cà phê màu nâu non bàng bạc trắng
 Mùa trống vắng,
 Sài Gòn mưa bay, mưa bay...

Khi hàng me đã xanh màu trở lại,
 Em vào trường áo trắng tóc xanh
 Cái nắng thấm vào mưa hoang hoải
 Lá tầng tầng, hạt mưa rơi nhanh!

Mùa thu Sài Gòn đôi mắt em xanh
 Xanh của lá, xanh của mưa...rất lạ
 Nụ hôn một hôm, cuối đường...vội vã
 Môi em xanh, và má em xanh?

Sài Gòn mùa thu, mùa thu Sài Gòn
 Những trái chôm chôm, bòn bon, trắng, đỏ
 Chỉ những chiếc lá non,
 Xòe ra xanh ngắt mùa!

Em áo xanh. Hạt mưa cũng xanh...

TÂY NINH, THUỞ NGƯỜI ĐI MỞ CỎI

Ngày xưa, trong sách sử
Miền biên viễn xa xôi
Có người vừa xa xứ
Đến như mùa mây trôi!

Củ lênh đênh trên biển
Củ lạng lờ trên sông
Hỏi tên sông Quang Hóa*
Rừng bạt ngàn mênh mông.

Đất nghiêng về phía Tây
Đầu gối đầu lên núi
Chân soài ra phía biển
Nắng Đông mùa hây hây...

Con đường người đi sứ
Có tiếng gầm hổ voi
Mấy phen chồn chân ngựa
Nghe Hồ Già** ...lẻ loi.

Đất Quang Phong, Quang Hóa
Người Đảng ngoài dựng xây
Nên người sau phong tặng
Quan Đại thần nơi đây

Trăm dặm thành Phiên Trấn
Nối với Gia Định thành
Ngày đêm canh gác dữ
Giọt trăng gây long lạnh.
Những ông Tòng, ông Két***
Đêm ngày che chở dân
Hồn thiêng Huỳnh Công Giản
Thành ông lớn Trà Vông

Những rừng thiêng nước độc
 Đã nên xóm, nên làng
 Bao phen người chống giặc
 Xây phủ, thành chiêu an...

Dòng Lãng Khê**** xanh biếc
 Như một dải lụa mềm
 Nên người dân chân chất
 Sông đôi dòng hai bên*****

Nơi nào cũng thấy núi
 Trôi trong mây bông bênh
 Châu Thành, Gò Dầu hạ
 Hay Trảng Bàng đi lên

Một thời đất Quang Hóa
 Trở mình thành Tây Ninh
 Bao gian nan vất vả
 Bao anh hùng hy sinh?

Cứ nghiêng về phía nắng
 Cho đôi dòng sông xanh
 Cho rừng cây hóa biếc
 Nắng Tây Ninh... an lành!

Nhớ công người mở cõi
 Dâng thành nén tâm nhang
 Hương trầm thơm trang sử
 Giữ đất giờ cháu con...

TRẦN HOÀNG VY

Tháng 8/ 2016

**Tên sông Vàm Cỏ Đông ngày xưa*

***Tiếng sáo*

****Lãnh binh Tòng, Lãnh binh Kết*

****Tên rạch Tây Ninh ngày xưa*

**** Sông Sài Gòn và Vàm Cỏ Đông.*



NGUYỄN KHÔI VIỆT

NHẬT KÝ HÀNH QUÂN CỦA NHỮNG NGÀY XA XƯA

Đại đội của tôi được đưa tới trấn đóng căn cứ này, nhằm hành quân và giữ an ninh cho một đơn vị Công Binh Mỹ đang tái thiết cây cầu sắt vắt ngang một con kinh khá lớn. Căn cứ nằm khoảng giữa đường giáp ranh của quận Đức Hoà và ấp Lương Hoà của tỉnh Long An. Giao thông nối liền với nhau bởi một hương lộ nhỏ. Áp lực rất nặng nơi đây vì địch quân thường ẩn náu trong khu vực được gọi là mật khu Lý Văn Mạnh, nằm sâu bên trong một khu rừng ngập nước với kinh rạch chằng chịt diện tích khoảng 10 cây số vuông. Bao la những cánh rừng chồi, xen lẫn cỏ Năng, cỏ Bàng, hành quân bước xuống là nước lầy xấp mắt cá, còn lại thường cao cỡ đầu gối. Cứ như vậy mà lội cả một vùng hoang vu. Chỉ có một con lộ nhỏ bé khiêm tốn chạy xuyên qua những đám cây Vẹt và cỏ Sặc cao ngút đầu người.

Nhằm mục đích cô lập xã Lương Hoà, cũng như để hạn chế hoạt động quân sự của chúng ta, Việt Cộng đã gài mìn trên đường đường này, nó đã bị bỏ hoang vài tháng trước khi đơn vị của tôi tới.

Hương lộ trước kia được công binh đắp bằng đất sạn đỏ, khoảng đường từ căn cứ của tôi đến xã Lương Hoà chỉ khoảng 3 cây số, hai bên không có nhà cửa, chỉ có rải rác những vườn thơm dọc theo đường, nhưng không thể lưu thông dân sự cũng như quân sự được, vì rất nhiều mìn bẫy. Sau khi tình hình đã tạm ổn, thêm một nhiệm vụ nữa là đi mở đường, và trải quân dọc theo đường tới vùng giáp ranh của hai tỉnh "địa đầu giới tuyến" để cho Công Binh đi rà mìn. Những tuần lễ đầu vô cùng khó khăn vì mìn gài trên đường quá nhiều, đa số là mìn "ba râu", gọi như vậy vì trái mìn chôn dưới đất chỉ lú lên 3 sợi râu nhìn như 3 cây đinh dài chừng một đốt ngón tay, đập trúng nó, trái mìn sẽ bay lên khoảng 1 thước và khối thuốc nổ khoảng 1kg sẽ phóng ra hàng ngàn mảnh sắt chụp xuống. Nhưng nó lại được coi là không đáng sợ mấy, vì dễ nhìn thấy bằng mắt thường và máy rà mìn. Ghê gớm hơn cả, là những trái mìn chống chiến xa, chôn dưới đất, nguy trang khéo léo trên mặt, lại được bọc chung quanh bằng vải nilon để máy rà mìn không phát giác được. Đó là chưa nói đôi khi dưới những trái mìn chống chiến xa ấy, lại còn có một trái lựu đạn đã rút chốt. Một loại mìn đáng sợ khác nữa là họ lấy những đầu đạn đại bác 105mm của bên mình bắn bị lép. Họ đào lên, khoan một cái lỗ bên hông và gắn đầu nổ ba râu vào. Sức công phá của nó của nó rất ghê gớm vì y hệt một quả đạn đại bác nổ. Đại đội phó của tôi đã tử thương vì loại mìn này. Ngoài ra còn một loại mìn nhỏ hơn, chúng tôi gọi là "lon cá mèi" vì được làm từ vỏ của những hộp cá mèi. Thứ này chỉ bị mất một giò hoặc một bàn chân, trong mật khu và dọc theo những vườn thơm hai bên con đường đất, loại mìn lon cá mèi này nhiều vô số kể.

Cuộc chiến đấu dai dẳng của những người lính Công Binh gỡ mìn với Việt Cộng dường như không bao giờ chấm dứt. Trên những tỉnh lộ, quốc lộ giao thông lớn trải nhựa, không chôn mìn được thì bọn họ đắp mô, mang cây chà để trên đường, gài nơi đó vài quả lựu đạn. Đôi khi chẳng có trái lựu đạn nào nhưng xe cộ cũng bị bế tắc, không ai dám đụng vào những chướng ngại vật đó. Phải đợi những người lính Công Binh, hoặc những đơn vị Bộ Binh ở gần tới tháo gỡ. Nhữn con đường nhỏ gọi là hương lộ nối liền tỉnh với các xã ấp thường làm bằng đất. Lúc đêm xuống, khi biết không có đơn vị Bộ Binh nào nằm đường ở đó. Họ mang mìn ra chôn trên đường,

sáng hôm sau bị bên ta gỡ, họ lại chôn mìn tiếp. Vì vậy, trên báo chí hay radio ngày xưa loan tin xe đồ, xe lam bị mìn rất thường xuyên trên những liên tỉnh lộ hoặc những hương lộ nhỏ. Mục đích của họ là ngăn cản sự hoạt động của cơ giới và chuyển quân của quân đội chúng ta. Rồi người dân phải hứng chịu những oan khiên chết chóc đó rất nhiều. Vì họ cũng thường xuyên bị lừa đi đắp mô, cắm chà trên đường, xung quanh những chỗ chôn mìn của Việt Cộng. Và cũng không thiếu gì những người lính bị thương hoặc mất mạng trong nỗ lực tháo gỡ chướng ngại vật hầu trả lại lưu thông cho con đường.

Người lính Công Binh ngoài việc xử dụng máy rà mìn, vẫn phát giác những trái mìn trên đường nhờ vào kinh nghiệm, sự khéo léo của đôi tay cầm lưỡi lê xâm vào chỗ khả nghi, và đôi mắt sắc bén nhận ra những khác lạ trên mặt đất. Tuy nhiên, trên con đường đất đỏ dài 3 cây số ấy, đôi khi vẫn có những sơ xuất. Không phải tại sơ xuất của người lính rà mìn. Bởi những trái mìn đó đã được bao kín bằng vải nhựa kỹ lưỡng để tránh máy rà mìn phát giác, cộng với tài nghệ nguy trang dấu tích của những người du kích. Một trái mìn chống chiến xa đã bị sót trên con đường. Nó nằm đó. Đợi.

Hôm ấy không đi hành quân, cả đại đội nằm ứng chiến chờ. Chẳng có gì làm, tôi và mấy thằng em ra thành cầu ngồi chơi. Tiểu đội rà mìn đã xong công việc thường ngày của họ. Lác đác vài chiếc xe ôm qua lại. Một chiếc xe lam đầu tiên trong ngày qua cầu. Xe chạy chậm nên tôi thấy rõ trên xe mấy ông già và mấy người phụ nữ, trong đó có một cô gái trẻ ôm một đứa bé chắc chừng vài tháng tuổi. Tôi thường ngồi trên cầu nhìn sông nước, vẫy tay chào người qua lại những lúc rảnh rỗi, nhưng hôm nay tôi chợt cảm thấy một cảm giác lạ lùng không như ngày thường, tôi muốn nói người tài xế ngừng xe lại dừng đi nữa. Nhưng tôi biết mình không có quyền làm thế. Vì đường đã thông, mìn đã rà. Rồi tôi ngồi đó nhìn theo xe, lòng cảm thấy buồn và bất an rất kỳ lạ.

Chỉ mười phút sau một tiếng nổ long trời vang lên rung rinh cả mặt đất. Chiếc xe lam đã cán phải mìn chống chiến xa cỡ lớn.

Khi đại đội tôi tới nơi, con đường đất bị đứt làm hai bởi một hố lớn, không thấy dấu tích của chiếc xe Lam, cho đến khi kiểm tra

nó nằm dẹp lép không ra hình thù cách đó khoảng 30 mét, khuất sau những luống thơm đã ra trái hai bên đường. Không còn thấy một chút gì dấu tích của con người, ngoại trừ những miếng thịt đỏ bầm cỡ chừng 2,3 đốt ngón tay nằm rải rác khắp nơi.

Cả đại đội tôi đã đi gom nhặt những mảnh vụn đó. Trên ngọn cây. Trên những vồng thơm dọc theo hai bên đường, rải rác một vài khúc nội tạng, chạt vật gỗ dây bầy của những “lon cá mèi” để nhặt ra những mảnh thịt vụn. Dù đã quen với chiến trận, nhưng khi phải đi lượm những phần kinh khủng còn lại ấy, nhiều người lính đã nôn ọe. Không gian tanh tưởi và lẩn quất trong đó, cái gọi là mùi tử khí, nó đặc quánh, khó thở, âm u và nặng nề. Tất cả 9 con người và một đứa bé sơ sinh, chỉ gom được một áo mưa poncho của lính.

Nhưng tôi kiếm được một chiếc gối nhỏ xiu, nón đội đầu, 2 bao tay cùng một toa thuốc của bác sĩ viết cho cháu bé. Chẳng có gì còn lại của cháu để có thể nhận ra được.

Không biết những người ngày xưa đi làm công việc khủng bố ấy, hiện đang thuộc về cái gọi là bên thắng cuộc bây giờ, họ nghĩ sao khi có thể đang tâm chôn những trái mìn chống chiến xa cỡ lớn trên một con đường đất chỉ có xe Lam, xe lô, và xe ôm qua lại. Họ không nghĩ rằng trong những người dân vô tội đó, trước kia đã cung cấp tiền bạc, lương thực mắm muối, trong những đêm lén lút xâm nhập vào trong ấp xã để quyên góp những thứ cần thiết cho cái mặt trận của họ.

Có ai đó nói rằng: trong chiến tranh không có kẻ thắng, người bại. Chỉ có người dân là thua. Tôi nghĩ đó chỉ là những lời nguy biện cho sự xâm lăng. Họ đã lôi kéo được người dân hiền hoà vô tội bằng những chiêu bài đường mật giả dối, và uy hiếp tinh thần họ bằng sự đe dọa, khủng bố và giết chóc.

Và tôi, cũng như tất cả những người lính, vẫn luôn hãnh diện ngày đó đã khoác áo lính để góp phần bảo vệ miền Nam dưới ngọn cờ Việt Nam Cộng Hoà

NGUYỄN KHÔI VIỆT



(Ái nữ của Nhà văn lão thành Doãn Quốc Sĩ)

LÁ

Tôi thấy chiếc lá một buổi chiều vàng se lạnh ngoài công viên. Lúc ấy tôi đang lang thang với ông bố già của mình. Tay tôi đang cầm một tạp chí, một mắt đọc băng quơ, một mắt nhìn bao quát cảnh vật chung quanh. Chiếc lá đập vào mắt tôi vì hình như nó muốn thế. Lá như vừa rơi từ cây, nhưng có thể nó đã rơi từ lâu vì nó nào chịu chạm đất, Mắt tôi dán vào chiếc lá nhõn nhơ, vờ rơi thẳng, rồi ngoi lên lượn vòng, vòng lớn vòng nhỏ, vòng dứt khoát vòng tần ngần. Ngay trước mặt tôi. Tôi bỗng lạnh toát cả người vì chiếc lá dường như có hồn. Đúng lúc bố già bước lom khom đến gần, tôi gọi:

“Bố nhìn chiếc lá kia!”

Bố tôi ngẩng nhìn, rồi bình thản tiến tới, tay vờ bắt lá, buông lá xuống đất rồi chân lập tức đạp lên lá. Chiếc lá không còn nữa. . “Để nó chóng tái sinh!” ông giải thích. Ông vốn tin vào thuyết luân hồi của nhà Phật.

Sau đó, ông tiếp tục đi lom khom nhặt những cành khô rồi bẻ vụn nó ở khoảng đất gần đó. Sự bình thản của bố già làm tôi sững sờ. Trong khi tôi cảm nhận sự sống trong chiếc lá đang rơi thì bố già coi nó như một cành khô, cần được giúp để chóng tái sinh. Tôi băn khoăn suy nghĩ, nhưng động tác của ông sao mà dứt khoát thế!

Từ đó tôi quan tâm nhiều đến những chiếc lá rụng. Mỗi chiếc lá rụng như có một tâm sự riêng. Thấy người nào sống với nhiều niềm u uẩn, tự nhiên tôi lại muốn so sánh họ với những chiếc lá rơi.

Vào một buổi chiều tà khác, tôi đi dạo ở một con đường ven biển với hai người bạn Mỹ. Một người vừa quá tuổi hưu nhưng tâm không chịu hưu (lá vàng rơi không chịu chạm đất) nên đã xin và đang làm một công việc sau hưu trí. Người kia vừa trở về từ chiến trường Afghanistan và đang hồi sinh trong đời sinh viên (lá xanh tã tôi đang tự vá ở sân trường đại học).

Tôi đang vui chân rảo bước thì bỗng hai người bạn chậm lại phía sau. Tôi quay lại thì thấy họ dừng lại ở một ghế đá ven đường. Ngồi trên ghế đá là một phụ nữ người Mỹ đứng tuổi. Nhìn cách họ chào nhau bằng những cái ôm, rồi hỏi thăm nhau ân cần, tôi đoán được tình thân của họ với nhau. Anh bạn lớn tuổi giới thiệu tôi với người phụ nữ rồi anh hỏi tôi có vui lòng đi cùng với người phụ nữ về nhà rồi mới quay lại chỗ chúng tôi để xe hay không. Tôi vui lòng nhận lời. Trước khi đi, anh chỉ cho tôi xem chỗ dựa của ghế đá có khắc hai tên Andrew và Sean Harvell và kể rằng đây là tên hai người con trai của bà, Người em được điều động đi Iraq rồi tử trận ở Afghanistan trong khi người anh sống sót trở về từ chiến trường Afghanistan để cuối cùng chết đuối ở biển Long Beach. Người ta kể rằng đêm hôm ấy, anh đã ngồi thiền trước khi bơi lần cuối ở biển Long Beach.

Thì ra đây là một bà mẹ khóc con ngay trên ghế đá có khắc tên con mình. Nhìn khuôn mặt hằn nét đau khổ của bà, tôi nghĩ đây là một chiếc lá vàng trời bắt sống để than khóc lá xanh. Cảnh này đầy rẫy trong lịch sử VN, vẫn còn đọng lại trong câu ca dao:

Lá vàng còn ở trên cây

Lá xanh rụng xuống, trời hay chẳng trời.

Trên đường đi, tôi hơi giữ khoảng cách để ba người Mỹ tiếp tục câu chuyện đang dở dang. Đến trước khu nhà bà ở, bà mời vào uống trà. Người bạn lại hỏi tôi có bằng lòng vào một chút không. Tôi vẫn vui vẻ nhận lời, không ngờ “một chút” ấy cuối cùng kéo thành cả tiếng đồng hồ. Trong một tiếng đồng hồ, bà kể về hai đứa con trai của mình. Bà là một người mẹ độc thân (single mom), đã một mình nuôi hai đứa con trai. Thành em, Andrew, có óc hài hước luôn được bạn bè tán thưởng vì nó có tài làm ai đang muốn khóc cũng phải cười. Ngoài chiến trận, nó được mệnh danh là người lính có trái tim sư tử. Tử trận vào năm 26 tuổi (2011), nó đã là chồng và

cha của hai đứa con. Thành anh, Sean, khi qua đời vào năm 33 tuổi (2016), đang là “gà trống” nuôi một đứa con gái. Bà kể hồi Sean học trung học, bà thường xuyên bị nhà trường gọi đến “mắng vồn” vì thành con vô kỷ luật. Trên chiến trường, các chiến hữu kể rằng nó cuồng nhiệt như một trận cháy rừng. Ngày giải ngũ, nó về quê nhà Long Beach và nghênh ngang cưỡi chiếc Harley Davidson đi cùng trời cuối đất. Nghênh ngang như nó, chiến trường phải buông tha! Vậy mà sóng nước Long Beach không tha. Khi anh bạn Mỹ báo cho tôi biết tin Sean chết đuối, tôi sững người. Không lẽ anh ta không biết bơi?

“Anh ta bơi rất giỏi,” bạn tôi khẳng định, “nhưng anh hay bị chứng co giật, hậu quả của nhiều năm ngoài chiến trận. Có lẽ đêm hôm ấy anh bị co giật trong khi bơi không xa bờ lắm.

Từ già bà mẹ, chúng tôi ra về, lòng buồn vơi vợi. Giọng kể chuyện thần thờ của bà và những thớ thịt sụp trên khuôn mặt bà đã vẽ nên một cuộc đời đau thương. Bà là hiện thân của sự đau thương. Cha của hai đứa con bà không nhìn chúng. Cuộc đời của tụi nó bà không định đoạt được.

Ngày nay người mẹ độc thân và không con đang sống một mình trong một căn phòng thuê ảm đạm.

Nhưng hình ảnh của bà trong tâm tôi không gắn liền với căn phòng ấy, mà gắn với ghế đá trên bờ biển Long Beach có khắc tên hai đứa con trai chết trẻ của bà. Đó là hình ảnh một chiếc lá vàng còn thở ngời thương tiếc hai chiếc lá xanh đã bị khói lửa và sông nước cuốn đi.

Trời hay chẳng trời?

Tôi tự hỏi nếu bà hiện thân thành một chiếc lá vàng bay vờ trước mặt bố tôi, thì liệu ông Thiên Sư Bố của tôi có đủ huệ nhãn để với tay bắt chiếc lá vàng, rồi đạp nó dưới chân? Chiếc lá vàng này cũng rất cần được tái sinh.

Feb 26, 2018.

THE LEAF

By Khanh Doan

I saw it in the park one yellow late afternoon, when the autumn weather was getting chilly. I was, then, wandering with my father. With a magazine in one hand, I assigned the reading task to one eye of mine, while directing the other to the vast scenery of Nature. The leaf struck my eyes, seemingly at its own will. I first thought the fall was recent, but then I had the feeling that it had lasted for a while. Actually, the leaf was fumbling with its light weight, moving up and down or hovering around, now reluctantly then with a stronger will. It was obviously delaying an expected landing in spite of the still atmosphere of that windless afternoon. I was almost frozen by the sudden perception that the withered leaf had a soul of its own. As I saw my father come near, I called out to him:

“Dad, look at that leaf!”

My dad raised his eyes to the leaf, then quietly moved to it, reached for it, dropped it to his feet, then instantly stepped on it. The leaf was no more but there was no emotion on his face. “Let it reincarnate,” he explained. He had always believed in the Buddhist concept of reincarnation. After that, he continued to stoop to the ground, looking for dry branches. His indifference stunned me. While I perceived life in the leaf, my father simply saw it as something not so different from a dry branch that needed help toward reincarnation. I kept pondering about his brisk gesture in terminating the leaf.

Since then, I began to take interest in falling leaves. Each of them seemed to have a story to confide. Whenever I met someone with a melancholic mind, I instantly visualized them as a falling leaf.

In another late afternoon, I walked along a seaside road with two American friends. One of them just retired from his 40-year-old job to realize that retirement did not fit him. So he got himself a post retirement job (a falling yellow leaf that refused to touch the ground). The other was a young veteran who just came back from the Afghanistan war and was living again as a University student

(a torn-out green leaf in the process of self-repair on a University campus).

I was cheerfully matching my steps with those of my friends' when they suddenly slowed down and lagged behind me. I turned back and saw that they had stopped by a bench. Sitting on it was a lovely American lady. From the way they hugged and made inquiries about each other, I could guess how closely they knew each other. The older of the two friends introduced me to her, then asked me if I was willing to walk the lady home with them before walking together to our cars. I was. Before we left, he showed me the two names engraved on the back of the bench: Andrew and Sean Harvell.

They were both the lady's sons. I was then informed that the younger had been deployed to Iraq, then died in action in Afghanistan, while his older brother drowned in their hometown of Long Beach after surviving numerous deployments in Afghanistan. He was said to have meditated on the beach that night before his fatal swim in the ocean.

So, here was a mother remembering her sons on the very bench where their names were engraved. My heart ached for her. She was the yellow leaf destined to outlive and lament two green fallen leaves. This was not uncommon in the history of Vietnam, as related in the folk poem:

The yellow leaf remained on the tree

While, didn't God know it, the green ones were falling!

As we resumed the walk, I discreetly kept a distance so the three Americans could pursue their unfinished exchanges. In front of her home, she asked if we had "a minute" to spare for tea. Again, my friend asked me if I could. I would love to.

It turned out that the expected "minute" had stretched to be an hour. She spent that hour telling us about her sons. As a single mom, she was the only parent to raise them with her teacher's salary. Andrew, the younger one, was very popular among his friends because of his exquisite sense of humor. He could easily make people laugh till they were in tears. Yet, in battles, he was said to be a soldier with a lion's heart. When he lost his life at 26, he was married with two children. His older brother, Sean, was 33 when he passed

away. He was then a “single dad” raising his little girl. His mother remembered him as a trouble maker in high school. She was often asked to go meet his teachers, who endlessly complained about his lack of discipline. In battles, though, he was described by his fellow soldiers to be as wild as a forest fire. After being discharged from Air Force Special Operations, he came home to Long Beach and was seen in every corner of his home city on his motorcycle he built from scratch. Wild as he was, the war had spared his life. Yet, the waters off Long Beach did not. When my American friend wrote to me that he drowned down the bluff from his mother’s home, I was absolutely shocked. Couldn’t he swim?

“He was a very good swimmer,” my friend affirmed, “he suffered from seizures as a result of the years of combat and had a seizure while swimming not far from shore.”

Parting with Sean and Andy’s mother, we quietly walked back to our cars, drowned in deep sadness. In our mind, her face drew a clear-cut picture of a proud mother dealing with an insurmountable loss. As her boys had never had a father in their lives, she remained their home base, especially while they were fighting in the most dangerous spots in the world.

I will always connect the boys’ mother with the bench where her sons’ engraved names are overlooking daily sunsets. And, like Jane, I will be grieving over fallen green leaves, as if they were blown away by the fires of war and swept off in the seemingly eternal Pacific Ocean.

Didn’t God know it?

If Jane was transformed into a yellow leaf hovering in front of my Zen-influenced father, I wondered, would he have enough insight to reach for the leaf, drop it to the ground, then tread it under his feet? Would he manage to reunite a mother and her sons in reincarnation?

Feb 26, 2018

DOÃN KHÁNH



NGUYỄN NGUYỄN PHƯƠNG

BẠN CÙNG THỜI

Sắp đến ngày giỗ đầu của Đại rồi đó! Bà xã khi mang lĩnh kỉnh các túi đựng thức ăn vào nhà sau nhắc tôi giọng đầy cảm xúc. Đang pha dở ly café, tôi ngẩn người. Nhanh thật! Đời người khép lại giờ chỉ còn nhớ tiếc, hoài niệm. Một qui luật của đạo lý tình người trên cõi nhân gian nhưng ngẫm ra mang mang vô thường quá đổi. Cách đây chưa tròn năm, nghe tin Đại qua đời vì tai nạn lúc sử dụng máy bơm tưới cây kiểng, tôi bàng hoàng không tin là sự thật. Và cũng mới đây thôi vợ chồng tôi đến dự tiệc cưới con gái của Đại hơn 500 khách mời chung vui hoành tráng. Vậy mà... Ôi một chàng trai hào hiệp nghĩa tình lang bạt vẫy vùng nhiều tỉnh thành kể cả đất Chùa Tháp xa xôi nay đã ra đi ngổ ngang chóng vánh đến thế.

Quen biết Đại từ việc buôn hàng bia, nước giải khát bù đắp vào đồng lương ít ỏi thời bao cấp. Xét về quan hệ chúng tôi không cùng “hệ” với nhau nhưng lại gắn kết lâu bền tình cảm nhiều năm. Vợ chồng tôi đứng lớp dạy một trường cấp 3 còn Đại là tài xế chở hàng hóa từ vùng ven dưới chân núi Chúa Chan, Rừng lá về Thành phố những năm 80 thế kỷ trước. Vùng ven thời ấy hoang sơ còn nhiều vạt rừng với nhiều loại gỗ quý cũng là nơi tụ hội cư dân các vùng miền sinh sống lập nghiệp. Đốt phá rừng mở thêm đất mới làm rẫy trồng chuối, mì, đậu, chôm chôm, sầu riêng... cả việc xây lò

đốt than, làm củi trở thành nhu cầu thiết yếu cho người dân nơi đây để có cơm ăn, áo mặc, con cái học hành. Sản phẩm thu hoạch, làm ra theo các chuyến xe than về Thành phố mà điểm dừng dưới chân cầu Văn Thánh. Sau đó, các chủ hàng đón xe ba gác, xích lô máy chuyển đến các nơi mua, trao đổi lấy các nhu phẩm về bán lại cho cư dân. Cuộc giao thương nghe ra quá thuận chiều êm ái. Thực ra không phải vậy. Một chuyến buôn hàng từ mờ sáng lên xe thì chiều tối mới về. Xe đa phần chạy bằng than, chậm rì rì. Xe hư chủ lẫn khách ngủ đêm dọc đường là chuyện thường đêm! Tuyến xe này đi về gần hai trăm cây số chứ ít đâu. Khó khăn nhất là xe phải vượt qua các trạm kiểm soát gắt gao như ngã ba Tân Phong, Dầu Dây, Trảng Bom, cửa ngõ vào Thành phố. Tắc nghẽn thị trường, “ngăn sông cấm chợ” là nỗi ám ảnh đọng mãi trong hồi ức người dân nhất là các dì, các chị đi buôn hàng thời bao cấp ấy. Đó là là các “ông thần” đã đi vào cửa miệng đầy cảm thán, “Công An, Thuế vụ, Kiểm lâm/ Ba ông thần ấy chẳng ham thần nào”.

Hàng đặc sản các loại đậu, hồ tiêu, điều ...bị soi đánh thuế không thì tịch thu. Xe chở gỗ tròn, súc gỗ vuông, cây ván bán thành phẩm có đầy điệm kĩ cách mấy - hàng đặc biệt cấm - bị phát hiện chỉ có tuôn hàng, giam xe. Quyền uy soi chiếu, thu hàng của các “thần” còn trở thành giai thoại lệnh xét xe cán bộ cấp cao chở hơn chục kí gạo trắng làm quà cho người thân. “*Xe Bác Mười hủ, Mười Một, Mười Hai cũng xét*” ở một chốt trạm miền Tây. Vậy mà xe hàng cấm của Đại như con thoi đều đặn qua nhiều trạm xét thật tài tình. Nhờ thế mấy chục két vỏ chai bia, nước ngọt trên tấm bạt che phủ hàng gỗ của xe Đại như một cách ngụy trang nên không tốn phí chuyên chở mà còn được giăng cột đưa về tận nhà an toàn không thất thoát, vỡ rạn chai nào. Còn mấy tay chủ hàng giới buôn cây gỗ có tiếng trong danh xưng như Ba Thế, Lam rừng, Tam cửa lú không nghẽn chuyến thì cũng ngắc ngứ ngâm hàng chờ thời. Những chuyến đổi hàng ấy, tôi chỉ theo xe Đại vài lần. Còn bà xã tôi có đến mấy năm trời, nhớ lại còn thấy thương, hàng tháng ít nhất cũng ba bốn chuyến theo xe trong âm u mờ sương bon về Thành phố. Đại nhỏ người ít nói, ấn tượng là đôi mày rậm, nhanh nhẹn có nhiều thể võ phòng thân. Uy của Đại là chữ tín, sẵn sàng giúp đỡ bạn bè lúc

khó khăn. Một anh Đại hào hiệp xứng danh. Trôi dạt từ xứ Quảng vào vùng đất mới được một sư thầy nhận nuôi, tu tập ở chùa. Đẹp trai không bằng chai mặt. Rời chùa ra đời kiếm sống với phong thái đó Đại chinh phục kết thành vợ chồng với Diệu Thanh một trong ba chị em xinh đẹp của vùng sau thời gian dài đeo đuổi. Chuyện tình li kì của Đại mà giới làm ăn buôn cây rừng bàn đến trong bữa rượu, café không ngớt lời hâm mộ. Để thông quan hàng cấm, tài quăng giao của Đại khó ai bì. Chốt trạm nào sau lần tuần hàng đều giúp đỡ ngấm cho Đại biết giờ khắc giao ca trực, chỉ cần khoảng trống giữa lịch trình là xe vù vọt qua! Đổi lại các anh, các chú cần gỗ xây nhà, đóng tủ bàn gỗ quý Đại giao hàng tận nơi. Thú rừng các loại chỉ bắn tin là anh em đi rừng, xẻ gỗ mang về tươi nguyên cho Đại làm quà hữu hảo kèm theo bia rượu đắt tiền cho Bác Sáu, chú Tư ở trên tiếp khách! Quả người đời nói không sai li nào, bánh sắp đi thì bánh qui lại. Các tài khác xe bị giam trạm là giúp ra xe, lấy hàng về không điều kiện vì Đại cảm thông ai cũng vì chén cơm, sự sống của gia đình hết. Cần vốn làm ăn, Đại sẵn sàng chia sẻ. Ngay chính vợ chồng tôi thu nhập nghề dạy học còn lắm khó khăn phải làm thêm việc lấy hàng nước giải khát về bỏ mối cho các quán ăn. Hàng quán lúc đó đông đặc sầm uất, điểm dừng chân các tuyến xe đò Đông Bắc, QL 1A Nha Trang, Huế, Hà Nội - ngã Ba xã Tân lập - nhờ vậy chúng tôi mới bám trường dạy chữ cho đến lúc nghỉ hưu. Cả kho chứa hàng bia, nước ngọt tại nhà, Đại cũng cho cây, ván làm tất. Sau này, các con Đại vào trường cấp 3 học lớp vợ chồng tôi dạy, chúng tôi chăm chút yêu thương dạy dỗ.

Năm 91 huyện mới thành lập, cuộc sống gia đình ổn định, chúng tôi không còn làm nghề tay trái đổi lấy hàng Thành phố nữa. Rừng được quản lí chặt (gỗ quý bị chặt phá hết còn đâu), Đại cũng già từ những chuyến xe hàng cấm. Thi thoảng tôi gặp lại Đại, giờ già hơn, phong trần hơn. Ngồi ở quán trước nhà, nơi mà những khuya mờ sáng nhẩn còi gọi bin bin, Đại và phụ tài nhanh gọn chất kết vỏ chai đi đổi hàng. Uống một ngụm nhỏ café, bật chiếc zippo vẫn sành điệu như ngày nào, khói thuốc ba con 5 thơm Đại nhẹ giọng trầm ngâm. Em đi làm ăn xa ở Bình Phước, Bình Dương có lúc sang tận mấy tỉnh Campuchia cũng rong ruổi những chuyến xe hàng chở gỗ nhưng khó khăn hơn trước bởi nhiều xưởng gỗ, trại cửa ghim

tiền, lừa tiền hàng tỉ bạc. Em dùng chân thôi anh, Hàng giao rồi ký giấy giao hẹn, đến ngày chủ cứ kênh mặt đòi hàng mới, tiền cũ mới được nhận. Anh tính đi, làm ăn chỉ cần tiền tươi, thóc thật chứ nói tiền mặt, rồi lại đưa mặt chây lì, lẩn lưa... Chủ nắm đằng cán, chữ tín làm tin chứ thừa kiện ai được... Và em phải thế chấp khu đất vàng ở đường trung tâm Thị Trấn đó. Khu đất mà Đại đã mua bằng công sức bao chuyến vượt đêm trắng sôi mồi hôi dính cả máu với cây rừng để trả nợ bạn bè góp vốn làm ăn. Vợ em Thanh anh biết mà, nết mê bài bạc chưa bỏ. Các con ngày càng lớn, nhu cầu cho việc học phải lo toan nhiều. Được niềm vui là chúng ngoan học hết bậc Đại học đều xin được việc làm. May là còn căn nhà nhỏ ở Thị Trấn cho vợ con. Mấy mẫu cà phê ở Gia Lai thế thôi. Làm tài xế riêng cho tay Giám đốc nông trường K để không quên vô lăng, tài vẫn còn bén nha anh... Ngồi lại với anh, cảm động lắm chuyện ngày xưa chở hàng em quên rồi. Những người từng nhờ vả trước đây gặp lại chỉ vẫy chào nhả khói xe vọt mất, không dám gọi em sợ tổn ly nước, điều thuốc. Chữ đời là chữ buồn sao anh? Cặp mày đen đã có chút điểm bạc. Cười nhẹ với đôi lời triết lí, một Đại vẫy vùng giờ sao cô đơn... Thôi em đi, mai sớm về lại núi rừng... Chỉ kịp siết tay, thoát một cái Đại đã vù chiếc xe cà tàng về phía xa...

X

Từ biệt cõi tạm, ai biết được khắc giây nào chân bước vào chốn hư vô. Tất nhiên không kể những người bệnh trầm kha, cao tuổi chủ tâm dặn dò người thân qua di chúc, di thư. Còn ở Đại dấu hiệu dự báo cho cuộc ra đi có chẳng là chữ tình thất thế. Bạn cũ giờ là ông chủ nhà cao tầng, cửa hàng hiệu khách ra vào tấp nập hỏi mượn ít tiền thì lảng tránh khéo. Đứa em kết nghĩa nhờ lấy mấy trăm triệu xưởng gỗ nợ, tiền báo giao xong gọi điện cứ ngoài vùng phủ sóng. Khi “rừng xưa đã khép” Đại chỉ còn là cái bóng của thời vẫy vùng, hào hiệp giữa bạn bè và cả trong mái ấm gia đình. Bà xã tôi đã tinh ý nhận ra nỗi cô đơn của Đại trong buổi nhóm họ trước ngày cưới của con gái mà vợ chồng tôi được mời dự. Thanh vẫn đẹp, vẫn tươi tắn lắm nhưng chăm sóc chồng nhiều hơn nha, gầy đen quá. Anh cứ đi suốt chị ơi, có khi mấy tháng mới về nhà... Em khỏe mà. Đại nói chen vào, anh chị đừng lo cho em, về Gia Lai phóng xe bảy chỗ một lèo không cần nghỉ...



TRẦN ĐỨC TÍN

VỌNG CỔ

anh nhẩn nhá mần chi chiều châu thổ
thời gian thì có chờ đợi ai đâu
nước dưới kinh có nước lớn nước ròng
chớ ai biểu hẹn chi để ai lỡ bồi theo con nước
ngày anh đi
em giếm tay cọng cỏ bông
bơi thúng nhỏ tiễn anh mà xoay tròn ửng hồng đôi má lúng
mẹ rầy em: là con gái giữ nết na châu thổ
không thương người mà phụ đất bỏ quê ghen!
em trở về
nghe chiều đứt mấy sợi dạ hoài lang
đưa ngón tay đếm nuốt dừa chái bếp

Tính tháng tính năm rồi tính mùa con nước nổi
 Nghe điên điên mé sòng lãng trước nhà rưng nhoè cả mùa em

hàng xóm hỏi em còn chờ đợi mần gì
 người đến như sóng đưa lời ong tháng chạp
 em tin mần chi trái mù u những nước
 phà qua sông rồi còn chờ được mấy buồn mà ngoái theo
 em giận đến tĩ tê cái la - dô sao hát hoài vọng cổ
 mà ngộ, em mở đài nào cũng thiếu phụ, vọng phu
 nằm đưa vông nhà sau lắc nhịp đời mà nấc nghẹn
 em đưa tay ghì áo mẹ lên chùi nước mắt lại sợ cha
 sáng nay nè
 đi chợ xã hỏi thăm nhà
 bà con ai cũng lắc đầu nói: người ở đâu tên nghe lạ quắc
 nhìn mấy cái lắc đầu mà đau cả châu thổ anh ơi
 em bị lạc giữa chợ chỉ có vài người
 lạc tim châu thổ thì em còn biết chi nữa
 mẹ vỗ vai chiếc bà ba em mặc
 sao nghe tím người tím cả áo bà ba
 về thôi con
 về nhà với mẹ
 cây ổi sau hè hồi nhỏ con trồng vừa chín trái đầu tiên
 em xách cái giỏ trống không như lòng em trống
 bơi xuống dìa đựng tiếng bìm bịp dưới kinh
 lòng nhắc lòng chiều nay con nước lớn
châu thổ mùa này buồn như vọng cổ quê em.

TRẦN ĐỨC TÍN



ĐIỀU VĂN

**Vũ Hoàng Chương khóc Nguyễn Tường Tam
Nhất Linh.**

LỜI GIỚI THIỆU

Năm 1951 Nhất Linh về nước mở Nhà Xuất bản PHƯƠNG GIANG tái bản sách của Tự Lực Văn Đoàn và tuyên bố không tham gia những hoạt động chính trị nữa.

Năm 1953, Ông lên sống tại ĐÀ LẠT, tuy nhiên trong QUỐC DÂN ĐẢNG vẫn tồn tại Phái NGUYỄN TƯỜNG TAM cạnh tranh với hai phái khác.

Năm 1958 rời ĐÀ LẠT về SÀI GÒN Ông mở Giai Phẩm VĂN HÓA NGÀY NAY tại SAIGÒN, phát hành được 11 số thì bị đình bản. Ông về Đà Lạt.

Năm 1960, Ông lại về Sài Gòn thành lập MẶT TRẬN QUỐC DÂN ĐOÀN KẾT, tình nghi ủng hộ cuộc Đảo chánh của Đại Tá NGUYỄN CHÁNH THI và Trung tá VƯƠNG VĂN ĐÔNG.

CUỘC ĐẢO CHÁNH THẤT BẠI. Các SĨ QUAN cầm đầu chạy sang Kampuchea, Ông bị Chính Phủ NGÔ ĐÌNH DIỆM giam lỏng tại nhà riêng. và định đưa ra xét xử ngày 8/7/1963. Ngày 7/7/1963 được tin sẽ được đưa ra xét xử, NGUYỄN TƯỜNG TAM dùng độc dược quyền sinh để phản đối Chính quyền độc tài của NGÔ ĐÌNH DIỆM để lại PHÁT BIỂU NỔI TIẾNG SAU ĐÂY:

“Đời tôi để Lịch Sử xử. Tôi không chịu để ai xử tôi cả. Sự bắt bớ và xử tội những phần tử quốc gia đối lập là một tội nặng sẽ làm cho nước mất về tay Cộng Sản. Vì thế tôi tự hủy mình cũng như Hòa Thượng THÍCH QUẢNG ĐỨC đã tự thiêu là để cảnh báo những ai chà đạp mọi thứ tự do”.

Không bao lâu, cho đến ngày 1/11/1963, một cuộc Cách mạng bùng lên dữ dội, giết chết cả ba Anh Em NGÔ ĐÌNH DIỆM. Ngày 5/1/1964, dân chúng tụ tập đông đảo tại Công Viên Tao Đàn cử hành Lễ Truy điệu NHÀ CÁCH MẠNG NHẤT LINH NGUYỄN TƯỜNG TAM và Thi sĩ VŨ HOÀNG CHUÔNG đọc Điều văn:

ĐIỀU VĂN KHỐC NHẤT LINH NGUYỄN TƯỜNG TAM VŨ HOÀNG CHUÔNG (Sài-đô 5/1/1964)

Nguyễn Tường Tam (1906 - 7 tháng 7 năm 1963) là một nhà văn, nhà báo với bút danh Nhất Linh, Tam Linh, Bảo Sơn, Lãng Du, Tân Việt, Đông Sơn (khi vẽ); và cũng là chính trị gia nổi tiếng của Việt Nam trong thế kỷ 20. Ông là người thành lập Tự Lực văn đoàn và là cây bút chính của nhóm, từng là Chủ bút tờ tuần báo Phong Hóa, Ngày Nay. Về sau, ông còn là người sáng lập Đại Việt Dân chính Đảng, từng làm Bí thư trưởng của Việt Nam Quốc dân Đảng (khi Đại Việt Dân chính Đảng hợp nhất với Việt Nam Quốc dân Đảng và Đại Việt Quốc dân Đảng) và giữ chức Bộ trưởng Ngoại giao trong Chính phủ Liên hiệp Kháng chiến.

“Than ôi! Đời chính trị lông hồng gieo núi Thái, ngẩng đầu lên sấm sét vẫn chưa nguôi; việc văn chương một tác để ngàn thu, ngoảnh mặt lại đá vàng sao khỏi thẹn.

Muốn gào to hồn phách anh linh; để vọng khắp giang sơn tam biển.

Nhớ xưa tiên sinh: Chào đời khi gió nổi Đông du; mài thép dưới trăng mờ Thế chiến.

Nghiep truyền gia giáo, thuở nhập môn từng đất Bắc vui quê; vai nặng quốc thù, bước du học lại trời Tây vượt biển.

Rèn chí đấu tranh; đua tài hùng biện.

Chí khí ngày kia một kiên cường; tài năng ấy càng thêm phát triển. Bao năm xuất ngoại, đã lưu tâm tại chỗ, từng mưu lừa chước dối thực dân; một sớm hồi hương, lại ngửa mắt trông ra, cả tấn kịch trò hề phong kiến.

Thi văn đoàn Tự lực thế tất phải xung phong; mà tuần báo Ngày nay phải kịp thời xuất hiện.

Vì dân vì nước đẩy mạnh phong trào; có chí có gan thiếu gì phương tiện.

Nào hia với hốt, phá cho tan trò hoạn lộ thanh vân; nay cấp mai bằng, cười đến tỉnh lũ thư sinh bạch diện.

Từ đó tiên sinh: Lấy văn đàn làm nơi báii tướng, cờ phất dọc ngang; giữa chính trường cao giọng lập ngôn, bút mài sắc bén.

Làm sống lại tinh thần Yên Bái, nửa bước không lùi; cuốn ào lên tâm huyết Quốc dân, một dòng thẳng tiến.

Bôn ba nơi hải ngoại, Hàng Châu, Quỳ Châu, Liễu Châu; đối lập mọi cường quyền, chống Pháp, chống Cộng, chống Diệm.

Ai hay: Gió gọi chưa lên; giờ nghe đã điểm.

Giữa cao trào Phật giáo, để hoằng dương chính pháp, lửa từ bi vừa thượng toạ thiêu thân; nêu đại nghĩa Nho gia, nhằm cảnh cáo độc tài, chén tân khổ cũng tiên sinh tuyên chiến.

Sét ngang tai, bạo lực thấy ghê hồn:

Trời cúi mặt, không gian chờ náy điện.

Lửa-Cách-Mạng dâng về thư tuyệt mạng, thôi rồi tay lãnh tụ! Khắp các giới: Thức giả, bình dân, sinh viên, đồng chí, cùng dạt dào tim võ máu sôi; Người-Quay-Tở đành bỏ trống guồng tơ, đâu nữa mặt kinh luân?

Cả bốn phương: Cà Mau, Thuận Hoá, Bến Hải, Nam Quan, nghe giục giã sông đời núi chuyển

Nhưng đau đớn thay: Phút hạ huyết súng gươm vây kín, muôn dòng châu đứt nối chưa tròn; buổi cầu siêu hương khói âm thầm, bao tiếng khóc dở dang còn nghẹn.

Cho nên hôm nay: Mừng quốc gia vừa khắc bạo trừ hung; đẹp hy vọng sẽ hà thanh hải yến.

Dân chúng thủ đô hướng về tiên sinh: Lễ Truy điệu mở đầu năm dương lịch, chạnh tưởng còn đâu bãi bể, đốt hương lòng toả khắp mười phương; vườn Tao Đàn rung hết đợt âm giai, trông ra ngọn cỏ lá cây, hoà nước mắt vẩy quanh một chén.

Mong cảm tới tiên sinh: Dám nể chi u hiển.

Hỡi ơi: Tổ Đoạn-tuyệt thành hồ đoạn tịch, mộng dẫu chơi vơi nửa cuộc, sử còn thơm danh liệt sĩ

Tường Tam; Phượng Nhất Linh hể thiên nhất phương, lâu tuy ngơ ngác bên sông, gió vẫn nổi tiếng văn hào họ Nguyễn.”

(Sài Đô, 5-1-1964)

Vũ Hoàng Chương

DƯƠNG TỬ sưu tầm

(May 1, 2019)

Văn Học Mới Số 4 Tháng 9 Năm 2019 / 296



**NGÃ PHƯƠNG
HUYỀN**
phụ trách

**TRÂN TRỌNG GIỚI THIỆU ĐẾN QUÍ ĐỘC GIẢ
SÁCH ÂN HÀNH TRONG NĂM 2018 & 2019 DO
NHÀ XUẤT BẢN
VĂN HỌC MỚI**

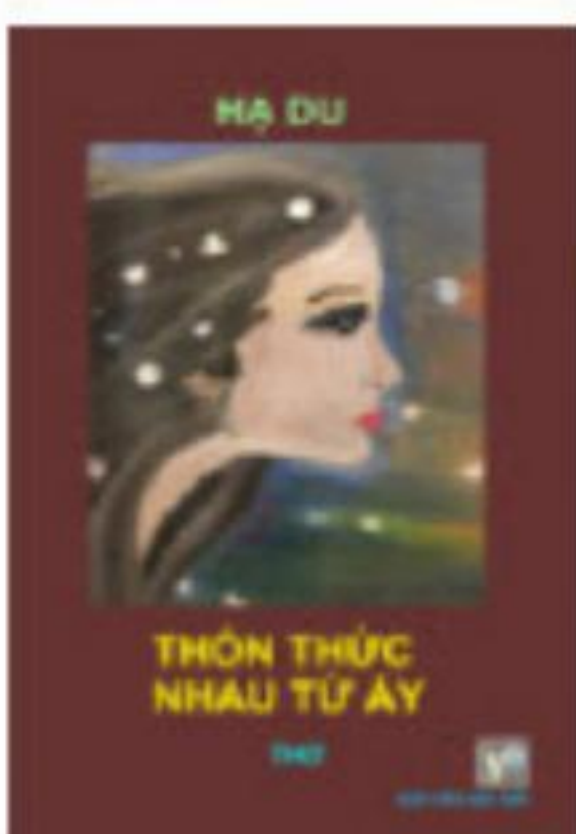
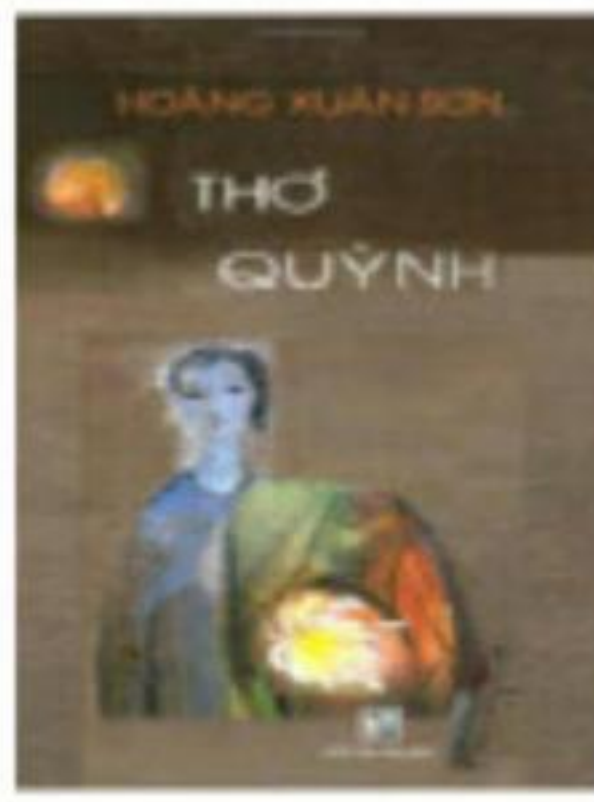
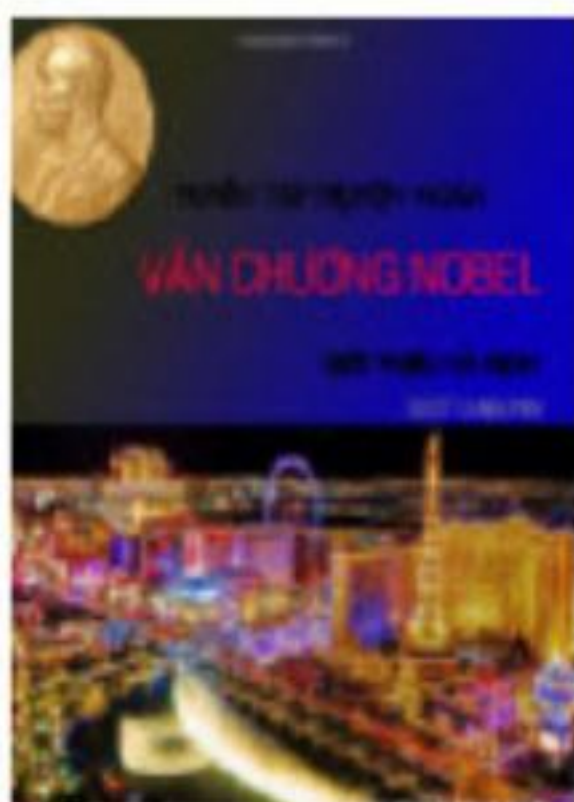
**MỌI SỰ CẦN IN ẤN HAY MUA SÁCH
XIN LIÊN LẠC NXB VĂN HỌC MỚI:**

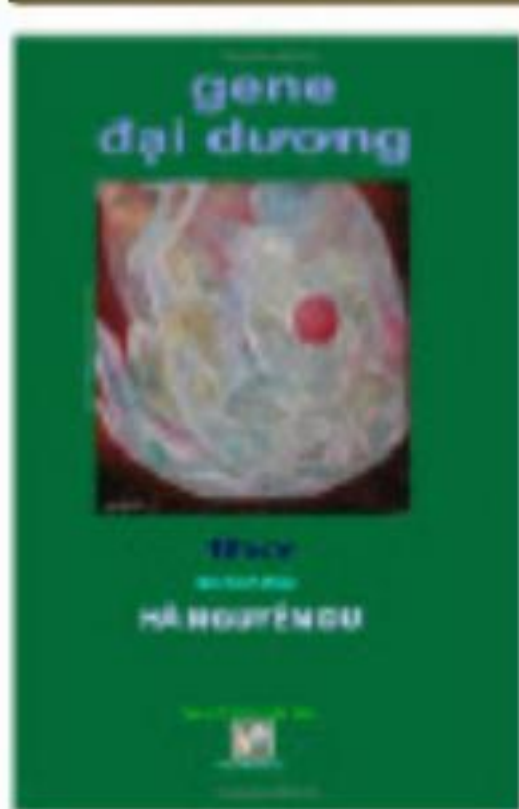
hanguyendu@gmail.com

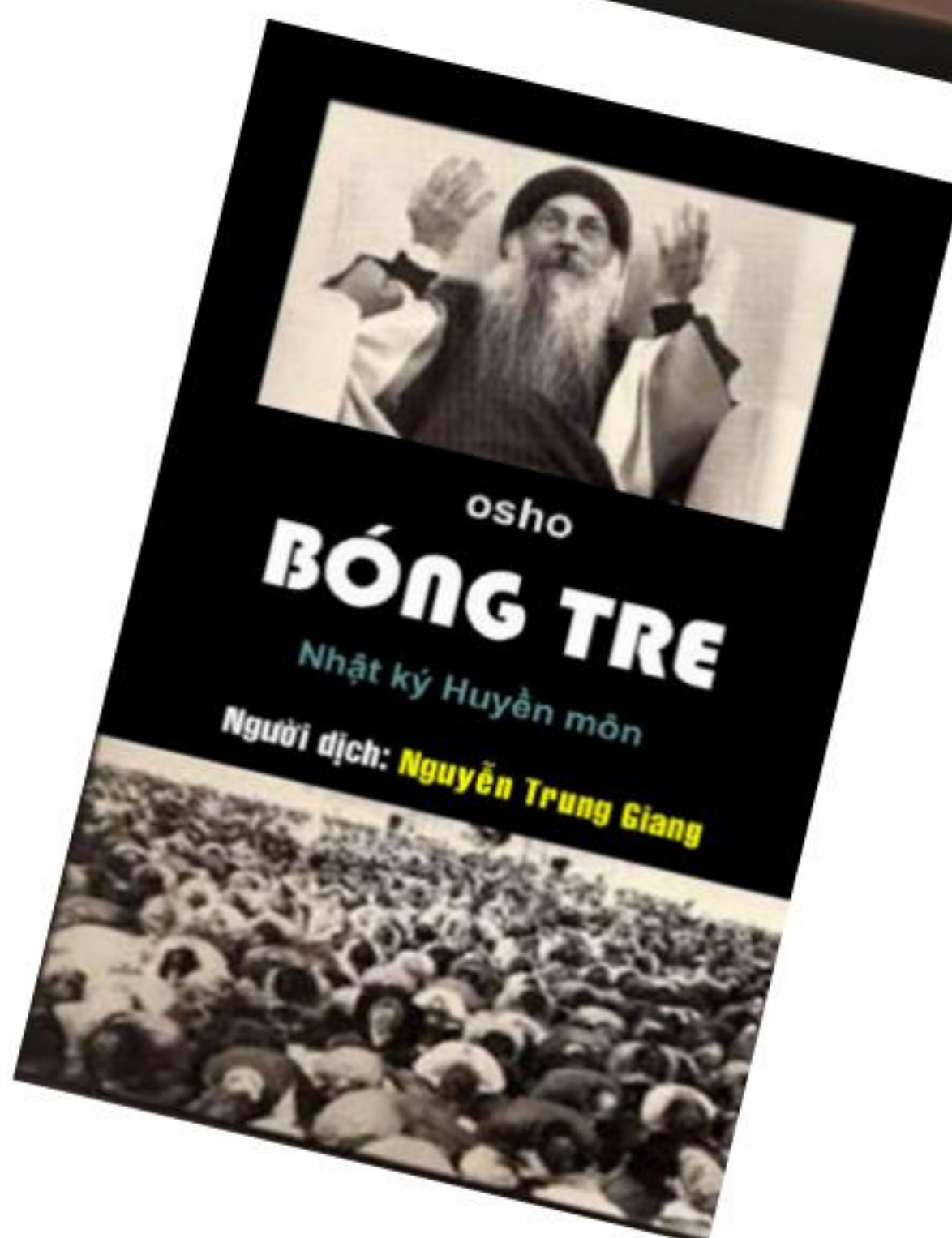
vanhoc5moi68@gmail.com

Sách có bán trên hệ thống toàn cầu AMZON

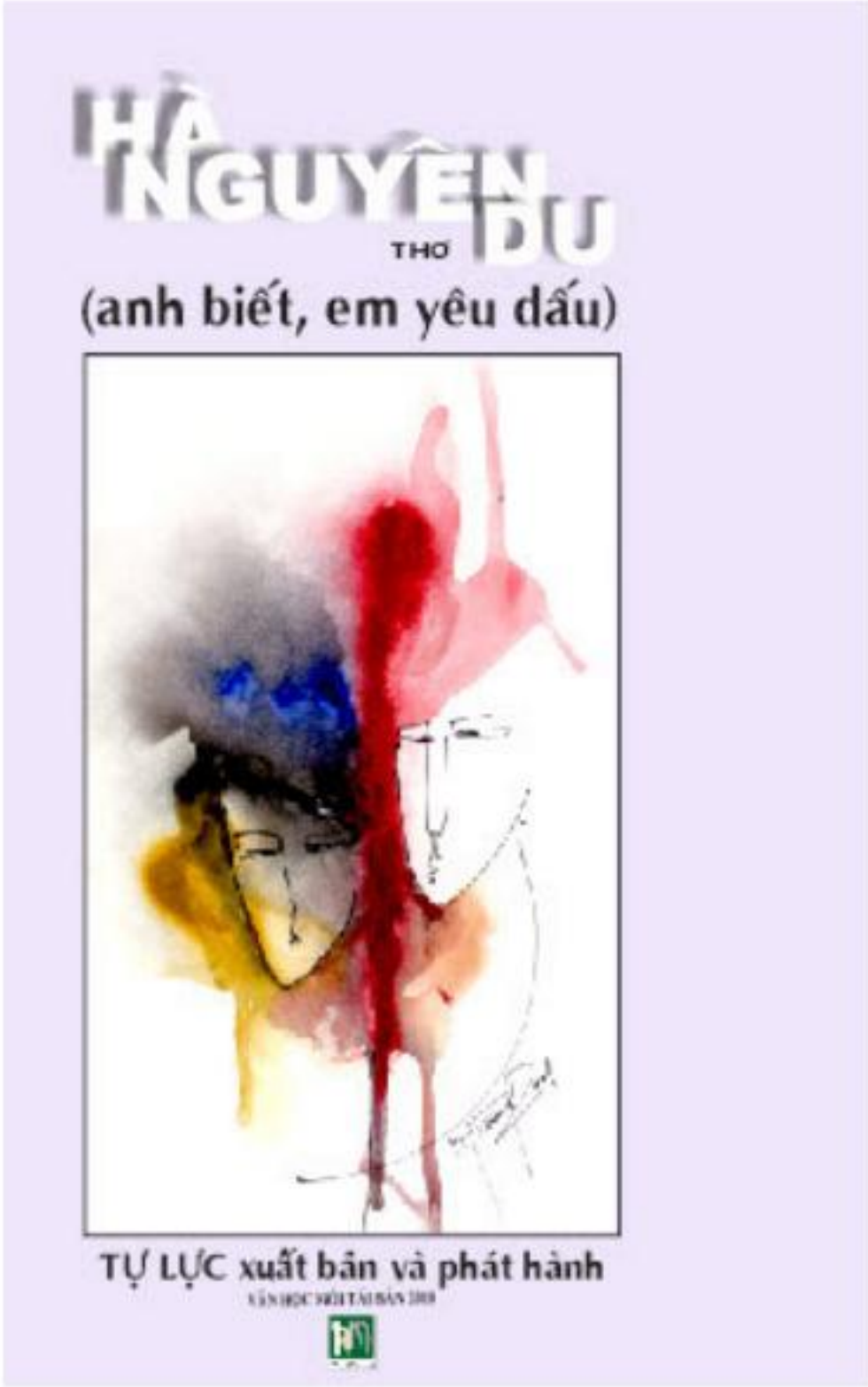
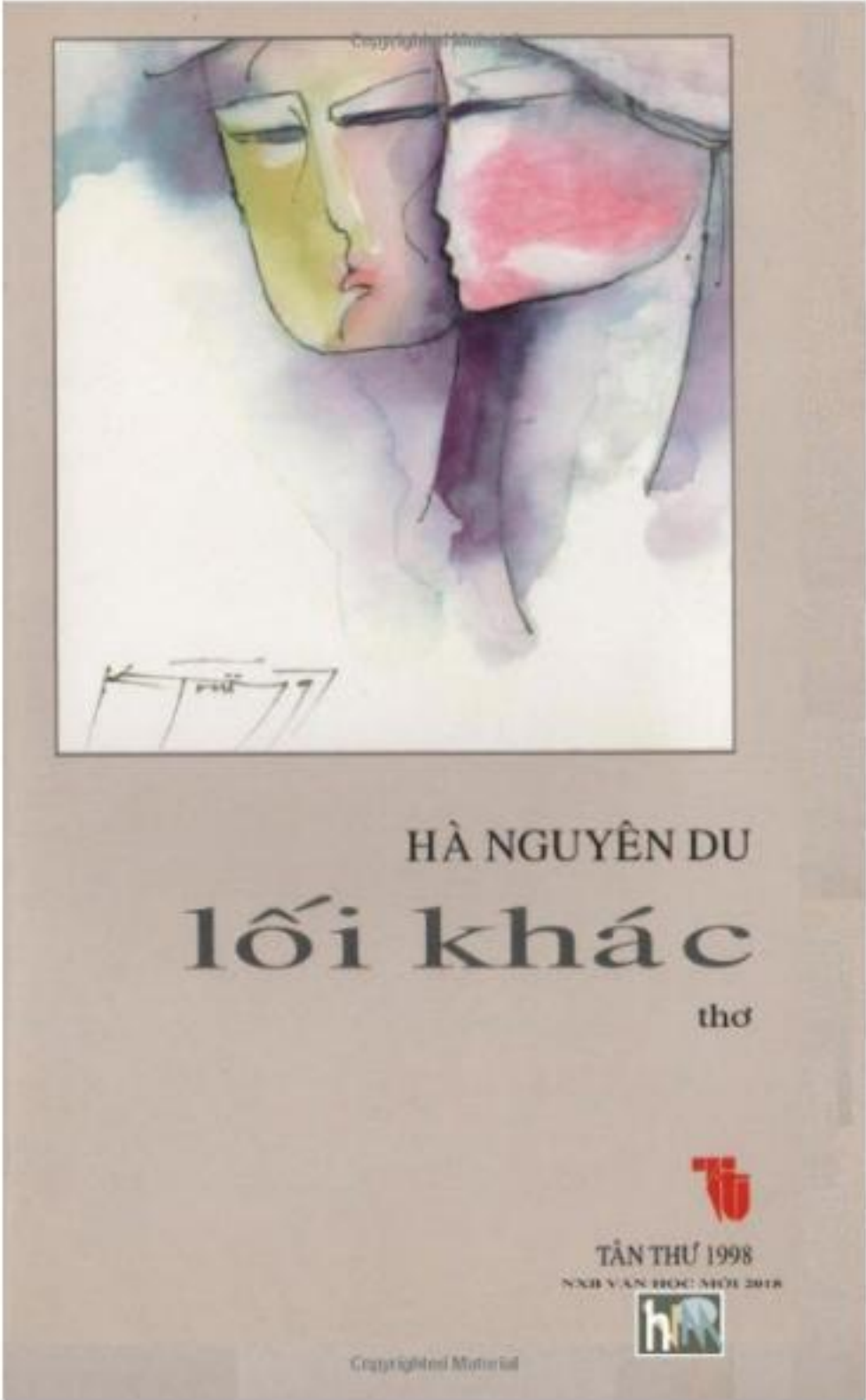
[https://www.amazon.com/s?k=V%C4%82N+H%E1%B-](https://www.amazon.com/s?k=V%C4%82N+H%E1%B)







NHÀ XUẤT BẢN VĂN
HỌC MỚI
TỪ THÁNG 5 ĐẾN 7
ĐÃ XUẤT BẢN 3 CUỐN
SÁCH RẤT HAY
DO GIÁO SƯ NGUYỄN
TRUNG GIANG
DỊCH TỪ NHỮNG TÁC
 PHẨM THIỀN CỦA
ĐẠO SƯ OSHO...
ĐÃ CÓ BÁN TRÊN
AMAZON
NXB / VHM XIN TRÂN
TRỌNG GIỚI THIỆU
ĐẾN QUÍ ĐỘC GIẢ



Trân trọng giới thiệu đến quý độc giả 4 tập thơ HÀ NGUYỄN DU
xuất bản những năm 1998 / 2001 / 2003 / 2018. Hiện có bán trên AMAZON



Văn Học Press xuất bản, Xuân 2018

Tranh bìa: Sương mù @ Nguyễn Khai

24 bài thơ-xuôi của nhà thơ **Nguyễn-hòa-Trước** là một cuộc du hành chữ nghĩa đầy kỳ thú, bởi nơi đây, một cách thông dong như không hề quan tâm đến bất cứ một chủ ý nào, nhà thơ đã đẩy chữ nghĩa thơ ca Việt đến một biên vực mới. Tinh tuyền và lạ lùng. Đọc thơ-xuôi Nguyễn-hòa-Trước, chúng ta khó có thể đoán biết ý nghĩa và cảm xúc đi về đâu. Chữ nghĩa cứ chông chênh như bay nhảy trên ghềnh thác. Có thể tung tóe lên trời xanh mà cũng có thể bị cuốn theo dòng thác lũ. Đừng chờ đợi một tín hiệu giải mã bản ngã, bản nguyên, bản thể hay bất cứ điều gì khác trong cuộc nhân sinh mà cứ xem đó là những câu nói trữ tình về cái gì mong manh và nguyên sơ nhất, bởi nhà thơ có muốn gửi gắm đến chúng ta điều gì khác ngoài một mùa xuân sơ sinh đâu?

– **Trịnh Y Thư**

Các bạn có thể mua trên Amazon. Xin truy cập vào đường dẫn sau:

https://www.amazon.com/dp/1985800381/ref=sr_1_1?ie=UTF8&qid=1520384899&sr=8-1&keywords=nguyen+hoa+truoc

DOCTOR OFFICE

KELVIN MAI

INTERNAL

MEDICINE



(714) 332-1069

Uy tín - Tận tâm



CHUYÊN TRỊ:

- Bệnh Nội Khoa như bệnh tim mạch, cao áp huyết, cao mỡ, tiểu đường, gan, thận, phổi.
- Các bệnh thần kinh, đau nhức, phong thấp.
- Bệnh đường ruột, đường tiểu.
- Yếu sinh lý cùng bệnh nhòai da, nám da...
- Trị theo lồi, đốt mụn cóc, thịt dư...
- Có chích ngừa các loại...
- Có máy đo tim, theo dõi tim suốt 24 giờ.
- Máy thử thính lực và máy đo chức năng phổi.
- Có chích thuốc bổ, thuốc trụ sinh, truyền nước biển.
- Chữa trị đau nhức hiệu quả bằng bấm huyết, nắn xương, chỉnh gân và bắp thịt.
- Chích thuốc đau nhức, chích thuốc nhờn cho đầu gối.
- Có siêu âm gan, thận, mạch máu và các loại siêu âm khác tại phòng mạch.

Chúc Mừng Xuân Kỷ Hợi
An Khang Thịnh Vượng

Địa Chỉ 1:

1002 N. Fairview Street,
Santa Ana, CA 92703
Tel : (714) 332-1069
Fax : (714) 709-4205

Giờ làm việc:

Thứ Hai, Tư, Sáu:
8:30AM – 5:00PM
Thứ Bảy:
8:00AM – 1:00PM
Chủ Nhật: Đóng Cửa
Giờ Lunch:
1:30PM – 2:00PM

Địa Chỉ 2:

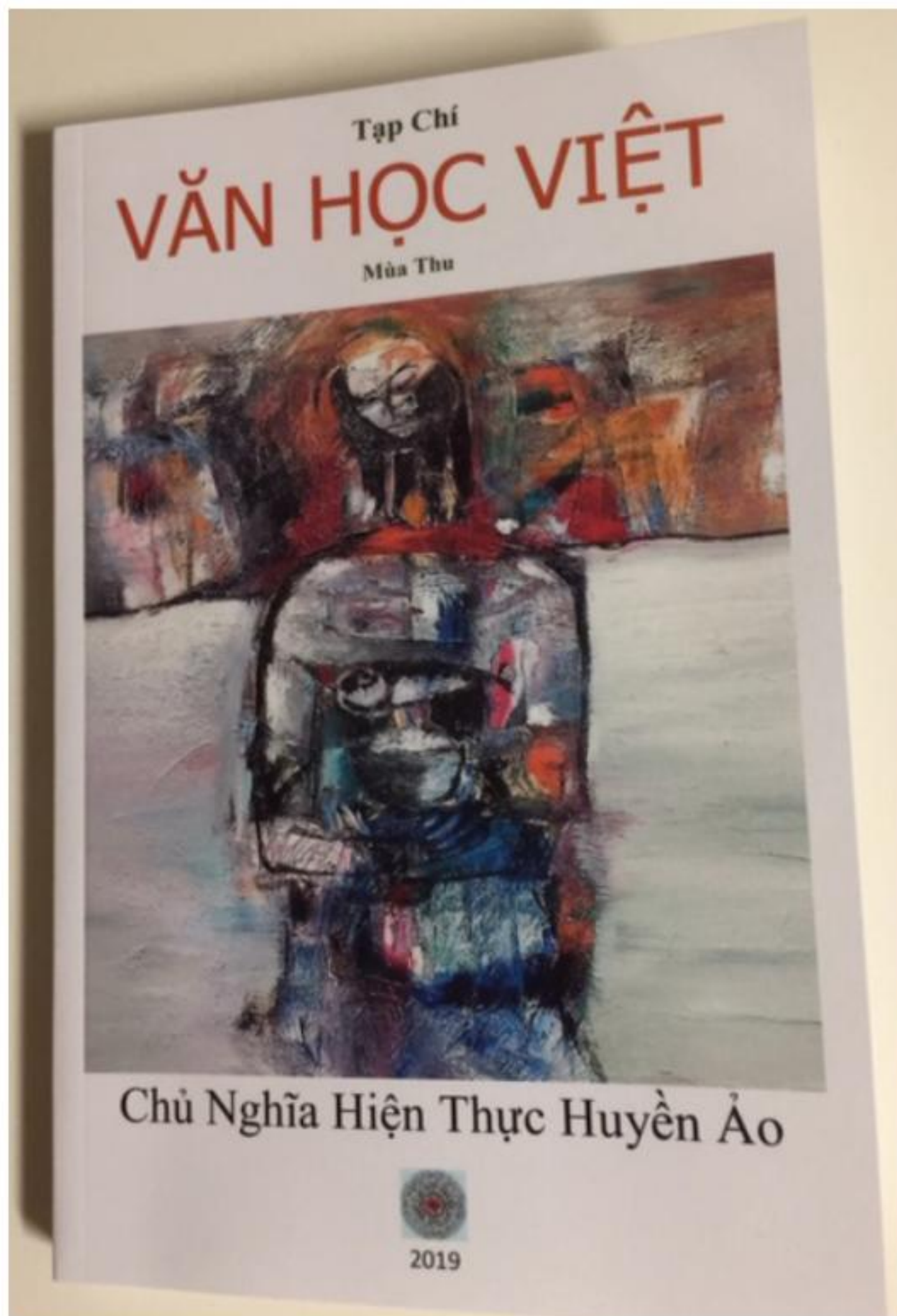
12666 Brookhurst Street, #130
Garden Grove, CA 92840
Tel : (714) 332-1069
Fax : (714) 709-4205

Giờ làm việc :

Thứ Ba & Thứ Năm:
8:30AM – 5:00PM
Thứ Bảy:
8:00AM – 12:00PM
chỉ làm hẹn với Bác Sĩ
Kelvin Mai
Chủ Nhật: Đóng Cửa
Giờ Lunch:
1:30PM – 2:00PM



TRÂN TRỌNG GIỚI THIỆU NHẠC THƠ TÂN HÌNH THỨC
DO HÀ NGUYỄN DU PHỔ 13 BÀI THƠ ...
Của các nhà thơ hải ngoại và cả trong nước...



Chủ Nhiệm Danh Dự
Phạm Hữu Trác

Góp Vui

BátSach. Cao Thại Châu. Cấn Thị Bích Ngọc. DiLi. Dương Phú Lộc. Đặng Lê Khánh. Đặng Phú Ân. Đông Nghi. Đức Phổ. Hà Kỳ Lam. Hạc Thành Hoa. Hoàng Chính. Hoàng Ngọc THư. Hoàng Vy Trần. Kha Tiêm Ly. Lâm Chương. Lê Ngọc Phương. Lương Minh. Nguyễn An Bình. Nguyễn Bá Đình. Nguyễn Bạch Dương. Nguyễn Đăng Tuấn. Nguyễn Lương Tuyền. Nguyễn Phương Khánh. Nguyễn Phụng. Nguyễn Sinh Từ. Nguyễn Tiến Cảnh. Nguyễn Thanh Việt. Nhật Chiêu. Phạm Cao Hoàng. Phạm Thiên Thư. Phạm Tín An Ninh. Phù Sa Lộc. Quan Dương. Scott Nguyễn Sư. Song Nhị. Thái Bảo. Thanh Thương Hoàng. Thân Trọng An. Thủy Trang. Tín Đức. To Pa. Tràm Cà Mau. Trần Hoài Thư. Trần Mộng Lâm. Trần Vạn Giả. Trần Văn Tích. Trần Viết Thiện. Trần Yên Hòa. Văn Ngọc. Vương Hoài Nguyên



TRẢ LỜI THƯ TÍN

1/ Tòa soạn Văn Học Mới, xin chân thành cảm ơn quý thân hữu là Nhà thơ, Nhà văn, Nhà Phê Bình, Biên khảo đã hết lòng ủng hộ..

Rất cảm ơn quý vị đã vì quá yêu mến VHNT nên không chút lo ngại khi nhiệt tình mua báo dài hạn...

Và tòa soạn VHM cũng không quên cảm ơn quý vị mua tạp chí của chúng tôi trên Amazon, kể cả mua trong những nhà sách mà chúng tôi có gửi bán...

2/ Văn Học Mới số 4 kỳ này rất vui có sự cộng tác của Nhà văn Hoàng Chính, một nhà văn viết rất đều tay và lời cuốn, đã từng cộng tác với GP Chủ Đề trước kia.

3/ Văn Học Mới số 4 kỳ này có sự cộng tác của những cây bút trong nước: Trần Vạn Giã, Hồ Xoa, NP phan, Vĩnh An và Hư Vô Trần Đức Tín, Nguyễn Nguyên Phương. VHM xin chân thành cảm ơn quý anh...

4/ Văn Học Mới số 4 kỳ này rất vui khi có Nhà văn Lâm Chương và Nhà thơ Trần Hoàng Vy (cả hai anh người gốc đồng hương Tây Ninh) LC ... anh là một Nhà văn có lối viết lôi cuốn người đọc từ đầu đến cuối... Trước khi trở thành nhà văn thì anh là một người làm thơ khá hay... (Với thơ, anh vẫn còn làm lai rai như thêm phần giải tỏa.!!)

5/ Văn Học Mới số 4 kỳ này có thêm Nhà thơ/Nhà văn Phạm Hồng Ân. Một ngòi bút trước 1975 là Sĩ quan HQ/QLVNCH, có lối viết thơ và truyện đều hay...

6/ Văn Học Mới số 4 kỳ này, rất vui khi được Thi sĩ Du Tử Lê đồng ý cho đăng bài anh viết về Thi sĩ Kim Tuấn. (Kể từ sau 1975, tôi không gặp lại anh Kim Tuấn, một ân nhân mà cả đời tôi luôn khắc ghi...)

7/ Văn Học Mới số 4 kỳ này, rất vui và đầy khích lệ qua lời khen chân thành của một vị Bác sĩ đã hưu trí Ông mua 1 lần 6 cuốn VHM, cộng với việc đóng tiền tại chỗ... mua 1 năm báo dài hạn và với lời hứa ủng hộ lâu dài . VHM vô cùng cảm ơn BS Trần Quý Trung.

8/ Văn Học Mới số 4 kỳ này, có duyên gặp gỡ BS Xuân Nguyên, tức Đông Nghi, (người đang chăm sóc tạp chí Văn Học Việt.), và BS Trần Văn Tích (Một nhà biên khảo rất có tiếng). Tiếp đến là sự cộng tác thật nhiệt tình của Nhà thơ Chu Vương Miện

Tạp chí Văn Học Mới



Thẻ lệ gửi bài về Văn Học Mới

Gởi sáng tác, xin kèm theo địa chỉ, tên thật (có thể), số phone và email. **G**ửi đến Văn Học Mới, xin vui lòng đừng gửi báo khác. **N**ếu tác phẩm đã từng dùng hay phổ biến dưới dạng thức nào, quý vị nên cho bọn báo hay biết. **N**hất là không nhận đăng bài đã đăng trên Facebook và không nhận bài vở viết tay...

Văn Học Mới: XIN ƯU TIÊN CHỌN ĐĂNG BÀI VỞ QUÍ TÁC GIẢ CÓ MUA BÁO DÀI HẠN... Đặc biệt báo biểu đến các nhà biên khảo. Và kể từ VHM số 4, bọn báo sẽ không gửi báo đến những tác giả không mua báo dài hạn dù có bài đăng. VHM rất mong quí tác giả cảm thông và chia sẻ... Trân trọng.

oOo

Bài vở, đánh máy một mặt giấy. Xin dùng Microsoft Word với công cụ Uni Code hay Unikey là tốt nhất. Cần theo font chữ Arial hay Time New Roman. *Bài không đăng không trả lại. Thời gian không đăng khoảng 2 số liên tiếp, quý vị có quyền gửi báo khác...*

Tạp chí Văn Học Mới :
Phát hành mỗi năm 4 số. (hay 3 tháng ra 1 số)

Chấm dứt không nhận bài vào ngày 15 của tháng thứ 2

Gửi bài vở cho Văn Học Mới, theo 2 email :

1/ hanguyendu@gmail.com

2/ vanhocmoi68@gmail.com

oOo

Ngân phiếu / chi phiếu xin đề:

HA NGUYEN (HA NGUYEN DU)

10291 Arundel Ave
Westminster, CA 92683 - 5821- USA

GIÁ BIỂU BÁO DÀI HẠN

HOA KỲ / MỘT NĂM / **\$70.00**. HAI NĂM **\$140.00**

CANADA / MỘT NĂM / **\$80.00** / HAI NĂM **\$160.00**

Á CHÂU, ÂU CHÂU, ÚC CHÂU / MỘT NĂM / **\$80.00**

HAI NĂM **\$160.00**

Giá bán tại các nhà sách US **\$18.00** / Cuốn

GIÁ BIỂU BÁO DÀI HẠN

HOA KỲ / MỘT NĂM / **\$70.00**. HAI NĂM **\$140.00**

CANADA / MỘT NĂM / **\$80.00** / HAI NĂM **\$160.00**

Á CHÂU, ÂU CHÂU, ÚC CHÂU / MỘT NĂM / **\$80.00**

HAI NĂM **\$160.00**

Giá bán tại các nhà sách US **\$18.00** / Cuốn

GIÁ BIỂU BÁO DÀI HẠN

HOA KỲ / MỘT NĂM / \$70.00. HAI NĂM \$140.00

CANADA / MỘT NĂM / \$80.00 / HAI NĂM \$160.00

Á CHÂU, ÂU CHÂU, ÚC CHÂU / MỘT NĂM / \$80.00

HAI NĂM \$160.00

Giá bán tại các nhà sách US \$18.00 / Cuốn

GIÁ BIỂU BÁO DÀI HẠN

HOA KỲ / MỘT NĂM / \$70.00. HAI NĂM \$140.00

CANADA / MỘT NĂM / \$80.00 / HAI NĂM \$160.00

Á CHÂU, ÂU CHÂU, ÚC CHÂU / MỘT NĂM / \$80.00

HAI NĂM \$160.00

Giá bán tại các nhà sách US \$18.00 / Cuốn



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC MỚI

Chúng tôi NHẬN in ấn tác phẩm thuộc VHNT
Phát hành toàn cầu qua hệ thống Amazon.

Sẽ giao đến tận nhà quý vị. Trên
tinh thần ủng hộ quý Văn Nghệ Sĩ
và thân hữu trong giới sáng tác
Liên lạc Hà Nguyên Du

vanhocmoi68@gmail.com
hanguyendu@gmail.com



văn học mới magazine

Hình bìa: Tranh Mẹ Bồng Con - Họa sĩ Ailan Congtang

Trình bày bìa: HÀ NGUYỄN DU

Dàn trang : HÀ NGUYỄN DU

Copyright © 2019.vanhocmoi magazine. All rights reserved

ISBN: 978-0-359-83146-3

